

**HUYỀN THOẠI ĐẠI BẢO THÁP**  
**VÀ**  
**TIỂU SỬ ĐẠO SƯ LIÊN HOA SINH**

*2 Terma từ Truyền thống Cổ Mật Nyingma*



**HUYỀN THOẠI  
ĐẠI BẢO THÁP**



*Padmasambhava*  
*The Lotus Born Guru*  
*Đạo Sư Liên Hoa Sinh*

*Cuốn sách này được hồi hướng tới  
các Lama của truyền thống Cổ Mật  
và  
thế hệ hiện tại của các đệ tử Pháp.*



## Mở Đầu

Người dân Tây Tạng, nhiều người hiện đang tị nạn ở Ấn Độ, đã duy trì truyền thống sống động của Phật Giáo Kim Cương Thừa. Trong một thời đại khi mà ảnh hưởng của chủ nghĩa duy lý phương Tây đã thâm nhập và làm chuyển đổi cách sống các nền văn hóa trên toàn thế giới, thì tầm nhìn của họ về vũ trụ là độc nhất. Như được phản ánh trong hai bản dịch bao gồm trong cuốn sách này, vũ trụ được xem như một lĩnh vực của các năng lực, sức mạnh tâm linh, cái có thể được chuyển hướng về phía cả thiện lẫn ác. Các năng lực này, nếu được kiểm soát, sử dụng một cách chính xác, thì nó có thể làm hài hòa sự sống hiện hữu vì lợi ích của tất cả.

Các bản văn được trình bày ở đây có sức hấp dẫn rộng lớn với công chúng Tây Tạng cũng như những người đã tham gia vào việc tu tập nghiêm ngặt, những người cần thiết để thấu hiểu và truyền bá những giáo lý Kim Cương Thừa. Niềm tin phức tạp tương tự đã nuôi dưỡng những huyền thoại xa xưa từ nhiều đại kiếp trước này cho người Tây Tạng ngày nay sức mạnh để tiếp tục biểu lộ mức độ hòa bình và mãn nguyện gần như không được biết đến trong xã hội công nghiệp. Các bản dịch được mang đến ở đây với hy vọng rằng chúng có thể giúp người phương Tây nắm bắt được cấp độ trực giác và tinh tế khi nền văn hóa cổ xưa này được xây dựng từ cách thức, con đường mạnh mẽ và từ bi dành cho cuộc sống của nó.

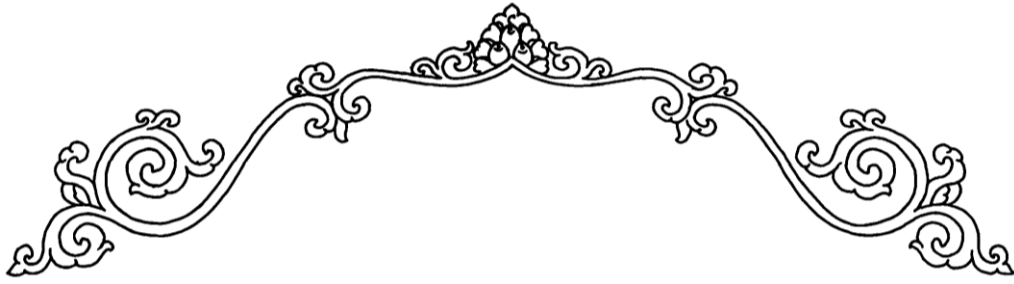
Bản dịch *Huyền Thoại Đại Bảo Tháp* đã được khởi xướng và ban phước bởi Đức Pháp Vương Dudjom Rinpoche, bậc lãnh đạo tinh thần của dòng Nyingma Cổ Mật từ đầu những năm 1960 cho đến khi Ngài ra đi vào năm 1987. *Tiểu sử của Đạo Sư Liên Hoa Sinh* được ban truyền xuống bởi Kanjur Rinpoche và con trai ông, Pema Wangyal, và tới Keith Dowman.

Cuốn sách này đại diện cho sự nỗ lực được kết hợp bởi các dân tộc ở phương Đông và phương Tây. Nhờ sự hướng dẫn và hào phóng của Tarthang Tulku Rinpoche, Lama Đứng Đầu Trung tâm Thiền Nyingma Tây Tạng ở Berkeley, California cùng những nỗ lực từ các học trò của ngài mà ấn phẩm này có thể được hoàn thành.

*Tất cả những niệm tưởng tan biến vào tánh Không  
Như dấu vết của một chú chim bay vút trong bầu trời*

**HUYỀN THOẠI  
ĐẠI BẢO THÁP**





## GIỚI THIỆU

Huyền thoại Đại Bảo Tháp, được biết trong Tạng ngữ là *mChod rten chen po bya rung kha shor gyi lo rgyus thos pas grol ba*, là một truyền thuyết Tây Tạng tập trung vào luân hồi, lòng sùng mộ, tai họa và tái sinh nhằm truyền tải sức mạnh hoạt động, khát ngưỡng và thệ nguyện xứng đáng. Nó là một phương tiện người Tây Tạng dùng để chỉ dẫn hành giả trên con đường tâm linh, con đường bắt đầu bằng tia chớp khai thị về cái nhìn thấu suốt trong khả năng giác ngộ và kết thúc bằng thành tựu của chứng ngộ viên mãn. Được trình bày trong hình thức câu chuyện giữa Đạo Sư Liên Hoa Sinh Padmasambhava cùng các đệ tử thân cận, lời dạy này diễn ra trong không khí huyền ảo của tu viện Samyeling được xây theo kiểu Mandala (đồ hình) vũ trụ, ngôi chùa cổ nhất trong số những tự viện tôn nghiêm của Tây Tạng.

Trong nhiều thế kỷ, truyện này đã được dùng trong nghi lễ hóa giải những khuôn mẫu thói quen xáo động cũng như hôn trầm bằng cách gọi lên một sự tập trung cao độ lên cả âm thanh lẫn ý nghĩa của truyện được kể. Hiệu quả tác động của nghi lễ này được gọi là *Giải Thoát Thông Qua Sự Nghe*, cần phải được thể nghiệm một cách cá nhân.

Truyện này được xếp vào loại kinh sách được gọi là *Thos drol* (đọc là Terdol), nghĩa là sự chiếu sáng và thông tỏ sẽ được phát sinh trên người nghe nhờ việc tập trung lên âm thanh và thấu hiểu ý nghĩa trọn vẹn của lời kể, người ta sẽ giác ngộ, thoát khỏi sự trói buộc của phiền não từ những khuynh hướng, tập quán hành xử quen thuộc và những ý niệm sai lầm về vũ trụ vạn pháp.

Nếu còn một chút nghi ngờ, một chút bảo thủ thì sẽ không có kết quả. Người nghe phải tin tưởng hoàn toàn vào năng lực của lời kể và trí huệ chân xác, trực giác phi thường của bậc Đại Đạo Sư – người kể truyện này. Dù lý trí có thể không theo dõi nổi những tình tiết trong truyện, và dù những gì không được viết lại có thể bộc lộ nhiều hơn những gì được viết, nhưng người nghe có thể được giải phóng, thoát khỏi những tư tưởng phê bình, định kiến chật hẹp, gây những cảm xúc rắc rối, bằng cách làm cho tâm trí của mình rộng mở, có khả năng giải quyết bằng trực giác những mâu thuẫn.

Trong Phật pháp, những lời nói của Đức Phật khi viết ra được coi là thiêng liêng như chính Ngài, thì mỗi chữ viết của vị Lama (Đạo Sư, bậc thầy Tây Tạng) được coi như chân lý. Một hành giả khi đọc kinh sách, người đó hãy đọc mà không phê phán, không thêm bớt, không suy diễn hay thay đổi một ý nghĩa nào, mà hãy cứ để cho lời văn Kinh Pháp tự tạo nên một khuôn mẫu tư tưởng định hình trong tâm trí, và tin tưởng rằng khuôn mẫu tư tưởng này sẽ đem lại kết quả tốt. Óc phê phán chỉ làm tăng tính ích kỷ, và bản tính này có thể được hóa giải hay biến đổi bằng tụng kinh hay niệm chú.

Loại văn *Thos drol* này khi đọc sẽ có tác dụng hướng dẫn cũng như giác ngộ người nghe.

Huyền thoại này không có giá trị nhiều đối với một người nghiên cứu lịch sử Tây Tạng, mặc dù trong truyện có chứa nhiều sự kiện lịch sử, nhưng với tính cách coi thường thì những sự kiện tiêu biểu xác thực của cốt truyện vẫn không được họ xem trọng. Chỉ có hai điều được coi trọng, đó là trạng thái – tính chất lúc xảy ra sự kiện – và tính đồng nhất của ẩn dụ (nghĩa bóng, ám chỉ).

Trong Văn học Phật giáo Tây Tạng, lịch sử được coi như là sự tương ứng với việc tiến tu trên con đường Bồ Tát Đạo; Địa lý được coi như là sự tương ứng và tượng trưng với cấu trúc và địa hình của tâm; Mỗi tiểu sử là một bản hướng dẫn pháp tu đạt giác ngộ và triết học thì diễn tả các linh kiến thuộc những cấp độ tu chứng khác nhau của một hành giả.

Trong khi khoa học Tây phương giúp con người phát triển và không chế môi trường vật chất nhằm giải quyết những vấn đề thường trực như: thực phẩm, chỗ ở, y phục, và cũng như để thỏa mãn những dục vọng của mình, thì nền văn hóa của Xứ Tuyết Tây Tạng lại hướng dẫn con người cách hòa hợp các nguyên tố trong thân tứ đại của chính mình (thiền định), thực hiện tâm từ bi phát sinh từ sự hòa hợp đó, cũng như các kinh nghiệm về ngoại vật với giác tánh đơn sơ cùng với sự giao thức đơn sơ với sự giao tiếp tự nhiên và liên tục.

## **BẢO THÁP ĐÍCH THỰC**

Chủ đề nhất quán của huyền thoại này là Đại Bảo Tháp, một biểu tượng giác ngộ trọn vẹn và viên mãn của một vị Phật. Bảo Tháp tượng trưng cùng lúc: Chân lý tối hậu và Chân lý tương đối, tức Chân đế và Tục đế. Về mặt Chân lý tối hậu, Bảo Tháp không thể bị hủy diệt hay vi phạm. Bảo Tháp là nền tảng tinh thần, thuần khiết, thâm nhập vào tất cả, trong đó có bản thể của vạn vật. Đó là cõi Chân Như - căn tính của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Đó là cõi vô biên, đơn nhất vĩnh hằng. Trước khi Bậc Bồ Tát siêu vượt lên khỏi tất cả những chướng ngại về tri kiến, cái thấy của mình và làm chủ vô số những phiền não cản trở sự tự chứng nghiệm mãnh liệt và thông tỏ, thì Chân lý tối hậu vẫn thuần túy chỉ là Phật quả chưa chứng đắc. Nếu chỉ dùng lý trí không thôi thì không thể nào đạt được sự hoàn hảo tuyệt đối vì đó là tinh túy của tâm. Tâm trí hữu vi và phân biệt thì không thể thấy biết được sự đơn nhất không thể diễn tả. Cái đơn nhất này là không thể nghĩ bàn và là Trống Rỗng hoàn toàn. Nó vô nhiễm, vượt lên mọi phê phán và thách đố mọi mô tả. Nó được gọi là Chân Không Pháp Giới.

Về mặt Chân lý tương đối, Bảo Tháp tượng trưng sự biểu lộ của các pháp hữu vi trong không gian và thời gian, nó cũng nằm trong: sinh, lão, bệnh, tử (tức là thể xác con người và vũ trụ vạn vật). Trong tính chất tương đối của vạn pháp, có ba cõi được phân biệt là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Dục giới là cõi chư Bồ Tát<sub>1</sub> có thể tự biểu lộ trong dòng chảy tự nhiên hoạt động, và những hoạt động này được bậc Bồ Tát chọn lọc để làm cho mình tiến về hướng Giải thoát và tránh sự thoái chuyển trên con đường. Cõi Sắc giới là một đại dương của rung động: càng ở tầng thấp thì càng rung động mạnh. Nhạy cảm với những rung động khổ và sướng nhỏ nhất, trực giác mỹ cảm tạo

ra sự hòa hợp trong hình dạng của một vị Thần (hay vị Trời, Chư Thiên) để được biểu lộ bằng chất liệu của cõi Sắc giới. Cõi Vô Sắc gồm các mức độ khác nhau của Tính Không (*Shunyata*), tiến lên tới Chân lý tối hậu hay Chân Không. Vậy Chân lý tối hậu và Chân lý tương đối là bất khả phân, và được tượng trưng bản tánh đó qua hình ảnh Đại Bảo Tháp.

## CẤU TRÚC PHẬT QUẢ

Người đàn bà làm nghề nuôi gà Shamvara có ý định xây Đại Bảo Tháp, điều này chắc chắn phải tạo ra sự toàn hảo độc nhất trong bản thân mình. Con đường bà đi theo bắt đầu bằng sự sùng mộ tuyệt đối tới Đạo Sư Vị Phật và kết thúc bằng việc không còn chút phân biệt nào giữa người làm và việc làm (năng sở), giữa tư tưởng và lời nói hay hành động, giữa ý nguyện và thực hiện. Con đường đi từ phiền não đến giác ngộ viên mãn này mang lại cho bà phần thưởng trong Tam Bảo Phật Quả.

Tam Bảo là Phật thân, Phật ngôn và Phật tâm. Phật thân là sự thành tựu hoạt động trong các cõi. Phật thân làm cho thân và tâm có thể phản ứng tức khắc với các sự việc một cách tự tin và tự chủ. Người đạt được Phật thân là người có thể thực hiện được tiềm năng trong mọi hoàn cảnh và là tấm gương của lối sống cao thượng nhất. Để đạt được Phật thân, hành giả phải hành động vô vị kỷ và thành tâm tu tập; mỗi hành động đều trở thành một sự dâng cúng cho Đại Bảo Tháp (Viên Ngọc Như Ý – Vật thực hiện mọi lời cầu nguyện).

Phật ngôn là sự đạt được tiếng nói nội tâm (Phật Âm, vị Thầy), trong sự rung động tinh thuần biểu lộ phẩm tính của kinh nghiệm và hướng về hành động hoàn hảo bằng mệnh lệnh chân xác. Hành giả đạt được Phật ngôn sau khi đã diệt trừ mọi động lực vị kỷ cũng như mọi ý nguyện vị kỷ trong sự giao tiếp với người khác. Ở đây Đại Bảo Tháp tượng trưng sự thiêng liêng mà tất cả các vị Bồ tôn khác đã tan hòa vào trong đó, sự tịnh hóa hành giả với ánh sáng và lửa.

Phật tâm là sự đạt đến giác tánh, điều khiến tâm thức giảm thiểu mọi cảm thức tới trạng thái Trống Không tinh yếu của nó, liên tục trụ trong Chân Như Pháp Giới (bản thể của các pháp), nơi phát xuất tâm từ bi. Ở đây, Đại Bảo Tháp trở thành Thân Chân Lý Vô Hạn, Pháp thân.

Người nào có ý nguyện nhập môn đạo pháp Đại Thừa thì phải phát Bồ đề tâm nguyện giải thoát chúng sinh khỏi phiền não và vô minh. Để đạt được mục đích này, hành giả phải tự hoàn thiện, và sự phát triển tâm linh này được tượng trưng bằng việc xây dựng Đại Bảo Tháp, được thực hiện bởi Shamvara, một nữ hành giả yogini vĩ đại và là một hóa thân của Vị Bồ Tát Quán Tự Tại Quán Âm Avalokiteshvara.

Đức Quán Tự Tại Quán Thế Âm Avalokiteshvara, Ngài là Đấng hộ trì của Tây Tạng, hiện thân cho tâm từ bi thiêng liêng và là căn bản cho sự thành tựu Bồ tát nguyện (nguyện độ vô biên chúng sinh, dứt đoạn vô số phiền não, học thành vô số pháp môn, thành tựu đạo vô thượng). Danh hiệu của Ngài nghĩa là Đấng Chúa Tể Quán Sát Cùng Khấp.

Trong tranh và tượng linh thiêng, Đức Quán Thế Âm được biểu hiện với một ngàn tay tỏa ra từ thân mình ra khắp mọi hướng, trong mỗi lòng bàn tay là một con mắt trí huệ (Huệ nhãn - Thiên thủ Thiên nhãn). Ngài luôn luôn hoạt động để giải thoát chúng sinh khỏi những chướng ngại và vô minh. Ngài hủy diệt những hình ảnh vô hồn và làm sống động những phần chết chóc. Trong huyền thoại này, cấu trúc Đại Bảo Tháp tượng trưng cho sức mạnh, năng lực của thế nguyện Bồ Tát. Công việc của Shamvara cùng các nam tử của bà tạo ra hình mẫu cho tiềm năng giác ngộ, làm nhân cho ánh sáng Giáo Pháp lan tỏa xuyên qua bóng tối của thời Mạt Pháp Kaliyuga.

## KINH NGHIỆM THỜI GIAN

Khi đọc *Huyền Thoại Đại Bảo Tháp*, chúng ta nên biết thời gian và nơi chốn của truyện này. Trong Giáo Pháp và trong cái nhìn giác ngộ thì thời gian vừa có tính chất lịch sử vừa có tính chất tượng trưng. Thời gian được chia thành nhiều đại kiếp (kalpa) liên tiếp nhau. Chúng ta đang sống trong Hiền Kiếp, được gọi là *Bhadrakalpa*, hay Đại Kiếp May Mắn, Diễm Phúc, vì trong suốt thời gian này sẽ có một ngàn vị Phật xuất hiện ở thế gian để giải thoát chúng sinh đang bị cầm tù và giam hãm trong vòng sinh tử luân hồi. Mỗi đại kiếp có ba thời kỳ hay kỷ nguyên (yuga). Thời kỳ đầu tiên là thời Chánh pháp *Satyayuga*, có đặc điểm là hoàn toàn trong sạch, thuần khiết trọn vẹn, trong đó không có trở ngại, giới hạn nào cho việc đắc Phật quả viên mãn. Thời kỳ thứ hai là thời Tượng pháp *Dharmayuga*, có đặc điểm là thọ mạng con người đạt tới tám ngàn năm. Khởi đầu của thời kỳ thứ ba là thời Mạt Pháp *Kaliyuga*, thọ mạng con người là một trăm năm. Và cũng được nói rằng trong suốt thời Mạt Pháp, thọ mạng con người sẽ bị giảm dần xuống chỉ còn 10 năm.

Trong suốt thời Tượng pháp *Dharmayuga*, chư Phật đã giáo hóa loài người, nhưng việc này trở nên khó khăn dần, cho đến thời Mạt Pháp thì giáo lý tinh thuần của các Ngài đã không còn được nghe tới nữa. Đại Bảo Tháp được xây dựng trong thời của Đức Phật Ca Diếp *Kashyapa*, khi kiếp người dài hai mươi ngàn năm và loài người vẫn còn được biết tới giáo pháp tinh thuần.

Hai ngàn năm trăm năm trước, khi thọ mạng con người là một trăm năm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni *Shakyamuni*, Bậc Chúa Tể của dòng tộc Shakya và là vị Phật của thời kỳ chúng ta đã xuất hiện giảng dạy giáo pháp và giáo pháp này sẽ tồn tại trong những giai đoạn đầu của thời Mạt Pháp *Kaliyuga*.

Thời Mạt Pháp *Kaliyuga* là thời gian trước khi thế giới bị hủy diệt, thời đại này có năm đặc điểm: *Tuổi thọ giảm; lối sống vị kỷ và xấu xa; tham lam, dục vọng và keo kiệt; các học thuyết duy vật xuất hiện và niềm tin hỏa hoạn tiêu diệt thế giới là không tránh khỏi.* Huyền thoại này tiên tri rằng sự rung động của thời kỳ này sẽ làm hư hại cấu trúc của Đại Bảo Tháp; truyện cũng dự báo trước về các dấu hiệu báo trước sự suy thoái và hủy diệt của lối sống hưởng thụ. Khi thời kỳ hắc ám này tiến dần, tăng tốc điên cuồng đến chỗ tận diệt thì giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng sẽ không còn tồn tại. Huyền thoại tiên đoán rằng trừ khi các giáo lý Mật Thừa được nghe tới và thực hành do các hóa thân của các vị Bồ Tát, những bậc mà công đức được tích tập của các ngài từ trước đó đã khiến các ngài vô úy, bắt nhiệm trong việc thuần hóa

các độc hại giác quan quá mức, còn không thì hình dạng bên ngoài của Đại Bảo Tháp sẽ chắc chắn không thể tránh khỏi việc bị hủy diệt vào lúc cuối cùng.

Việc giảm thọ có thể được hiểu theo hai cấp độ ứng với thuyết tái sinh. Đầu tiên, về mặt vật chất, sự giảm thọ có thể được hiểu là thể xác được sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già đi và rồi hư hoại dần chết đi, trở về với tứ đại. Thứ hai, về mặt tinh thần, thì kinh nghiệm sống là một dòng chảy liên tục, nó biến đổi với từng khoảng khắc kinh nghiệm. Đời sống tinh thần của một kinh nghiệm, (một người hay một vật) trong thuật ngữ Phật pháp được gọi là một “*pháp - dharma*”, là một phần nhỏ của một dòng chảy lớn hơn “*Pháp*” (*Dharma* - luật vũ trụ). Các “*pháp*” khác nhau về thời gian tồn tại tùy vào mức độ tập trung của người nhận biết.

Trong suốt thời Mạt Pháp *Kaliyuga*, các xúc tình độc hại như tham, sân, si, kiêu mạn và ganh ty đã khiến con người mất đi sự tập trung tinh thần, tâm trí bị tán loạn, vừa theo đuổi những đối tượng nó ưa thích vừa chạy khỏi những vật nó chán ghét. Vì vậy, khi nhịp độ sống tăng thì tuổi thọ sẽ giảm.

Về cấp độ tinh thần, một đại kiếp là một đơn vị thời gian (một niệm) bên trong khối cầu pháp tánh của tinh thần hay tâm linh. Một đại kiếp có thể được kinh nghiệm trong đại định, thiền định sâu thẳm, tự do, thoát ra khỏi các lực vật chất hóa nặng nề của các chuyển động và năng lượng vật chất. Một thời đại được kinh nghiệm như là mức độ rung động được tăng lên. Khi thời Mạt Pháp tiến đến chỗ kết thúc, thì mức độ rung động, đơn vị của thời gian tinh thần, trở nên vi lượng nhỏ dần cho đến khi sự tăng tốc và phân chia của các phần tử thời gian gây ra sự hủy diệt cuối cùng trong dạng những ngọn lửa trùm lên tất cả các hình tướng hiện hữu.

Có nói rằng Đức Phật Di Lặc Maitreya, sự hiện thân của lòng thiện tâm bi mẫn, sẽ xuất hiện trên thế gian trong khoảng thời gian này, và tuổi thọ của con người khi ấy sẽ một lần nữa trở thành tới tận 84.000 năm.

## PHẬT SỐNG

Trong thời Mạt Pháp, người ta cũng có những cơ hội để thoát khỏi sự hủy diệt gần kề. Các giáo lý của Tiểu Thừa và Đại Thừa là quan trọng, nhưng không đủ để chống lại các lực cảm xúc đang tăng mạnh. Tuy nhiên, Kim Cương Thừa lại có những phương tiện chiến thắng bản năng quá khích của con người. Giáo lý Tiểu Thừa dạy về sự chôi bỏ hoàn toàn xúc cảm (đam mê); Đại Thừa đề ra cách đối trị và hóa giải xúc cảm; trong khi Kim Cương Thừa dạy sự hiểu biết về cảm xúc bằng phương pháp vi lượng đồng căn, dùng chính những cảm xúc để làm chủ hoạt động của chúng.

Huyền thoại này cũng tiên tri về một vị Tulku. Trong Kim Cương Thừa, Tulku là người giác ngộ trong giai đoạn cuối cùng của thời Mạt Pháp và được gọi là Tantrika – hành giả mật thừa, một hành giả đã đạt được tri kiến cũng như là người làm chủ nguyên lý bản thể thanh tịnh của các pháp. Ngài sẽ là một bậc thầy trong việc đặt những thể nghiệm của từng sự kiện xảy ra trên một sợi chỉ của ý thức thuần tịnh cũng như một người thợ thủ công kim hoàn thiện nghệ xâu những viên ngọc trai. Với sự thấu suốt như vậy, ngài có thể làm chủ nghệ thuật chuyển hóa huyền nhiệm, khả năng



thay thế rung động nhằm xoa dịu, chỉ dạy, khuấy phục hoặc làm gương cho sự kềm chế các thế lực hắc ám đang hoành hành, khống chế tâm trí con người. Đã giác ngộ trọn vẹn, ngài sẽ là hiện thân cho chính tất cả Phật Tánh; nền tảng đức hạnh của ngài sẽ vững chắc và khả năng phân biệt giữa những gì cần được phát triển và những gì cần phải từ bỏ của ngài sẽ chính xác như một vị Độc Giác Phật trong truyền thống Tiểu Thừa. Ngài sẽ vô úy, dũng mãnh chỉ dạy những cách tận dụng thân người quý báu nhằm có thể tạo ra sự sống, ánh sáng và tình yêu thương.

## NHỮNG PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG

Vào lúc dâng hiến Đại Bảo Tháp, sự phát tâm thanh tịnh của những người xây Tháp là những lời cầu nguyện nhất tâm tái sinh đã được viên thành. Những người con trai của người nuôi gà – Bạc Bò Tát đã hoàn thành xây dựng Bảo Tháp – đã trưởng thành trong đạo pháp qua các kiếp trở thành những người thiết lập Đạo Pháp Nội Tâm của Tây Tạng trong suốt thời Mạt Pháp. Bằng ẩn dụ Đại Bảo Tháp, những người này được cho thấy nguyên nhân năng lực tâm linh của họ, phương tiện để duy trì năng lực này và những chướng ngại có thể giới hạn, cản trở năng lực này phát triển.

Kim Cương Thừa trình bày nhiều phương tiện cấu trúc Bảo Tháp Stupa. Với thực hành yoga thân thể, Hathayoga (các tư thế asana và khí năng pranayama), thân thể trở nên dễ thích ứng tới mức độ dị thường, các phản xạ trở nên tức khắc, và cảm giác trở nên rõ rệt hơn. Thực hành thần chú, sự tập trung lên việc tụng niệm một chuỗi các âm thanh đặc biệt, làm tăng cường giác tánh về cấp độ vi tế của ý thức, thứ có năng lực thu thập những rung động và quyết định chất lượng, phẩm chất cùng ý nghĩa của sự biểu đạt ngôn từ sinh khởi. Thực hành thiền chỉ hay thiền định *shamatha* và thiền quán hay thiền minh sát *vipasyana*, những loại thiền định điềm tĩnh và thấu suốt nội tại, khiến hành giả nhạy cảm về giác tánh tới bất kỳ điều gì phát khởi trong ý thức. Những phương pháp tu tập này, tất cả được tượng trưng bằng việc xây dựng một Đại Bảo Tháp từ bên trong người có khao khát thực hiện, điều này tạo nên sự hồi hướng đáp trả từ một niệm tưởng tới một người khác khiến những mong ước được trở thành hiện thực.

Trên con đường, không có một người tác động bên ngoài nào quyết định được chắc chắn rằng những hành giả nào sẽ đạt được mục tiêu. Chỉ từ mong ước cho sự giác ngộ không thể lay chuyển của hành giả, cái được trưởng thành từ một hạt giống, lớn mạnh dần để trở thành những khát ngưỡng mạnh mẽ như một thân cây và các cành nhánh của nó, và rồi sự thành tựu viên mãn như là lá và quả. Đây là tiến trình phát triển tâm linh phổ quát cho mọi hành giả. Khi những niệm tưởng phát khởi tựa như thật nhiều con cá mập nghiền răng trong đại dương tâm thức, thì sự rối loạn và giằng co tư tưởng khiến cho người ta không thể phát triển một ý tưởng độc nhất nào, dù tốt hay xấu, đến chỗ chiếm ưu thế nhất định nhằm theo đuổi một mục tiêu gì. Nếu trong sự tĩnh tại và thanh bình của đại dương tâm thức, thì dẫu một con cá đơn lẻ vùng vẫy cũng khiến toàn bộ cả khối bị ảnh hưởng bởi nó – dù cho con cá là đen hay trắng thì cũng không thay đổi được sự thực này.

## LỜI TIÊN TRI VỀ THẨM HỌA

Tại Samyeling, tu viện đầu tiên được xây dựng ở Tây Tạng, Đạo Sư Liên Hoa Sanh (Padmasambhava, Orgyen Rinpoche), vị Thầy Mật giáo vào thế kỷ thứ VIII, bậc có quyền năng hóa độ lớn, đã chỉ dạy vua Trisong Detsen, vị Vua Pháp bảo hộ Mật giáo ở Tây Tạng trong thời kỳ đầu tiên và hai mươi lăm đệ tử thân cận. Đây là những vị sáng lập cựu phái Nyingma (Cổ Mật). Tất cả các truyền thống Giáo Pháp nguyên gốc truyền thừa tới Tây Tạng đều được truyền xuống từ các ngài.

Hai chương đầu của *Huyền thoại Đại Bảo Tháp* được kể sơ lược về lịch sử Tây Tạng vào những buổi đầu, còn ba chương cuối tiên tri về lịch sử về sau này, như cuộc xâm lăng của người Mông Cổ, việc Hồi giáo đến Ấn Độ và sự hủy diệt của Vajrasana (Ngai Kim Cương, nơi Đức Phật giác ngộ, bây giờ được gọi là Bothgaya, hay Bồ Đề Đạo Tràng). Một sự kiện đáng ghi nhớ là trong những cơn bão vào năm 1969, đỉnh của Bảo Tháp đã bị phá hủy bởi trận sét đánh, và người con của vị tu sĩ trụ trì chùa Samyeling đã bị bắt vì tội buôn bán đồ thờ tự cổ do đánh cắp trong các chùa chiền ở thung lũng Kathmandu, Nepal.

Dân Tây Tạng thường giải đoán các chương về sự tiên tri của Huyền thoại phổ thông này. Họ coi những sự kiện đó là nói về mức độ sa đọa của con người trong thời Mật Pháp, và diễn giải những tiên tri về việc Trung Hoa chiếm Tây Tạng, gây hấn với Ấn Độ ngày nay đã trở thành sự thật. Thật vậy, nếu không có sự xuất hiện của vị Tantrika ngăn chặn sự suy thoái của thời Hắc ám thì lời tiên tri về Tây Tạng bị tàn phá và những lời tiên tri về những đoàn người Tây Tạng tị nạn ở miền Bắc Ấn Độ nay đã trở thành hiện thực. Các đền chùa và kinh sách bị đốt. Những địa chủ còn giữ lại tài sản của mình và các tu sĩ bị giết. Niềm tin của những người Tây Tạng lưu vong được hỗ trợ bằng lời tiên tri rằng nếu Đại Bảo Tháp được phục hồi thì họ sẽ trở về tổ quốc và trong 60 năm sẽ có hòa bình và thịnh vượng.

## KHO BÁU Ở BAUDHA

Bảo Tháp thật sự (Stupa) hiện tại ở Baudha, nơi mà người Tây Tạng gọi là *Jarungkhasor*, được tọa lạc ở giữa thung lũng Kathmandu, với những rặng núi bao phủ xung quanh, trông nó giống như một viên ngọc nằm ở giữa một mandala thiên nhiên. Đây là tâm điểm của tất cả sự rung động trong thung lũng. Nhiều người ở những nơi xa xôi như biên giới Đông Bắc và rặng Hindu – Kush ở miền Tây, đều hành hương đến Bảo Tháp để làm lễ ở trước và xung quanh Tháp.

Không ai biết là Đại Bảo Tháp này đã có từ thời nào, và mỗi người hành hương, du tăng, khát sĩ, học giả hay thương gia trên đường đi từ Ấn Độ qua Nepal đến Tây Tạng đều cầu nguyện trước Tháp để được an toàn khi vượt qua dãy Hy Mã Lạp Sơn hay khi đi qua những thung lũng đầy giặc cướp. Cả bốn trường phái Tây Tạng đều tôn kính Đại Bảo Tháp. Các Lama, tăng sĩ, ni cô của tất cả các dòng phái đều tụ tập trước Đại Bảo Tháp để cầu nguyện, và các tu viện của tất cả các truyền thống Tây Tạng đều được tìm thấy ở xung quanh đây.

Bản văn này được sử dụng bởi tất cả những ai sùng mộ Bảo Tháp và được người Tây Tạng kể lại, lan truyền đi khắp thế giới này là một Terma của dòng Nyingma Cổ Mật, bản văn ghi lại những lời dạy của Đức Guru Liên Hoa Sanh bằng mật tự Terma, và được vị Dakini (không hành mẫu), người phối ngẫu của Đạo Sư là Yeshe Tsogyal cất giấu. Trong thời gian Đạo Sư ở Tây Tạng, có hàng ngàn Terma được cất giấu ở những nơi bí mật như các hang động, khe đá, sông suối, trong các đền chùa, tranh, tượng và các tháp, để được tái khám phá, giải mã và trao truyền khi con người của bất kỳ thời điểm nào cần đến những hình thức chỉ dẫn khác nhau của giáo lý để chữa lành những căn bệnh tinh thần của một thời đại, đặc biệt là thời Mật Pháp này.

Bằng cách này, mọi người ở mọi thời không những chỉ nhận được những giáo lý tuyệt hảo, mà họ còn làm sống lại cả những truyền thống cổ xưa, nhưng lại luôn luôn hợp thời mà chính Đức Liên Hoa Sanh đã biên soạn, để lại theo kinh nghiệm thực hành hoàn hảo của chính Ngài. Nơi nào có các hành giả thiền định, nơi nào có các bổn tôn được khấn thỉnh, nơi nào có mảnh đất được thấm đẫm với tâm thức giác ngộ, thì nơi đó có thể tìm thấy các Terma.

Terma “*Huyền Thoại Đại Bảo Tháp*” này được một nữ tu sĩ tìm thấy bên trong pho tượng Maha-vairocana (Phật Đại Nhật) ở tầng trên của chùa Samyeling. Maha-vairocana tượng trưng cho cõi thanh tịnh quang vô tận của ánh sáng xanh dương tâm thức viên mãn, còn tầng trên của chùa có ý nghĩa là trung tâm của mandala (Pháp giới), hợp nhất và vô sắc. Toàn thể chùa Samyeling là một mandala vũ trụ, tương ứng với mandala đồ hình và mandala nghi lễ trong mỹ thuật, chữ viết và kiểu thức trình bày. Nhưng Terma này được cất giấu trở lại trên mặt Tây Nam của tòa sư tử Tháp Đỏ, vì lúc ấy không phải là thời gian thích hợp để tiết lộ huyền thoại này. Tháp Đỏ ám chỉ sự mộng muội, che chướng do dục vọng, nó là đối tượng thiền định được thanh lọc bằng cách tụng đọc bản văn huyền thoại này. Mặt Tây Nam của tòa sư tử có ý nghĩa rằng bản văn này ban sự giải thoát đến cõi Phật Quốc Thanh Tịnh của Đạo Sư Liên Hoa Sanh ở Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ Zangdok Palri.



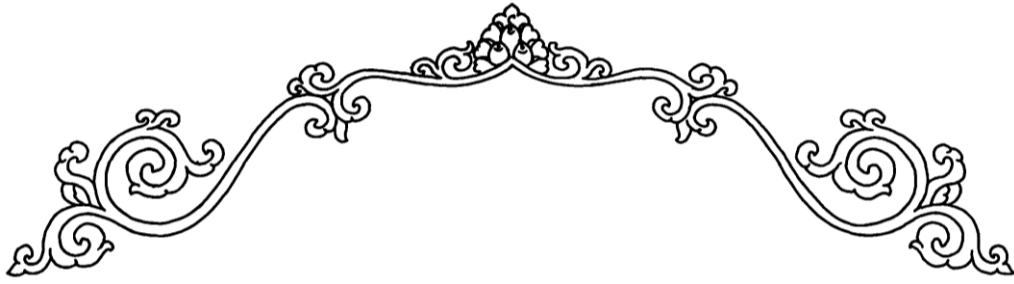
***EH MA HO!!***

***Xin cúi mình đảnh lễ trước các bậc Guru từ ba dòng truyền thừa Thân Phật!***

***Tôi Đức Phật Vô Lượng Quang Amitabha trong Pháp thân!***

***Tôi Bậc Bồ Tát Quán Thế Âm của Lòng Đại Bi trong Báo thân!***

***Tôi Đạo Sư Liên Hoa Sanh trong Hóa Thân Từ Bi!***



## Chương I: Xây Dựng và Dâng Hiến Bảo Tháp

Đây là sự tích Đại Bảo Tháp Jarungkhasor, nơi chứa Pháp thân vốn là Tâm của chư Phật và chư Bồ Tát thuộc tam thế quá khứ, hiện tại, vị lai và mười phương. Vào năm Hỏa Thân dương, ngày mùng mười, tháng Thân, trong gian giữa của Đại tự *Samye-ling*, có nghĩa là *Tự Tại, Bất Biến, Bất Khả Tư Nghị Và Sinh Khởi Tự Nhiên*, khi Trisong Detsen, vị vua mộ đạo, cùng hai mươi lăm đệ tử của Đạo Sư hội tụ để nhận lễ điểm đạo, quán đánh Tỏi Mật Tâm Lama [*bla rna yang gsang thugs kyisgrubs*]. Orgyen Rinpoche, tức Đạo Sư Orgyen Liên Hoa Sanh cao quý, được mời an tọa trên bảo tòa chín lớp nệm. Vua Trisong Detsen đã dâng lên Đạo Sư một ly rượu bằng vàng ròng cùng các món sơn hào hải vị, hai mươi một viên ngọc lục bảo lấy từ chuỗi ngọc nhà vua đang đeo trên cổ, năm ly vàng, bảy bát vàng, tám tấm lụa đẹp và rất nhiều món quý báu khác.

Phục lạy một ngàn lần vị Thầy của mình, Đức Vua nói: “Thưa Đại Sư! Con sinh ra ở xứ Tây Tạng man rợ của loài khi mặt đỏ này. Con đã mời 2 Hóa Thân, Hiền Giả Bồ Tát Shantirakshita xứ Zahor và Ngài, Đạo Sư Liên Hoa Sanh, Sư Trưởng xứ Orgyen, để đem Giáo Pháp đến xứ này. Con đã xây Đại Tự Samye để làm nơi thờ phụng Tam Bảo, nơi gom chứa công đức của chúng sinh, ngôi chùa vô song của Nam Thiệm Bộ Châu (cõi Nam Diêm Phù Đề, Jambudvipa). Con đã đạt được những công hạnh này. Trong cái xứ dã man như một hòn đảo bóng tối này, Giáo Pháp của Tam Bảo đã lan tỏa ra khắp như mặt trời sớm mai mọc trên đỉnh núi, mọi người được nghe giảng về Giáo Pháp thiêng liêng như họ đã nghe trong thời Hoàng Kim khi Đức Phật Ca Diếp Kashyapa giáo hóa ở xứ Ma Kiệt Đà Magadha, trung tâm của thế gian.

“Khi Đức Phật Đại Ca Diếp thuyết pháp thì nữ thí chủ Jadzima và bốn con trai của bà xây Bảo Tháp Jarungkhasor ở quận Maguta, vương quốc Nepal. Thưa Đại Sư! Nếu Ngài có thể nói cho chúng con biết, do công đức xây Tháp, những người này được hưởng nghiệp báo tốt lành nào, thì chúng con, những kẻ đã xây ngôi chùa Samye vĩ đại này, biết cách cầu nguyện, có thể vững tâm và tin tưởng vào tương lai. Để cho chúng con được tăng trưởng tín tâm, chúng con khẩn cầu Ngài nói đầy đủ về kết quả của việc xây ngôi Đại Bảo Tháp đầu tiên Jarungkhashor đó.”

Đại Sư Liên Hoa Sanh nói: “Thưa Đại Vương, xin hãy nghe cẩn thận và ghi nhớ lời nói của Ta! Ta sẽ kể cho Ngài sự tích Tháp Jarungkhasor:

Trong vô số kiếp trước, Đức Bồ Tát Ma Ha Tát, Bạc Chúa Tể Quán Tự Tại Thế Âm Avalokiteshvara đã lập đại nguyện dưới chân vị thầy của Ngài là Đức Phật Vô Lượng Quang Amitabha rằng Ngài sẽ giải thoát tất cả chúng sinh khỏi sự đau khổ của thế gian này. Và sau khi đã giải thoát vô số chúng sinh, Ngài đứng trên nóc Cung Điện

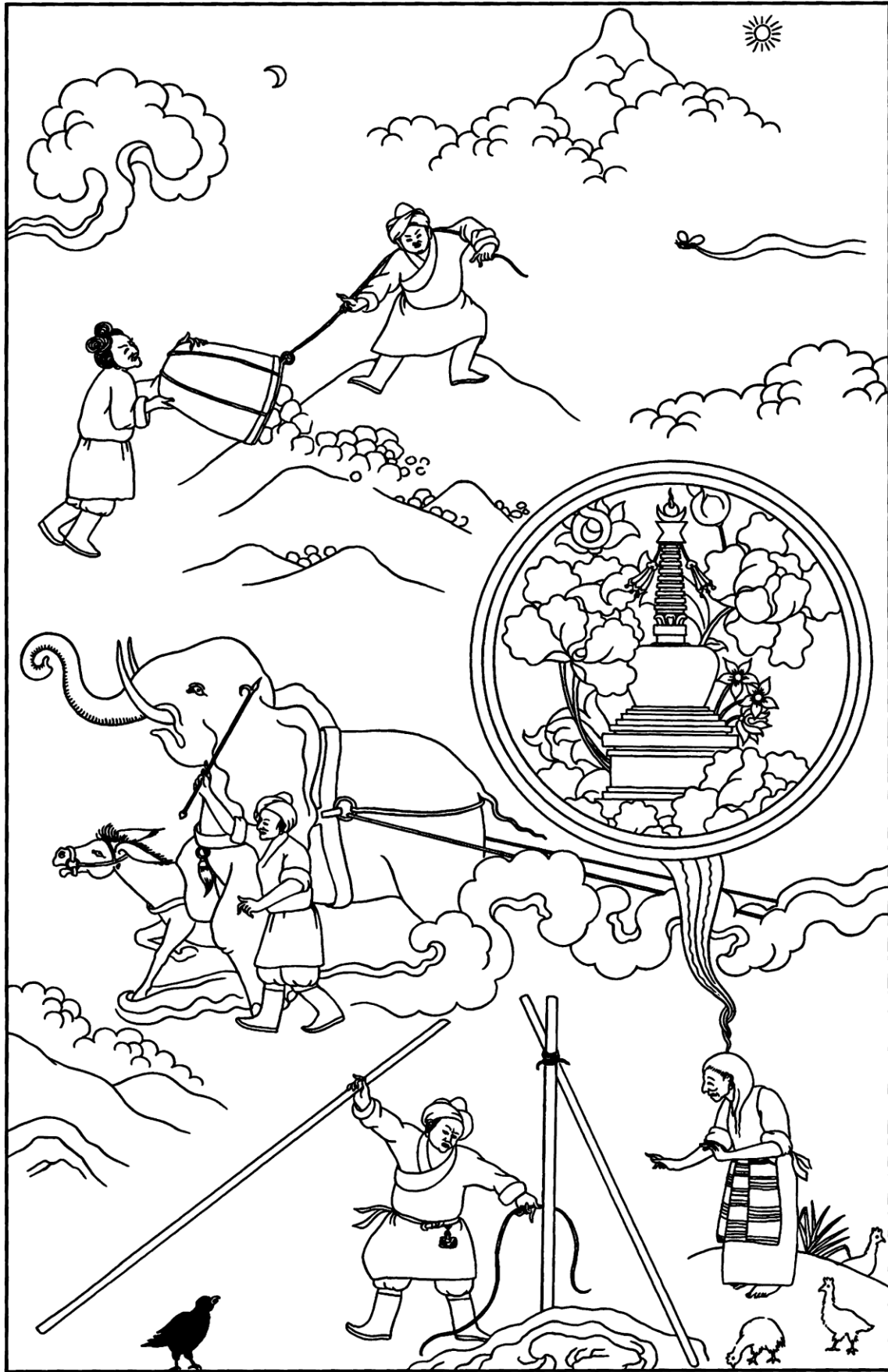
Potala và nghĩ rằng hẳn là tất cả chúng sinh, không ngoại trừ ai đều đã được giải thoát. Nhưng khi nhìn xuống sáu cõi luân hồi, Ngài lại thấy vẫn còn vô số chúng sinh đang trôi lăn, ngập lặn trong các cõi thấp sinh tử như đám ruồi trên đồng rác. Chợt nghĩ rằng mình không thể giải thoát tất cả chúng sinh khỏi biển khổ của thế gian này, Ngài đã khóc và dùng ngón trỏ lau hai giọt nước mắt, Ngài cầu nguyện rằng ngay cả hai giọt nước mắt này cũng có thể giúp đỡ chúng sinh trong tương lai để họ thoát khổ. Lời cầu nguyện ấy đã trở thành sự thật, hai giọt nước mắt biến hóa và đầu thai thành hai người con gái của Indra, Vua Trời của cõi Trời Ba Mươi Ba. Hai người này được gọi là nữ thần Purna (Viên Mãn) và Apurna (Không Viên Mãn).

Một lần, Apurna hái trộm mấy bông hoa và bị vi phạm luật lệ của các thần, cô bị phạt phải tái sinh vào cõi người ở quận Maguta, xứ Nepal, trong nhà của người nuôi gà Ansu và vợ là Purna. Nữ thần được đặt tên là Shamvara (người nuôi gà). Lớn lên bà ăn nằm với bốn người đàn ông đều thuộc giai cấp hạ tiện, với bốn người này bà sinh ra bốn người con trai: Đứa con trai thứ nhất của người nuôi cừu, đứa thứ hai của người nuôi heo, đứa thứ ba của người nuôi chó, và đứa thứ tư của người nuôi gà.

Với nghề nuôi gà, Shamvara đã dành dụm được nhiều tiền của để nuôi nấng các con tử tế, trở thành những người có học. Sau này, khi đã giàu có, bà nghĩ: “Nhờ nghề của mình, nay cũng đã gây dựng được cho các con trở thành những gia chủ đáng kính. Bây giờ mình đã giàu có thì cũng nên giúp đỡ mọi người bằng cách xây một Đại Bảo Tháp, nơi chứa đựng Tâm của chư Phật. Ta nguyện rằng Tháp sẽ là ruộng công đức, phước điền cho tất cả chúng sinh và là nơi lưu giữ xá lợi của chư Như Lai. Nhưng trước hết mình phải xin phép Maharaja (Đại vương)”.

Nghĩ như thế xong, bà đến yết kiến vị Maharaja, phục lạy và nhiễu quanh Ngài, rồi quỳ xuống, chắp tay nói: “Thưa Đại vương! Tôi là một người nuôi gà hèn mọn. Một tay tôi đã nuôi bốn đứa con trai của bốn người cha bằng lợi tức nghề nghiệp của mình và đã lập gia đình cho chúng nó. Xin Ngài cho phép tôi được xây một Đại Bảo Tháp. Tôi nguyện thực hiện Tháp này để làm phước điền cho vô số chúng sinh, nơi thọ nhận Tâm của tất cả chư Phật, và là nơi chứa đựng thánh tích bất hoại của chư Như Lai. Tháp sẽ được xây với số tiền của mà tôi để dành dụm được từ khi các con trai bắt đầu sống tự lập”.

“*Một vị vua vĩ đại thì không bao giờ quyết định vội vã một điều gì, do vậy trước khi trả lời, nhà vua nghĩ: “Người nuôi gà này là một người đàn bà hạ tiện, nhưng bà ấy đã dành dụm đủ số tiền của để nuôi lớn bốn đứa con hoang cho đến lúc trưởng thành, và bây giờ bà ta lại muốn xây một Đại Bảo Tháp. Thật lạ lùng!”.*



*Shamvara và 4 người con hoàn thành lời nguyện*



Và rồi, nhà vua đã quyết định cho phép người đàn bà nuôi gà xây Tháp. Shamvara rất vui mừng và phục lạy nhà vua, nhiễu quanh Ngài nhiều vòng, rồi trở về nhà. Vậy là người đàn bà cùng với bốn người con trai, một lừa, một voi bắt đầu công việc xây dựng Đại Bảo Tháp. Họ mang đất đá tới địa điểm, đổ nền, xây tường lên đến tầng thứ ba. Lúc này dân Nepal kéo tới, họ ganh ghét người đàn bà nuôi gà thấp hèn vì bà ta đã làm nhục họ bằng công trình lớn lao của mình. Họ kháo nhau là nhà vua, quan tể tướng và những người giàu có, danh giá sẽ xây dựng cái gì nếu một mẹ đàn bà nuôi gà hạ tiện có thể xây một cái Tháp như vậy. Cho là mình bị hạ nhục và thiệt hại, họ đã kéo đến xin nhà vua cho ngừng việc xây Tháp. Họ thưa với Ngài rằng: “Tâu Hoàng thượng! Ngài không nên cho phép xây Tháp. Nếu người đàn bà nuôi gà hạ tiện này có thể xây một Đại Bảo Tháp như vậy, thì Đức vua, các quan, và những người giàu có trong xứ này phải xây dựng cái gì? Nếu cho xây Tháp thì mọi người chúng ta đều phải chịu sự nhục nhã. Tốt hơn là nên bắt họ mang đất đá về chỗ cũ. Không nên cho người đàn bà này xây Tháp”.

Vị Vua Maharaja vĩ đại trả lời: “Hãy nghe ta nói một cách cẩn thận! Người đàn bà nuôi gà hạ tiện này đã dành dụm được đủ số tiền để nuôi bốn đứa con hoang và đã tích trữ đủ tiền để xây Bảo Tháp này. Ta coi đây là một công trình tuyệt diệu. Ta đã chấp thuận để bà ta làm công việc này. Là một vị vua, ta chỉ nói một lần thôi!”.

Có nhiều người khác cũng cản trở việc xây tháp, nhưng không thành công. Vì vậy Đại Bảo Tháp này được gọi là *Jarungkhasor*, nghĩa là “*một khi đã được cho phép thì không thể bị cản trở.*” Việc xây dựng được tiếp tục cả mùa hạ lẫn mùa đông trong suốt bốn năm, cho đến khi Tháp được làm đến phần cổ.

Lúc đó người đàn bà hạ tiện nhận thấy mình sắp chết, nên gọi bốn người con trai và các gia nhân của họ lại rồi nói: “Ta đã nguyện hoàn thành Đại Bảo Tháp này như nơi tích tập công đức cho cả loài người lẫn chư thiên. Các con phải làm cho xong Đại Bảo Tháp này cho ta. Hãy đặt xá lợi bất hoại của chư Phật vào trong Tháp này và rồi dâng hiến Bảo Tháp này cho thật long trọng! Đây là ý nguyện của ta, và khi nó được hoàn thành, những ý nguyện vĩ đại của tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai sẽ được thực hiện. Vâng lời mẹ, các con hãy làm tròn mục đích đầu phải trải qua nhiều kiếp”.

Nói xong, bà trút hơi thở cuối cùng. Chiêng trống được tấu lên và các vị thần, chư thiên hóa hiện trút xuống một cơn mưa hoa. Bầu trời xuất hiện nhiều ánh sáng cầu vồng. Do công hạnh xây Đại Bảo Tháp, người đàn bà nuôi gà hạ tiện Shamvara đã đắc Phật quả và có danh hiệu là *Damtshig Lhamo Pramoha*.

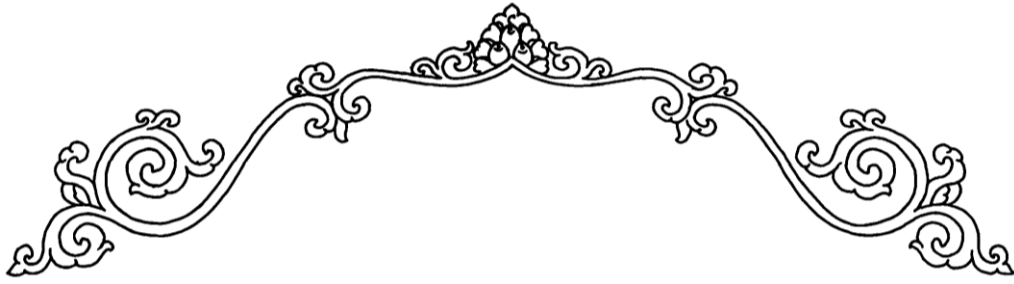
Bốn người con trai bàn bạc cùng nhau: “Dù cho mẹ già của chúng ta là một phụ nữ nuôi gà nghèo, và dù cho chúng ta có những người cha khác nhau, nhưng mẹ đã nuôi nấng, lo cho chúng ta thành những gia chủ. Với tài sản của mẹ, nếu chúng ta hoàn thành Đại Bảo Tháp này, một viên ngọc quý trong cõi Nam Diêm Phù Đề Jambuvīdipa, thì nó sẽ là một kỳ công vĩ đại. Chúng ta phải đền đáp thiện tâm của mẹ và viên mãn công đức cho đức hạnh của mẹ.” Và như vậy họ đồng lòng làm theo đúng ý nguyện của mẹ mình để đền đáp công ơn dưỡng dục và gây dựng công đức, họ đã làm nốt phần trên của Tháp. Dùng voi và lừa để tải gạch đá, họ tiếp tục công việc trong ba

năm nữa, trước khi hoàn thành tòa Tháp, như vậy tất cả là bảy năm. Xá lợi bất hoại của Đức Cổ Phật Đại Ca Diếp được đựng trong cột trụ ở giữa bên trong Tháp.

“Sau khi lễ dâng Tháp đã được tổ chức long trọng với những bông hoa cúng dường được tung rải khắp nơi, Đức Như Lai Đại Ca Diếp đã cùng với các Bồ Tát tháp tùng vây quanh của Ngài xuất hiện trên bầu trời phía trước Đại Bảo Tháp. Xung quanh các ngài là chư Phật, Bồ Tát mười phương cùng vô số các vị A La Hán, năm dòng truyền thừa Như Lai (Ngũ Trí Như Lai), 3 Đấng Chúa Tể Thủ Hộ Văn Thù Manjushri, Quán Tự Tại Avalokiteshvara, và Kim Cang Thủ Vajrapani cùng vô số chư tôn hiền minh, phần nộ đông như hoa mè không thể kể xiết xuất hiện rải hoa, tôn vinh cho buổi lễ bằng sự hiện diện quý báu của các ngài. Nhiều loại chiêng trống, chập chửa được tấu lên, các chư thiên làm một trận mưa bão những bông hoa, trong khi hương thơm ngọt ngào lan tỏa ra khắp nơi. Mặt đất rung chuyển ba lần. Hào quang vô lượng của trí huệ thiêng liêng từ thân chư Phật làm lu mờ ánh sáng mặt trời và thấp sáng đêm đen trong suốt năm ngày liền”.

*Samaya Gya Gya Gya*  
*Con Dấu Niêm Phong Ba Lần*





## **Chương II: Sự Viên Mãn Lời Cầu Nguyện theo Linh Ảnh của Bồ Tát**

Vua Trisong Detsen lại hỏi Đạo Sư Liên Hoa Sanh: “Thưa Đại Sư! Con xin Ngài nói về những lời cầu nguyện mà những người có tín tâm đã phát ra trước Bảo Tháp tuyệt diệu Jarungkhasor này, và xin kể cho chúng con biết các việc linh ứng của Tháp đối với những lời cầu nguyện đó”.

Đạo Sư Liên Hoa Sanh nói: “Đại Vương hãy nghe Ta nói! Trong lễ dâng hiến Bảo Tháp, sau khi hoa được rải và mọi người đều nhìn thấy những cảnh tượng kỳ diệu, tập hội bao la chư Phật và Bồ Tát đã đồng thanh nói với những nhà hảo tâm và những người sùng mộ rằng: “Nghe đây, hỡi những người may mắn được sinh ra vào lúc này! Do tâm thanh tịnh với ý nguyện xây dựng Đại Bảo Tháp này, vật lưu chứa Pháp thân vô thượng, bất khả phân với Tâm các Đấng Chiến Thắng trong 3 đời quá khứ, hiện tại và vị lai, do thiện hạnh này, bất cứ lời cầu nguyện nào của các người cũng sẽ được thành tựu trong sự viên mãn, hoàn hảo!”.

Bốn người con trai của người đàn bà nuôi gà quá cố đã bàn với nhau: “Vi ý nguyện Giác ngộ của mẹ già nên chúng ta mới có việc xây dựng Tháp này, nhưng theo lời của mẹ già lúc lâm chung, chúng ta đã hoàn thành công trình này và được điểm phúc trông thấy tôn nhan của tất cả chư Phật, chư Bồ Tát. Do công đức này nguyện xin cho bất cứ lời nguyện nào của chúng ta cũng trở thành sự thật, vì vậy chúng ta không nên cầu nguyện những điều nhỏ nhoi!”.

Người con trưởng, con của người chăn cừu, đã nghĩ tới một lời cầu nguyện vĩ đại mà anh có thể dâng lên: “Trong vương quốc man rợ và đầy băng tuyết ở phương Bắc là những rặng núi tuyết bao phủ và những thung lũng ngập nước, là nơi di trú của những loài chim nước vào mùa hạ, và là một cánh đồng băng giá mênh mông vào mùa đông. Có lời tiên tri rằng nước sẽ thôi ngập lụt, sau khi Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, Bạc Chứa Tể Vũ Trụ, sẽ đến để dạy cho người dân tri kiến của Đức Thích Ca Như Lai thì Phật pháp sẽ được hoằng truyền khắp xứ này. Mình sẽ cầu nguyện cho xứ Tây Tạng được thiết lập Giáo Pháp của Chư Phật. Và anh ta đã cầu nguyện đúng như vậy: “Do công đức mà tôi đã đạt được bằng việc xây Bảo Tháp này, với tâm nguyện trong sạch, xin cho tôi được sinh ra làm một vị vua lớn để bảo hộ giáo pháp ở xứ biên địa đầy băng tuyết của những người man rợ ở phương Bắc. Khi lực của 5 độc là tham lam, sân hận, si mê, ganh tỵ và kiêu mạn gia tăng trong thời Mạt Pháp - thời hủy diệt và suy đồi, nguyện tôi có thể truyền bá tri kiến của Đức Thích Ca Như Lai, thiết lập Phật pháp ở đó mãi mãi!”

Người con thứ 2, con của người chăn heo cầu nguyện rằng: “Do công đức mà tôi đã đạt được bằng việc xây Đại Bảo Tháp, khi anh tôi đã tái sinh làm vị vua bảo hộ Giáo pháp ở xứ băng tuyết của những người man rợ và Phật Pháp quý báu được thiết lập, vào lúc cần có sự tổ chức của tăng đoàn, nền tảng của Giáo pháp ở xứ đó, xin cho tôi được tái sinh làm một Tỳ Khưu và sẽ trở thành một Đại A La Hán để làm lễ quy y thọ giới cho những người gia nhập Tăng đoàn!”

Đến lượt người con thứ 3, con người nuôi chó, cầu nguyện: “Do công đức mà tôi đã đạt được bằng việc xây Bảo Tháp này, khi hai anh tôi thiết lập Phật pháp ở xứ băng tuyết của những người man rợ và khi người dân ở đó đã đi theo Phật pháp, xin cho tôi được sinh ra không phải từ thai tạng của người nữ, mà hóa sinh một cách huyền diệu từ nhụy một bông hoa sen, tôi nguyện diệt Luân Hồi, sống lâu như mặt trời, mặt trăng. Hàng phục và dạy dỗ các loài chư thiên, quỷ thần, ma quỷ, loài người và chế ngự được giống La Sát ăn thịt người của xứ man rợ đó. Nguyện cho tôi được tái sinh như một hành giả Mật giáo để bảo hộ Phật pháp mà anh tôi thiết lập!”

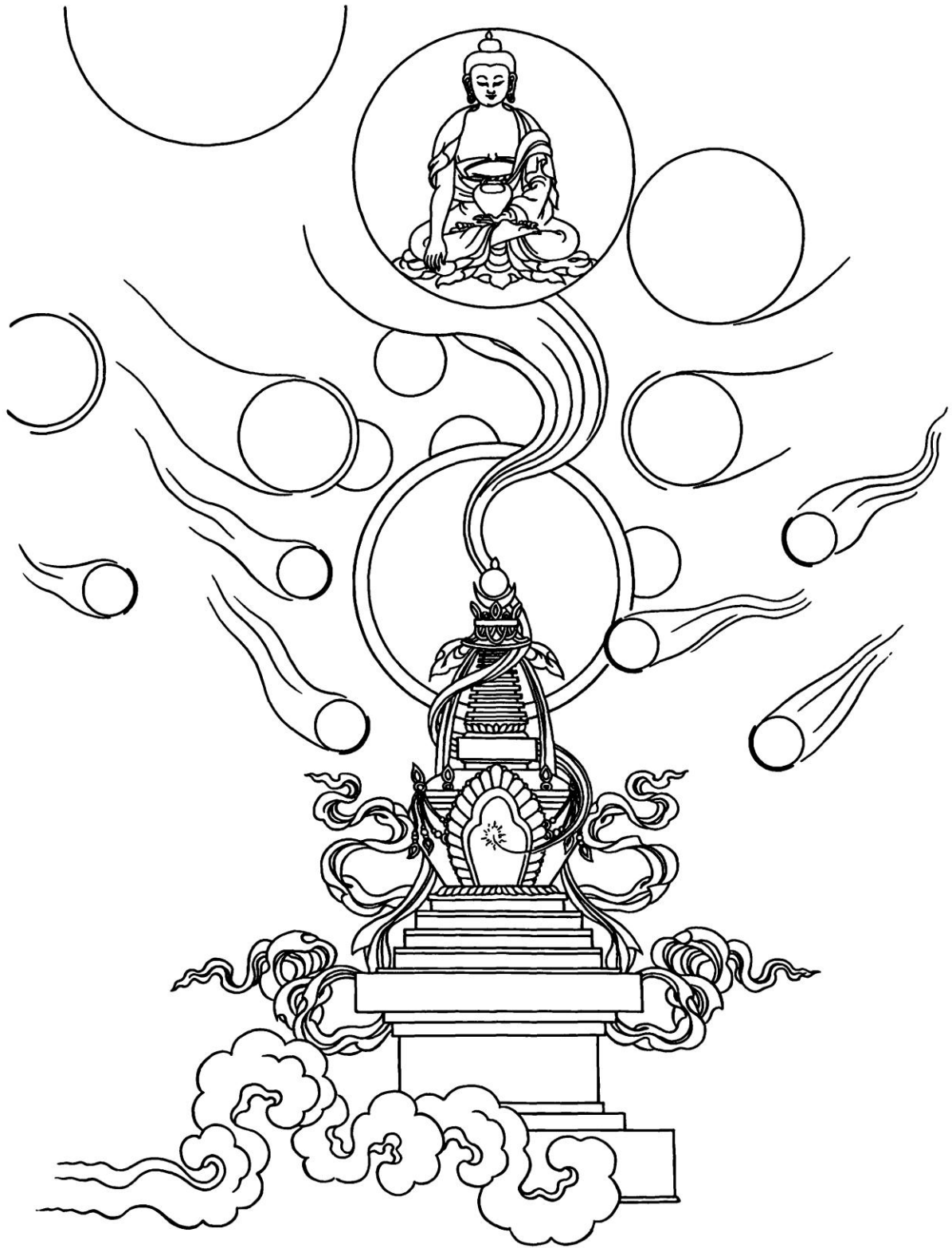
Rồi đến người con út, con của người nuôi gà, cầu nguyện: “Do công đức mà tôi đã đạt được bằng việc xây Tháp này, khi ba anh tôi đã tái sinh trong xứ băng tuyết của những người man rợ, một người thiết lập Giáo pháp, một người duy trì Giáo pháp và một người bảo hộ Giáo pháp, tôi xin nguyện tái sinh làm một viên quan bộ trưởng để phối hợp mọi hoạt động của các anh”

Sau khi 4 người con trai của Shamvara đã cầu nguyện như vậy, thì tất cả Chư Phật, chư Bồ Tát đồng thanh nói với họ: “Hỡi những người con xứng đáng! Những người có phước báu và diễm phúc nhất! Các người đã cầu nguyện những điều vô vị kỉ và thật cao cả! Chư Phật đang hoan hỷ với các người! Công đức to lớn như núi mà các người đã tạo ra từ những lời nguyện này không gì có thể so sánh được, thậm chí cả Chư Phật 3 đời cũng không sánh bằng!”

Rồi chư Phật mười phương và chư Bồ Tát biến thành một tia sáng nhập vào trong Đại Bảo Tháp. Kể từ đó trở về sau, Bảo Tháp được người thế gian gọi là “*Sự Hạp Nhất của chư Phật*”.

Ngay lúc đó, một con muỗi đậu lên cổ con trai của người chăn cừu, nó chích anh ta một phát đau điếng. Anh ta vô tình lấy tay đập con vật làm nó chết. Nhưng vì có tâm từ bi vô hạn, anh đã cầu nguyện: “Khi tôi sinh ra làm vị vua tôn giáo ở xứ băng tuyết của người man rợ, nguyện con côn trùng này tái sinh làm hoàng tử thực hành Giáo Pháp!”

Con lừa tải vật liệu xây Tháp khi nghe thấy những lời cầu nguyện này, nó nghĩ rằng mình cũng nên cầu nguyện, nhưng không biết phải cầu nguyện điều gì. Nó nổi giận nên nghĩ ra những điều xấu: “Khi con trai người chăn cừu tái sinh làm một vị vua tôn giáo thiết lập Giáo Pháp ở xứ băng tuyết của người man rợ, tôi xin tái sinh làm một viên quan có cái lưỡi độc ác để cản trở bất cứ việc làm nào của vị vua này!”



*Đại Bảo Tháp Sự Hạp Nhất của chư Phật*

Người hầu của bốn người con trai hiểu được ý nghĩ của con lừa, nên anh ta cầu nguyện: “Khi con lừa này tái sinh làm một viên quan độc ác cản trở việc hoằng truyền Giáo Pháp, tôi nguyện sinh ra làm một viên quan mộ đạo và khôn ngoan để có thể hóa giải được âm mưu gian ác của nó!”

Con voi cũng muốn cầu nguyện, nhưng không biết phải cầu nguyện thế nào, nó nổi giận nghĩ: “Tôi đã mang bao nhiêu đất đá nặng nề để xây Tháp, thế mà không được thưởng gì cả. Đã vậy thì khi những người con này tái sinh, thiết lập Giáo Pháp ở xứ băng tuyết của người man rợ, xin cho tôi được tái sinh làm chắt của vị vua đó để tôi hủy diệt Giáo Pháp!”.

Một con quạ đậu ở gần đó bất bình về những lời cầu nguyện này nên đã nghĩ ra một điều tốt, và nó cầu nguyện: “Khi con voi này tái sinh làm người bạo ngược đối với Giáo Pháp và khi vị vua độc ác đó tìm cách hủy diệt Phật Pháp, nguyện cho tôi được tái sinh làm một Đại Bồ Tát để giết vị vua ác đó!”.

Hai người Bà la môn trẻ tuổi đeo sợi chỉ vàng, có mặt ở Bảo Tháp, cũng cầu nguyện: “Khi Giáo Pháp quý báu được thiết lập ở xứ băng tuyết của người man rợ, xin cho chúng tôi được tái sinh làm dịch giả để biên dịch tất cả những Kinh Sách Thiêng Liêng!”.

Cùng tham dự lễ dâng Tháp là hai cô gái thông minh thuộc dòng dõi hoàng tộc cũng cầu nguyện như sau: “Khi Phật Pháp được thiết lập ở xứ băng tuyết của người man rợ, cả hai chúng tôi nguyện được sinh ra với sở học cao nhất để có thể ghi chép những Kinh Văn thiêng liêng của Đức Phật và luận giảng về chúng!”...

Như vậy, trong cách này, vào lúc đó, có vô số những lời cầu nguyện vì lợi ích của chúng sinh, và vô số những lời cầu nguyện đều đã trở thành sự thật.

Người con trưởng, con của người chăn cừu, nguyện tái sinh làm vị vua, nay đã sinh ra là chính Ngài, nhà vua - người Bảo Hộ Giáo Pháp, Trisong Detsen.

Con của người nuôi heo nguyện tái sinh làm một Sư trưởng chính là Bồ Tát Shatirakshita.

Con trai của người nuôi chó cầu nguyện cho mình được tái sinh làm một hành giả Mật giáo, đã sinh ra là chính Ta, Sư trưởng Orgyen, Đạo Sư Liên Hoa Sanh.

Con của người nuôi gà nguyện tái sinh làm một viên quan mộ đạo là Bami Trisher, vua xứ Yarlung hiện tại.

Con muỗi được nguyện tái sinh làm hoàng tử nay là công chúa Padmasal hiện tại.

Con lừa sai lầm muốn tái sinh làm một viên quan tội lỗi đã sinh ra là Mashang Tromba gian ác.

Người hầu đã cầu nguyện để được tái sinh làm viên quan mộ đạo hồng triệt phá tà đạo nay sinh ra thành Go Padma Gungtsan.

Con voi ngu ngốc nguyện tái sinh làm vị vua vô đạo diệt trừ Giáo Pháp sau này sẽ sinh ra làm chất của Ngài và sẽ có tên của một con voi là Lang.

Con quạ từ bi cầu nguyện cho mình được tái sinh làm người để giết tên vua vô đạo đó nay sinh ra là Hoàng tử Murug Tsanpo. Trong tương lai, kiếp sau của con voi khi nó phá hoại Phật pháp, con quạ hay hoàng tử sẽ tái sinh làm Bồ Tát Lhalung Palgyi Dorje (Lama Sang) và sẽ giết tên vua ác đó.

Hai người Bà la môn trẻ tuổi cầu nguyện tái sinh làm dịch giả, nay đã tái sinh và là Kaba Paltsek và Chokro Lui Gyaltzen.

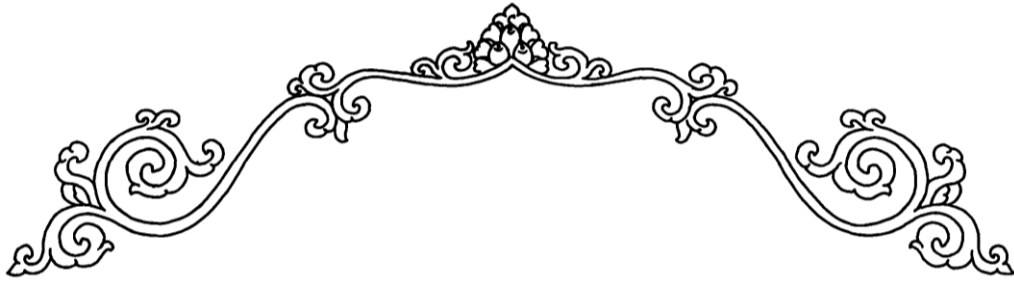
Hai công chúa nguyện được tái sinh làm người biên chép kinh đã được tái sinh làm người chép kinh sách, nay sinh ra thành Denma Tsemang và Legchin Nyima”.

Nói tới đây, Đức Liên Hoa Sanh dứt lời. Vua Trisong Detsen và mọi người trong hội chúng đều kinh ngạc và tràn đầy tín tâm. Họ phục lạy nhiều lần rồi hết lòng cầu nguyện mạnh mẽ cho Giáo Pháp và chúng sinh.

*Samaya Gya Gya Gya  
Con Dấu Niêm Phong Ba Lần*







### Chương III: Lợi Ích Của Việc Nhiều Quanh Tháp và Cầu Nguyện

Vua Trisong Detsen lại hỏi Đạo Sư Liên Hoa Sanh: “Thưa Đại Sư! Xin Ngài nói cho chúng con biết về lợi ích và phước báu của việc phục lạy trước Bảo Tháp, đi nhiều quanh Tháp, chiêm bái và cúng dường, cùng làm công quả cho nơi tụ hội hợp nhất của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai”.

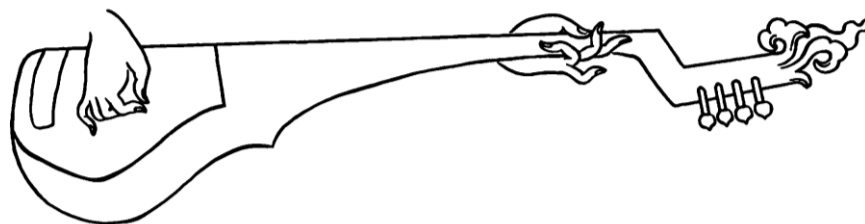
Đại Sư trả lời: “Thưa Đại Vương! Xin Ngài hết sức chú ý nghe Ta nói! Sau khi chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đã thực sự tan hòa, nhập vào Tâm Thuần Tịnh của Bảo Tháp vĩnh viễn, thì Đại Bảo Tháp này có quyền năng khiến cho mọi lời cầu xin và mọi ý nguyện đều được thành tựu tức khắc và vô cùng, vì Tháp đã trở thành Viên Ngọc Như Ý, Yeshe Norbu. Chúng sinh bất cứ ai với tấm lòng trong sạch phục lạy trước Đại Bảo Tháp, nhiều quanh Tháp và chiêm bái Tháp sẽ có được lợi ích và phước huệ vô lượng không thể nghĩ bàn, vượt quá cả sự diễn tả của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, vì những tảng đá xây thành Bảo Tháp này là để mang lại niềm vui bất khả tư nghị cho loài người. Vì Đại Bảo Tháp này là nơi nhận Phật Tâm của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, nên Tháp cũng là nơi chiêm bái của những người phạm cũng như chư thiên. Đối với người và trời, bất cứ lời cầu xin hay khẩn nguyện nào trước Tháp này, cũng sẽ được ban cho sự như ý, thậm chí ngay cả sự chứng ngộ tối thượng và quyền năng tâm linh cũng có thể được đạt được.

Đại Bảo Tháp Jarungkhasor, Viên Ngọc Như Ý Quý Báu này sẽ ban cho mọi điều hạnh phúc. Người nào đến viếng Tháp sẽ không bị sa vào ba cõi thấp: ngã quỷ, súc sinh và địa ngục, khi thần thức của người đó lang thang trong cõi Bardo sau khi chết. Người nào nghe thấy sự rung động của Đại Bảo Tháp bằng tai của mình, thì chủng tử giác ngộ tối thượng sẽ được gieo trồng trong người đó. Người nào quán tưởng bản tánh của Đại Bảo Tháp thì người đó sẽ không xáo động, kiêu mạn, hôn trầm và sẽ tái sinh vào dòng thiên định. Người nào cung kính khoanh tay trước Tháp, người đó sẽ đi theo Chánh Đạo.

Bất kỳ người nào cúi mình đánh lễ sâu sa trước Đại Bảo Tháp, người đó sẽ trở thành một Bậc Chuyển Luân Vương (Vua của Vũ Trụ). Người nào nhiều quanh Đại Bảo Tháp sẽ đạt được bảy điều thiêng liêng hạnh phúc: *Tái sinh cao quý, thân thể tốt đẹp, rất sung sướng, có trí huệ và đức hạnh, giàu có và quyền lực, không có bệnh tật và cực kỳ trường thọ.* Người nào cầu nguyện sẽ được như ý tức khắc cho mình cũng như cho người khác. Người nào cúng dường cho các tu sĩ của Tháp, thì kiếp sau của họ sẽ không còn bị đói khát, bệnh tật. Người nào dâng hoa cho Đại Bảo Tháp thì sẽ được phước, lộc, an Khang. Người nào dâng hương nhang sẽ đạt được việc làm trong sạch và đạo đức. Người nào dâng đèn sẽ thoát khỏi bóng tối vô minh và đạt được giác ngộ.

Người nào dâng hương liệu thơm sẽ không gặp phiền não, đau khổ. Người nào cúng dường thực phẩm ban phước sẽ sống một đời thiên định và không bị đói.

Người nào dâng âm nhạc lên Đại Bảo Tháp là hồng truyền Pháp âm ra khắp mười phương. Người nào dâng âm thanh của chiêng, chập chửa sẽ đạt sự hiểu biết sâu rộng và thịnh vượng. Người nào dâng âm thanh của chuông nhỏ sẽ có giọng nói ngọt êm, giọng nói thiêng liêng của vua trời Phạm Thiên. Người nào dâng một đồ hình Mandala lên Đại Bảo Tháp sẽ đạt được công đức và trí huệ viên mãn như kết quả của tu tập tâm linh tạm thời và tối hậu.



Người nào dâng một đồ hình bằng Mandala gồm năm loại đá quý: vàng, bạc, lục ngọc, san hô và ngọc trai sẽ không bị nghèo khổ bất hạnh, và sẽ làm chủ kho tàng vô tận của cõi trời. Người nào dâng một Mandala bằng thất bảo sẽ được hưởng sự giàu sang của xứ sở mà người đó sống kiếp tạm và đắc Thân Thiêng Liêng với bảy điều cát tường trong cõi giới siêu phàm. Người nào dâng một Mandala bằng năm loại thảo dược sẽ không bị các bệnh tật thân thể, cảm xúc và tâm trí, các bệnh chết người và các bệnh tật khác. Người nào dâng một Mandala bằng ngũ đại sẽ thoát khỏi phiền não do tham, sân, si, ganh ty, kiêu mạn và đắc Phật Thân của Ngũ Trí Như Lai (Năm Vị Phật Thiên chủ 5 Bộ): *Amitabha Vô Lượng Quang*, *Amoghasiddhi Bất Không Thành Tựu*, *Vajrasattva Kim Cương Tát Đỏa*, *Ratnasambhava Bảo Sinh* và *Vairocana Tỳ Lô Giá Na Đại Nhật*. Người nào dâng một Mandala bằng năm loại hạt ngũ cốc sẽ được một vụ thu hoạch nông sản tốt.

Người nào dâng năm loại hương thơm lên Đại Bảo Tháp sẽ có được sắc đẹp và được mọi người yêu mến. Người nào dâng năm loại nước thơm sẽ có một ngôi nhà sạch sẽ, không có mùi tanh hôi. Người nào dâng lên năm món thiêng liêng sẽ có công đức và được tăng quyền, vinh, phúc, lộc. Người nào dâng lọng báu và cờ (phướn) chiến thắng sẽ được hóa giải những xúc tình xấu và được kính trọng. Người nào dâng những bức màn trướng thêu hay lá cờ thiêng sẽ được giàu có, hạnh phúc, không bị các nạn nước, lửa, sư tử, voi, án phạt, rắn rết, gái điếm và côn đồ... Người nào dâng một chuỗi hạt hay vương miện sẽ đạt được sự hỷ lạc của người và trời, được trang sức bằng thất bảo. Người nào dâng đèn sẽ được linh ảnh thật của chư Phật, Bồ Tát mười phương. Người nào dâng dầu cải sẽ không bị hôn trầm. Người nào dâng đèn bơ người đó sẽ tỏa ánh sáng Giáo Pháp ra khắp mười phương.

Người nào dâng Bánh Xe Báu lên Đại Bảo Tháp, người đó sẽ chuyển Pháp Luân. Người nào dâng Ngọc Báu sẽ nhận được những điều ước muốn trút đổ xuống như mưa. Người nào dâng Hoàng Hậu Báu sẽ được tái sinh trong dòng trí huệ thuần khiết. Người nào dâng Tể Tướng Báu sẽ trở thành một nhà lãnh đạo tâm linh thiện xảo trong pháp môn và phương tiện. Người nào dâng Voi Báu sẽ hiểu được ý nghĩa tối thượng của Đại Thừa. Người nào dâng Ngựa Báu sẽ đạt được bốn sức mạnh chuyển hóa kỳ

diệu là: *Ý Chí, Năng Lượng, Thông Tuệ và Phân Tích*. Người nào dâng Đại Tướng Báu sẽ chiến thắng tất cả các kẻ thù địch. Người nào dâng Bảy Tạng Phẩm Báu sẽ đắc Đại Pháp Giới. Người nào dâng 8 Biểu Tượng Cát Tường sẽ đắc thân trang hoàng với mọi dấu hiệu, hảo tướng kỳ diệu. Người nào dâng đủ Tám Biểu Tượng Huyền Diệu trên sẽ nhận được điều lành và hưởng phước báu của trời và người.

Người nào dâng y phục cho tu sĩ của Đại Bảo Tháp sẽ được hưởng vải tốt mịn. Người nào quét vôi trắng cho Tháp sẽ có nước da sáng đẹp, phúc, lộc, an Khang, có quyền lực đối với người, trời và ma quỷ. Người nào dâng pho mát, sữa và bơ sẽ nhận được Bò Ước Vĩnh Cửu và một đàn bò. Người nào dâng mật mía, mật ong, đường sẽ được nhận thực phẩm của cõi trời. Người nào dâng lên những hạt gạo chắc và tròn sẽ không bao giờ tái sinh thành ngựa quý. Người nào dâng nước trái cây sẽ được hưởng tất cả đồ ăn như một đại dương cam lồ. Người nào dâng trái cây sẽ được hưởng những món ăn ngon. Người nào dâng thực phẩm để cúng dường sau khi đã tịnh hóa và ban phước sẽ đạt được sự chứng ngộ tối thượng và các quyền năng tâm linh, mọi điều ước sẽ trở thành sự thật. Người nào dâng nước có pha năm loại hương thơm sẽ dứt trừ bóng đêm vô minh và tái sinh làm người cao quý có vẻ đẹp thuần khiết.

Người nào dâng liên hoa tọa tối thượng sẽ tái sinh kỳ diệu, tốt đẹp trên nhụy của một bông hoa sen, và đắc ngại sự tử vô úy. Người nào thi hành phận sự tu sĩ sẽ không phải sa vào ba đường khổ: địa ngục, ngựa quý, súc sinh và sẽ có sức khỏe, đức hạnh, của cải. Người nào làm lễ cúng chư Phật sẽ đắc quyền năng Phật Hạnh. Người nào lau chùi bụi đất cho Đại Bảo Tháp sẽ có thân thể và làn da đẹp. Người nào sửa sang lại Đại Bảo Tháp sẽ diệt được chủng tử vô minh của mình. Người nào nỗ lực hợp nhất với Phật Tâm, hòa nhập vào Chân Không của Đại Bảo Tháp sẽ đắc tâm thức Đại Ấn Mahamudra. Người nào tụng những kinh văn từ trí nhớ của mình sẽ trở nên trưởng thành tâm linh như một bậc Trì Minh Vương hoặc một bậc Lama, những bậc sẽ thể nhập Chân Như Pháp Giới. Người nào dâng cúng phục vụ Đại Bảo Tháp sẽ trở thành một Trì Minh Vương với năng lực trường thọ.

Người nào sửa chữa Đại Bảo Tháp sẽ thành tựu bốn việc làm Phật Hạnh, đạt được mọi mục tiêu và đắc trí huệ tối thượng. Người nào làm gạch cho Tháp sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, chúa tể của từng hạt bụi. Người nào mang đất đá cho Tháp, thì trong đời không gặp nguy hiểm hay chướng ngại, được khỏe mạnh, đẹp đẽ suốt đời. Người nào cố gắng thanh lọc về thân, khẩu, ý ba cửa đưa đến giác ngộ thì sẽ được ban phước bởi Tam Thân của chư Phật. Người nào làm bạn với những người đức hạnh thì sẽ theo Đạo Pháp mười điều đức hạnh (*Thập thiện: Thân không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, miệng không nói dối, nói hành hạ, nói chia rẽ, nói vô nghĩa, ý không tham, sân, si*) và không bao giờ thiếu bạn thiện tri thức, trong tình huống nào cũng sẽ nhận được quyền năng, sức mạnh để giải quyết. Người nào hướng dẫn việc sửa sang Bảo Tháp, thì người ấy sẽ tái sinh làm thủ lãnh của chư Bồ tát mười phương thi hành Phật sự. Người nào tinh tấn làm nghề nghiệp của mình sẽ có tài năng về y thuật, biện luận, âm nhạc và luận lý siêu hình trong tất cả các kiếp vị lai.

Người nào bước bảy bước theo nghi lễ hướng về phía Đại Bảo Tháp thì sẽ đạt được thân người trong sạch sau bảy lần Giác Ngộ và nhớ lại các kiếp trước của mình. Người nào ban cho người khác những lời khuyên tốt thì sẽ đạt được tài năng tri thức. Người nào chỉ dạy người khác thì trong kiếp này và kiếp sau, thì mỗi lời nói của người

đó đều được chúng sinh nghe và hiểu. Người nào trám một lỗ hỏng hay một vết nứt trong Đại Bảo Tháp thì được làm người hay trời có huệ nhãn linh thánh.

Người nào sống bên Đại Bảo Tháp trong lúc cầu nguyện, sẽ thông hiểu những bí mật của sự bất tử và khám phá ra nguồn gốc của sự sống. Người nào thường trực ở bên Đại Bảo Tháp và tụng kinh, sẽ không bao giờ phải chịu nạn đói hay giặc giã, và nếu một vị Vua ở bên cạnh Bảo Tháp thì vương quốc của vị Vua đó sẽ được yên bình và thần dân vương quốc ấy sẽ được an lạc.

Người nào niệm chú lớn và diễn nói phẩm tính của chư Bồ Tát sẽ đạt được đức hạnh của chư Phật, Bồ Tát. Người nào lắng nghe, rồi giải thích lại ý nghĩa của Giáo Pháp, người ấy sẽ hành động như chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Người nào bảo vệ Tháp này khỏi bị hư hại, thì sẽ không phải sợ chết không đúng lúc.

Người nào vẽ hay làm hình của Đại Bảo Tháp sẽ vãng sanh vào Tịnh Độ của một vị Phật và ở đó cho đến khi hòa nhập với Tâm Thanh Tịnh. Người nào viết sự tích của Đại Bảo Tháp này, hay sự tích của một vị Bồ Tát, sẽ nhận được nghiệp quả tốt như những người biên chép Tam Tạng Kinh. Người nào hoan hỷ với cuộc sống sẽ được tái sanh vào cõi Phật. Người nào cầu xin sự an lạc của Đại Bảo Tháp sẽ được chư Phật mùi hương gia hộ. Nếu có người nào tình cờ quán tưởng Đại Bảo Tháp này, người đó sẽ được tái sinh huyền diệu trong hoa sen ở Tây Phương Cực Lạc.

Kẻ nào cố ý làm hư hại Đại Bảo Tháp này, kẻ đó sẽ phải chịu khổ theo vô số cách trong kiếp này và các kiếp sau; kẻ đó sẽ phải chịu khổ cùng cực trong địa ngục Vô Gian Avici không suy giảm và không thể chạy thoát.

Đại Bảo Tháp này giống như Viên Ngọc Như Ý: Bất cứ lời cầu xin nào cho trí huệ tối thượng, hay sự hiểu biết thế gian, hay quyền lực đều được ứng nghiệm; mọi lời cầu nguyện đều được viên mãn. Bảo Tháp huyền diệu này được gọi là *Montam Tamched Drupa* hay *Vật Thực Hiện Mọi Lời Cầu Nguyện*".

Sau khi Đạo Sư Liên Hoa Sanh nói xong, vua Trisong Detsen và mọi người đều kinh ngạc, do tín tâm dâng tràn, tất cả đều khóc vì vui mừng. Họ lăn mình xuống đất, phục lạy Đạo Sư một ngàn lần và cầu nguyện: "**EH MA HO!!** Đức Phật cũng không thể nói hết sự huyền diệu của Đại Bảo Tháp này, vì Tháp này là bất khả tư nghị! Không thể diễn nói! Từ đây về sau, trải qua các kiếp, cầu xin cho chúng tôi được tái sinh với ơn phước của Đại Bảo Tháp, dâng cúng mọi thứ dưới gầm trời và cả bầu trời nữa".

*Samaya Gya Gya Gya*  
*Con Dấu Niêm Phong Ba Lần*





## **Chương IV: Tiên Tri Về Sự Hủy Hoại của Đại Bảo Tháp Vào Giữa Thời Mạt Pháp**

Vua Trisong Detsen lại hỏi Đạo Sư Liên Hoa Sanh: “Thưa Đại Sư, trong thời Mạt Pháp, thời hư hoại, khi Lời Phật chỉ còn là tiếng vang vọng, thì Đại Bảo Tháp này, Viên Ngọc Như Ý, có bị hủy diệt hay không? Có bị hư hỏng hay không? Nếu Tháp bị bỏ phế hay hư hại, thì sẽ có những điềm báo trước nào. Tội lỗi nào sẽ làm hư hỏng xứ này của thế gian hư ảo? Khi các dấu hiệu và các điềm báo xuất hiện, thì sẽ phải làm gì?”

Guru Rinpoche, vị Đạo Sư Tôn Quý trả lời: “Đại Vương hãy nghe Ta nói! Sự hoàn hảo chân thực của Đại Bảo Tháp này là bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt vì Đại Bảo Tháp này bất khả phân với Pháp Thân của chư Phật. Nhưng cấu trúc tòa Đại Bảo Tháp này lại hữu vi có hình tướng, vì hữu vi hình tướng nên sẽ hư hoại như một sắc tướng hư ảo trong thế gian biến dịch, và Tháp có thể bị phá hủy một phần bởi tứ đại. Khi điều này xảy ra, sự hư hại sẽ được sửa sang bởi hóa thân của các Bạc Chúa Tể thuộc Ba Bộ: *Văn Thù Manjushri*, *Quán Thế Âm Avalokiteshvara*, và *Kim Cang Thủ Vajrapani*, với các *Bhrikutis Phần Nộ* và *Tara Devi*.

Khi thời Mạt Pháp đi dần tới nạn lửa cuối cùng, thọ mạng loài người giảm xuống và bóng tối bao trùm dày đặc hơn, nhưng con đường sa đọa vẫn còn được kiềm chế khi người ta vẫn còn nghe tới lời Phật và vẫn còn đi theo Đạo Pháp. Vào khoảng cuối thời hắc ám này, khi tuổi thọ giảm từ sáu mươi năm xuống năm mươi năm, tính vị kỷ của con người chỉ tăng mà không giảm, thì những tình trạng xấu ác sẽ thăng thế, báo trước cho sự hủy hoại của Đại Bảo Tháp, đó là: Người tại gia đến ở đây chùa và đánh nhau trước bàn thờ. Đền chùa được dùng làm lò sát sinh. Các vị ẩn tu trong hang núi trở về cày ruộng. Các Thiền giả sẽ đi buôn. Bọn trộm cướp thì có của cải và gia súc. Tu sĩ trở thành người tại gia. Các sư trưởng trở thành giặc cướp, trộm đạo. Trật tự trở nên hỗn loạn, và trở nên hốt hoảng lan nhanh như lửa cháy rừng. Người hư hỏng và vị kỷ trở thành lãnh tụ, còn các sư trưởng trở thành các sĩ quan quân đội chỉ huy các tu sĩ quân nhân của họ. Các nữ tu giết con hoang của mình. Có những người phải chứng kiến cảnh cơ nghiệp và gia sản của mình bị cướp đoạt trắng trợn. Bọn mị dân ác độc và thô lỗ trở thành các nhà lãnh đạo địa phương, còn các cô gái thì dạy trẻ con ở các trường học. Phù thủy Bon lớn tiếng đến nỗi các thiền giả trong am thất cũng nghe thấy, và các đền chùa bị cướp bóc. Kinh sách của chư Phật, tượng Phật, tranh ảnh và các Bảo Tháp bị xâm phạm, đánh cắp và mua bán với giá ngoài chợ, không ai nhớ tới giá trị thật của những linh vật này. Đền chùa trở thành chuồng trâu, chuồng ngựa phủ đầy phân, rác...

Khi người ta quên bốn phận tôn giáo thì ma quỷ, những tinh linh vốn bị kiềm chế bởi các nghi lễ, sẽ được thả lỏng, làm loạn và điều khiển tâm trí của người nào mà chúng nhập vào. Ma thù địch nhập vào các tu sĩ. Ma vị kỷ độc ác nhập vào các hành giả Mật chú và các phù thủy. Ma bệnh tật nhập vào các đạo sĩ Bon. Ma gây bệnh nhập vào đàn ông. Ma cãi cọ nhập vào đàn bà. Ma lừa dối nhập vào các cô gái. Ma hư hỏng nhập vào các nữ tu. Ma phá rối nhập vào trẻ con. Mọi người đàn ông, đàn bà, trẻ con trong xứ sở đều bị lực lượng hắc ám do bị thả lỏng xâm nhập vào. Dấu hiệu của thời kỳ này là có nhiều kiểu y phục mới, kỳ lạ: kiểu quần áo cũ bị bỏ quên. Các tu sĩ mặc kiểu áo mới lạ, còn các nữ tu thì sửa sang trước gương. Mọi người đều phải mang gươm để tự vệ và ai cũng phải canh chừng đồ thức ăn của mình không bị bỏ thuốc độc. Sư trưởng và các thầy tu làm ô nhiễm tâm trí các đệ tử của họ. Nhà cầm quyền và các pháp quan không đồng tình với nhau. Đàn ông trở nên thô tục, buông thả. Đàn bà không còn trong sạch nữa. Các tu sĩ không giữ giới luật và đức hạnh. Các hành giả Mật chú vi phạm thế nguyện. Khi sự hoành hành của các loài ma quỷ độc ác, vị kỷ, thù hận và tàn bạo gia tăng, thì những tin đồn hoang hốt cũng gia tăng và kiểu y phục cũng thay đổi thường xuyên hơn...

Bọn say rượu thuyết giảng về sự cứu rỗi. Bọn mỉa dân được người ta nghe theo. Các vị thầy giả mạo truyền tâm ấn giả dối. Bọn lừa bịp khoe khoang có thần thông. Tài hùng biện được coi là trí huệ. Bọn kiêu ngạo đề cao sự phạm tục. Bọn hạ tiện cai trị vương quốc. Các vua chúa trở thành người nghèo. Bọn đồ tể và lũ giết người trở thành thủ lĩnh. Bọn tham vọng tiến thân thô lỗ leo lên các vị trí cao. Các vị thầy của nghi quỹ cao cấp chạy rong như chó ngoài đường, còn các đệ tử của họ thì không có tín tâm cũng lang thang như sư tử trong rừng. Những kẻ hiện thân cho sự độc ác và vị kỷ lại được kính trọng như các vị thầy, trong khi sự thành tựu của các vị thầy Mật giáo thì bị nói xấu, lời dạy của Đạo Sư Bí Mật bị coi là tà đạo, giáo lý của Đức Phật bị quên lãng, lời khuyên của các Thiên giả và các Thánh nhân bị làm ngơ. Bọn ngu ngốc và bọn gian tà mặc áo tu sĩ, còn các tu sĩ mặc y phục của ngoại nhân; bọn sát nhân cũng mặc áo cà sa. Những người tìm ma thuật học Mật chú vì mục đích vị kỷ. Tu sĩ chế thuốc độc để bức bách người khác và trục lợi. Giáo lý trá ngụy được tạo ra từ lời Phật và các vị thầy diễn giải kinh điển để tự đề cao. Con người ta đi theo những con đường nguy hiểm chưa được biết tới trước đây. Nhiều lối tu hành gian trá lan rộng. Những hành vi vốn được coi là xấu xa thì giờ lại được dung dưỡng; những tư tưởng mới trái ngược với phong tục cũ, những tục lệ tốt lành bị xóa bỏ, những lối sống mới đáng khinh làm hư hỏng con người. Tài sản đền chùa bị cướp đoạt và bị những người đã thọ giới tiêu phí. Đi theo đường tà, con người bị kẹt trong chính những hành động xấu ác của họ. Những người bảo hộ giáo lý thuần túy thì tham lam, giả dối, không làm tròn bốn phận của họ nữa...





Thiên lý bị đảo lộn khiến gây ra các dịch bệnh, nạn đói và chiến tranh làm khủng hoảng đời sống thế gian. Các tinh tú hỗn loạn, những ngôi sao rơi khỏi các chòm sao; những ngôi sao lớn bốc cháy xuất hiện mang lại tai họa không thể lường trước được. Mưa rơi không đúng mùa, mà trái mùa khiến các thung lũng bị ngập lụt. Nạn đói, sương giá và mưa đá gây ra sự mất mùa nhiều năm. Bọn nữ quỷ dữ tợn và mười hai nữ hộ pháp không được cúng dường nữa nên nổi giận thả lỏng các bệnh tật cùng các bệnh dịch khủng khiếp lan tràn như lửa cháy rừng, làm hại cả loài người lẫn gia súc. Những trận động đất gây nạn lụt bất ngờ, trong khi lửa, bão và gió lốc tàn phá đền chùa, tháp miếu cùng các thành thị trong khoảnh khắc. Vào lúc này, ngay cả Đại Bảo Tháp cũng sụp đổ...

Trong cảnh đen tối này, Pháp Luân ở Vajrasana (Bồ Đề Đạo Tràng) ngừng hoạt động; chiến tranh tàn phá Nepal trong nhiều năm; Ấn Độ gặp nạn đói; thung lũng Kathmandu bị bệnh dịch hoành hành; động đất tiêu diệt dân xứ Ngari Thượng ở miền tây Tây Tạng; bệnh dịch hủy diệt dân miền trung Tây Tạng; quận Thung lũng Kyi của thủ đô Lhasa vẫn tồn tại; các đỉnh của Hy Mã Lạp Sơn ở biên giới xứ Mon bị đổ ập xuống các thung lũng. Ba đồn phòng thủ được xây trên núi Năm Đỉnh; các thiền giả tụ họp nơi thung lũng Hang Gấu ở Mon; hai mặt trời mọc ở tỉnh Kham xuôi về hướng Đông; Hoàng đế Trung Hoa chết đột ngột; bốn đạo quân tràn xuống miền trung Tây Tạng từ biên giới; quân Hồi giáo chiếm Ấn Độ; quân Garlok diệt Giáo Pháp ở Kashmir; người Mông Cổ chiếm Tây Tạng; quân Jang tiến vào Kham; chùa Hộ Pháp Rasa Trulnang bị đe dọa; chùa Samye danh tiếng bị xâm phạm; các tháp ở Bhutan bị nghiêng và Pháp Luân bị hỏng...

Các chùa lớn ở xứ này bị bỏ hoang và tiếng ợ của đạo sĩ Bon vang lên trong các am thất yên tĩnh; các vị lãnh đạo khôn ngoan, chất phác của các tu viện bị đầu độc làm cho việc diễn giải và tu hành truyền thống bị phân tán, mai một; những người bảo tồn truyền thống bị chết đột ngột. Bọn giả dối lừa gạt người dân và những bóng ma đen tối ám ảnh xứ sở này. Nút chỉ tơ thiêng liêng trói buộc các lực lượng ma quỷ bị tháo ra và sợi dây tín tâm giữ tâm thức con người hòa hợp bị cắt đứt. Luật lệ của nhà vua bị phá vỡ và sức mạnh sự đoàn kết xã hội bị tận diệt; phong tục của chúng dân bị chôi bỏ và biển an lạc bị khô cạn; đạo đức con người bị bỏ quên và tấm áo khiêm tốn bị liệng bỏ. Người đức hạnh thì bất lực và bị hạ nhục, chịu sự sai khiến của những kẻ cai trị thô lỗ, kiêu ngạo và đáng sợ. Các tu sĩ và thầy giáo trở thành sĩ quan quân đội, còn kẻ ngu dốt thì lại hướng dẫn người có đạo tâm, thuyết giảng giáo lý và truyền tâm ấn. Tín đồ nói xấu người khác để tự biện minh, trong khi đồ tề và voi hoang dẫn dắt con người ta. Các đèo cao, thung lũng và những con đường mòn đều bị bọn cướp vô liêm sỉ khuấy phá. Lo sợ, vô pháp luật và không có người hướng dẫn, dân chúng đánh đấm, đâm đạp lên nhau và hành động một cách vị kỷ. Tây Tạng trở nên bại hoại và ô nhiễm. Đây là tình trạng chính yếu trong khoảng giữa thời Mạt Pháp, khi tuổi thọ của con người là năm mươi năm. Đó là những điềm báo trước sự hủy diệt của Đại Bảo Tháp.

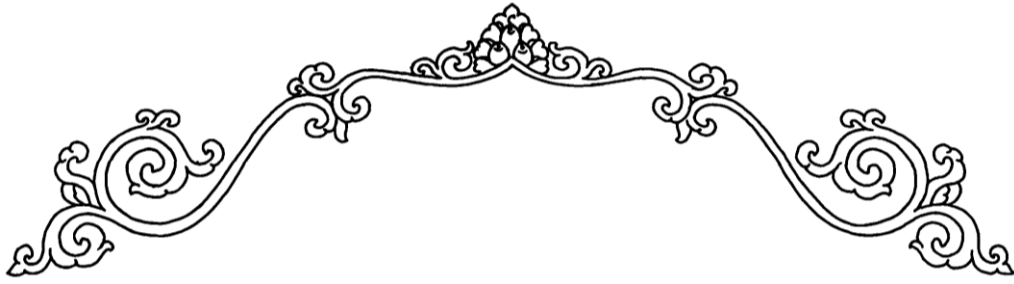
Những dấu hiệu đau khổ này sẽ làm thức tỉnh tâm trí của một người, và do chán ngán thân phận con người, do được gia hộ trong các hoạt động và vì lòng từ bi đối với chúng sinh đau khổ, người đó tự nguyện khôi phục Đại Bảo Tháp. Người đó sẽ nguyện đạt thành tựu cao nhất của loài người và thực hiện ý nguyện tái tạo sự hoàn hảo”.

Khi Đạo Sư Tôn Quý nói xong, vua Trisong Detsen và mọi người đều sững sờ, nản chí. Khi bình tĩnh trở lại, Padma Khungtsen, nhà lãnh đạo tinh thần của xứ Go, đứng dậy và phục lạy Đạo Sư Tôn Quý một trăm lần rồi nói: “Thưa Đại Sư! Con nguyện xin được tái sinh để phục hồi Đại Bảo Tháp khi Tháp bị tàn phá trong thời Mạt Pháp bại hoại, khi vào lúc con người giảm thọ!”

Đức Guru Rinpoche, Đạo Sư Tôn Quý chấp thuận lời thỉnh cầu này. Vua Trisong Detsen cũng xin được tái sinh để giúp việc phục hồi Đại Bảo Tháp và quần thần của vua cũng cầu xin được tái sinh để giúp cho việc phục hồi.

*Samaya Gya Gya Gya*  
*Con Dấu Niêm Phong Ba Lần*





## **Chương V: Những Người Phục Hồi và Những Thành Tựu Của Họ**

Vua Trisong Detsen lại hỏi Đạo Sư Liên Hoa Sanh: “Thưa Đại Sư! Khi tuổi thọ giảm xuống trong sự hủy diệt và dưới sự bại hoại của thời Mạt Pháp, khi Bảo Tháp bị hư hại cần phải được phục hồi, như Ngài đã nói, thì Padma Khungtsen, Bạc Chúa Tể xứ Go sẽ tái sinh ở đâu? Tên của Ngài sẽ là gì? Làm sao để chúng con nhận ra Ngài? Ngài sẽ có bao nhiêu bạn và đệ tử? Việc phục hồi Đại Bảo Tháp sẽ mang lại điều mắn nguyện và khả năng nào cho nhóm người đó?”

Đại Sư trả lời: “Đại Vương hãy nghe kỹ! Những câu hỏi của Ngài là rất chính đáng. Vào cuối thời bại hoại, khi tuổi thọ giảm xuống còn năm mươi năm, sẽ có một trăm lẻ một điềm triệu xấu. Vào lúc đen tối nhất của thời hắc ám này, Padma Khungtsen, Chúa Tể xứ Go, do nguyện lực đặc Phật quả của mình sẽ tái sinh vào năm Hợi hoặc năm Tý trong vùng cao nguyên tỉnh Tsang, trong một gia đình những người đã thành tựu Mật giáo, giỏi huyền thuật biến hóa, và ngài sẽ có tên là Pal hay Zangpo. Ngài có trí lực lớn và sẽ thấy rõ những gì mình sẽ làm trong đời này. Do nhận thức bí ẩn rõ rệt trong các kiếp trước từ khi ngài phát nguyện, ngay từ khi còn trẻ, ngài đã phát sinh tín tâm nơi Tam Bảo - Chón An Lạc Vĩnh Hằng, tôn kính trách vụ của giáo hội, và thành tâm với sự thiêng liêng của thân, khẩu, ý. Là người Đại Thừa, ngài có tâm từ bi vô hạn đối với loài người cũng như các sinh vật khác và sự bố thí của Ngài về thân, khẩu, ý là vô tận. Với trí huệ về Tánh Không an lạc từ bản thể thâm sâu của các pháp, ngài làm chủ Phật Hạnh mãnh liệt và sự biểu lộ hung nộ của chư hộ pháp phần nộ. Ngài thành tựu các pháp quán tưởng và tụng chú. Khi ngài đạt sự hợp nhất với nguồn năng lực của mình thì các hộ thân thiêng liêng bên trong đã được nhiếp phục và tuân theo mệnh lệnh của ngài. Từ lúc sinh ra, ngài đã không xao động trong lòng sùng mộ mãnh liệt và nhất tâm tới Ta, Đạo Sư xứ Orgyen.

Nếu lời thệ nguyện của vị Tulku (Đấng Vĩ Đại) này được toàn vẹn, thì vào năm Ngài 25 tuổi, ngài sẽ phục hồi Bảo Tháp. Nếu công trình này trì hoãn cho tới trước khi ngài 33 tuổi, thì Tháp cuối cùng sẽ vẫn được phục hồi. Nhưng nếu công trình này bị trì hoãn quá thời hạn này, thì chiến tranh sẽ bùng nổ như một cơn bão thổi bùng qua Tây Tạng và Trung Hoa, sự phi thời của tai họa này sẽ làm tăng gấp ba lần thế lực hắc ám, nạn đói và bệnh tật sẽ đưa chúng sinh đi vào tình trạng đen tối khủng khiếp. Từ biên giới Trung Hoa ở cao nguyên Đông Bắc, một đạo quân đông bằng năm lượng hạt cải trắng sẽ xâm lăng Tây Tạng và tiếng kêu khủng khiếp sẽ vang như sấm nổ trong nhiều năm. Một đạo quân đông bằng chín lượng hạt cải trắng sẽ tiến qua vùng bình nguyên miền Nam để xâm lăng Tây Tạng và tiếng thét kinh hoàng sẽ vang lên như là một cơn rồng lửa. Các đạo quân sẽ tiến qua các thung lũng như chớp nhoáng và xâm chiếm miền tây Tây Tạng. Lực lượng cao nguyên sẽ xâm lăng Trung Hoa, cướp phá cho tới

khi giành được chiến thắng. Một nửa số dân Tây Tạng sẽ bị giết, các đền chùa đều bị phá hủy, các bức tượng bị xâm phạm, kinh sách bị chà đạp dưới đất và các tu sĩ bị sát hại. Những ngôi làng bị tàn phá và trở nên hoang vắng vì những người sống sót trong tai họa này sẽ trốn sang Sikkim, Bhutan, Nepal và Ấn Độ... như những người tị nạn, và sơ tán đến các thung lũng bí mật của Hy Mã Lạp Sơn. Những người ở lại vì còn tham tiếc ruộng đất và của cải sẽ bị bọn man rợ chống báng Giáo Pháp tàn sát cùng với gia súc của họ.

Khao khát ước nguyện giải trừ được sự thống khổ này, vị Tulku với năng lực của những ban phước, gia hộ của Ta, với tâm từ bi đồng cảm với tất cả chúng sinh, không nghĩ tới thể xác, sự sống và hạnh phúc của riêng mình, sẽ khôi phục sự dũng mãnh bằng sự phần nộ thiêng liêng, ngài sẽ hướng dẫn và củng cố sức mạnh cần thiết cho người dân ở các xứ biên giới. Khi tiếng nói đức hạnh của những người lưu vong đã hợp nhất, thì những người bạn của Vĩ Nhân này cũng bắt đầu cùng nhau ra sức phục hồi Đại Bảo Tháp.

Nhưng những thế lực hắc ám quái đản đã dụ dỗ mọi người làm những điều tội lỗi; chỉ có một số ít người tôn sùng và tin tưởng vị Tulku này, những người này ít như sao mai buổi sáng. Tuy nhiên, Vĩ Nhân này cũng có một trăm ba mươi ngàn tín đồ đạo hạnh, một trăm lẻ sáu Đạo Sư uyên thâm, tám mươi tám Thiên giả thành tâm trì giới, tám mươi thí chủ rộng rãi, không keo kiệt, hai mươi ba nhà tiên tri, tám bậc chỉ dẫn hóa thân của tám Bồ Tát, hai mươi lăm đệ tử sùng tín, năm Dakini hóa thân, 7 vị được ban phước bởi các Dakini và hai mươi lăm thiếu nữ thuộc các gia đình tái sinh cao quý. Tiếp xúc với họ, ngài thanh lọc tâm trí ô nhiễm của họ và dọn sạch mọi chướng ngại trên đường Đạo của họ. Vị Tulku đó sẽ gặp đệ tử của Ta, một hóa thân trí huệ vô tận của Ta (Padma Lingpa), một hóa thân của Sư trưởng Shantirakshita (Brigung Kunga Rinchen), và một hóa thân của chính Ngài, Trisong Detsen (Karmo Kuntrak), ngài sẽ nhận quán đảnh thể nhập đại lạc của họ, và sẽ phục hồi trọn vẹn Đại Bảo Tháp.

Nếu Đại Bảo Tháp được phục hồi theo lời tiên tri này, thì những người mãn nguyện và thịnh vượng của toàn thể Nam Thiệm Bộ Châu sẽ gặt hái những mùa lúa tốt trong hai mươi lăm năm. Những người mãn nguyện và thịnh vượng của Ấn Độ, Nepal, Sikkim sẽ được mùa trong ba mươi ba năm. Xứ Tuyết sẽ thoát khỏi nạn các đạo quân man rợ xâm lăng trong sáu mươi năm và sẽ được mùa phúc lộc trong bốn mươi năm. Ý nguyện của các tín đồ sẽ được thực hiện. Những Pháp Luân ở các đền chùa Ấn Độ và Tây Tạng, Vajrasana và Samyeling sẽ thoát khỏi sự phá hoại của tứ đại, và các chướng ngại cản trở sự truyền bá giáo pháp được dẹp bỏ, Giáo Pháp sẽ được hoằng truyền. Các Vĩ nhân, Đạo Sư các dòng truyền thừa sẽ gia trì cho các dòng truyền của mình, hướng dẫn các hoạt động Phật Sự. Các Đạo Sư Mật Giáo sẽ hướng dẫn cách quán tưởng bốn tôn và tụng niệm thần chú mà không gặp chướng ngại. Các quý thần phù hộ của Tây Tạng, Vua Trisong Detsen, gia đình của Ngài, và các thủ lĩnh của xứ này sẽ thi hành các bồn phận tâm linh và thể gian, gia hộ cho nhiều người, ban sự mãn nguyện và đức hạnh cho tất cả mọi người. Những bóng ma tà ngụy của thù hận đã tàn phá Tây Tạng cùng lũ quái vật hắc ám vị kỷ sẽ bị tiêu diệt.



*Zangdok Palri*

***Cõi Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ của Đạo Sư Liên Hoa Sinh***

Tất cả những người nào chung tay góp sức phục hồi Đại Bảo Tháp, thì sau ba lần tái thức tỉnh, họ sẽ tái sinh làm người hay trời thanh tịnh để nhận Cam Lộ Giáo Pháp, và cuối cùng sẽ đắc Phật Quả ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Người nào đã tin tưởng Đại Bảo Tháp, người nào đã thấy niềm vui trong bản thể Đại Bảo Tháp, người nào đã biểu lộ sự tôn kính tới Đại Bảo Tháp, và người nào vui mừng, hoan hỷ với các Bồ Tát khi Đại Bảo Tháp được phục hồi viên mãn, thì sau bảy kiếp nữa sẽ ngự ở hàng đầu của các Vị Thành Tựu Giả ở cung điện Ánh Sáng Hoa Sen Vô Tận trên Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ Ngayab tại phương Tây Nam. Những ai chứng kiến cuộc Đại Phục Hồi với đôi mắt của mình, hay nghe âm thanh của cuộc Đại Phục Hồi với đôi tai của mình, hoặc quán tưởng trong tâm, hay cảm giác cuộc Đại Phục Hồi với thân của mình, thì tất cả những dấu vết các hành động vô thức, những ô trược của sáu mươi ngàn đại kiếp vô minh sẽ được giải trừ khỏi tâm thức của người đó. Tất cả những người nào cùng với Đấng Vĩ Đại thực thi việc phục hồi Đại Bảo Tháp, dù có ý thức về ngài hay không, dù tin tưởng hay tôn sùng hay không đều sẽ đạt thành tựu tối thượng và quyền năng tâm linh vào cuối kiếp làm người ở thế gian, họ sẽ an trụ trong tâm thức của một bậc thành tựu Trì Minh Vương, dưới chân của chính Orgyen Rinpoche (Đức Liên Hoa Sinh).

Điều cuối cùng cần biết là: Có ba cấp thành tựu trong Đại Bảo Tháp này.

*Thứ nhất là nghiệp báo tốt của việc dâng cúng và cầu nguyện, đã nói ở chương ba;*

*Thứ nhì là nghiệp báo của đức hạnh hoàn hảo (sáu hạnh ba la mật), những điều vốn làm phát sinh Pháp âm vô tận, những lời dạy của chư Phật, Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai trải qua hàng trăm ngàn đại kiếp;*

*Và thứ ba là sự thành tựu các phẩm tính của Pháp thân, siêu việt cõi hữu vi (cõi biểu lộ)”.*

Khi Guru Rinpoche, Sư trưởng Orgyen, Đức Liên Hoa Sanh nói xong, các tín đồ đều ngạc nhiên, nhận được làn sóng an lạc và năng lực để hộ trì họ trong thời Mạt Pháp.

*Samaya Gya Gya Gya  
Con Dấu Niêm Phong Ba Lần*



### **Tái Bút:**

Dakini Yeshe Tsogyal đã ghi lại những lời này trong kinh văn thiêng liêng của các Dakini đúng như Đại Sư Tôn Quý (Guru Rinpoche - Đạo Sư Liên Hoa Sanh) đã diễn nói. Do việc khai thị vào Tối Mật Tâm của Lama được thị hiện, văn bản bí mật này được cất giấu trong gian trên của Đại Tự Samye, ở sau bức tượng Đức Đại Nhật Mahavairocana. Nguyên sẽ có một người xứng đáng phát hiện văn bản này vào thời khắc cát tường!

Đến đây là chấm dứt *Huyền Thoại Đại Bảo Tháp Jarungkhasor*, điều giải thoát đệ tử khỏi sự trói buộc vào Luân Hồi.

### **Tái Bút của người xuất lộ lần đầu tiên:**

Tôi, Terton (Người xuất lộ) Lhatson Ngonmo, được biết như là Lhawang Gyamtso Lodro, đã kính cẩn xuất lộ Terma (Mật Thư) này từ chỗ cất giấu ở đằng sau bức tượng Đức Đại Nhật Mahavairocana. *Huyền Thoại Đại Bảo Tháp Jarungkhasor* do Đạo Sư Tôn Quý Orgyen kể lại, được viết bằng Mật tự. Tôi đã được báo mộng để tìm thấy Mật Thư này, và được dạy cách viết lại văn bản này bằng chữ viết trên giấy màu vàng, và cất giấu trở lại trong mặt Tây Nam của ngai Sư Tử nơi Tháp Đỏ. Nguyên Mật Thư này được tìm thấy bởi một người xuất lộ xứng đáng, có khả năng, và vào thời điểm cát tường!

***Samaya Gya Gya Gya  
Con Dấu Niêm Phong Ba Lần***

### **Tái Bút của người xuất lộ thứ hai:**

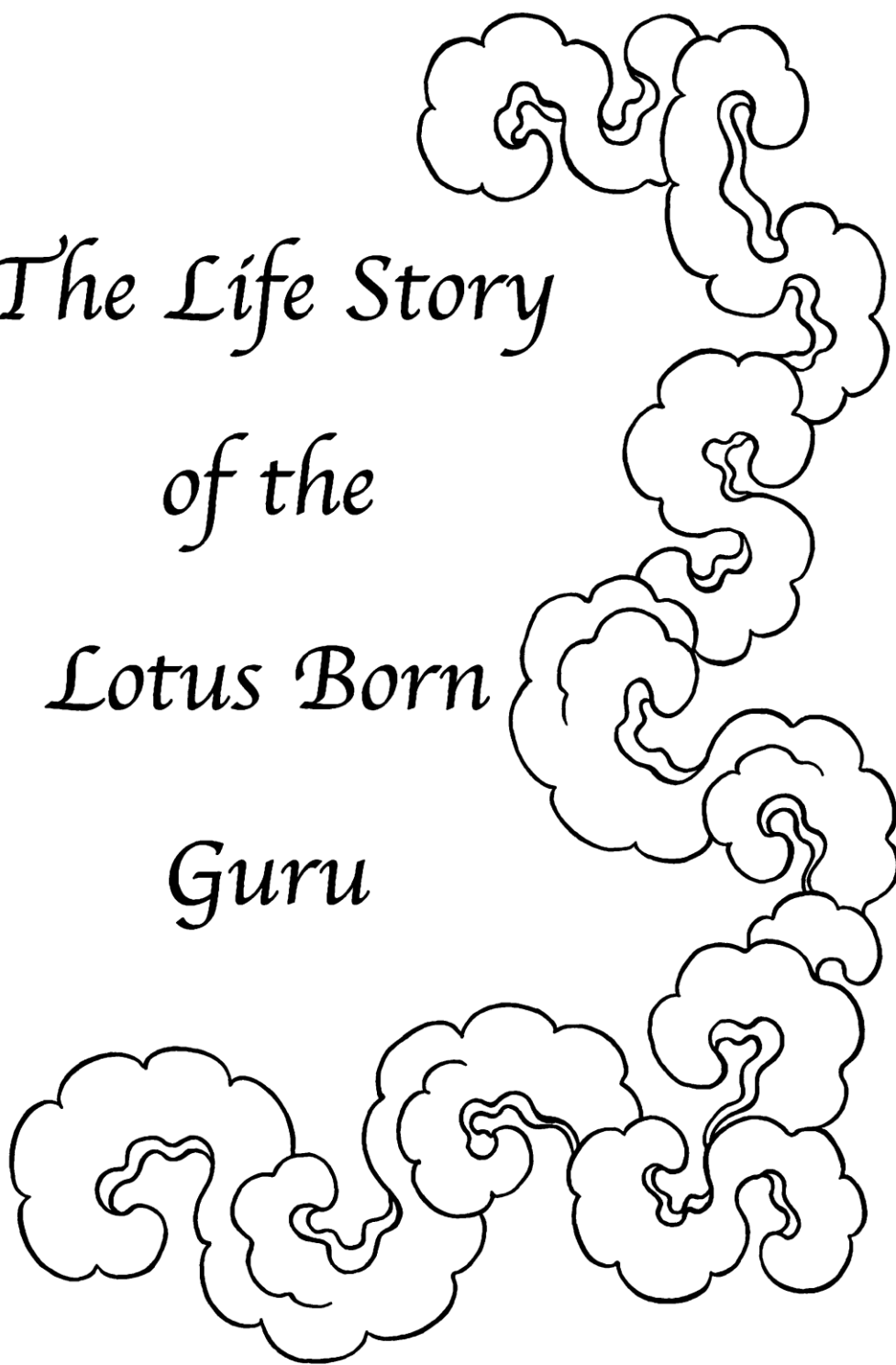
Tôi, Ngakchang Sakya Zangpo, được Đạo Sư Tôn Quý Orgyen từ bi gia hộ, đã được báo mộng để tìm ra chỗ cất giấu Terma này. Tôi tìm thấy Mật Thư này vào ngày mười tám, tháng Mùi, năm Thủy Thân dương. Nguyên nó làm lợi lạc cho mọi dòng truyền thừa của chúng sinh!

### **Tái Bút của dịch giả:**

Được dịch sang tiếng Anh bởi cư sĩ Kunzang Tenzin, dựa theo bản dịch của Nima Norbu, với sự cho phép của Đức Dudjom Rimpoche sau sự hiệu đính bản Tây Tạng bởi Jattur Rimpoche và hoàn tất ở Agia Pelagia trên đảo Kethyra, Hy Lạp, ngày hai mươi, tháng năm, năm Tuất, hoặc ngày hai mươi sáu tháng sáu, năm 1971. Nguyên sự tích này có thể soi sáng thời hắc ám này!

The Legend of the Great Stupa and The Life Story of the Lotus Born Guru/Translation and commentary by Keith Dowman/Illustrated by Glen Eddy/Tibetan Nyingma Meditation Center  
Bản dịch tiếng Anh, giới thiệu và bình luận của Keith Dowman  
Bản Việt dịch Ban Thiền Pháp Trí  
Bản hiệu đính Pháp Đăng, 2014

*The Life Story  
of the  
Lotus Born  
Guru*



**TIÊU SỬ ĐẠO SƯ LIÊN HOA SINH**



Đây là bản dịch của *zab pa skor bdun las orgyen nam thar dpag bsam ljon shing*, tiểu sử của Đại Đạo Sư Liên Hoa Sinh Padmasambhava, người hành khát, hành giả mật thừa tantrika, nhà huyền thuật, bậc học giả, bậc pháp sư, nhà tu sĩ, bậc truyền đạo, bậc có tầm nhìn sâu xa và bậc thánh nhân. Bản văn kho tàng này được cất dấu bởi Đại Đạo Sư trong thế kỷ thứ tám và được phục điển từ Núi Đá Karma Damchen bởi ngài Orgyen Chokyur Lingpa.

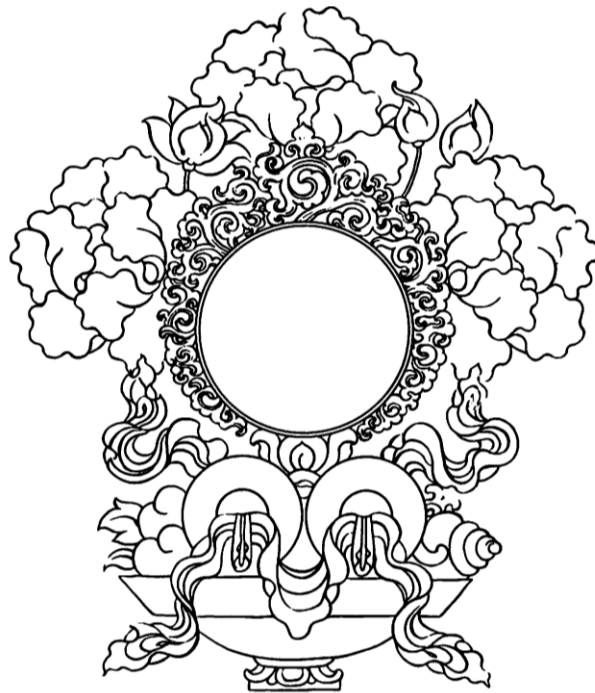
Được sinh ra ở xứ Oddiyana (Orgyen trong Tạng ngữ) ngay sau sự kiện Nhập Niết Bàn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức Liên Hoa Sanh đã du hành khắp Ấn Độ và các cõi giới khác trước khi được thỉnh mời tới Tây Tạng bởi Pháp Vương Trisong Detsen. Sức mạnh huyền diệu là công cụ chính Ngài sử dụng trong việc làm bình ổn các thế lực thù địch với Giáo Pháp và giới thiệu Mật Chú Thừa tới Tây Tạng. Ngài đã mang đến Tây Tạng những kỹ thuật phát triển cao cấp của yoga và thiền định, đồng thời ban truyền nhiều dòng truyền thừa của các Mật Điển Tantra Mahayoga và Atiyoga, những điều mà ngày nay vẫn còn được bảo tồn trong truyền thống Nyingma Cổ Mật. Các sự kiện chính trong cuộc đời của Đạo Sư được thuật lại trong mười chương của tiểu sử này.

Đức Liên Hoa Sinh Padmasambhava là một vị Phật mà từ những đời quá khứ của mình, Ngài đã được chuẩn bị cho nhiệm vụ khó khăn để giảng dạy các phương tiện và minh chứng lối sống cần thiết cho sự chiếu sáng trong thời kỳ Mật Pháp Kaliyuga, giai đoạn cuối cùng của một đại kiếp được đặc trưng bởi sự suy hoại không ngừng lối sống đạo đức. Theo lời thỉnh mời Nhà Vua Trisong Detsen, Ngài đã du hành tới Tây Tạng, nơi Ngài trở nên được biết tới như là Guru Rinpoche, Bậc Đạo Sư Quý Báu. Ngài có hai mươi lăm đệ tử thân cận, mỗi vị trong số này đều đã hoàn thiện những phần thực hành riêng cụ thể của mình nhờ thực hành giáo huấn, mệnh lệnh của Ngài. Một khi một đệ tử đã nhận được những chỉ dẫn, sau đó đi vào thực hiện phần thực hành được ban cho này, và thu được những thành quả, và như vậy người đó đạt tới bản thể trọn vẹn cùng với Đạo Sư và bắt đầu một dòng truyền thừa riêng biệt kéo dài mãi tới các hình thức truyền thống của thiền định. Do đó Guru Rinpoche là từng vị Guru, từng vị Lama, những bậc đã thành tựu thực hành Guru Yoga. Mặc dù hình thức của Ngài thì có rất nhiều hóa thân, hiện thể khác nhau nhưng nói chung là các ngài là một.

Trong Phạm ngữ Sankrit thì từ *Padmasambhava* có nghĩa là *Được Sinh Ra từ Hoa Sen*. Cũng giống như hoa sen, được bắt rễ từ bùn đất nơi đáy hồ, phát triển và sinh trưởng vượt lên trên qua phần nước âm u, tối ám của hồ nước và nở hoa, bông bành, không dính bùn đất và tỏa ngát hương thơm trên mặt nước, thì cũng vậy, tâm giác ngộ vượt lên khỏi những nhiễm ô từ bản tánh nền tảng con người, chạm tới nguồn gốc của ánh sáng và vẻ đẹp đó, thông qua những chiều sâu của đau khổ, làm hiện lên đóa hoa của trí tuệ và lòng từ bi.

Thuật ngữ "*tiểu sử*" là một sự phiên dịch hạn hẹp nghĩa của từ Tây Tạng *namtar* [*nam thar*], có nghĩa là "*Giải Thoát Trọn Vẹn*," từ ám chỉ hình thức thể loại văn học này. Mỗi dòng truyền thừa có vô số những giải thích về thể loại nhằm mô tả con đường dẫn đến Phật quả này, nơi mà trên đó những bậc Đạo Sư của họ đã đi qua. Thường được tuyên bố bởi chính các vị Đạo Sư vào trước thời khắc các Ngài nhập Niết Bàn, những

*namtar* này là những lời chỉ dẫn, những bản đồ chiếu sáng con đường Kim Cương Thừa: mỗi chương mô tả một hình thức của sự ban truyền, quán đảnh nhập môn vào con đường Kim Cương Thừa. Sau khi đã đi qua con đường này, các bậc Đạo Sư đã lựa chọn việc ghi lại những thể nghiệm của mình trong ngôn ngữ biểu tượng và thường làm ẩn đi ngôn ngữ dưới dạng ẩn chứa nhiều cấp độ ý nghĩa. Những ý nghĩa sẽ được tự bộc lộ một cách đầy đủ, trọn vẹn chỉ sau khi con mắt bên trong trực giác của hành giả được khai mở.



*Ở đây là Tiểu Sử Tự Giải Thoát  
Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen ,  
Một Cây Như Ý.  
Nó được lấy từ Bảy Chủ Đề Thâm Sâu Uyên Áo  
của Đại Terton Orgyen Chokyur Lingpa.*

*O Kỳ diệu hoan hỷ thay! Ta, Padma, Bạc Đạo Sư Sinh Ra Từ Hoa Sen, sẽ kể lại  
trong bản tiểu sử này về sự thực hành tâm linh của Ta và sự kiện lịch sử giải thoát  
làm thế nào Ta làm chủ được giáo huấn thiêng liêng của Ba Thừa và hoạt động  
liên tục, không ngơi nghỉ cho hạnh phúc và lợi ích của tất cả chúng sinh,  
không ngừng xoay chuyển Pháp Luân xuyên suốt 3 thời  
quá khứ, hiện tại và vị lai.*



**Chương Đầu Tiên**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Sự Xuất Hiện Của Ngài Trên Thế Gian Cùng Sự Tu Tập Của Ngài***  
***trong các Môn Nghệ Thuật và Khoa Học***

Chúng sinh đã lang thang bất tận trong vô minh và ảo tưởng từ các cõi sinh tử luân hồi của các vị thiên, bán thiên atula, người, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục. Nhưng vào lúc này, trong thời kỳ Mạt Pháp Kaliyuga đầy xung đột và biến động, chúng sinh chìm đắm hỗn độn trong khối bầy nhầy độc hại của thù hận, tham dục, vô minh, đố kỵ và tự mãn. Đặc biệt, để cứu vớt những chúng sinh ấy - những kẻ khó nhất để cứu giúp, chư Phật Pháp Thân, Thân Chân Lý Trí Tuệ Đích Thực, đã khởi niệm, hình thành Ta với tâm thức thiền định tập trung của các Ngài. Chư Phật Báo Thân, Huyền Thân Phúc Lạc, đã thọ ký cách thức xuất hiện của Ta với sự sắp đặt từ bi của các Ngài, và chư Phật Hóa Thân, Thân Hóa Hiện, đã khẳng định sự hiện thân của Ta với sức mạnh, năng lực của toàn thể các Ngài. Vì vậy, Ta, Orgyen Padma, Liên Hoa Sinh, bậc Đạo Sư Sinh Ra Từ Hoa Sen, đã xuất hiện trong thế giới này.

Một số người nói rằng Ta đã hiển lộ bản thân mình trên chiếc giường phấn hoa từ một bông hoa sen trong Hồ Dhanakosha của xứ sở Orgyen; Một số khác nói rằng Ta được sinh ra là một hoàng tử của xứ Orgyen, và những người khác nữa nói rằng Ta đã rơi xuống từ chớp sáng của một tia sét đánh xuống đỉnh Núi Sắt Thiết Vi... Có rất nhiều niềm tin khác nhau từ những cá nhân khác nhau và từ những tộc người khác nhau về việc Ta đã xuất hiện trong nhiều hình thức. Tuy nhiên, hai mươi bốn năm sau khi sự kiện Nhập Niết Bàn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Shakyamuni, Đức Phật Vô Lượng Quang Amitabha đã khởi niệm hình thành tư tưởng giác ngộ trong hình thể của Đấng Đại Bi, Quán Tự Tại Quán Âm Avalokiteshvara, và từ trái tim của Đấng Bi Mẫn Vĩ Đại, Ta, Padma, Đạo Sư Liên Hoa Sanh, đã được hóa hiện ra như chúng tự **HRI**. Ta đã đến như cơn mưa trút xuống toàn thể thế giới trong vô số tỉ tỉ các hóa thân, hình thức cho những ai sẵn sàng đón nhận Ta. Những hoạt động và hành năng của Các Bậc Giác Ngộ thì không thể hiểu được! Ai là người xác định hay đong đếm được chúng!

Một trong những hình thức của Ta được hiện thân như là Hoàng tử của xứ Orgyen trong cõi Nam Diêm Phù Đề Jambuvidpa. Trong hình thức này, đó là định mệnh của Ta để cai trị xứ sở Orgyen. Như vậy, Ta đã thuyết Pháp Đại Thừa trong xứ Orgyen cho tới khi tất cả, từng người một đạt được sự giác ngộ viên mãn. Sau đó, Ta khởi hành đi Ấn Độ, nơi mà Ta đã trở nên thành thạo, điều luyện trong Ngũ Minh, gồm năm bộ môn nghệ thuật và khoa học: Ngôn ngữ (thanh minh), Chữa bệnh (y phương minh), Biện chứng (nhân minh), Công nghệ (công xảo minh), và Siêu hình học (nội minh).



**Chương 2**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý.**

***Xin Thọ Các Giới Luật và Bác Bỏ Những Lời Buộc Tội***

Từ Đức Ananda, đệ tử của Bạc Chúa Tể, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Shakyamuni, Ta đã thỉnh cầu các Kinh Điển, sau đó Ta đã được tôn phong bởi Đức Prabhahasti (Voi Rực Rỡ) và tự đặt mình trong kỷ luật rèn luyện ba yoga thân, khẩu và tâm. Sau đó, với lòng tôn kính lớn lao, Ta đã đến với bậc thầy vĩ đại Garab Dorje (Kim Cang Cực Hỷ) và nhận được giáo lý *Giọt Tâm Yếu của Đại Viên Mãn [Dzogchen snyingtig]*, mức độ cao nhất của các Mật Điển Tantra. Từ bậc minh sư vĩ đại Buddhaguhya (Phật Bí Mật), Ta đã nhận được giáo lý *Hàng Trăm Hóa Thân của Mật Tâm [gSang ba'i snying po sgyu' phrul brgya rtsa]*. Dưới chân bậc thầy vĩ đại Shri Singha (Sư Tử Cát Tường), Ta đã nhận được các Tantra của *Đấng Heruka Vô Thượng [Chemchog Heruka yi rgyud]*, *Tâm Phúc Lạc Bi Mãn*.

Dưới chân bậc thầy vĩ đại Manjushrimitra (Diệu Đức Hữu), *Bạc Vidyadhara Trì Minh Vương của Thân*, Ta nhận lãnh tất cả các Mật Điển Tantra của *Manjushri-yamari [Jam dpal gshin rje – Yamantaka, Hàng Phục Dạ Ma]*, *Đấng Huy Diệt Cái Chết*. Dưới chân bậc thầy vĩ đại Nagarjuna (Long Thọ), *Bạc Vidyadhara Trì Minh Vương của Khẩu*, Ta đã nhận được *những Mật Điển Tantra và Sadhana Các Nghi Quỹ của Khẩu Liên Hoa [Padmagsung]*. Dưới chân bậc thầy vĩ đại Hungchenkara, *Bạc Vidyadhara Trì Minh Vương của Tâm*, Ta đã nhận được *Các Nghi Quỹ Sadhana và các Tantra Mật Điển Thực Tại Tâm [Yang dag thugs]*. Dưới chân bậc thầy vĩ đại Vimalamitra, *Bạc Vidyadhara Trì Minh Vương của Các Phẩm Tánh Phật*, Ta đã nhận được *Các Nghi Quỹ Sadhana và các Mật Điển Tantra của Cam Lô Tuyệt Hảo [bDud rtsi yon tan]*, *Phật Hạnh*. Dưới chân bậc thầy vĩ đại Dhana-samskrita, Ta đã nhận được *Các Tantra và Các Nghi Quỹ Sadhana Hoạt Động Viên Mãn của Dao Găm Thiêng Phổ Ba [Phurpa' phrin las]*. Một lần nữa dưới chân Đức Prabhahasti, Ta đã nhận được *Hàng Trăm Ngàn Câu của Phurpa Vitotama*. Dưới chân bậc thầy vĩ đại Shantimgarbha (Tịch Tạng), *Bạc Vidyadhara Trì Minh Vương của Thần Chú Mãnh Liệt*, Ta đã nhận được *Các Nghi Quỹ Sadhana và các Mật Điển Tantra Nghi Lễ Tán Thán và Làm An Dịu [Drag sngags]*. Ta, Padma, Bạc Đạo Sư Sinh Ra Từ Hoa Sen, đã nhận lãnh từ nhiều bậc thầy, bậc lão thông, và những vị vĩ đại khác nhiều quán đảnh, luận giảng và những giới luật của nhiều Mật Điển Tantra khác nhau, cùng với sự cho phép nghiên cứu và rồi sau đó thực hành các truyền thống nội, ngoại, và mật của Mật Chú Thừa cùng Tam Tạng Kinh.



**Chương 3**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

*Trì Giữ Giáo Lý ở Ấn Độ*  
*và Trang Hoàng Các Lĩnh Vực với Giáo Pháp*

Ta, Padma, đã hoàn thành sự thiên định của mình trong tám mộ địa và các nền nghĩa địa của Ấn Độ vĩ đại cùng những nơi chốn thiêng liêng khác. Sau khi Ta đã kiểm soát những năng lực, sức mạnh của ma quỷ nhờ sự tách rời, thì sự thực hành của Ta đã lên đến đỉnh điểm trong sự hiển lộ, mặc khải các dấu hiệu cát tường thành tựu.

Khi nỗi sợ hãi các ngoại đạo Tirthikas Hắc Ám phát sinh trong Vajrasana Bồ Đề Đạo Tràng, nơi chốn thiêng liêng nhất của xứ Ấn, Ta, Padma, đã chế ngự sự hung hăng, gây chiến của chúng với năng lực huyền thuật của mình. Năm trăm học giả của Vajrasana đã thỉnh cầu Ta trở thành đạo sư và bậc thầy của họ. Giáo lý của Đức Phật đã được bảo vệ, gìn giữ tại Vajrasana trong một trăm năm, trong khi bậc đại học giả Vimalamitra đã ở lại đó như người đại diện của Ta.

Sau đó, Ta, Padma, đã khởi hành tới Zahor. Bị hiểu lầm bởi vua xứ Zahor, Ta đã bị thiêu sống, nhưng nhờ giải phóng quyền năng huyền diệu của mình, Ta đã chuyển hóa ngọn lửa dùng để thiêu cháy Ta biến thành một chiếc một hồ nước lớn. Xứ Zahor trở nên được gắn kết với các hành giả yogin và giáo lý của Đức Phật đã tồn tại ở đó trong hai trăm năm.

Từ Zahor, Ta đã du hành tới Hang Động Maratika ở Nepal để thực hành Sadhana Nghi Quỹ Đồi Sống Bất Tử. Đấng Thủ Hộ Amitayus Vô Lượng Thọ đã đến với Ta trong một linh kiến và dạy cho Ta 108 văn bản nghi lễ ban sự bất tử.

Ta đã lên Cõi Trời Sắc Cứu Cánh Vô Thượng Akanistha và tới các Tịnh Độ của năm gia đình Phật. Ta đã thỉnh cầu Mật Điển Tantra từ các Đấng Thiên Thệ và được các vị Phật Bi Mẫn Hóa Thân ban cho lời dạy rằng chính tâm của Ta là Vị Phật duy nhất để khám phá.

Trong hang động thiên định cao nhất ở Yangleysho, Ta bắt đầu tiến trình thành tựu *Thực Tại Tâm Heruka Siêu Phàm [dPal chen yang dag heruka]* để đạt tới các năng lực, sức mạnh tâm linh của Đại Ấn, nhưng nỗi khổ đau của dân Ấn Độ và Nepal đã trở thành một trở ngại cho việc hoàn thành thiên định của Ta, do vậy Ta đã khẩn nguyện các Bậc Đạo Sư của mình ban cho phương tiện làm nguôi dịu, giảm thiểu khổ đau của

người dân các xứ này. Bản văn Phurpa Vitotama, một bản văn nặng tới mức phải đúng một người mới có thể đủ sức mang nó tới đã được gửi tới cho Ta. Ngay lập tức sau khi nó được mang tới Nepal, những trở ngại cho sự tiến bộ trong nghi quỹ sadhana của Ta đã được gỡ bỏ, và Ta đã đạt được lòng bi mẫn tương đối và tối hậu của Đại Ấn.

Khi Ta, Padma, đang thiền định trên xứ Ya, một mâu thuẫn, xung đột với các ngoại đạo tirthika đã phát sinh ở Vajrasana, và các Dakini đã khuyên năm trăm học giả thỉnh Ta trở lại. Sau đó, Vua Ấn Độ Suryasingha (Su Tử Mặt Trời) đã gửi một số môn đệ tới Ta với một lời nhắn thỉnh mời. Trở về Vajrasana, Ta đã hàng phục chúng ngoại tirthika đó.



*Yeshe Tsogyal*



Sau đó, Ta, Padma, đã đi cùng với Tám Vị Trì Minh Vương Vidyadhara Vĩ Đại Xứ Ấn tới nghĩa trang có tên gọi là Sitavana, Khu Vườn Mát Lạnh, và chúng ta thiền định. Vào lúc nửa đêm của ngày thứ bảy chú tâm thiền định, một Đại Bảo Tháp phát tỏa ra an lạc đã tự nhiên xuất hiện. Khi thiền định trên Bảo Tháp, chúng ta đã thấy nó chói sáng và lấp lánh với ánh sáng. Dakini Senge Dongma (Dakini Đầu Sư Tử Simhamukha) đã ban truyền riêng cho Ta một chiếc rương kho tàng và những chỉ dẫn quán đánh về *Sự Hợp Nhất các Đấng Thiện Thế [bDe gshegs 'duspa]*. Từng vị trong số Tám Vị Trì Minh Vương Vidyadhara đã thọ nhận những giới luật và quán đánh cần thiết. Như vậy Phật pháp đã được bảo tồn, gìn giữ ở Vajrasana trong nhiều thời kỳ.





**Chương 4**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Lời thỉnh mời tới Tây Tạng và Sự Hàng Phục***  
***các vị Trời và Tinh Linh Ma Quỷ***

Những người thiện tâm đã xây dựng Bảo Tháp Bodhanath ở Nepal đã khẩn xin điều lợi lạc để họ có thể được tái sinh nhằm thiết lập Phật Pháp ở Tây Tạng. Bởi năng lực của lời cầu nguyện đó, một trong số họ đã được tái sinh như là Pháp Vương Trisong Detsen của Tây Tạng, được thấm đẫm với khát vọng tôn giáo và quyết tâm xây dựng một tu viện vĩ đại. Phù hợp với tâm nguyện này, Tu viện trưởng của tu viện Nalanda, Shantarakshita, đã được thỉnh đến Tây Tạng để gia trì, ban phước cho địa điểm. Khi đến thung lũng nơi tu viện được xây dựng, mặc dù nằm trong khả năng của mình để có thể ban phước, gia trì cho nền đất nhưng Shantarakshita đã giả vờ như mình không có khả năng thực hiện việc này, vì nó đã được thọ ký cho Ta, Padma, phải du hành tới Tây Tạng để thiết lập Giáo Pháp. Nhà Vua Trisong Detsen đã gửi ba sứ giả cùng những món quà vàng ròng để thỉnh cầu Ta đến Tây Tạng, vì vậy Ta đã hỏi ý kiến về sự cho phép của Pháp Vương Ấn Độ và những người bảo trợ của mình. Sau khi cân nhắc, họ quyết định rằng mặc dù có nguy cơ rất lớn về tác hại từ chúng ngoại đạo tirthika ở Ấn Độ khi không có Ta, nhưng Ta được phép khởi hành, vì lời tiên tri của việc lan tỏa Giáo Lý phải được thực hiện vào thời điểm cát tường, thuận lợi này. Các sứ giả trở về với Vua Trisong Detsen cùng quyết định này.

Không lâu sau đó, Ta đã rời Ấn Độ và khởi hành tới Thung lũng Kathmandu ở miền trung Nepal. Khi Ta tới biên giới Tây Tạng, các vị thần mãnh liệt và các tinh linh hoang dã man rợ của Tây Tạng đã biết trước việc Ta đến Tây Tạng và vì lo ngại cho số phận của mình, bọn họ đã trở nên méo mó bởi sự nghi ngại và lo lắng. Một lần nữa, trong Mangyul, Ta đã được chào đón bởi năm sứ giả, những người sau đó đã có tín tâm và sự tự tin trong năng lực huyền nhiệm chuyển hóa của Ta.

Trên bờ Hồ Nyimakhud ở Tây Tạng, Ta đã hàng phục các vị thần núi độc ác và các tinh linh ăn thịt người dã man. Tất cả những vị này bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ với Giáo Pháp. Trên Đèo Khala, Ta đã hàng phục *Mười Hai Nữ Thần Hộ Pháp của Quá Khứ*; ở miền Bắc Ta đã trói buộc *Tủi Hố*, Nữ Hộ Pháp của Núi Trắng Bạch Sơn, và Nữ Hộ Pháp Tinglomen; Ta đã hàng phục tất cả các vị Chúa Tể Đất của khu vực phía Bắc; Ở Tsang, Ta đã hàng phục các Tinh Linh Ôn Thần Gây Bệnh Dịch của xứ Oyug. Tất cả các vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ tới Giáo Pháp. Ở Phuru, Ta đã hàng phục Dorje Legpa, vị vua của các Tinh Linh Trung Dung và Tham Lam; Ở Yaru

và Yonru, Ta đã hàng phục các tinh linh và hồn ma ăn thịt người dã man; Ở Osham, Ta đã hàng phục và trói buộc Thanglha, Chúa Tể của Bệnh Dịch và Truyền Nhiễm. Tất cả các vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ tới Giáo Pháp. Trên Tisey (Núi Kailash Ngăn Sơn), Ta đã ràng buộc Các Lực Lượng Tinh Tú của Những Cung Điện Mặt Trăng, và trên Targo, Ta đã mang Các Thế Lực Hành Tinh Hắc Ám nằm dưới sự kiểm soát của Giáo Pháp. Nhờ Hồ Chukmo và Hồ Matsu Ngonmo, Ta đã hàng phục các nữ thần nước mạnh mẽ; Tại Hang Đá Dantik, Ta đã hàng phục Magyal, Chúa Tể của Nước Dịch Hạch [rma rgyal]; Tại Rotamnakpo, Ta đã hàng phục Mayams, Bà Mẹ của Bệnh Truyền Nhiễm. Tất cả các vị này đều bị ràng buộc để phục vụ Giáo Pháp.

Tại Atarong, Ta đã hàng phục Các Tinh Linh Phù Thủy Quyển Rũ ('gong po); trên Núi Đá Melung, Ta đã hàng phục tinh linh bị mất giới cư sĩ được thọ ký bởi Đức Phật; Tại Wangshumarpo, Ta đã hàng phục một hoàng tử tinh linh [lha brtsan]; Trên Núi Kam, Ta đã hàng phục một hoàng tử của các Tinh Linh Nước [klu brtsan]; Tại Shagralhatse, Ta đã hàng phục một trong những vị thần trường thọ [lha rtse sku lha]; Tại Thodkarnakpo, Ta đã hàng phục một Chúa Tể của các vị thần [lha brtsan]: Tất cả những vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ tới Giáo Pháp.

Ở Trigonakpo, Ta đã hàng phục một Nữ Thần Đại Dương; Tại Changramukpo, Ta đã hàng phục một vị vua thù hận; Trong Tsawarong, Ta đã hàng phục một Chúa Tể Đất; Tại Lawarkangcik, Ta đã hàng phục Các Tinh Linh Trung Dung Tham Lam [the'u rang]; Tại Boyirong, Ta đã hàng phục một con quỷ nước [klu bdud]: Tất cả những vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ tới Giáo Pháp.

Tại Naydruggang, Ta đã hàng phục Ròng Naga Ma Quỷ [klu bdud]; Tại Pháo Đài của Anchungdzong, Ta được chào đón bởi tinh linh mất giới cư sĩ, người đã hứa nguyện phụng sự Giáo Pháp ở Núi Đá Melung; Tại Sengedzong, Ta đã hàng phục tinh linh xứ Yahpang; Tại Namkhadzong, Ta đã hàng phục một vị thần bệnh dịch; Trên Núi Đá Quý, Ta đã hàng phục các công sứ của các Thần Núi [bar blon]; trên Núi Tuyết Mayo, Ta đã hàng phục một tinh linh dịch bệnh vĩ đại; Trên Núi Đá xứ Poi, Ta đã hàng phục một nữ quỷ; Tại Khyungtonakpo, Ta đã hàng phục một hoàng tử ma quỷ; Tại Núi Quỷ Đen, Ta đã hàng phục Chúa Tể Quỷ Dữ. Tất cả những vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ tới Giáo Pháp.

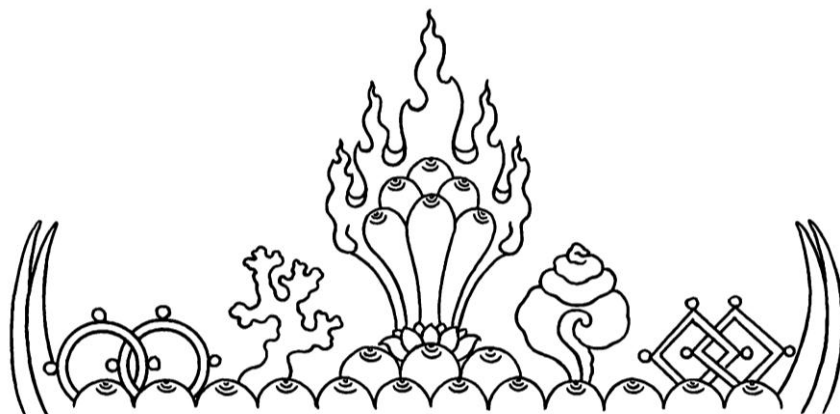
Tại Buchu, Ta đã hàng phục tinh linh nước nhỏ [klu phran]; Tại Lharutse, Ta đã hàng phục một vị thần hầu cận [lha bran]; Tại Geypo, Ta đã hàng phục các Thần Săn Lùng [mgur lha]; Tại Maldro, Ta đã hàng phục các vị rồng Naga; Tại Monyul trên biên giới phía nam Tây Tạng, Ta đã hàng phục nhiều tinh linh ngoan cố [rmu bdud]; Tại Bramoshong, Ta đã hàng phục Quỷ Dữ của Vực Sâu. Tất cả những vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ tới Giáo Pháp.

Ở phía Nepal của Lhache, Dây Hy Mã Lạp Sơn, Ta đã hàng phục bốn quỷ Se; Tại Kyirong Chomtrin, Ta đã hàng phục Các Nữ Thần Mamo dữ dội. Tất cả những vị này đều bị ràng buộc dưới lời tuyên thệ để phục vụ Giáo Pháp.



*Gyalwa Choyang*

Sau đó, trong một thung lũng ở Tsang, Ta đã được tiếp đón bởi một thám sát cao cấp, và trong thị trấn xứ Todlung, Ta đã được tiếp đón bởi tất cả người dân. Vào thời điểm đó, những nguồn nước giếng ở Dongpa đã tuôn chảy như Cam Lộ Quyên Năng. Cuối cùng trong một khu vườn liễu, gần Núi Đá Đỏ, Ta đã được tiếp đón bởi nhà vua. Nhưng ngay cả khi Vua Trisong Detsen vốn là một hóa thân của Đức Văn Thù Manjushri, nhưng do những ô nhiễm nặng nề của sự tái sinh tử cung thai tạng của mình, ông đã không nhận ra phẩm chất và bản tánh đức hạnh của Ta. Sự ngạo mạn và kiêu hãnh của ông đã ngăn cản việc ông phải đánh lễ Ta. Ta đã phô diễn năng lực kỳ diệu của mình để chuyển hóa và hát cho ông nghe bài hát của Ta về năng lực; Đức tin đã được đánh thức trong ông và rồi sau đó ông đã có thể phủ phục đánh lễ trước Ta. Ông trang hoàng ngai vàng sư tử tọa cho Ta và ban những lễ vật vĩ đại cho Ta. Tất cả chúng trời và người của Tây Tạng lúc này đã tôn thờ Ta.





**Chương 5**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

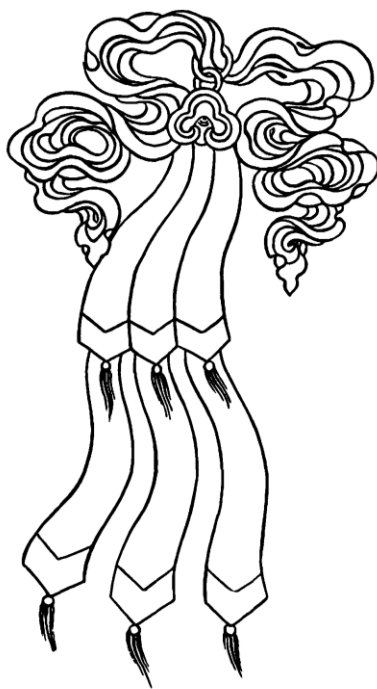
***Xây Dựng và Hiến Dâng Tu Viện Samye Ling***

Tất cả các vị trời và tinh linh phần nô được hàng phục của xứ sở đã tụ hội trong sự tuân phục mệnh lệnh của Ta. Với sự gia trì, ban phước của mình, Ta đã tịnh hóa mặt đất - nơi trên đó tu viện được xây dựng, và, cất lên chúng tự **HUM**, Ta đã buộc các vị trời và tinh linh quỷ ma của nơi này đi vào sự vâng phục nhờ phương tiện của vũ điệu chuyển động kim cương. Con người làm việc vào ban ngày và các vị trời cùng tinh linh ma quỷ làm việc vào ban đêm để đặt nền móng cho Samye Ling. Tứ Đại Thiên Vương - Dhritarashtra, Virudaka, Virupaksha và Vaishravana hướng dẫn và bảo vệ công trình. Các vị trời và các tinh linh phần nô làm việc chăm chỉ hơn và xây những bức tường đất sét trong suốt đêm cao hơn so với con người làm vào ban ngày, và tiếng hò hét được tạo ra bởi công việc này vang lên chói tai. Trong khi đó, Vua Trisong Detsen đã hòa giải với các vị rồng naga và đã giao cho họ việc thu thập đủ vàng để lấp đầy kho tàng hoàng gia và xứ sở.

Tu viện Samye Ling, có nghĩa là "Bất Khả Tư Nghị", được mô phỏng theo mô hình một mạn đà la, sắp xếp theo hệ thống vũ trụ vạn vật. Tiến trình xây dựng của nó tiến triển như một đứa trẻ lớn dần đến tuổi trưởng thành. Điện Thờ Trung Tâm vĩ đại với ba câu chuyện của nó được thiết kế như Núi Tu Di và Các Điện Thờ Thượng và Hạ Dạ Xoa Yaksha, ở phía đông và phía tây, hai bên sườn Điện Thờ Trung Tâm, giống như mặt trời và mặt trăng bên sườn Núi Tu Di Meru. Bốn ngôi đền lớn ở bốn hướng chính và tám ngôi đền nhỏ hơn theo các hướng phụ, đại diện cho bốn châu lục và tám đảo lục địa, được trang hoàng khu vực "đại dương" bên trong bức tường hình tròn đại diện cho vòng núi chứa đựng vũ trụ.

Một trăm lẻ tám Bảo Tháp, mỗi bảo tháp cất giữ một chày kim cương được vật chất hóa một cách kỳ diệu bởi Hộ Pháp Vajrasadhu, nổi bật trên bức tường, bốn con chồn được đúc bằng đồng nằm ngửa trên bốn cột trụ đá canh gác bốn cổng. Giống như cung điện của các vị trời trên đỉnh Núi Tu Di, vì vậy Điện Thờ Trung Tâm vĩ đại với ba tầng mái theo ba phong cách riêng biệt của Ấn Độ, Trung Hoa và Tây Tạng đã được hình thành ở trung tâm Samye Ling. Trong phòng cao nhất của điện thờ ngự Đức Phật Phổ Hiền Samantabhadra; ở giữa mạn đà la là các hóa thân của Đức Phật Đại Nhật Tỳ Lô Giá Na Vairochana; trong phòng trung tâm ngự Đức Phật Đại Nhật Tỳ Lô Giá Na Vairochana, được bao quanh bởi các hóa thân của mạn đà la Kim Cương Giới; trong phòng tầng trệt ngự Đức Phật Mahabodhi Đại Bồ Đề, được bao quanh bởi các đệ tử của Đức Phật và tất cả chư Bồ Tát trong mười phương.

Tại lễ dâng hiến tu viện, hoa được rải khắp nơi. Các vị chư thiên xuất hiện trong sự hiển lộ trí tuệ của họ, với sự tràn ngập những ánh sáng rực rỡ, chũm chọe được vang lên tự nhiên, và, trong khi các vị trời rải mưa hoa xuống và các vị rồng naga dâng lên những cúng dường châu báu, thì cả thế gian đã được lấp đầy với những điềm báo cát tường, hoan hỷ. Các Dakini Phần Nộ và Các Bạc Chúa Tể Bảo Hộ, như các anh chị em, vinh danh lễ kỷ niệm. Bốn trụ đá rực lửa, cháy sáng và bốn con chồn đồng cất lên tiếng kêu. Ba lần tất cả mật hoa chữa lành Cam Lô rơi xuống từ bầu trời mang lại đức hạnh và hạnh phúc cho Xứ Tây Tạng và niềm hỷ lạc liên tiếp kéo đến cho cả người và trời. Trong vũ trụ, các dải lụa cõi trời kéo đến chúc mừng báo trước sự lộng lẫy và danh tiếng.





**Chương 6**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Kết Nạp Các Dịch Giả và Học Giả,***  
***Biên Dịch Những Bản Văn Linh Thánh của Kinh Giáo và Mật Giáo***

Sau đó Ta, Đạo Sư Liên Hoa Padma, và Tu Viện Trưởng, Shantarakshita, còn ở lại Tây Tạng một thời gian, chúng ta đã trở nên không hài lòng với sự tiếp thu, nhận lãnh của người dân đối với Giáo Pháp. Chúng ta đã bàn bạc và đồng ý rằng Tây Tạng là một xứ sở độc ác man rợ, không thích hợp để chứa đựng Giáo Pháp với những người không thể phân biệt giữa đức hạnh và tội lỗi. Trong sự ganh ghét của mình, các bộ trưởng quan chức của Tây Tạng đã cản trở, phá ngang những nỗ lực của chúng ta để thực hiện những nguyện ước của nhà vua, và chúng ta đã xem xét tới việc quay trở về xứ sở của mình. Khi chúng ta nói với nhà vua về những cân nhắc của mình, ông đã vô cùng buồn rầu, và khóc. Sau đó, dâng lên cho chúng ta một món quà là một mạn đà la vàng ròng và những món quý giá khác, ông đã cầu xin cả hai chúng ta độ lượng lắng nghe lời cầu xin khẩn thiết của mình. Sau khi mở rộng tâm trí mình, Vua Trisong Detsen nói: "Vùng đất Tây Tạng này là một xứ sở dã man và man rợ, một xứ sở của bóng tối nơi Giáo Pháp chưa từng bao giờ được nghe tới. Mặc dù các ngài có trở nên thất vọng, nhưng xin hãy từ bi! Nhờ sự giác ngộ của các ngài, xin hãy mở lòng thiện tâm tới chúng con! Xin hãy ở lại như những vị Phật hiện thân trong vùng đất sa đọa này! Bạc Bò Tát làm việc vì lợi ích của những người khác và không có con đường nào cao hơn hành động làm việc vì sự giải phóng, cứu độ những người khác. Vì vậy, con, Trisong Detsen, cầu xin các ngài hoàn thành lời cầu nguyện của con. Con đã xây dựng những Bảo Tháp, viết những cuốn sách và dựng lên những hình tượng để rồi vô ích, nhưng, nếu các bản văn thiêng liêng của Kinh Giáo và Mật Giáo được mang đến Tây Tạng và được biên dịch, con đã dự tính tới việc lan truyền Giáo Pháp. Sự luận giảng về Giáo Lý có thể được nghe và nhiều người có thể thực hành thiền định phù hợp theo truyền thống. Con yêu cầu hai ngài, những bậc minh sư vĩ đại, xin hãy ở lại Tây Tạng để hoàn thành nhiệm vụ này. Con khẩn xin các ngài đừng quay trở lại Ấn Độ!"

Chúng ta đã lắng nghe lời cầu xin của Trisong Detsen và quyết định mang những kinh văn từ Ấn Độ đến Tây Tạng và biên dịch chúng. Như vậy, phù hợp theo những lời tiên tri, tất cả các tầng lớp quý tộc trẻ của Tây Tạng đã được tập hợp để được giảng dạy về nghệ thuật biên dịch, và một trăm người trong số họ đã được tuyển lựa và được gửi đến Ấn Độ để học Phạn ngữ. Trong số đó có Kawa Paltsek, Chokro Lui Gyaltzen, Zhang Yeshe De và một người đặc biệt tên là Vairotsana.





*Trisong Detsen*

Ta, Padma, đã biên dịch các Mật Điển Tantra Nội và Ngoại, và Tu Viện Trưởng Shantarakshita đã biên dịch các Kinh và Luật. Một trăm mười thanh niên Tây Tạng đã được thọ ký như những tăng sĩ hỗ trợ trong việc phiên dịch, cùng với hàng trăm dịch giả Tây Tạng đã trở về từ Ấn Độ luôn luôn lưu tâm về các vị thầy của họ, và một trăm học giả Ấn Độ, bao gồm cả các ngài Vimalamitra và Buddhaghya cũng đã được mời đến Tây Tạng. Tất cả chúng ta – những dịch giả, học giả, Tu Viện Trưởng, và Ta, Bậc Đạo Sư – đã rút vào tu viện, nơi chúng ta ngồi khoác lên mình những chiếc áo choàng tốt trên những ngai tòa cao được bọc đệm lụa. Chúng ta đã được mời bánh mứt kẹo để ăn và được dâng lên những cúng dường mạn đà la vàng ròng. Các kinh văn thiêng liêng của Mật Chú Thừa và Kinh Giáo sau đó đã được biên dịch: Ba phần của Tam Tạng Kinh là Kinh, Luật và Luận - Vi Diệu Pháp Abhidharma (A Tỳ Đàm); hình thức cô đọng súc tích, ngắn gọn và toàn diện của Bát Nhã Ba La Mật Prajnaparamita; Kinh Đại Bát Niết Bàn Mahaparinirvana, Lời dạy không thể phủ nhận kể lại sự siêu vượt tới niết bàn của Đức Phật; các bản văn Kriyayoga về Dorje Tsemo và tất cả các Mật Điển Tantra Mật Chú Thừa Ngoại và Mật; Tám Mật Điển Tantra Guhyamulamaya [*gsang ba'i snying po sgyu 'phrul rgyud*]; Các kinh văn liên quan đến *Anu Yoga và Dòng Tâm Các Giới Luật của Đại Viên Mãn* ('*Dus pa mdo yi mdo lung sems sde'i skor*); *Astavachanadharmamulantra* [*sGrub pa dka' brgyad rtsa ba'i rgyud*] trong năm, mười, mười lăm Tantra. Như vậy, toàn bộ phần thân của luận thuyết và vô số các Mật Điển Nội và Mật Tantra Mật Chú Thừa đã được biên dịch. Việc dịch thuật các Kinh điển và Mật Điển được tiếp tục suốt cả ngày lẫn đêm. Các học giả đã đưa ra một luận giảng kỹ lưỡng cho các bản văn, và các dịch giả đã lắng nghe một cách tập trung, rồi trả lại ý nghĩa của chúng sang tiếng Tây Tạng. Bằng cách này vô số các bản Kinh Hiền và Mật đã được hoàn tất, và việc giảng dạy để làm sáng tỏ các tác phẩm này đã được thiết lập trên khắp Tây Tạng.

Vào ngày cát tường khi các kinh văn đã được đưa vào điện thờ, những tấm màn trướng linh thiêng cõi trời, các dải lụa chiến thắng, hiệu kỳ của các vị trời, mạn đà la cúng dường, và vô hạn những cúng phẩm đã được chuẩn bị và sắp xếp trong một cách tinh tế và dễ chịu, ưa thích nhất. Chúng được treo ở trên cao giữa các tỳ kheo được thọ ký mang những bản dịch trên lưng. Ở trên nữa, đám rước cưỡi những cỗ xe của các dịch giả và học giả với những phướn vải linh thánh nổi bông bành trên họ và các dải cờ chiến thắng bên phải và bên trái của họ. Các loại âm nhạc đa dạng vang lên và mùi hương báo hiệu đám rước sắp đi nhiều xung quanh ngôi đền. Vào ngày mà các bản dịch được đặt trong phòng gác giữa điện thờ, Đức Hư Không Tạng Akashagarbha đã thị hiện các hóa thân kỳ diệu biến hóa của mình.

Ở phía trước của tu viện Samye Ling trên vùng Đồng Bằng Yobok, các đệm ngai đã được sắp xếp cho các dịch giả và học giả. Trong khi ngồi trong một hình bán nguyệt, theo phong tục quen thuộc, từng vị được dâng tặng các mô hình mạn đà la vũ trụ bằng vàng ròng, dải thắt vĩnh cửu, y phục tốt, áo choàng tơ lụa, áo choàng len, một con ngựa, một con la, một con bò cái, những bó vải tốt hảo hạng, một gánh trà, một trăm nén vàng, và một ngàn nén bạc. Sau đó, Vua Trisong Detsen, đi xuống từ ngai vàng, đứng trước họ và nói về vương triều của riêng mình, phong tục của người dân, và sự hào phóng lớn lao cùng ý định thiêng liêng của các dịch giả và học giả. Đức Vimalamitra, bậc vĩ đại nhất trong các học giả, đã nói về nguồn gốc Giáo Pháp và giá trị hiếm gặp của Giáo Pháp. Vairotsana, bậc vĩ đại nhất trong các dịch giả, đã nói về

sự ban truyền Giáo Pháp bởi các học giả. Tiếp đó, một trong những bộ trưởng viên chức của Tây Tạng, đã dâng cúng cho từng vị và nói về cách thức thực hiện của các bộ trưởng. Các thân dân của nhà vua đã dâng lên tất cả những món đồ xa xỉ mà họ đã tích lũy đồng thời mang lại sự phục vụ và lòng mến khách tới các dịch giả. Các học giả trở về xứ sở của họ, để lại truyền thuyết tôn giáo tỏa sáng như vàng dương rực sáng ở Tây Tạng.





**Chương 7**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Các Lễ Nhập Môn Điểm Đạo và Sự Trưởng Thành của các Đệ Tử***  
***và Sự Hiện Lộ Những Dấu Hiệu Thành Tựu***

Trong khi Ta, Padma, thực hành nghi quỹ sadhana của mình trong sự cô tịch trên những con dốc phía trên gần Chimpu, bên trên tu viện Samye Ling, thì Vua Trisong Detsen và Namkhai Nyingpo, Sangye Yeshe, Gyalwa Choyang, Yeshe Tsogyal, Palgyi Wangchuk, Dorje Dudjom, Vairotsana và những người khác trong số hai mươi lăm đệ tử đã đến gặp Ta và dâng lên theo đúng truyền thống một cúng dường bằng vàng ròng, khẩn xin Ta hiển lộ Mạn đà la *Sự Hợp Nhất Các Đấng Thiện Thế* [bDe gshegs 'dus pa'i dkyil 'khor]. Sau đó Ta đã phát lộ mạn đà la, Ta đã ban cho họ lễ nhập môn điểm đạo vào *Sự Hợp Nhất Các Đấng Thiện Thế*. Trong suốt lễ điểm đạo, khi được xác định ai thích hợp trong Tám Đấng Heruka ứng với từng đệ tử, thì hoa của nhà vua đã rơi lên Chemchok Heruka [che mchog]; Hoa của Namkhai Nyingpo rơi trên Yangdak [yang dag]; Hoa của Sangye Yeshe rơi trên Jampal Shinjeshey ['Jam dpal gshin rje'i gshed]; Hoa Gyalwa Choyang rơi trên Tamdin [rta mgrin]; Hoa của Yeshe Tsogyal rơi trên Phurpa [phur pa]; Hoa của Palgyi Wangchuk rơi trên Mamo [rna mo]; Hoa của Dorje Dudjom rơi trên Chota [mchod bstod] và Hoa của Vairotsana rơi trên Drakngak [drag sngags]. Như vậy, mỗi đệ tử đã tạo ra mạn đà la cho riêng mình. Hoàn thành việc thực hành, mỗi đệ tử đã hiển lộ một dấu hiệu thành tựu khác nhau. Vua Trisong Detsen đã có thể hàng phục loài người bởi sự xuất hiện rực rỡ của mình; Namkhai Nyingpo có thể cưỡi trên những tia sáng mặt trời; Sangye Yeshe có thể phá vỡ những tảng đá với dao phurpa của mình; Gyalwa Chokyang có thể hý vang như một con ngựa từ vương miện trên đỉnh đầu mình; Yeshe Tsogyal có thể làm hồi sinh người chết; Palgyi Wangchuk có thể gây tử vong với cơn sốt bằng cách vung dao phurpa của mình; Dorje Dudjom có thể di chuyển không chút cản trở như làn gió; Vairotsana có thể khiến mọi người theo ý mình... Những dấu hiệu này và nhiều dấu hiệu khác đã được thị hiện bởi các đệ tử.

Sau đó các đệ tử trưởng thành được quán đảnh nhập môn vào *Sự Bao Trùm Đạo Sư Trì Minh Vương Guru Vidyadhara*, *Mạn đà la Sự Hợp Nhất Tâm Lama*, và *Sự Hợp Nhất Tâm Bốn Tôn Yidam*, và *Sự Hợp Nhất Tâm Dakini*, và vào *Sự Hợp Nhất Tâm Hộ Pháp*. Rồi, nhờ việc tuân theo các giới luật đã được ban, họ đã giải thoát bản thân khỏi vòng nghiệp quả tái sinh. Các thực hành này đã được truyền bá, phổ biến đi khắp Tây Tạng bởi các trường phái thiền định.



**Chương 8**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Hiển Lộ Sự Chuẩn Mục Đại Dương Giáo Pháp***  
***và Sự Cát giấu Nó Bên Trong Một Mạch Nguồn bí mật***

Ta, Padma, đã hình thành ý định trong Tâm bi mẫn của mình việc ban cho nhà vua và các đệ tử khác sự quán đảnh nhập môn vào *Sự Chuẩn Mục Đại Dương Giáo Pháp* tự chính nó [bKa' dus chos gyi rgya mtsho]. Với Tây Tạng, mặc dù các đệ tử đã được nghe Giáo Huấn được làm sáng tỏ với những luận giảng, và họ cũng đã thực hành thiền định, đạt được thành quả từ đó, rồi họ cũng đã hiển lộ những dấu hiệu của thành tựu về những lời dạy Tam Tạng Kinh, các Mật Điển Tantra cả Nội và Ngoại, thậm chí ngay cả tinh chất sâu xa nhất của Huấn Thị Khẩu Truyền bí mật nhất của Mật Chú Thừa, nhưng họ vẫn chưa có sự nhập môn quán đảnh vào giáo lý tinh túy tuyệt đối không thể thiếu của *Sự Chuẩn Mục Đại Dương Giáo Pháp*. Lúc này, Vua Trisong Detsen và ba người con trai của ông đã đến gặp Ta ở Chimphu cùng với xác cô công chúa em gái của họ và con gái của nhà vua mới qua đời được 3 ngày để làm hồi sinh và họ đã cầu xin Ta ban cho họ sự nhập môn quán đảnh. Ta đã ban cho họ một lời giải thích đầy đủ về *Sự Chuẩn Mục Đại Dương Giáo Pháp*.

Sau đó, khi Ta muốn cất giấu những kho tàng tâm của mình [thugs gter] bằng cách đưa chúng vào trong *Mạch Nguồn Bí Mật Thâu Suốt*, Ta đã triệu tập xung quanh mình Vua Trisong Detsen và ba người con trai gồm: Con trai cả - Hoàng tử Mune Tsanpo, con trai thứ - Hoàng tử Murub Tsanpo và con trai út của vua - Hoàng tử Mutik Tsanpo; các dịch giả Gyalwa Chokyang, Langdro Konchok Jungney, Nyakchen Jnana Kumara, Vairotsana và Shudbu Palgyi Sengey; Tingdzin Zangpo, Dorje Dudjom, Palgyi Wangchuk, Obren Wangchuk, và Atsara Saley; Các nữ hành giả du già yogini Shelkar Dorjetso, Trokbanlo, và Yeshe Tsogyal; ba phôi ngẫu của các hoàng tử, và những người khác nữa. Tất cả trong số họ đã đến Pháo Đài Tinh Tú của tỉnh Kham, nơi Ta hiển lộ cho họ *Sự Chuẩn Mục Đại Dương Giáo Pháp* và ban quán đảnh nhập môn lên các đệ tử trưởng thành. Sau đó, Ta đã truyền trao cho họ những chỉ dẫn khẩu truyền, các giới luật tinh yếu, những điều mang đến sự giải thoát hoàn toàn, trọn vẹn khỏi vòng sinh tử luân hồi. Sau khi thiền định trên những giáo huấn này trong bảy năm, họ đã đạt tới sự nhất tâm của thiền định, điều là kết quả trong sự hiển lộ các dấu hiệu to lớn của thành tựu.

Các đệ tử đã thị hiện những năng lực vĩ đại như: Vua Trisong Detsen đã có thể tự do di chuyển xuyên qua những ngọn núi, Mune Tsanpo có thể nhìn thấy khuôn mặt đích thực của các vị trời, Murub Tsanpo đã tìm thấy sự thấu suốt và an lạc, Mutik Tsanpo đã tìm thấy bản chất của tâm mình, Vairotsana có thể bay vút lên như một chú chim trong bầu trời, Gyalwa Chokyang có thể biến hóa thân thể của mình thành một ngọn lửa cháy hừng hực, Langdro Konchok Jungney biến thành một lưỡi dao găm phurba ánh sáng, Sangye Yeshe có thể chạm tới bất kỳ điểm đến nào ngay lập tức, Nyakchen Jnana Kumara đạt được sự chứng ngộ cuối cùng ở cuối con đường, Kharchen Tsogyal có thể làm hiện ra nước của đời sống bất tử từ những tảng đá, Atsara Saley có thể phá vỡ những tảng đá với hai bàn tay trần của mình, Drokmi Palgyi Yeshe có thể đốt cháy các khu rừng với đôi mắt bốc lửa của mình, Dorje Dudjom có thể làm khô cạn đại dương với cái nhìn của mình, Tingdzin Zangpo có thể di chuyển không ngăn ngại xuyên qua những tảng đá, và Shelkarza có thể gài bẫy các Dakini phần nộ...

Vào lúc cuối của sự thực hành, các đệ tử đã biểu lộ nhiều dấu hiệu tuyệt vời của thành tựu, những điều đã được viết xuống trong bản văn kỳ diệu của các Dakini được cất giấu trong các mạch nguồn bí mật ở bảy thánh địa. Ta đã tiên đoán rằng các đệ tử sẽ cùng quay trở lại để khai mở các kho tàng mà họ đã cất giấu. Ta đã trao cho họ những chỉ dẫn đặc biệt về cách làm thế nào để thu hồi lại các giáo lý bí mật, cùng những lời cầu nguyện khát khao và sự quán đảnh để ban truyền chúng. Trong suốt thời Mạt Pháp suy hoại Kaliyuga, khi tuổi thọ của con người còn không quá ba mươi năm, trong thời kỳ áp chót trước sự hủy diệt cuối cùng, thời điểm khi các kho tàng sẽ được phục diễn, sẽ có dấu hiệu xa hơn tiếp tục về bản chất của con đường.





*Namkhai Nyingpo*



**Chương 9**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Cất Dấu Các Kho Tàng và Sự Tiên Tri Về Sự Phục Hồi Của Chúng***

Toàn bộ phần khung của tri thức tinh yếu đã được viết xuống trong năm bản văn của năm dòng truyền thừa trên năm loại giấy da và được đặt trong các thùng chứa đặc biệt huyền diệu. Những kho tàng, cả chính và phụ, được ấn dấu ở Lhasa, Samye, Yoru, và Tradruk, trong bốn tu viện đã hoàn toàn được tịnh hóa những bất tịnh và trong tám tu viện đã được ban phước một phần. Vô số những kho tàng đã được ấn dấu trong các mạch nguồn bí mật ở Yarlung Shelbrak, Lhobrak Kharchu, Drak Yangdzong, Yerpa Dawaphuk, Yamalung, Tsangi Zabbuling, Riwozang, Tsangi Riboché, Gangri Lachi, Yolmo Gangra, Namkaycan, tám địa điểm ở Mon, Tsari Gyalasengdam, Pubo, và đặc biệt là ở Tidro Drakar. Trong phần trên và dưới của Kham, Ta đã cất giấu những kho tàng trong hai mươi lăm thánh địa: năm kho tàng thuộc Thân Phật, năm kho tàng thuộc Khẩu Phật, năm kho tàng thuộc Tâm Phật, năm kho tàng thuộc Các Biểu Trưng Linh Thánh, và năm kho tàng thuộc Hành Động Viên Mãn. Ta đã ở những nơi khác nhau thực hành sadhana nghi quỹ của mình để ban phước cho các kho tàng trước khi cất giấu chúng bên trong các mạch nguồn bí mật.

Vào thời của Trisong Detsen và con trai của ông, Giáo Lý lan truyền trên khắp cả nước như ánh sáng ban ngày vào buổi bình minh, nhưng Ta đã nhìn thấy trước rằng Giáo Pháp sẽ chỉ có được sự hưng vượng trong ba thế hệ trước khi vua Lang Darma hận thù, kẻ Đầu Bò ngu dốt, tái sinh của một con vật bị lạm dụng gánh nặng, sẽ làm đảo ngược nguyện vọng, khát khao của loài người. Ta đã tiên đoán rằng sự hỗn loạn được gây ra bởi Hawkhead, tay bộ trưởng viên chức của Lang Darma xứ Trayi Gochan, sẽ phá hủy nền tảng của Phật Pháp. Tại thời điểm đó nhu cầu cấp thiết cho Giáo Lý là vô cùng lớn. Tuy nhiên, sự tinh ròng của tâm thức hai mươi lăm đệ tử và sức mạnh thệ nguyện Bồ Tát hạnh, hoạt động cho sự giải thoát chúng sinh của họ sẽ trở thành kết quả như là sự tái sinh của họ thành các vị Terton, các hóa thân nhập thể của chính Ta, người sẽ phục hồi các kho tàng từ những nơi ấn dấu chúng và giải mã ký tự kỳ ảo của Dakini cho việc thấu hiểu của bất kỳ ai cần đến sự chỉ dẫn.

Ta đã tiên tri rằng hai vị Terton Vĩ Đại là: Guru Chokyi Wangchuk và Nyang Nyima Odzer, sẽ đến trước tiên và đi theo sau đó là hai mươi vị Terton Lingpa - Orgyen Lingpa, Karma Lingpa, Padma Lingpa và những người khác, cùng với một trăm vị Terton, Các Bậc Thầy Giáo Lý. Sau đó, cùng với những người tiền nhiệm của họ, một ngàn lẻ hai vị terton phụ sẽ xuất hiện và phục hồi vô số các kho tàng. Khi một vị



Terton Vĩ Đại xuất hiện sẽ có hàng trăm vị hộ trì Giáo Pháp làm chủ việc giảng dạy và ban truyền nó. Sẽ có một vị Terton cho từng thung lũng, và bất cứ nơi nào Ta đã thực hành thiên định, người ấy sẽ tìm thấy một số kho tàng ẩn mật. Mỗi quận sẽ là một thành tựu giả lừng lẫy; trong mỗi thị trấn sẽ là một Bạc Thầy Nghi Lễ, Một Người Nhận Những Cúng Dường; trong mỗi gia đình sẽ là một Hành Giả Kỷ Luật, một đối tượng của lòng sùng mộ; và cũng vậy trong mỗi một gia đình sẽ là một hành giả yogi Mật Thừa, một pháp sư trừ tà và bậc hàng phục năng lực ma quỷ. Như vậy, Ta đã thọ ký rằng Giáo Lý sẽ lan rộng đi khắp mọi nơi trên từng góc ngách thế gian nhờ phương tiện các hiện thể hóa thân của Ta. Cầu mong con người có tín tâm nhờ năng lực trực giác thuần khiết của họ!





**Chương 10**  
**Tiểu Sử Tự Giải Thoát**  
**Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Orgyen,**  
**Một Cây Như Ý**

***Di Sản cho Dân Tây Tạng và Khởi Hành Tới Đảo Lục Địa Tây Nam***  
***Điều Phục Loài La Sát Dã Man Ăn Thịt Người***

Trong Kinh Tiên Tri, Bản Sao và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã tiên đoán rằng loài la sát ăn thịt người man rợ của Đảo Lục Địa Tây Nam sẽ đi xuống Cõi Diêm Phù Đề Dzambuling và tiến hành tàn phá, hủy diệt. Lúc này, những kẻ thù trong thực tại riêng của Ta đã bị khuất phục, nên Ta quyết định rời đi về phía tây nam để điều phục loài la sát ăn thịt người man rợ đó. Ta truyền đạt quyết định của mình với Hoàng tử Murub Tzanpo, hoàng tử đã trở nên rất buồn và trong dòng nước mắt, cậu ấy đã cầu xin Ta đừng đi, khẩn nài Ta rằng chúng dân sẽ không thể làm được gì mà không có Ta. Trong lòng bi mẫn lớn lao, Ta đã trì hoãn lại cuộc khởi hành của mình để hỗ trợ cho dân Tây Tạng và ban cho họ những lời dạy cần thiết cho tương lai. Ta đã tiên đoán về sự xuất hiện các hiện thân đại diện của Ta, những người sẽ là các đại diện cho năng lực bi mẫn của Ta, Ta đã cất giấu tiếng vang bài giảng của mình trong các mạch nguồn bí mật vì lợi ích của các thế hệ tương lai, và Ta đã ban truyền sự hiểu biết, thấu suốt của mình lên các đệ tử với những sắp xếp, căn cơ khéo hợp. Bằng cách này, Ta đã xoa dịu những đau buồn của hoàng tử và quyết định rời đi ngay lập tức tới vùng đất của loài la sát man rợ ăn thịt người.

Một đám đông lớn mọi người đã hộ tống Ta đến đèo xứ sở ở Mangyul, nơi Ta đã thực hiện món quà cuối cùng của mình cho hoàng tử và người dân Tây Tạng. Di sản này, Ta đã cất giấu trên Đèo Khalarong ở Mangyul và những nơi khác, bao gồm mười ba giới luật nhằm loại bỏ tất cả những trở ngại cho việc duy trì tiếp tục dòng truyền thừa Mật Giáo. Những bản văn này gồm những lời cầu nguyện khát ngưỡng, các thực hành nội, và các phương cách, kỹ thuật cho sự chứng ngộ.

Sau đó, Ta, Padma, đã đưa ra những huấn thị cuối cùng tới những người tín tâm, sùng mộ và tới những người sẽ được tái sinh trong tương lai. Các thế hệ tương lai, những người không thể gặp Ta phải đọc bản văn trình bày này về sự thực hành tâm linh của Ta và giải thoát sự tồn tại, hiện hữu trong thế giới này. Đạt tới một cái thấy rõ ràng, thông tỏ về ý nghĩa của nó, họ phải sống theo mệnh lệnh bao hàm của nó và trở nên hoàn hảo, viên mãn trong mọi sự. Hãy nhớ đến Ta trong khi đọc tiểu sử giải thoát này sáu lần mỗi ngày, và hướng nguyện ước khát khao của con như thế này:



*Sangye Yeshe*

*EH MA HO! Đức Phật Phổ Hiền Samantabhadra và  
Đức Kim Cương Trì Vajradhara là Pháp thân của Ta, Thân Chân Lý Đích Thực!  
Đức Kim Cang Tát Đỏa Vajrasattva và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Shakyamuni  
là những bậc dẫn đạo của Ta!*

*Đức Phật Vô Lượng Thọ Amitayus và Đức Quán Tự Tại Quán Âm  
Avalokiteshvara là những bậc thủ hộ của Ta!  
Con cầu nguyện tới Đạo Sư Liên Hoa Sanh, Đấng mà các Ngài đã hợp nhất.  
Phật Thân của Ta là Đức Yamantaka Văn Thù Phần Nộ Manjushri Yamari!  
Phật Khẩu của Ta là Đức Mã Đầu Hayagriva Wangchen Taked Tsher!  
Phật Tâm của Ta là Yangdag Heruka!  
Con cầu nguyện tới Đạo Sư – Hỡi Viên Ngọc Như Ý!*

*Phẩm Tánh Linh Thánh của Ta,  
Là Bạc Hàng Phục Rực Rỡ Ma Quý, Chemchok Heruka!  
Hoạt Động Hoàn Hảo Viên Mãn của Ta được thực hiện, phô diễn  
Nhờ Phật Thân của Vajrakumara Kim Cang Quyết!  
Con cầu nguyện tới Todtrengtsal Vinh Quang,  
Bậc Đạo Sư Chiến Thắng của Chư Dakini Phần Nộ!*

*Trong cảnh giới Phật Thân  
Là các Hóa Thân Phần Nộ và Hiền Minh.  
Trong âm thanh du dương của Phật Khẩu là Mười Hai Âm Diệu.  
Tâm Ta, ôm trọn lấy, thấm nhập khắp tất cả, không chút ngăn che!  
Con cầu nguyện tới Đấng Chúa Tể Tôn Kính của các Dakini!*

*Bậc Tiên Tri Các Đấng Nhiếp Chính Linh Thánh, Bạc Cát Dấu Giáo Lý Bí Mật,  
Bậc Ban Truyền Giác Tánh Tới Chúng Đệ Tử Thiện Nghiệp,  
Bậc Phó Chúc Di Sản Thiện Tâm tới loài người thế gian,  
Con cầu nguyện Ngài, Thân Bi Mẫn Nhân Từ Độ Lượng!*

*Tưởng nhớ tới thiện tâm của Ngài, Hỡi Guru Rinpoche – Bạc Đạo Sư Tôn Quý,  
Nhận lãnh sự phó chúc của Ngài, xin hãy gìn giữ chúng con trong tâm Ngài!  
Không hy vọng nào khác có thể phát sinh trong thời khắc khó khăn này!  
Xin hãy nhìn lên chúng con với lòng bi mẫn, Hỡi Orgyen Tulku!  
Xin đẩy lui sự bối rối và mơ hồ của ngày đen tối ma quỷ này với  
năng lực và sự thiện xảo của Ngài!*

*Xin ban cho chúng con những ân phước quán đảnh nhập môn đi vào sự thấu suốt!  
Xin ban phát và mở rộng năng lực của chúng con  
Để hiểu được bản chất của thể nghiệm!*

*Xin cho phép và giúp đỡ chúng con hỗ trợ tất cả chúng sinh trong Giáo Lý  
để chúng con có thể thành Phật ngay trong đời này!*

Đã kêu gọi, sách tấn mọi người khát khao tới sự thức tỉnh của một vị Phật theo cách này, Ta, Padma, cưỡi trên con ngựa thần kỳ diệu và được nâng đỡ bởi bốn Dakini. Một lần nữa, Ta đã nói với mọi người rằng, "*Ta sẽ đến để loại bỏ sự đau khổ của con người trên thế gian vào ngày thứ 10 của mỗi tháng, nhưng đặc biệt là vào ngày mùng 10 tháng Thân. Hãy đừng quên cầu nguyện!*" Sau đó, hướng mặt về phía tây nam, Ta khởi hành. Hoàng tử Murub Tsanpo và những thần dân của mình trở về, ai về nhà người ấy, và mỗi người với thực hành riêng của mình.

**SAMAYA GYA GYA GYA**

**TUÂN THEO LỜI CỦA ĐẠO SƯ**

*Tiểu Sử của Đạo Sư Liên Hoa xứ Orgyen này (Guru Orgyen Padma) đã được viết xuống bởi Yeshe Tsogyal và sau đó được cất giấu trong một mạch nguồn bí mật. Cầu mong nó trở thành sở hữu của một người trưởng thành, thuần thực vào thời điểm cát tường! Cầu mong vô biên lợi lạc phát sinh từ nó cho lợi ích của tất cả chúng sinh!*



## TÓM LƯỢC VÀ NHỮNG PHẢN CHIẾU

Vẻ đẹp tượng hình được thể hiện trong văn bản gốc Tây Tạng thì rất khó để truyền đạt bằng Anh ngữ. Điều này là do các mô tả được cách điệu hóa cao về các sự kiện trong cuộc đời của Đạo Sư và các mức độ tinh tế của ý nghĩa đan xen trong chuyện kể, và cũng là những thiếu sót của các dịch giả, những người cố gắng chuyển tải những đặc trưng trong bản dịch của mình. Tuy nhiên, mức độ biểu tượng của ngôn ngữ trở nên được hiểu thông qua sự thiền định liên tục trong những cách thức đặc biệt của truyền thống. Ý nghĩa công khai, hiển bày thì thường rõ ràng, là một bản tường thuật lại một người về những sự kiện trong cuộc đời của mình. Ý nghĩa bí truyền hiển lộ những giai đoạn khác nhau của sự quán đánh nhập môn lễ điếm đạo hoặc những thể nghiệm của quá trình hòa nhập. Ý nghĩa bí mật thì phải được giữ lại cái ý nghĩa bất khả tư nghị, không thể diễn tả được.

Lịch sử hiển giáo, công truyền bắt đầu với thời gian, địa điểm, lý do và những ý nghĩa về cuộc đời Đạo Sư. Như Vị Phật trước mình, Ngài được đưa lên như một hoàng tử và được đào tạo trong mọi phương diện như cai trị, các kỹ năng và tri thức cần thiết để nắm quyền và bảo vệ một vương quốc. Sau đó, lang thang, gặp từ vị thầy này tới vị thầy khác, được thọ ký để đi theo thực hiện cuộc đời tâm linh tôn giáo, Ngài đã nhận được sự giảng giải và các giới luật từ các truyền thống sống động khác nhau. Với tri thức này, Ngài đi tới việc thấu hiểu bản chất của thực tại thông qua sự thiền định, điều đưa Ngài tới việc làm chủ tâm thức và vật chất.

Trong thế kỷ thứ tám, Đức Liên Hoa Sanh Padmasambhava đã được thỉnh mời bởi Vua Trisong Detsen để mang tri thức, năng lực, và hình mẫu của mình tới cho người dân Tây Tạng. Giành được sự tôn kính của người dân và học cách làm thế nào để sử dụng tốt nhất tài năng cũng như các thói hư tật xấu của họ, Ngài đã giám sát việc xây dựng Samye Ling, tu viện và điện thờ trung tâm đầu tiên của Tây Tạng. Sau đó những người Tây Tạng được gửi đi bởi nhà vua để học tiếng Phạn ở Ấn Độ trở về Tây Tạng, cùng với một số lượng lớn các học giả Ấn Độ, Samye đã trở thành một trung tâm chính cho việc phiên dịch các bản văn của Phật Giáo.

Đại Sư ban quán đánh nhập môn cho các đệ tử đi vào những bí mật của kỹ thuật thiền định và ở lại để chứng kiến những thực hành từ những người đi theo mình trưởng thành năng lực và lòng từ bi. Cuối cùng, để mang lại ánh sáng và sự hiểu biết tương tự như thế tới cùng một dân tộc ở phía tây nam, Ngài đã rời Tây Tạng, hứa hẹn tiếp tục sự hiệu quả của các phương tiện mà Ngài đã dạy.

Những câu chuyện huyền bí hoặc bên trong bắt đầu với sự khẳng định của sự hoàn hảo viên mãn từ ban đầu và nguyên sơ, nhưng nhấn mạnh con đường của Bồ Tát như mối tương giao cần thiết tới những chúng sinh khác. Trong tiểu sử, việc gieo trồng

những hạt giống của sự hiểu biết tương đối bằng phương tiện trí tuệ được theo sau bởi sự trưởng thành của những hạt giống trong kinh nghiệm thu hoạch được trên con đường. Có được nền tảng này, thì lời mời đi vào mạn đà la sẽ theo sau. Trong suốt buổi lễ nhập môn điểm đạo này, các phần khác nhau của tâm thức được đưa vào tầm kiểm soát, và các khớp xương của giác tánh hiện tiền được hiển bày trần trụi. Hai mươi lăm hình thức của đạo sư thể hiện qua những thực hành thiền định khác nhau, và mỗi hình thức phục vụ để cân bằng lại một sự mất hòa hợp cụ thể. Sau đó giai đoạn cuối cùng của sự hợp nhất, những hạt giống của mỗi tình huống được gieo trồng và phương tiện tiếp cận bất kỳ năng lực nào của tâm được đạt tới một cách tự nhiên và ngay lập tức.

Ý nghĩa bí mật được tìm thấy trong sự thể nhập lãnh hội trực tiếp, tức thì cái bên trong và bên ngoài, những điều được mang lại cùng nhau trong một tầm nhìn bao gồm tất cả thực tại. Điều này chỉ có thể được diễn đạt bằng cách tiêu diệt toàn bộ bản chất của nó. Ý nghĩa bí mật không bao giờ được nắm bắt bởi trí tuệ bởi vì sự phân cực của chủ thể và đối tượng sẽ khiến cho sự hiểu biết tương đối không hoạt động trên cấp độ này. Ở cấp độ bí mật, không bao giờ có bất kỳ sự gián đoạn, ngại ngùng nào trong dòng chảy của nhận biết, cảm quan tức thì sự đơn nhất tỏa khắp toàn triệt. Đây chính là Vị Đạo Sư Guru – Vị Phật.

Chương Đầu Tiên mô tả sự tái sinh của Bồ Tát khi đã chín mùi về nghiệp vào nhiều thế giới rục rờ của Đạo Sư. Về hình tượng, tâm Đạo Sư, rập khuôn Thân Chân Lý Đích Thực của Vị Phật (Pháp thân), được tượng trưng bởi một bông hoa sen; Sự rung động của Đạo Sư, được thọ ký bởi lòng từ bi của chư Phật, được tượng trưng bởi mặt trời; và sắc tướng hóa hiện của Đạo Sư được tượng trưng bởi mặt trăng. Do vậy Guru Rinpoche được mô tả nổi bồng bềnh trên tòa sen, mặt trời và mặt trăng. Một trình bày về sự phân chia ba cấp hoàn hảo viên mãn bất khả phân của Đạo Sư sử dụng những hiện thân của Đức Phật Vô Lượng Quang, Đấng Đại Bi Mẫn, và Đức Liên Hoa Sinh. Ba hình thức đại diện này cho các giai đoạn phát triển của Đạo Sư theo sự hóa hiện tăng dần, rung động của Ngài nhanh chóng gia tăng từ sự tịch lặng của Đức Vô Lượng Quang, thông qua cõi giới của rung động bi mẫn khiến cho tất cả các biểu hiện, tới những thân tinh thần hay thân tổng hợp tạm thời được hình thành như vỏ bọc thúc đẩy việc thực hiện Bồ Tát nguyện. Guru Rinpoche là hóa hiện một cách đặc biệt để giảng dạy những Mật Điển Tantra, mang đến những phương tiện giác ngộ trong một đời duy nhất cho những ai sẵn sàng tiếp nhận, lãnh hội chúng.

Chương 2 mô tả các giáo huấn và những thực hành khác nhau mà Đại Sư khi còn là một bậc Bồ Tát trẻ trung học tập để thực hiện lời thệ nguyện của mình. Để có được giáo lý này, thì những hệ thống phòng thủ của tâm ý niệm, khái niệm hóa cần phải được hạ thấp xuống và lời khẩn cầu được thực hiện để bậc thầy có thể thả những hạt giống của cây giác ngộ vào một trái tim có tố chất khiêm nhường. Những hạt giống được đề cập trong bản văn là tám khía cạnh của Đạo Sư gắn nhất với trái tim, tâm thức của Ngài. Mỗi khía cạnh này được đại diện bởi một vị Heruka và được mô tả trong một Mật Điển (Tantra) đặc biệt - kèm theo các nghi lễ và sự thiền định cần thiết được quy định trong nghi quỹ (sadhana). Trong những chương kế tiếp của bản văn mô tả quá trình trưởng thành của các hạt giống này.

Chương 3 mô tả thực hành của hành giả mật thừa (tantrika), các hành giả yogi của Tantra. Đạo Sư Liên Hoa Sinh Padmasambhava đi du hành khắp thế giới Ấn Độ trải qua sự đa dạng đầy đủ các năng lực, phá hủy các tranh đấu kiên cố của các bậc thầy ngoại đạo được gọi là các tirthika, thường thức trò chơi huyền thuật của mình và chiếu sáng tâm thức mình trong sự thiền định liên tục. Trong khi khám phá sự hợp nhất bên trong và bên ngoài, Ngài đã giữ lại trong tâm thức thế nguyện Bồ Tát và vẫn xuất hiện trong hình ảnh một hành khất bình phàm.

Không đi qua bất kỳ phán quyết nào, tâm thức không cần phải khước từ cũng như không cần phải lôi kéo và cảm nhận đầy đủ nhạy bén từng thời điểm. Do đó sự nhận diện với sự rộng mở vốn sẵn của mọi dạng thức được duy trì. Trong cường độ mãnh liệt của sự thiền định trong một nền đất mộ địa hoặc bãi tha ma, nơi tụ tập của những hồn ma của kinh nghiệm quá khứ, những trở ngại trên con đường có thể được gỡ bỏ. Nhờ việc khuấy động những chiều sâu thăm thẳm của tâm thức và giải phóng các dấu ấn bị đè nén từ kinh nghiệm quá khứ, năng lượng có thể được dùng để phát triển một thái độ giác ngộ. Trong hang động của tâm, được che chở từ sự cuốn hút của các sắc tướng không thật có, tĩnh tại, âm điệu du dương của chỉ dẫn từ chư Phật có thể được nghe thấy, và sự thăm viếng tinh tế như sợi tơ của chư Phật có thể được cảm nhận.

Chương 4 mô tả sự hàng phục các tinh linh Tây Tạng. Để đi vào mạn đà la, các khoang hõm, góc ngách của tâm cần phải được chiếu sáng. Xa hơn việc loại trừ những khuynh hướng tập quán bám rễ sâu sa của tâm nhờ phương tiện các thực hành khổ hạnh, Kim Cương Thừa yêu cầu việc kiểm soát các khuynh hướng này bằng cách giữ chúng liên tục được chiếu sáng và sử dụng chúng để tạo ra sự hài hòa. Tên của các tinh linh mà Guru Rinpoche đã thuần hóa là sự tự giải thích. Sự phóng chiếu ra bên ngoài của các tinh linh trong hình ảnh ẩn dụ cần không được nhầm lẫn, mơ hồ với ý nghĩa thực sự của chương này. Các nghi lễ Tsok thực hành thường xuyên của dòng Nyingma Cổ Mật làm phục hồi mới mẻ lại ánh sáng, điều sẽ soi sáng những sắc tướng tinh thần này. Đạo Sư đã dạy Phật Pháp trong thời Mật Pháp Kaliyuga cần mọi phương tiện sẵn có của mình để giữ lại tính toàn vẹn bản thân trong một thế giới suy đồi.

Chương 5 mô tả việc xây dựng mạn đà la. Mạn đà la cùng một lúc tượng trưng cho sự hợp nhất bất khả phân giữa Thân - Tâm của Đạo Sư và một mô hình đối xứng một cách cân đối được thiết kế nhằm hiển lộ theo cách tích hợp các thái cực tốt bậc dẫn đến việc bao trùm toàn khắp trung tâm. Một mô hình của tâm phổ quát và tâm lý tích hợp, mạn đà la thể hiện mối quan hệ, tương giao giữa cái vĩnh hằng và thời gian, giữa cái vô cùng và sắc tướng, giữa sự rộng mở hoàn toàn và vẻ đẹp kỳ lạ phi thường. Thiết kế của tu viện Samye Ling minh họa mối tương giao giữa mạn đà la bên ngoài và cảnh giới nội tại bên trong. Cảnh giới bên ngoài là những vũ trụ, gồm những biểu tượng của núi Tu Di và mặt trời, mặt trăng; cảnh giới bên trong là Tâm của Đạo Sư, ngôi chùa ba tầng đại diện cho các Thân Phật của Vô Lượng Chân Lý, Từ Bi, và Vẻ Đẹp Phi Thường Hoạt Động.

Chương 6 mô tả việc truyền bá tri thức Ấn Độ vào Tây Tạng. Phần khung tích lũy được toàn bộ tri thức của Đức Phật, bao gồm cả các giáo huấn Tiểu Thừa và Đại Thừa, đã được biên dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Tây Tạng. Đáng kể nhất trong các



kinh điển này là những Tantra Mật Điển được gọi là Những Tantra Cổ để phân biệt chúng với các tác phẩm về sau này được mang đến Tây Tạng bắt đầu từ thế kỷ thứ mười một. Những Tantra này hình thành trên cơ sở của khoa siêu hình học, triết học, và các kỹ thuật thiền định cho dòng Nyingmapa Cổ Phái. Nhiệm vụ biên dịch thể nghiệm sang ngôn ngữ truyền thông là một phần quan trọng trong sự phát triển của bậc Bồ Tát. Giọng văn dựa trên sự phản ánh tính toàn vẹn của sự hoàn thành thiền định hơn là trong tính chính xác ngôn từ mô phạm.

Chương 7 mô tả điều cơ bản nhất của những thể nghiệm quán đảnh nhập môn lễ điếm đạo. Đây là sự hiểu biết về sự hợp nhất cần thiết của mọi sự được cảm nhận, ý thức với Con Mắt Phật. Trong khi tâm không tỉnh giác phóng chiếu giá trị chủ quan lên các hình dạng, dạng thức tinh khiết, cái tạo ra một cảnh giới ảo huyền của các sắc tướng, thì xu hướng này đã ngăn cản, che lấp đi cái nhìn sâu sắc thấu suốt về bản chất chân thực của mọi sự. Tuy nhiên, khi Phật Tánh được hiểu và cái tâm trong veo như tấm gương trở thành một phản chiếu hoàn hảo, thì Cái Một không thể diễn tả của hiện hữu trở thành một phần của từng thể nghiệm.

Một linh ảnh được giữ lại trong giây lát, tia chớp khởi đầu, hiển lộ mạn đà la và đồng thời ban sự quán đảnh nhập môn. Sau đó, "gia đình, bộ" mà nghiệp quá khứ đã thọ ký cho sự quán đảnh nhập môn quyết định những khía cạnh nào của Đạo Sư nên là đối tượng thiền định trên con đường nhằm đạt được một linh ảnh liên tục làm trung tâm bên trong mạn đà la. Các tín đồ thân cận nhất với Đạo Sư thiền định trên một trong tám hình thức hóa thân, mỗi hóa thân được phú cho người có nguyện vọng, khao khát tới một sức mạnh, năng lực cụ thể được mô tả trong văn bản. Tám khía cạnh, tám thuộc tính hoặc tám biểu hiện của Đạo Sư, vẫn là hình thức quan trọng nhất của sự thiền định.

Chương 8 mô tả một quán đảnh nhập môn xa hơn, điều mang lại cho các tín đồ cái nhìn sâu sắc thấu suốt vào vô số những phương tiện Kim Cương Thừa sử dụng để duy trì dòng chảy của hoạt động bi mẫn. Một lần nữa các giai đoạn thực hành được làm sáng tỏ, bắt đầu với lời giải thích trước khi bắt đầu ban truyền quán đảnh nhập môn và tiếp theo sau đó là nhờ những hướng dẫn về cách làm thế nào để mang lại thành quả của thực hành tới sự trưởng thành trọn vẹn, đầy đủ. Nó cho thấy rằng cái nhìn sâu sắc trong thiền định chỉ có thể đạt tới sự duy trì cái hài hòa tự nhiên vào một thời điểm nào đó trong tương lai; do vậy, việc cất giấu các kho tàng tràn đầy cảm hứng cụ thể là cần thiết.

Chương 9 mô tả bản chất của Terma (những kho tàng được cất giấu) và những người khám phá chúng, các vị Terton. Các Terma được ẩn dấu trong các hang động, núi đá, sông, hồ, và các hiện tượng thiên nhiên khác, và cũng như ở trong tâm thức của Đạo Sư, các terma được công bố vào thời điểm thích hợp, cất tường bởi những vị khám phá ra chúng, các Terton. Các Terma ẩn mật trong tâm thức của Đạo Sư được gọi là *Gong Ter* và chỉ có thể được thấy trong sự thiền định sâu thẳm, khi những đám mây của sự che ám tinh thần đã được hóa giải, xua tan đi và cấu trúc của thực thể có thể được trông thấy một cách rõ ràng. Các Terma được tìm thấy trong hiện tượng thiên nhiên, được gọi là *Sa Ter*, có thể được khám phá tự nhiên bất ngờ bộc phát khi một vụ

nỗ làm mở ra một một tảng đá hiển lộ một chìa khóa mật mã. Ở đây đặc điểm của các hình thức phi thường tạo ra sự ngạc nhiên là một nguồn gây cảm hứng nhiều hơn nữa.

Bản văn đặc biệt này là một Terma. Chính dưới sự chỉ đạo của Đạo Sư, mà Dakini Yeshe Tsogyal đã tóm gọn lại ý nghĩa của giáo lý này tới dạng biểu tượng tinh yếu của mình và chôn giấu nó trong một tảng đá. Nhiều thế kỷ sau, vị Đại Tertön Orgyen Chokgyur Lingpa đã phát hiện ra nó và phục hồi lại cho nó về hình thức được biên dịch ở đây. Ngày nay, khi các hình thức mới nhất thiết phải nắm lấy khối dữ liệu và các tài liệu lý thuyết mà nghiên cứu khoa học đã sản sinh ra, và một giọng văn và sự nhấn mạnh mới là cần thiết để cân bằng lại một ý thức chung, các Terma sẽ được phát hiện bởi các vị Tertön hợp nhất với Guru Rinpoche và biết được những nhu cầu của con người đau khổ. Nhìn thấy rõ ràng mối tiềm tàng cho sự hư hỏng trong quá trình tiến hóa của văn hóa và cá nhân, Guru Rinpoche đã ấn dấu những chìa khóa cánh cửa của sự hài hòa trong ý thức ẩn tàng giác ngộ. Được phát lộ vào thời điểm thích hợp trong những hoàn cảnh cát tường, những chìa khóa này sẽ mang đến những phương tiện để khôi phục lại sự hài hòa và cân bằng.

Chương 10 và Chương Cuối Cùng mô tả cách làm thế nào để việc thực hành nên được tiếp tục sau sự chăm sóc dành riêng liên tục mà vị thầy dành cho hành giả không còn như trước nữa. Lời thỉnh cầu được gìn giữ trong chương cuối cùng này, tinh hoa của bản văn, là cách thức mà sự chiếu sáng được đạt tới không ngừng được phục hồi, làm mới. Đạo Sư được khẩn cầu trong tám hình thức hóa thân mà trên đó sự thực hành đã được ban cho quyền làm chủ thành thạo. Mạn đà la từ đó Ngài xuất hiện là Núi Đồng Đỏ ở Nga Yab, Đảo Lục Địa Tây Nam. Ngày thứ 10 Âm lịch là ngày mà lúc đó năng lượng kết hợp từ những người sùng mộ Đạo Sư Liên Hoa Sinh được tập trung để mang tới sự hoàn thành lại của sự hợp nhất hoàn hảo, viên mãn.

Ngày nay nghi lễ đã bị mất đi độ tin cậy do sự hiểu lầm thân chú và thủ ấn, không có khả năng truyền tải sức mạnh vốn sẵn trong những gì dường như giống những hình thức, sắc tướng trống rỗng được chuyển thành một phương tiện năng nổ, tích cực tạo nên sự tác động thay đổi lên tâm lý. Chắc chắn nghi lễ là hữu ích và cần thiết cho người có khao khát, người có ý thức bị phân tán mỗi ngày bởi thói quen, tập quán, khuynh hướng tâm thức do bám chặt lấy nhiều các tác nhân kích thích mạnh mẽ về cảm thọ, cái tấn công nó. Tuy nhiên, nghi lễ không thể có hiệu quả trừ khi sự ban truyền năng lực diễn ra. Năng lực nằm bên trong chính Guru Rinpoche, trong bất kỳ những hình thức nào của Ngài như biểu hiện của một hóa thân bên ngoài, hoặc như một hình ảnh quán tưởng được tạo ra trong tâm thức, hoặc như ý thức cảm thọ thanh tịnh hoặc như sự lôi cuốn cảm xúc được chuyển hóa. Sức mạnh Ngài ban truyền không phải là sức mạnh để thống trị và kiểm soát vũ trụ cũng như làm thúc đẩy bản ngã trong cuộc chinh phục vũ bão. Thay vào đó, nó là sức mạnh của ánh sáng chói chang, điều mang lại sự rõ ràng, sáng tỏ về tầm nhìn, linh ảnh và nhận thức trong sạch thuần khiết, không chút tỳ vết. Những ảo ảnh được phóng chiếu trên môi trường tan biến đi, để lại một thực tại chói sáng. Sợi dây mà trước đây đã xuất hiện như một con rắn, cái tạo ra sự sợ hãi và giận dữ, nay đã được nhìn thấy như nó thực sự là. Những cách hợp lý hóa sai lầm và những biểu tượng bị hiểu lầm, những điều đã ngăn chặn một phạm vi lớn lao hơn của giác tánh cùng lòng khoan dung vĩ đại, lớn lao hơn đã được thấy như là sự mê lầm. Ý thức được chiếu sáng an lạc là Tâm Đạo Sư.

Tia chớp chiếu sáng được truyền tải từ Tâm Đạo Sư chỉ là sự gieo mầm của hạt giống, thể nghiệm về những gì có thể xảy ra, một minh chứng cho những gì có thể được. Sự quán đánh nhập môn được đi kèm với những hướng dẫn rõ ràng trong thực hành thiền định, và lễ quán đánh nhập môn được ban cho những giới luật cụ thể để theo dõi, giám sát. Những thực hành này làm trơn tru các chức năng tâm lý được hiển lộ trong quá trình quán đánh và từ đó tái tạo ánh sáng. Người được quán đánh sau khi được khai tâm, truyền tâm ấn (tạo một dấu ấn trong tâm) phải dành toàn bộ năng lượng của mình vào một mục đích. Sức mạnh của lòng khát ngưỡng léo lái bậc hành giả yogi hướng về mục tiêu được xác định bởi cường độ mãnh liệt của các thể nghiệm lúc truyền tâm ấn và khả năng gọi lại nó trong tâm. Nếu hạt giống nảy mầm, phát triển và đơm hoa kết trái, thì đất phải được giữ cho không xuất hiện các loại cỏ dại làm hại tới cây, cũng như hạt giống và cây phải được tưới nước đều, và mở cửa cho khí hậu thích hợp ủa vào kích thích sự tăng trưởng của nó. Lười biếng và xao lãng, không chú ý đến tâm thức, những nhiễu loạn không ngơi nghỉ từ bên ngoài, bướng bỉnh, ngoan cố, cùng sự kích động, hưng phấn là vài thứ trong số những trở ngại ban đầu gặp phải. Những trở ngại này tạo ra một bức màn đen tối che lấp và bọc ánh sáng cùng sức mạnh bên trong lại. Nhờ sự thực hành liên tục, không gián đoạn mà tất cả các chướng ngại mới có thể được vượt qua, và, cuối cùng, mỗi thể nghiệm có thể được thấu hiểu như người mang sức mạnh chiếu sáng đầu tiên đã thể nghiệm trong lúc khởi đầu.

Sau khi lễ quán đánh nhập môn, việc từ bỏ các chức năng và ý định thế gian không thích hợp cùng việc thực hành nhận được trong suốt lễ quán đánh nhanh chóng làm chín thành khoản nghiệp của người có khát khao giác ngộ. Xu hướng hành động theo những khuôn mẫu quen thuộc của thói quen, tập quán thường xuyên bị thúc đẩy bởi vô minh, thiếu nhận biết được thấu hiểu và được phá hủy. Hành động và thể hiện phản xạ trước đây được xác định bởi điều kiện văn hóa và những thôi thúc của sự thu hút những gì ưa thích và lực đẩy những gì không ưa thích được thay thế bằng hành động và lời nói tự nhiên bộc phát. Sự tự nhiên bộc phát này tạo ra một sự cân bằng bên trong toàn bộ tình huống là giáo huấn bí mật.

Giáo huấn khẩu truyền bí mật của truyền thống trực chỉ từ các vị Lama không phải là một loại học thuyết hay giáo điều nào. Nó không phải là sự phê phán, chỉ trích, hướng dẫn, hay giới luật, mặc dù nó có thể được trình bày trong bất kỳ các hình thức nào kể trên. Giáo huấn khẩu truyền bí mật là sự thể hiện một dòng chảy tự nhiên của âm thanh thể hiện hoàn hảo những nhu cầu của thời khắc. Trong suốt lễ quán đánh nhập môn, Đạo Sư sẽ minh chứng, phát lộ sự hoàn hảo, viên mãn sự biểu đạt bằng lời nói, ngôn từ, ý nghĩa của cử chỉ và chuyển động vi tế, cùng với năng lực của giác tánh được tập trung. Sau lễ quán đánh nhập môn, mỗi người có nguyện vọng khát khao giác ngộ phải tự nỗ lực một mình cho sự chứng ngộ.



མཚོད་རྟོག་ཚེན་པོ་བྱ་རུང་ཁ་ཤོར་གྱི་ལོ་རྒྱུས་

ཐོས་པས་གྲོལ་བ་བཞུགས་སོ།

ཟབ་པ་སྐྱོར་བདུན་ལས།

ཙོ་རྒྱུན་རྣམ་ཐར་དཔག་བསམ་ལྡོམ་ཤིང་བཞུགས་སོ།

ཨིམ་ཉིཿ ཚོས་སྐྱུ་སྐྱུང་བམཐའ་ཡས། ཡོངས་སྐྱུ་ཐུགས་རྗེ་ཚེན་པོཿ སྐྱུ་ལ་  
 སྐྱུ་བདུ་འབྱུང་གནས། སྐྱུ་གསུམ་བརྒྱད་པའི་བྲམ་མཁམ་ལ་འཕྱུག་འཚལ་  
 པོཿ རྩོགས་བརྩུ་ཏུ་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱུས་དང་བྱང་ཚུབ་སེམས་དཔའ་  
 ཐམས་ཅད་གྱིཿ ཐུགས་གཉིས་སུ་མེད་པ་ཚོས་གྱི་སྐྱུ་འི་རྟེན། མཚོད་རྟེན་  
 ཚེན་པོ་བྱུ་རུ་ཁ་ཤོར་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ཉིད་གྱི་ལོ་རྒྱུས་ལོཿ མེས་སྤྲེལ་ལོ་སྤྲེལ་  
 ཟླའི་ཚོས་བརྩུ་འི་རྟེན། དཔལ་བསམ་ཡས་མི་འགྲུར་ལྟོག་གྱིས་གྲུབ་པའིཿ  
 གཏུག་ལག་ཁང་ཚེན་པོའི་བར་ཁང་དུཿ ཚོས་རྒྱུལ་རྗེའམ་བངས་ཉི་ཤུ་ལྡེལ་  
 བྲམ་ཡང་གསང་ཐུགས་གྱི་སྐྱུ་བ་པའི་དབང་བསྐྱུར་ཚེན་མོ་མཚན་པའི་དུས།  
 ཟའོག་གི་འཕོལ་དགུ་བརྩུགས་གྱི་རྟེན་དུཿ ལུ་རྒྱུ་འོ་པོ་ཚེ་བཞུགས་སུ་  
 གསོལ། གསེར་རྒྱོགས་རྒྱུ་འཚང་གིས་བཀངས་པ་འཕྱུག་ཏུ་ལུལ། འཛིག་  
 རྟེན་གྱི་ཞལ་ཟས་སྒྲོལ་གསུམ་པ་དངས། རྗེའི་མགུལ་གཡུ་གསལ་བའོད་  
 རྒྱོན་གྱིས་ཐོག་དངས་པའི་གཡུ་ཉི་ཤུ་གཅིག། གསེར་སྤེལ་ལུལ།  
 གསེར་གྱི་བར་བདུན། དར་ཟལ་ལུག་བརྒྱུཿ གཞན་ཡང་ཡོངས་རྒྱུད་  
 དཔག་ཏུ་མེད་པ་ལུལ། རྒྱལ་པོ་ཁྱི་སྣོད་ལྡེ་ལུ་བཙན་གྱིས་ཀྱང་འཕྱུག་ལན་  
 རྒྱུད་དུ་བཙན་ཏེ་ཞུས་པཿ གྱི་སྤྲོ་བ་དཔོན་ཚེན་པོལགས། བདག་འོ་མཐའ་

འཁོབ་གདོད་དམར་བོད་གྱི་ཡུལ་དུ་སྐྱེས་ཀྱང་། ཟ་ཉོར་ཡུལ་གྱི་ལམ་ལ་བ་  
 བོད་སྟེང་ཉུང་དང་། ལུ་རྒྱུན་ཡུལ་གྱི་ལམ་ལ་བ་བོད་ལྷུང་གནས་ཉིད་འདྲ་བའི་  
 ལྷུལ་སྐྱེ་ནམ་གཉིས་སྐྱེ་བ་དང་སམ་། བདག་གི་གཡལ་དམ་འཕྲོ་བམི་རྣམས་  
 བསོད་ནམས་གསོག་པའི་རྟེན་། དཀོན་མཆོག་རིན་པོ་ཆེ་རྣམས་པ་གསུམ་གྱི་  
 བཀའ་གསལ་གནས་། དཔལ་བསམ་ཡས་མི་འགྱུར་ལྷུན་གྱིས་གྲུབ་པའི་གཙུག་  
 ལག་ཁང་ཆེན་པོ་། ལྷོ་ཕྱོགས་འཇམ་བུའི་སྤྱིང་ནམ་གསལ་ལྷོ་སྐྱེས་ཅད་དང་  
 བྲལ་བ་། འདི་ལྟ་བུ་འཕམ་སྤྱིན་པར་འགྲུབ་། མཐའ་འཁོབ་བོད་གྱི་ཡུལ་  
 ལུན་པའི་སྤྱིང་འདྲ་བའདིར་། དཀོན་མཆོག་གསུམ་གྱི་བསྐྱེད་པ་ལྟ་  
 གངས་ལ་ཉི་མ་ཤར་བལྟ་བུ་དར་ཉེ་དབུས་འགྱུར་མ་གཏོགས་དང་མཉམ་།  
 འཕྲོ་བ་མེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉན་བཤད་དམ་པའི་ཆོས་ལ་བྱེད་པའི་དུས་  
 བཟང་པོ་འདི་ལྟ་བུ་འབྱུང་བ་ལི་། ལྷོ་བོད་བཞིན་གཤེགས་པའོད་སྐྱེད་སྤྱི་  
 བསྐྱེད་པའལ་། བལ་ཡུལ་མ་གུ་ཉའི་ཡུལ་གྲུ་། འདར་ལོན་མཆོད་མ་  
 དབུལ་ལོ་བྱ་རྒྱུ་མའི་བྱ་བཞི་ལྷོས་པའི་དུས་སུ་། མཆོད་རྟེན་བྱ་རུང་ལ་ཤོར་  
 བཞེངས་ཉེ་། དེའི་དུས་སུ་སྐྱོན་ལམ་བཏབ་པའི་འབྲས་བུ་ཡིན་པར་གསུངས་  
 བམ་། མཆོད་རྟེན་ཆེན་པོ་དེ་ལྟོ་རི་ལྟར་བཅིགས་པ་དང་། ལྷོ་བལ་བཏབ་

ཚུལ་ནམས་ཡིད་ཚེས་ཤིང་དད་པ་དང་། མེས་པ་བསྐྱེད་ཕྱིར། བདག་ཅག  
 རྣམས་ལ་ཞིབ་པར་གསུང་དུ་གསེལ། ཅུས་ཞུས་པས། ལ་རྒྱ་གུ་རུས་  
 བཀའ་སྐུལ་པམ། གྱི་རྒྱལ་པོ་ཚེན་ལེགས་པར་ཉོན་ལ་ཡིད་ལ་རྒྱུངས་ཅིག།  
 ལཚོད་རྟོན་ཚེན་པོ་བྱ་རུང་། ལ་ཤོར་ཞེས་བྱ་བ་འདི་ཉིད་རི་ལྟར་བྱུང་བ་ལི་ལོ་རྒྱས་  
 བོ། རྫོན་བསྐྱལ་པ་དཔག་ཏུ་མེད་ཅིང་བཟང་བ་ལས་འདས་པ་ལི་རྫོན་ལོ་  
 བ། དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཤོད་དཔག་ཏུ་མེད་པ་ལི་དུང་དུ། བྱང་ཚུབ་  
 སེམས་དཔལ་སེམས་དཔལ་ཚེན་པོ་ལི་འཕགས་པ་རྒྱུན་རས་གཟིགས་དབང་  
 རྒྱལ་གིས། སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་འཁོར་བ་ལི་འདམ་ནས་འདོན་པར་རྫོན་  
 ལམ་བཏབ་ནས། འགྲོ་བ་དཔག་ཏུ་མེད་པ་འཁོར་བ་ལི་རྒྱ་ལཚོ་ལས་བསྐྱལ་  
 ཏེ། རོ་བུང་རི་བོ་པོ་ཏལ་ལི་རྩེར་བྱོན་ནས། དཔྱི་སེམས་ཅན་གཅིག་ཀྱང་  
 མེད་དོ་སྟམ་ནས་གཟིགས་པས་རིགས་དུག་གི་གནས་ན་སེམས་ཅན་ཚང་  
 བར་ལ་ལི་སྐང་མཉམ་བུ་ཉུང་དུ་མ་སོང་བར་འདུག་པས། དཔྱི་སེམས་ཅན་  
 འཁོར་བ་ལི་རྒྱ་ལཚོ་ལས་བསྐྱོལ་བར་མི་ལུས་སོ་སྟམ་ནས་རྒྱུན་ཚབ་ཤོར་བ།  
 རྒྱལ་གི་སྲིབ་ལག་གཉིས་ཀྱི་སྤངས་ཏེ་གཏོར་ནས། ལ་འོངས་པ་ལི་དུས་སུ་  
 རྒྱུན་ཚབ་གཉིས་ཀྱིས་ཀྱང་འགྲོ་བ་ལི་དོན་བྱེད་པར་ཤོག་ཅིག་ཅུས་རྫོན་ལམ་





དམུལ་ འགྲོ་བ་དཔག་ཏུ་མེད་པའི་བསོད་ནམས་བསོག་པའི་ཞིང་། དེ  
 བཞིན་གཤེགས་པའི་རིང་སྐལ་གྱི་སྒྲིང་པོ་ཅན་གྱི་མཚོད་རྟེན་ཆེན་པོ་ཞིག་  
 བཞེངས་པར་བྱེད་པལ། ཐོག་མར་ཡུལ་གྱི་རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་ལས་སྤོང་བའི  
 ལུང་ལུལ་བར་བྱའོ་སྟེ་ལྷན་པལ། རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོའི་དུང་དུ་སྤྱིན་ནམས། ལུག་  
 བཅོལ་བསྐྱོར་བ་བྱས་ལུས་མོ་གཙུག་ལྷན་པལ་མོ་སྐྱུར་ཏེ་གསོལ་པལ། གྱི  
 རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་ལགས། བདག་དཔུལ་མོ་བྱ་ཇི་མའི་གཅིག་གིས་བྱ  
 འཚོས་པའི་གྲོ་བསགས་པས་པམི་གཅིག་པའི་བྱ་བཞི་ཡོད་པ་ཡང་སྤྱི་མཁའ་  
 རབ་ཐང་དུ་ཕོག། ལྷན་པལ་གྱི་བསགས་པས་ཀྱང་འོ་མང་པོ་རྟེན་པ་རྣམས།  
 བདག་རང་གི་ཡི་དམུལ། འགྲོ་བ་དཔག་ཏུ་མེད་པའི་བསོད་ནམས་...  
 བསགས་པའི་ཞིང་། མངས་རྒྱལ་ཐམས་ཅད་གྱི་ཐུགས་གྱི་རྟེན། དེ་བཞིན  
 གཤེགས་པའི་རིང་སྐལ་གྱི་སྒྲིང་པོ་ཅན་གྱི་མཚོད་རྟེན་ཆེན་པོ་གཅིག་བཞེངས་  
 ལུག་སོལ་པལ། གནང་བར་ལུང་ཚལ། དེ་རྒྱན་ཅེས་གསོལ་བ་དང་།  
 རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་རྣམས་མ་བརྟགས་པར་བཀའ་མི་སྐྱུལ་པལ། དེ་ཞིག་ཐུགས་  
 མཉམ་པ་བཞག་ནས་གཟིགས་པལ། མོ་དཔུལ་མོ་བྱ་ཇི་མའི་.....  
 གཅིག་གིས། བྱ་འཚོས་པའི་གྲོ་བསགས་པལ། པམི་གཅིག་པའི་བྱ

བཞི་ཡང་སྤྱི་མཁའ་འཕེལ་དུ་སྤོང་། སྤྱི་ཡོད་ལྷན་པས་གསལ་བས་ཀྱང་མཚོན་  
 རྟེན་རྒྱ་ཆེན་པོ་བཞེངས་པ་དེ་མཚོན་ཅེ་ཆོད་གོངས་པ་ལྷན་པས་ཤར་ཏེ་ དེ་  
 ལྟར་བྱུང་བུ་ལུང་། ཅེས་བཀའ་སྤྱི་ལ་གནད་པས་། བྱེ་མཛད་གཤམ་ཞིང་ཡིད་  
 འཕུང་འདས་པར་སྤྱུར་ནས་། སྤྱི་ཡང་རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་ཉིད་ལ་ལྷན་པས་ཚལ་  
 ཞིང་བསྐྱོར་བལ་འཕེལ་དུ་བྱས་ནས་འད་གི་སྤྱི་མཁའ་དུ་ལོག་སྟེ་། མོ་རང་མ་སྤྱུ་  
 དང་བྲལ་གཅིག་ན་མས་ཀྱིས་། སྤྱི་པོ་ཆེ་གཅིག་དང་པོར་བྱ་གཅིག་  
 ཡོད་པ་ལ་སོ་ཕག་བཀའ་ཞིང་སྤྱི་ཏེ་། དེ་ནས་མཚོན་རྟེན་ཆེན་པོ་ལོ་མངས་  
 བཞིང་སྟེ་བཅུ་གསུམ་པས་། སྤྱི་མཁའ་གསུམ་དུ་སྤྱོད་སའ་པའི་ཚེ་། བལ་  
 ཡུལ་གྱི་མི་ཐམས་ཅད་ཁ་འཆམས་ཏེ་། མོ་དཔུལ་མོ་བྱེ་མའི་……  
 གཅིག་གིས་འདི་ཅམ་གྱི་མཚོན་རྟེན་བཞེངས་ན་། རྒྱལ་པོ་དང་། སྤྱོད་པོ་  
 དང་། ལྷན་པོ་ཆེན་པོ་། མི་དག་པ་ཀུན་གྱིས་ཇི་ལྟ་སྤྱི་མཚོན་རྟེན་  
 བཞེངས་། འདི་ཀུན་ལ་བརྟམས་པ་ཡིན་ཅིང་གཞོན་པར་འགྱུར་བས་། མི་  
 ཐམས་ཅད་སྤོང་བྱས་ཏེ་། རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་ལ་ལྷན་ཏེ་ཅིག་ཏུ་མ་བཅུག་པ་  
 འཕྲད་དོ་ཟེར་། བལ་ཡུལ་གྱི་མི་ཐམས་ཅད་ཚོགས་ཏེ་། རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་ལ་  
 ལྷན་པ་། རྒྱ་རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་ལ་གསུམ་། བྱེད་ལ་ལྷན་པས་འོར་བེ་ཆེན་པོ་ཞིག་

མངས་མེད་སྤྲུལ་མོ་བྱ་རྗེ་མ་མི་གཅིག་གིས་མཚོན་རྟེན་འདི་རྟ་བུ་བཞེངས་  
 བར་། བྱིད་རྒྱལ་པོ་དང་། སྲོན་པོ་དང་། ལྷུ་གུ་པོ་ལ་སོགས་པ་དྲག་པ  
 གུ་བ་གྱིས་དགོ་རྟེན་ལ་འདི་རྟ་བུ་འཚོན་རྟེན་བཞེངས་མེད་། འདི་ཅི་གུ་འཛུགས་བྱས་  
 བ་དང་ཉུང་ལ་གཞོན་པ་མེད་། མ་དོན་རྣམས་འདང་གཞན་སྤྲུལ་བྱེད་ཅི་གུ་མ  
 བུ་གུ་པ་འབྲང་དོན་བྱས་པ་མེད་། རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོས་བཀའ་སྤྲུལ་པ་མེད་། བྱིད  
 རྣམས་ཐམས་ཅད་ལོགས་པར་ཉོན་ཅིག་། མོ་དཔུ་ལ་མོ་བྱ་རྗེ་མ་མི་་་  
 གཅིག་གིས་བྱ་འཚོལ་པ་འདི་བྱ་བ་སྤྲུལ་བ་སྤྲུལ་པ་གུ་དང་པ་མི་གཅིག་པའི་བྱ་བ་གི  
 བོ་། བྱི་མ་པ་དང་ཐང་ལྟ་པོ་གི་། སྤྲུལ་པ་དང་སྤྲུལ་པ་ལྷན་བཞུགས་པ་ལ་འད  
 མཚོན་རྟེན་ཆེན་པོ་འདི་རྟ་བུ་བཞེངས་པ་དེ་མཚོ་རེ་ཆེ་བས་མ་འགའ་། དམ་ཅི  
 བྱ་བུ་ལྟ་ཞེས་བཀའ་བཞུགས་ཤོར་རོ་། རྒྱལ་པོ་འདི་རྣམས་པ་ལ་བྱ་གཅིག་ཡིན་པོ  
 ག་སྤྲུལ་པ་མེད་། གཞན་མི་རྣམས་ཀྱིས་བཀའ་གུ་དང་མི་ལོགས་པར་བཅིགས་  
 པ་མེད་། མཚོན་རྟེན་གྱི་མཚན་ཡང་བྱ་བུ་ལ་ཤོར་དུ་བྲག་མཚེས་། དེ་ནས་  
 དཔྱད་དཔྱད་མཚོན་པར་བཅིགས་པ་མེད་། ལོ་བཞི་ལ་བྱ་མ་པ་མཚན་  
 བཅིགས་སྤྲུལ་པ་མེད་། དེའི་དོན་སྤྲུལ་པ་རྗེ་མ་པ་དེ་མཚོགས་དེ་གི་དེ་། ཚོའི  
 ལུས་བྱེད་པར་ཤོས་ཏེ་། ལུ་བཞི་གཡོག་དང་ལྷུ་ལ་སྤྲུལ་པ་མེད་། བྱིད

རྣམས་ཀྱིས་དཔེ་ཡི་དམ་མེད་ལྟོང་ལྟོང་། འགྲོ་བ་མཐའ་ཡས་པའི་སྐྱེས་ཅན་ཐམས་ཅད་  
 ཅད་ཀྱི་བསོད་ནམས་བསོག་པའི་ཞིང་། མཚོགས་ཀྱི་སྐྱུར་པའི་མཚོད་རྟེན་  
 ཚེད་པོ་འདི་བཞེད་སྲུང་ལུགས་ལ། འདི་འདྲ་དུ་དེ་བཞིན་གཤེགས་པའི་རིང་  
 སྐལ་བཞུགས་སྲུགས་ལྟེ། རང་ཉེ་གནས་པ་རྒྱུ་ཚེད་པོ་གྱིས་ཤིག། དེས་  
 བྱིད་པའི་བསམ་པ་རྗེས་ཤིང་། རྣམས་ཀྱིས་མཚོ་སྐྱེད་སྐྱེད་པའི་ཅད་ཀྱིས་  
 ཀྱང་། དགོངས་པ་ཡོངས་སྲུང་གསལ་པ་དང་། རྒྱུད་རང་རྣམས་ཀྱིས་ཀྱང་  
 འདི་ཕྱི་འདི་དོན་རྒྱུ་ཚེད་པོ་འགྲུབ་པར་འགྱུར་རོ། ཞེས་སྐྱེས་ཏེ་ཚེད་པའི་དུས་བྱུང་  
 མོ། དེའི་ཚོ་སྐྱེད་དང་ལོ་ལོ་དང་ལྟེ་ལོ་ལོ་ཏེ་གཞི་མེད་མེད་པོ་བཟུང་པ་དང་།  
 འཇམ་འོད་ཀྱི་ཚོགས་དང་བཅས་ཏེ་མཚོད་རྟེན་ཚེད་པོ་འདི་ཉིད་བཞེད་སྲུང་པའི་  
 ཕན་ཡོན་གྱིས་མཐུ་མི་ལ་བདེ་མཚོགས་ལ་དེ་ཉིད་། དམཚོགས་ལྟོ་སྐྱེད་ལོ་  
 ཞེས་བྱུང་བར་སངས་རྒྱུ་མོ། དེ་ནས་བྱུ་རྣམས་སྐྱོས་བྱས་ཏེ། རང་འདི་ལ་  
 མཐོང་ལོ་དེ་ཉིད་དུ་ལོ་སྐྱེད་ལོ་སྐྱེད་ཀྱང་། དེད་རང་ལ་མི་གཅིག་པའི་  
 ལུ་བཞི་བྱིས་པ་རབ་ཐང་དུ་ཕོག། བོད་ཀྱི་ལྷག་མས་ཀྱང་འཇམ་ལུ་འི་  
 སྐྱིད་དུ་དཀོན་པའི་མཚོད་རྟེན་ཚེད་པོ། རོ་མཚོ་རམ་ཚོགས་ཀྱི་སྐྱུར་བའི་ལྷ་  
 ལུ་བཞེད་སྲུང་། དེ་དེད་རང་བྱུ་རྣམས་ཀྱིས་མའི་དགོངས་ལྟོ་སྐྱེད་ལོ་སྐྱེད་པའི་

སྲིད་དུ་དཀོན་པ་ལི་མཚོ་དྲེན་ཚེན་པོ། རོ་མཚར་མཚོ་གཏུ་སྐྱུར་བ་འདི་ལྟ་  
 བུ་བཞེད་ས་ན། ད་དེད་རང་སུ་ནམ་ས་ཀྱི་ས་མའི་དགོ་ཅུ་རིན་ལན་བསོ་བ་པ་ལི་  
 སྲིད་དུ། མའི་མཚོ་དྲེན་ལ་སུ་མ་པ་འདོགས་དགོས་ཟེར་ཏེ། སྲོས་འཚམ་  
 བས་སུ་ནམ་ས་ཀྱི་ས་སྐྱུར་ལྟར་སྐྱུར་པོ་ཚེ་དང་པོར་སུ་ལ་སོ་ཕག་བཀའ། སྐྱུ་  
 བཅིག་པོ་ལ་སྲོགས་བཅོལ་ཏེ་ལོ་གསུམ་བཅིགས་པ་ས། ཀྱུ་རྒྱུ་ལ་ལོ་  
 བདུན་ལ་བཞེད་ས་སྐྱུ་བཅུ་དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་འདོད་སྐྱུངས་ཀྱི་རིང་སྲིལ་  
 ལ་གཏུ་ལི་བྲེ་གང་སྲོག་ཤིང་གི་ནང་དུ་བཞུགས་སུ་གསོལ་ཏེ། དེ་ནས་  
 མཚོ་དཔལི་ཚོགས་དཔག་ཏུ་མེད་པ་བཤམས་ནས། རབ་ཏུ་གནས་པ་ལི་མེ་  
 ཏོག་འཕྲོར་བལོ་ཚོ། ལ་དུ་ཤི་ལམ་ལ་ལའི་ལམ་ས་ཐམས་ཅད་དུ་དེ་བཞིན་  
 གཤེགས་པ་འདོད་སྐྱུངས་ལ་ལོར་དང་བཅས་པ་དང་། གཞན་ཡང་སྲོགས་  
 བཅུ་ལི་སངས་རྒྱུས་དང་བྱང་ཚུབ་སེམས་དཔལ་ཐམས་ཅད་དང་། ད་ལྟ་  
 བཅོལ་པལི་ལོར་དཔག་ཏུ་མེད་པས་བསྐྱོར་བ་དང་། གཞན་ཡང་དེ་བཞིན་  
 གཤེགས་པ་རིགས་ལྡེ། རིགས་གསུམ་མགོན་པོ། ཞི་བའི་ལྷ་ཚོགས་  
 དཔག་ཏུ་མེད་པ་ཏིལ་གྱི་གང་སྐྱུ་བ་སྲིལ་སྐྱུ་བས་མ་གྱིས་མི་བྱབ་པ་ནམས་  
 སྲོན་ནས། མེ་ཏོག་འཕྲོར་ཞིང་བཀའ་ཤིས་རྒྱ་ཚེན་པོ་བརྗོད་པར་མཛད་དེ། ལྷ་ལི

རོལ་མོ་སྣོལ་མ་པའི་སྒྲོག་མ་པ་དང་། ལྷའི་མེ་ཏྲོག་གི་ཆར་ཆེན་པོ་  
 བབ་པ་དང་། ལྷའི་སྒྲོག་དྲི་ཁི་པོ་མ་མ་སྒྲོག་མ་ཐམས་ཅད་དུ་བྱུང་པ་དང་།  
 མཆོན་པོ་འདི་ཡང་ལན་གསུམ་གྱི་བར་དུ་གཡོས་པ་དང་། དེ་བཞིན་  
 ག་ཤེགས་པའི་ཚོགས་ཀྱི་སྒྲུ་ལས་ཡེ་ཤེས་ཀྱི་འོད་ཟེར་དཔག་ཏུ་མེད་པ་  
 འཕྲོས་པས། ཉེན་ལུབ་ཀྱི་སྣང་བ་མེད་པ་ཞག་ལྡེའི་བར་དུ་བསྟན་ཏེ།  
 མཆོན་རྟེན་ཆེན་པོ་བྱུང་ལ་ཤོར་གྱི་ལོ་རྒྱུ་ལས། ཇི་ལྟར་བཞེངས་པ་དང་  
 རབ་ཏུ་གནས་པར་མཛད་པའི་ལུས་ཉེད་པོ་ལོ། སམ་ཡེ། རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ།  
 ཡང་རྒྱལ་པོ་འཛིན་པའི་ལུས་ཚན་གྱིས་གསོལ་བ། ཀྱི་སྒྲོབ་དཔོན་ཆེན་པོ་  
 ལགས། དེ་ལྟ་བུའི་མཆོན་རྟེན་ཆེན་པོ་བྱུང་ལ་ཤོར་ཞེས་བྱ་བ་དོ་མཚར་  
 དཔག་ཏུ་མེད་པའདི་ཉིད་ཀྱི་དུང་དུ། སྒྲོབ་ལམ་ཇི་ལྟར་བཏབས་པ་དང་དེ་  
 ཉིད་འདི་ལྟར་འགྲུབ་པའི་ལོ་རྒྱུ་ན་མས་ཞིབ་པར་གསུང་དུ་གསོལ། ཅེས་  
 གསོལ་བས། མ་རྒྱ་གུ་རུས་བཀའ་སྒྲུལ་པ། ཉེན་ཅིག་རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ།  
 མཆོན་རྟེན་ཆེན་པོ་དེ་ལ་རབ་ཏུ་གནས་པའི་མེ་ཏྲོག་གཏོར་བའི་དུས་སུ། རོ་  
 མཚར་བའི་ལྟས་ཡམ་མཚན་ཆེན་པོ་དེ་ལྟར་བསྟན་པའི་དུས་དེར། སངས་རྒྱུས་  
 བྱང་ཚུབ་སེམས་དཔའི་ཚོགས་དཔག་ཏུ་མེད་པ་དེ་དག་ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཞལ་

བས་མཁྲིལ་གཅིག་དང་དབྱངས་གཅིག་ཏུ། གྱི་སྐལ་པ་མཚོག་དང་  
 ལྷན་པའི་རིགས་ཀྱི་བྱ་རྣམས་ཉེན་ཅིག། བྱེད་རྣམས་ཀྱིས་ལྷག་པའི་  
 བསམ་པ་རྣམ་པར་དག་པས། ཏུས་གསུམ་གྱི་རྒྱལ་བ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཐུགས་  
 གཉིས་སུ་མེད་པ་ཚོས་ཀྱི་སྐུ་ཉི་རྟེན་མཚོག་ཏུ་སྦྱར་པའི་མཚོད་རྟེན་ཚེན་པོ་འདི་  
 ལྟ་བུ་བཞེས་པའི་ཕན་ཡོན་གྱིས། རང་རང་གི་སློབ་ལམ་ཅི་བཏབ་པ་ཐམས་  
 ཅད་འགྲུབ་པར་འགྱུར་བས་ཐོབ་ཅིག་ཅེས་བཀའ་སྤྲུལ་བྱུང་བས། དེར་བུ་  
 རྣམས་ཀྱིས་གྲོས་བྱས་པས། ཡང་རང་ལོ་མཚན་མོ་དེ་ཉིད་ཀྱིས་སེམས་  
 བསྐྱེད་རྒྱ་ཚེན་པོ་བྱས་ཏེ། མཚོད་རྟེན་འདི་ལྟ་བུའི་རྒྱུད་བཏིང་ཞིང་།  
 བརྩིགས། དེ་བས་ཚེ་ཉི་ཏུས་བྱས་པས། དེད་རང་བུ་རྣམས་ཀྱིས་མའི་དགོ་  
 རྩ་ལ་མཚོད་རྟེན་ལ་བུམ་པ་བཏགས་ཤིང་རབ་ཏུ་གནས་པ་བྱས་པའི་ཕན་  
 ཡོན་གྱིས། རྩོགས་བརྩུལ་སངས་རྒྱས་དང་བྱུང་ཚུབ་སེམས་དཔལ་ཐམས་  
 ཅད་ཀྱི་ཞལ་མངོན་སུམ་དུ་བསྟན་ནས། སློབ་ལམ་ཅི་བཏབ་པ་འགྲུབ་པས་  
 ཐོབ་ཅིག་ཅེས་གནང་བ་ཐོབ་པའི་ཏུས་འདིར། དེད་རང་རྣམས་སློབ་ལམ་རྒྱུ་  
 རྒྱུད་བའི་འདེབས་དགོས་སེམས་ཟེར་ཏེ། བུ་ཚེ་ཤོས་ཏེ་རྩི་ཉི་བསམ་པ་ལ།  
 སློབ་ལམ་ཅིག་འདེབས་པར་བྱེད་པ་ལ་རྒྱ་གར་ཚེ་བསམ་པས། དལྟ་བུ་གི

རྩོམ་སྐྱེ་ལྷུ་ལ་ལམ་མཁའ་འདི་བུ། འབྲུག་པ་འབྲུག་ཡུལ་གྱི་ལམ་མཁའ་འཕེལ་  
 ཞེས་བྱ་བ། རི་ཐོམ་མཚན་གངས་སྐྱེ་ཡོད་པ། མཐིལ་ཐོམ་མཚན་ཚུ་  
 ཡོད་པ། དབྱུང་ཚུ་བྱུང་པོ་གནས་པ། དཔྱུན་འབྲུག་པའི་ཐང་ཅིག་ཏུ་  
 བཞུགས་པ་ཞིག་ཡོད་པ་དེ། མའོངས་པ་ན་ཚུ་ཐོམ་མཚན་སྐྱེ་ལས་ཏེ། དེ་  
 བཞིན་གཤེགས་པ་ཤུག་ཐུབ་པའི་བསྟན་པ་ལ། བྱང་ཚུ་བ་མེམ་མཚན་དཔལ་  
 རྩུབ་རྣམ་གཞིགས་དབང་ལྷུག་གིས་གསུལ་བའི་ཞིང་དུ་སྐྱུར་བས། དེར་  
 མངས་རྒྱུ་སྐྱེ་བ་སྟན་པ་རྒྱ་ཚེན་པོ་འབྱུང་བར་འགྱུར་རོ་ཞེས་བྱ་བའི་ལུང་  
 བསྟན་འདུག་པས། ཞིང་དེར་མངས་རྒྱུ་སྐྱེ་བ་འབྱུང་བ་དེ་ཉིད་སེམས་  
 འཇུག་པར་སློབ་ལམ་བཟབ་དགོས་པས་མ་ནས་སློབ་ལམ་བཟབ་པ་ནི།  
 བདག་གིས་ལྷུག་བསམ་ནམ་པར་དག་པས་མའི་མཚོད་རྟེན་ལ་སུམ་པ་  
 བཟབ་པའི་ཕན་ཡོན་གྱིས། བདག་གིས་མའོངས་སྐྱེགས་མཉམ་བཤེན་པོ་  
 དུས་སུ། དེ་བཞིན་གཤེགས་པ་ཤུག་ཐུབ་པའི་བསྟན་པ་ལ། འབྲུག་པ་  
 འབྲུག་ཡུལ་གྱི་ལམ་མཁའ་འཕེལ་ཏེ། ཚོས་སྐྱོང་བའི་རྒྱལ་པོ་ཚེན་པོ་ཞིག་ཏུ་  
 སྐྱེ་བས། མངས་རྒྱུ་སྐྱེ་བ་རིན་པོ་ཚེ་འཇུག་པར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་  
 བཤྲོད་དོ། དེའོག་ཕག་རྩི་ལུ་སློབ་ལམ་ནི། མའི་མཚོད་རྟེན་ལ་སུམ་པ་



བཏགས་པའི་ཕན་ཡོན་གྱིས། སུ་བོ་བྱེད་ཚེ་སྐྱོད་པའི་རྒྱལ་པོར་སྐྱེས་  
 བས། སངས་རྒྱལ་གྱི་བསྟན་པ་རྒྱུ་ལོ་ཆེ་འཇུག་པའི་དུས་སུ། འབྲུག་པ་  
 འབྲུག་ཡུལ་གྱི་མཐའ་འཁོབ་དེ་ལུ། བསྟན་པའི་གཞི་མ་དག་འདུབ་གྱི་མྱེ་  
 འཇུག་དགོས་པས། བདག་གི་དགོས་ཚུལ་ལྟར་དག་པའི་གཞི་མ་ལྟེ་སྐྱེས་པས།  
 དག་འདུབ་ཐམས་ཅད་རབ་ཏུ་བྱུང་བར་བྱེད་པའི་ལའབ་པོ་གཞི་མ་ལྟེ་བར་  
 ཤོག། ཅེས་བརྗོད་དོ། དེའོག་བྱེད་ཚེ་སྐྱོད་པའི་ལའབ་པོ་གཞི་མ་ལྟེ་བར་  
 རྟེན་ལ་སྐྱེས་པ་བཏགས་པའི་ཕན་ཡོན་གྱིས། སུ་བོ་བྱེད་གཉིས་འབྲུག་པ་  
 འབྲུག་ཡུལ་གྱི་མཐའ་འཁོབ་ཏུ། གཅིག་གིས་སངས་རྒྱལ་གྱི་བསྟན་པ་  
 འཇུག། གཅིག་གིས་སངས་རྒྱལ་གྱི་བསྟན་པ་འཇོན་པའི་དུས་སུ། བདག་  
 གི་ལས་ལ་ནས་མ་སྐྱེས་པར། ལེ་རྟོག་པ་དྲི་སྡོད་པོ་ལས་རྩལ་ཏེ་སྐྱེས་པར།  
 སྐྱེ་གི་རྒྱུ་བཅད་དེ་ཆོ་ཉི་ཟླ་དང་མཉམ་པར། ལུས་པས་ལྟ་འདེམ་གསུམ་  
 འདུལ་བ་གཅིག་ཏུ་སྐྱེས་པས། མཐའ་འཁོབ་དེ་ཉིད་ཀྱི་འདེམ་གསུམ་གསུམ་  
 ཅན་ཐམས་ཅད་འདུལ་བ་དང་། བྱེད་གཉིས་ཀྱི་བསམ་པ་བསྐྱབ་ཅིང་སངས་  
 རྒྱལ་གྱི་བསྟན་པ་མཐའ་དག་བསྐྱབ་པའི་སྐྱེས་པའི་ཆར་ལུས་པ་ཅན་གཅིག་ཏུ་  
 སྐྱེ་བར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་བཏགས་པོ། དེའོག་བྱེད་ཚེ་སྐྱོད་པའི་ལའབ་པོ་གཞི་  
 མའི་

མཚོད་རྟོག་ལ་བུམ་པ་བཏགས་པའི་ཕན་ཡོན་གྱིས། སུབ་ཁྲིད་གསུམ་  
 འབྲུག་པ་འབྲུག་ཡུལ་གྱི་མཐའ་འཁོབ་རྩེ། གཅིག་གིས་སངས་རྒྱལ་གྱི་  
 བརྟན་པ་འཇུག། གཅིག་གིས་འཛིན། གཅིག་གིས་བསྐྱུང་བའི་དུས་སྐབས།  
 ཁྲིད་རྣམས་འབྲུངས་ཡུལ་གཅིག་ཏུ་འོང་བའི་དུས་པམེད་པས། བདག་གི་  
 ཁྲིད་རྣམས་མཇུག་འབྲུང་བྱེད་པའི་བཀའ་འཁོར་སློབ་ལོ་ལྟ་སྐྱེ་བར་ཤོག་  
 ཅིག་ཅིས་བཏབ་པོ། དེའི་ཚེ་སངས་རྒྱལ་དང་བྱང་ཆུབ་སེམས་དཔའ་ཐམས་  
 ཅད་ལ་གྱིན་གཅིག་དང་དབྲུངས་གཅིག་རྩེ། གྱི་རིགས་གྱི་བུ་སྐྱལ་པ་  
 མཚོག་དང་ལྟན་པ་ཁྲིད་རྣམས་གྱིས། སློབ་ལམ་རྒྱ་ཚུལ་པོ་བཏབ་པ་གི་  
 ལེགས་སོ་ལེགས་སོ། སངས་རྒྱལ་ཐམས་ཅད་གྱིས་ཀྱང་རྗེས་སྐྱེའི་རང་ངོ་  
 འདི་ལྟ་བུའི་བསོད་ནམས་གྱི་ཕུང་པོའི་ཚད་གི། དུས་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱལ་  
 ཐམས་ཅད་གྱིས་ཀྱང་བསྐྱུང་བར་མི་ལུས་སོ། ཞེས་བཀའ་ལྟུང་ཏེ། རྩེགས་  
 བཅུའི་སངས་རྒྱལ་དང་བྱང་ཆུབ་སེམས་དཔའ་ཐམས་ཅད་ཀྱང་འོད་དང་འོད་  
 ཟེར་གྱི་གོང་བུ་གཅིག་ཏུ་སྐྱུར་ནས། མཚོད་རྟོག་ཚུལ་པོ་དེ་ཉིད་ལ་ཐིམ་  
 པས། མཚོད་རྟོག་གྱི་མཚན་ཡང་སངས་རྒྱལ་ཐམས་ཅད་འདུས་པའི་མཚོད་  
 རྟོག་དུ་གྲགས་སོ། དེའི་ཚེ་རྗེས་སུ་འཛིན་ལ་སྐྱུང་བུ་ཏེ་མ་གཅིག་གིས་

འཛིབས་པས་ལ་བཞོན་དེ། ལག་པས་ཤད་ཤད་བྱས་པས་སྐྱེད་བྱུག་གི་བའི་  
 རོ་བྱུང་བས། ལྷིང་རྗེ་དཔག་ཏུ་མེད་པ་སྐྱེས་ནས་སློབ་ལམ་བཏབ་པ་ལོ།  
 བདག་འབྲུག་པ་འབྲུག་ཡུལ་གྱི་མཐའ་འཁོབ་ཏུ་ཚོས་སྐྱེད་བའི་རྒྱལ་པོར་  
 སྐྱེས་པའི་དུས་སུ། སྐྱེད་བྱུག་འདི་ཉིད་སྐྱེས་སུ་སྐྱེས་ཏེ་ཚོས་ལ་སྐྱེད་པར་ཤོག་  
 ཅིག། ཅེས་བཏབ་པོ། བོད་བྱུ་དེའི་བསམ་པ་ལ་དལ་ཡང་སློབ་ལམ་ཅིག་  
 འདེབས་ཏེ་འོང་བསམ་པ་ལ། སློབ་ལམ་ཅི་ཡང་འདེབས་མ་བྱུང་བས། ཁོ་  
 ཁྱོད་ཀྱི་སྐྱེས་པས་འབྲུག་པ་འབྲུག་ཡུལ་གྱི་མཐའ་འཁོབ་ཏུ། ཁོ་ཚོས་སྐྱེད་བའི་  
 རྒྱལ་པོར་སྐྱེས་ནས་སངས་རྒྱལ་གྱི་བསྟན་པ་འཇུག་པའི་དུས་སུ། དེའི་ཚོང་  
 ཚོས་ལ་མི་དགའ་བའི་བཀའ་སློབ་པོ་ཞིག་ཏུ་སྐྱེས་ནས་རྒྱལ་པོ་ཁོའི་ཅི་ཡང་  
 བྱུང་བཅད་མེད་པ་གཅིག་ཏུ་སྐྱེ་བར་ཤོག་ཅིག་བྱས་སོ། དེ་སྐོར་བཞོན་པ་  
 གཡོག་པོས་ཐོས་པས། ཁོ་དེ་ལྟ་བུའི་བདུད་སློབ་དུ་སྐྱེས་ནས་ཚོས་ལ་བར་  
 ཚད་བྱེད་པའི་དུས་སུ། དེ་ཉིད་ཀྱི་གཡོ་ཐབས་དང་རུས་པ་ཐམས་ཅད་བསྐྱོག་  
 ཅིང་འཛོམས་པར་བྱེད་པའི་ཚོས་སློབ་ཐབས་ལ་མཁས་པ་ཞིག་ཏུ་བདག་  
 སྐྱེ་བར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་སློབ་ལམ་བཏབ་པོ། ཡང་སྐྱེད་པོ་ཚེ་དེའི་བསམ་པ་  
 ལའང་། དལ་ཡང་སློབ་ལམ་གཅིག་འདེབས་ཏེ་འོང་བསམ་པ་ལ། སློབ་

ལམ་ཅི་ཡང་འདེབས་པ་མ་བྱུང་བས་མེད། ཁོ་ཁོས་ནས་དཔེ་སྟོན་འདི་ཙམ་  
 བསྐྱུལ་བས་སློབ་ལམ་ཅི་ཡང་མི་འདེབས་ནེ། ཁོང་ནམ་མཁུ་གིས་.....  
 གཉེན་གསུམ་པའི་བསྟན་པ་དེ་རྒྱལ་པོ་དེའི་བྱུང་མཚན་པོར་སྐྱེས་ཏེ་དམ་.....  
 བསྐྱུལ་བར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་བྱས་སོང་། དེ་སྐོད་བརྗོད་པ་བྱེད་པའི་གཉེན་གསུམ་གིས་  
 ཐོས་པས་ལྷག་པའི་བསམ་པ་སྐྱེས་ཏེ། ཁོ་དེ་ལྟ་བུའི་རྒྱལ་པོར་སྐྱེས་ནས་  
 མངས་རྒྱལ་གི་བསྟན་པ་བསྐྱུལ་བའི་དུས་སུ། བདག་བྱུང་ཚུབ་མེམས་  
 དཔལ་ཚེན་པོ་ཞིག་ཏུ་སྐྱེས་ནས་བདུད་གི་རྒྱལ་པོ་དེ་ཉིད་གསོད་པར་ཤོག་  
 ཅིག་ཅེས་སློབ་ལམ་བཏབ་པོ། དེའི་ཚོ་བམ་ཟེའི་ཁྱེད་ཚངས་སྐྱོད་ཅན་ཤེས་  
 མེད་བ་གཉིས་གིས་ཀྱང་སློབ་ལམ་བཏབ་པ་ལོ། ཁྱེད་ནམ་མཁུ་འབྲུག་པ་  
 འབྲུག་ཡུལ་གི་མཐའ་འཁོབ་ཏུ། མངས་རྒྱལ་གི་བསྟན་པ་རིན་པོ་ཆེ་  
 འཇུག་པའི་དུས་སུ། བདག་གཉིས་འོ་དམ་པའི་ཚོས་ནམ་མཁུ་ལུས་པ་  
 བསྐྱུར་བར་བྱེད་པའི། ལོ་ཙཱ་བ་རེ་རེར་སྐྱེ་བར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་སློབ་ལམ་  
 བཏབ་པོ། ཡང་དེའི་ཚོ་རྒྱལ་རིགས་གི་བུ་མོ་ཤེས་རབ་ཅན་གཉིས་གིས་ཀྱང་  
 སློབ་ལམ་བཏབ་སྟེ། འབྲུག་པ་འབྲུག་ཡུལ་གི་མཐའ་འཁོབ་ཏུ། ཁྱེད་  
 ནམ་མཁུ་མངས་རྒྱལ་གི་བསྟན་པ་རིན་པོ་ཆེ་འཇུག་པའི་དུས་སུ། དམ་པའི་ཚོས་

བླ་མ་ཡི་གེར་འགྲི་བའི་ཡིག་རིགས་ཐམས་ཅད་ལ་མཁས་པའི་མཚོ་གཏུ་  
 ལྟར་པ་རེ་རེར་སྐྱེས་ནས་། བཀའ་དང་བསྟན་བཅོས་མཁུས་པ་ཡི་གེར་  
 འགྲི་བར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་སྒྲོབ་ལམ་བཏབ་པོ་། གཞན་ཡང་དེའི་ཚོབ་སྟན་པ་  
 དང་མཁས་ཅན་ལ་ཕན་བའི་སྒྲོབ་ལམ་བཏབ་པ་ལོ་། དཔག་ཏུ་མེད་ཅིང་  
 གྲངས་ལས་འདས་སོ་། དེ་ལྟར་བཏབ་པའི་སྒྲོབ་ལམ་བླ་མ་མཁུས་པར་  
 འགྲུབ་པ་ལོ་། དེའི་ཚོབ་དེའི་དུས་ཀྱི་བུ་ཚེབ་རྩ་ལྡིམ་གྱི་ལྟུང་པོར་སྐྱེ་བར་སྒྲོབ་  
 ལམ་བཏབ་པ་ལོ་། དཔྱལ་ཚོས་སྐྱོང་བའི་ལྟུང་པོ་བྲི་སྲོང་ལྡུང་བཅའ་བྱེད་  
 ལགས་སོ་། དེའི་ཚོབ་དེའི་དུས་ཀྱི་ཕག་རྩིའི་བུའི་ལམ་པོར་སྐྱེ་བའི་སྒྲོབ་ལམ་  
 བཏབ་པ་ལོ་། དཔྱལ་ལམ་པོ་བོ་དྲི་སྟུང་འདྲི་ཡིན་ལོ་། དེའི་ཚོབ་དེའི་དུས་ཀྱི་  
 བྲི་རྩིའི་བུའི་སྐྱེས་འཆང་དུ་སྐྱེ་བའི་སྒྲོབ་ལམ་བཏབ་པ་ལོ་། དཔྱལ་ལྷུ་  
 ལྟུང་གྱི་ལམ་པོ་བོ་དྲི་ལྟུང་གནས་བདག་ལགས་སོ་། དེའི་ཚོབ་དེའི་དུས་ཀྱི་  
 བུ་རྩིའི་བུའི་འཕྲིན་ལྡོག་དུ་སྐྱེ་བའི་སྒྲོབ་ལམ་བཏབ་པ་ལོ་། དཔྱལ་ཡར་  
 ལུང་གྱི་སྐྱེ་མི་བྲི་གཞེར་འདྲི་ཡིན་ལོ་། དེའི་ཚོབ་དེའི་དུས་ཀྱི་སྐྱང་བུ་ཏེ་མ་སྐྱས་སྐྱེ་  
 སྐྱེ་བའི་སྒྲོབ་ལམ་བཏབ་པ་ལོ་། དཔྱལ་ལྟུང་པོའི་སྐྱས་སོ་ལྟུང་ལྟུང་  
 གསལ་ཚེའི་དུས་བུས་པ་འདྲི་ཡིན་ལོ་། དེའི་ཚོབ་དེའི་དུས་ཀྱི་བོང་བུས་སྒྲོབ་

ལམ་ལོག་ཉེ་བདུད་སློབ་དུ་སྐྱེ་བར་སློབ་ལམ་བཏབ་པ་ལྟེ། དལྟེ་བདུད་  
 སློབ་མཁའ་ཁྲོམ་པ་སྐྱེ་མཁའ་བྱ་བ་ལོད་ཡིན་ལོ། གཡོག་གི་བདུད་སློབ་  
 འཛོམས་པའི་ཚེས་སློབ་དུ་སྐྱེ་བར་སློབ་ལམ་བཏབ་པ་ལྟེ། དལྟེ་ཚེས་སློབ་  
 འགོས་པ་དུ་གུང་བཙན་ལོད་ཡིན་ལོ། དེའི་ཚེ་དེའི་དུས་ཀྱི་གྲུང་པོ་ཚེའི་སློབ་  
 ལམ་ལོག་སྐྱེ་བདུད་ཀྱི་རྒྱལ་པོར་སྐྱེ་བ་ལམ་བཏབ་པ་བསྐྱབ་པ་བསྐྱབ་པ་བར་སློབ་ལམ་  
 བཏབ་པ་ལྟེ། རྒྱལ་པོ་བྱེད་ནས་གཏུང་རབ་གསུམ་གྱི་དུས་སུ། བདུད་ཀྱི་  
 རྒྱལ་པོ་གྲུང་གི་མིང་ཅན་གཅིག་འབྱུང་སྟེ། དེས་ནི་མངས་རྒྱལ་གྱི་བསྐྱབ་པ་  
 བསྐྱབ་པར་བྱེད་དོ། དེའི་ཚེ་དེའི་དུས་ཀྱི་བྱ་ལོག་གིས་སེམས་བསྐྱེད་ནས་  
 བདུད་ཀྱི་རྒྱལ་པོ་དེ་ཉིད་གསོད་པར་སློབ་ལམ་བཏབ་པ་ལྟེ། དལྟེ་ལྟ་སྐྱེ་  
 ལུ་ལུ་བཙན་པོ་ལོད་ཡིན་ལོ། ལམ་ལོག་པའི་དུས་སུ་བདུད་རྒྱལ་གྲུང་གི་  
 མིང་ཅན་བྱུང་ནས། མངས་རྒྱལ་གྱི་བསྐྱབ་པ་བསྐྱབ་པའི་ཚེ། བྱག་ལུབ་  
 སེམས་དཔལ་ལྷ་ལུང་དཔལ་གྱི་དོན་མེ་ལོག་བྱ་བར་སྐྱེ་བ་ལྟེ། བདུད་ཀྱི་  
 རྒྱལ་པོ་དེ་ཉིད་གསོད་པར་འགྱུར་རོ། དེའི་ཚེ་དེའི་དུས་ཀྱི་བམ་ཟེའི་ལུ་  
 གཉིས་ཀྱིས་ལོ་ཙཱ་བར་སྐྱེ་བའི་སློབ་ལམ་བཏབ་པ་ལྟེ། དལྟེ་ལོ་ཙཱ་བ་དཔལ་  
 བཙུགས་དང་ལྷོག་རོ་ལྟེ་རྒྱལ་མཚན་ལོད་ཡིན་ལོ། དེའི་ཚེ་དེའི་དུས་ཀྱི་

རྒྱལ་རིགས་ཀྱི་བུ་ལོ་གཉིས་ཀྱིས། དམ་ཚེས་འབྲི་བའི་ཡི་གེ་བར་སྒྲིབ་ལམ་  
 བཏབ་པ་ནི། དེ་ལྟ་བུ་ལྟ་མཚུས་མངས་དང་ལོགས་བྱིན་ཉི་མ་འདི་ཡི་བོ་མོ།  
 ཞེས་བཀའ་སྐུལ་བས། ཚེས་རྒྱལ་བྱིསོང་ལྡེ་ལུ་བཙུག་དང་དེར་འདུས་པ་  
 ཐམས་ཅད་དོ་མཚར་ཞིང་ཡིད་ཚེས་ཏེ། ལུག་དཔུ་ལས་ཐོད་བྱུང་བྱུང་བྱུ  
 བཙུལ། མཚི་མ་ལྷུག་བར་བཏོན་ནས་སྐར་ཡང་དེར་འདུས་པ་ཐམས་  
 ཅད་ཀྱིས། བསྟན་པ་དང་མེམས་ཅན་ལ་ཕན་པའི་སྒྲིབ་ལམ་སྒྲིབ་ས་པོ་ཆེ་  
 མང་པོ་བཏབ་པོ། མཚོད་རྟེན་ཆེན་པོ་བྱ་རུང་ལ་ཤོར་གྱི་ལོ་རྒྱུས་ལས་མངས་  
 རྒྱས་དང་བྱང་རྒྱལ་མེམས་དཔལ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས། ལུང་བསྟོན་ནས་སྒྲིབ་  
 ལམ་བཏབ་ཅིང་འགྲུབ་པའི་ལེ་ལུ་སྟེ་གཉིས་པའོ། སམ་ཡེ། རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ།  
 ཡང་རྒྱལ་པོ་བྱིསོང་ལྡེ་ལུ་བཙུག་གིས་གསོལ་བ། ཀྱིསོང་དཔོན་ཆེན་པོ་  
 ལགས། དེ་ལྟ་བུ་ལོ་མཚོད་རྟེན་པོ་དུས་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱས་ཐམས་ཅད་  
 འདུས་པའི་བདག་ཉིད་དེ་ལ། ལུག་འཚལ་ཞིང་བསྐྱོར་བ་བྱེད་པ་དང་།  
 མཚོད་པ་འབྲུལ་བ་ལ་སོགས་པ་ཞབས་ཏོག་བྱས་པའི་ཕན་ཡོན་ནི་དེ་ལྟ་བུ་  
 ལགས། ཞེས་གསོལ་བས། མ་རྒྱ་གུ་རུས་བཀའ་སྐུལ་བ། ཉོན་ཅིག་  
 རྒྱལ་པོ་ཆེན་པོ་དང་པོ་བཏབ་བྱེད་ཅིག། དུས་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱས་དང་

བྱང་རྒྱ་བ་སེམས་དཔའ་ཐམས་ཅད་ཐུགས་གྱི་རྟེན་ལ་དངོས་སུ་ཐིམ་ནས་...  
 བཞུགས་པའི་མཚོན་རྟེན་ཆེན་པོ་གསོལ་བ་དང་སློབ་ལམ་ཅི་བཟུང་བ་འབད་  
 མེད་ལྟུན་གྱི་འགྲུབ་པར་བྱེད་པ་ཡིད་བཞིན་གྱི་འོར་བུ་རིན་པོ་ཆེ་ལྟ་བུ་  
 འདི་ལམ། འགྲོ་བ་གང་ཞིག་ལྟག་བསམ་ནམ་པར་དག་པས། རྣམ་  
 འཚལ་བ་དང་། བསྐྱོར་བ་དང་། མཚོན་པ་བྱས་པའི་སྐབས་ལོན་ཅི། རྣམ་  
 གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱུ་ཐམས་ཅད་གྱིས་ཀྱང་བཟོད་པར་མི་བུས་ཤིང་.....  
 བཟང་པར་མི་ཡང་སྟེ། རྗེས་འཇུག་གི་སེམས་ཅན་ནམས་སློབ་བསྐྱེད་པའི་  
 སྲིབ་མདོ་ཅམ་ཅིག་བཟོད་ན། རྣམ་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱུ་ཐམས་ཅད་གྱི་  
 ཐུགས་གྱི་རྟེན་མཚོན་གྱི་སྲུང་པ། འགྲོ་བ་ལྟ་དང་བཅས་པའི་འཛིན་རྟེན་  
 ཐམས་ཅད་གྱི་མཚོན་པའི་ཞིང་། གསོལ་བ་བཟུང་བའི་སློབ་ལམ་བཟུང་བ་  
 ཅི་བཟུང་བའི་སློབ་ལམ་ཐམས་ཅད་འབད་མེད་ལྟུང་གྱི་འགྲུབ་ཅིང་། མཚོན་དང་  
 ཐུན་མོང་གི་དངོས་གྲུབ་མ་ལུས་བསྐྱེད་པར་བྱེད་པ། དཔེར་ན་ཡིད་  
 བཞིན་གྱི་འོར་བུ་རིན་པོ་ཆེ་ལྟ་བུའི་མཚོན་རྟེན་ཆེན་པོ་བྱ་བུ་ཁ་ཤོར་ཞེས་བྱུང་བ་  
 འདི་ཉིད། འགྲོ་བ་སུ་ཡིས་མིག་གིས་མཐོང་ཚད་ཐམས་ཅད་དཔོན་མོང་  
 གསུམ་དུ་སྐྱེ་བའི་སྐྱེ་སྐྱོབ་ཅད་དོ། རྣམས་སུམ་ཐོས་ཚད་ཐམས་ཅད་བྱང་





རྫོགས་པར་འགྱུར་རྟེ་ སྲིད་སྡོད་སྡུམ་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་སྤོངས་པ་ཟེ་བ  
 ཅིང་སྡོད་སྡུམ་ཚོགས་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རྟེ་ སྲིད་སྡོད་དང་གཡེར་ཁ་སྡུམ་  
 འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་དབྱེད་སྡོད་སྡུམ་སྡོད་པ་དང་དག་གསལ་ཅིང་ཚངས་པའི་  
 དབྱེད་སྡོད་དམ་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རྟེ་ མཚུལ་སྡུམ་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་  
 གཞན་སྐབས་དང་མཐར་ཐུག་གི་འབྲས་བུ་ཚོགས་གཉིས་ཡོངས་སུ་.....  
 རྫོགས་པར་འགྱུར་རྟེ་ སྲིད་པོ་ཚེ་སྡུལ་མཚུལ་སྡུམ་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་  
 དཔུལ་ཞིང་ཤོངས་པ་ཐམས་ཅད་རྒྱུན་ཆད་ནས་མི་ཟད་ནམ་མཁའ་མཛོད་ལ་  
 མངའ་བརྟེས་པར་འགྱུར་རྟེ་ སྲིད་པོ་ཚེ་སྡུལ་དུལ་གྱི་མཚུལ་སྡུམ་འབྲུལ་བ་  
 ཐམས་ཅད་གཞན་སྐབས་སུ་རྒྱལ་སྤྱིར་སྲིད་པོ་ཚེ་སྡུལ་དུལ་ལ་ལོངས་སྤོང་ཅིང་  
 མཐར་ཐུག་ལོག་ལས་གསུལ་དང་ལྟན་པའི་སྐྱོབ་པར་འགྱུར་རྟེ་ སྡོད་སྡུལ་  
 མཚུལ་སྡུམ་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་འདྲུ་བ་རྣམ་པ་བཞིན་ནད་དང་། ..  
 འཁོར་བའི་གཅོད་ནད་ལ་སོགས་པ་ནད་ཀྱི་བསྐྱལ་པ་ལས་ཐར་བར་འགྱུར་  
 རྟེ་ སྲིད་པོ་ཚེ་སྡུལ་མཚུལ་སྡུམ་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་འགྲོ་བརྒྱུད་ལྡེན་སྤྱོད་  
 བསྐྱལ་མཐའ་དག་ལས་གྲོལ་ཞིང་རིགས་ལྡེན་སྐྱོབ་པར་འགྱུར་རྟེ་ འབྲུ  
 ལྡེན་མཚུལ་སྡུམ་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་འབྲུལ་ཚོགས་ཅི་བཟུང་བ་ཐམས་ཅད་

ལེགས་ཤིང་མཚོ་མ་པའི་ལོ་ཐོག་ལ་ལོངས་སྤྱོད་པར་འགྱུར་རོ། བདུག་སྒྲིམ་  
 རྣམ་པ་ལྔ་སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་དྲི་ཞིམ་ལྟ་ན་སྟུག་ཅིང་ཀུན་གྱི་ཡིད་དུ་  
 ལོང་བར་འགྱུར་རོ། དྲི་བ་ཟང་རྣམ་ལྔ་སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་གནས་  
 གཙང་ཐོབ་ཅིང་དྲི་མ་ཐམས་ཅད་མེད་པར་འགྱུར་རོ་སྟུན་གཟིགས་རྣམ་ལྔ་  
 སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་བསོད་ནམས་དང་མངའ་ཐང་དཔལ་འབྱུང་ལོ་  
 བྱད་ལོངས་སྤྱོད་མཐའ་དག་རྒྱལ་བར་འགྱུར་རོ། གདུགས་དང་རྒྱལ་མཚན་  
 སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་ཉེན་མོངས་པའི་ཚད་པ་མཐའ་དག་ཞི་བ་དང་...  
 ཀུན་གྱིས་མཚོན་ཅིང་བཀུར་སྟོབས་ལོ་ཐོག་སྟུང་འབྲུར་རོ། འཕམ་དང་བདན་  
 སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་བདེ་བའི་ལོ་བྱད་སྟུན་སྟུང་ཚོགས་པ་ཐོབ་ཅིང་  
 འཛིགས་པ་ཆེན་པོ་བརྒྱད་དང་བྲལ་བར་འགྱུར་རོ། སྤོང་བ་དང་ཅོད་པན་  
 སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་རིན་པོ་ཆེ་སྣ་བདུན་གྱི་རྒྱུན་དང་ལྡན་པའི་ལྟ་དང་  
 མིའི་བདེ་བ་དམ་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། མར་མེ་སྟུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་  
 རྩོགས་བཅུ་འི་སངས་རྒྱལ་དང་བྱུང་རྒྱུ་བ་སེམས་དཔལ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་ཞལ་  
 ལ་ལོ་སྟུང་ཉིད་དུ་མཐོང་བར་འགྱུར་རོ། འབྲུའི་མར་མེ་སྟུང་འབྲུལ་བ་  
 ཐམས་ཅད་གཏི་ལྷག་གི་རྒྱུ་བ་ཐམས་ཅད་བྱུང་བར་འགྱུར་རོ། མེམར་གྱི་

མར་ལེ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་ཚེས་གྱི་འོད་ཟེར་རྩོགས་བཅུ་ལྔ་ལྟེན་པར་  
 འགྱུར་རོ། ། འཁོར་ལོ་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་ཚེས་གྱི་འཁོར་ལོ་  
 བསྐྱོར་བར་འགྱུར་རོ། ། འོར་བུ་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་ཡིད་ལ་  
 འདོད་དགུ་ཚར་ལྟར་འབབ་པར་འགྱུར་རོ། ། བཅུ་ལྔ་ལོ་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་  
 ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་ཤེས་རབ་ནམ་པར་དག་པ་རྒྱུད་ལ་སྐྱེ་བར་འགྱུར་རོ། །  
 ལྷོ་ལོ་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་སྣོ་གས་ཐབས་ལ་མཁས་ཤིང་  
 འགྲོ་བ་མཐའ་དག་འབྲེན་པའི་དོད་དཔོན་དམ་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། །  
 ལྷན་པོ་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་ཐེག་པ་ཚེབ་པོ་མཚོག་གི་དོན་  
 དང་ལྡན་པར་འགྱུར་རོ། ། ཏཱ་མཚོག་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་རྩ་  
 འབྱུང་གི་རྒྱ་རྒྱུ་ལ་བཞི་དང་ལྡན་པར་འགྱུར་རོ། ། དམག་དཔོན་རིམ་ཚེབ་སྐྱུ་  
 ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་པ་ལོ་གི་རྒྱུ་ལ་བམཐའ་དག་འཛོམས་པར་འགྱུར་རོ། །  
 རྒྱལ་སྤིང་སྐྱབ་བུ་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་ཚེས་གྱི་རྒྱལ་སྤིང་ཚེབ་པོ་ལ་  
 མངའ་བརྒྱུར་བར་འགྱུར་རོ། ། བཀྲ་ཤིས་རྒྱགས་བརྒྱུད་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་  
 ཅད་མཚོན་དང་དཔེ་བྱུད་གིས་བརྒྱུན་པའི་སྐྱོ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། ། བཀྲ་ཤིས་  
 རྩམ་བརྒྱུད་སྐྱུ་ལ་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་བཀྲ་ཤིས་བྱིབ་ཚེ་ཞིང་ལྟ་དང་མི་འི་

དཔལ་འབྱོར་སྤྱན་སྲུང་མཚོ་གསལ་པ་ལ་ལོངས་སྤྱོད་བྱེད་པར་འགྱུར་རོ། བ  
 བཟའ་སྒྲོལ་མཚོ་གསལ་སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་པ་ཕྱུ་ལི་ཀའི་ཚོས་གོས་དང་།  
 འཇམ་ཁིང་རེག་བ་བདེ་བའི་གོས་སྒྲོལ་མཚོ་གསལ་པ་ལོངས་སྤྱོད་པར་འགྱུར་རོ།  
 སྤྱི་དཀར་གྱི་བ་བཟའ་སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་བཀྲ་བཤད་གཟི་བཟིན་སྤྱན་  
 སྲུང་མཚོ་གསལ་བ་ཐོབ་ཅིང་། ལྷ་འདྲེ་མི་གསུམ་ཐམས་ཅད་ཟིལ་གྱིས་།  
 གཞོན་པར་འགྱུར་རོ། དཀར་གསུམ་གྱི་མཚོ་དཔ་སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་  
 ཅད་འདོད་འཇོམས་དང་རྐང་འགྲོལ་མཚོ་གསལ་པ་ལོངས་སྤྱོད་པར་འགྱུར་རོ།  
 མངར་གསུམ་གྱི་མཚོ་དཔ་སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་ལྷ་འཁོར་ཟམ་འདོད་  
 དགལ་མཚོ་གསལ་པ་ལོངས་སྤྱོད་པར་འགྱུར་རོ། འབྲུ་ཚེ་བ་གྱི་ཁལ་ཟམ་སྲུང་  
 འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་བཀྲ་བཤད་པ་མེད་ཅིང་ཡི་དུག་སྲུ་སྤྱོད་པར་  
 འགྱུར་རོ། འབྲུ་བཅུ་དཔ་གྱི་མཚོ་དཔ་སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་བདུད་རྩི་  
 རྒྱལ་ཚོ་ལྷ་སྤྱི་གཡོས་པ་ལོངས་སྤྱོད་པར་འགྱུར་རོ། ཕྱི་ཐོག་གི་མཚོ་དཔ་  
 སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་རོ་བརྒྱ་དང་ལྡན་པའི་ཁ་ཟམ་པ་ལོངས་སྤྱོད་པར་  
 འགྱུར་རོ། ཚོ་གསལ་གྱི་འཁོར་ལོའི་མཚོ་དཔ་སྲུང་འབྲུལ་བ་ཐམས་ཅད་  
 མཚོ་ག་དང་ཐུན་མོང་གི་དངོས་གྲུབ་དང་ཡིད་ལ་ཅི་འདོད་པ་ཐམས་ཅད་།

འགྲུབ་པར་འགྱུར་རོ། ཇི་བཟང་ནྣ་ལ་ལྷ་ལི་བྱས་ཆ་བསྐྱུས་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་  
 མྱོལ་བ་དང་རྒྱུ་བ་པ་མ་ལུས་པ་དག་ཅིང་ཇི་མེད་ཡིད་འོང་མདོག་བཟང་  
 དལ་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། བུ་ལི་གདན་མཚོག་སྐྱུས་འབྱུང་བ་ཐམས་ཅད་  
 རེག་འཇམ་མཛེས་ཤིང་མི་འཇིགས་མེད་ལི་བྱི་དང་ལྷན་པ་དང་མེ་རྟོག་བུ་ལི་  
 སྣོང་པོ་ལ་རྩུ་ཉེ་སྐྱེ་བ་ལོན་པར་འགྱུར་རོ། དཀོན་གཉེར་སྐྱུས་བྱེད་པ་  
 ཐམས་ཅད་དན་སོང་གསུམ་གྱི་སྐྱུག་བསྐྱུལ་མཐའ་དག་ལས་གྲོལ་ཞིང་ལྷན་  
 སྐྱུམ་ཚོགས་པ་ལི་ཡོན་ཉན་ཐམས་ཅད་དང་ལྷན་པར་འགྱུར་རོ། མཚོང་  
 གཡོག་སྐྱུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་སངས་རྒྱུས་ཐམས་ཅད་ལ་མཚོང་བ་……  
 བྱས་པར་འགྱུར་ཞིང་སངས་རྒྱུས་ཐམས་ཅད་ཀྱི་སྤྱོད་ལས་མཐའ་དག་ཀྱང་  
 འགྲུབ་པར་འགྱུར་རོ། རྣམ་དང་ཇི་ལ་སྐྱུས་བྱིས་པ་ཐམས་ཅད་གཟུགས་  
 བཟང་ཆས་ལེགས་ལྷན་སྐྱུག་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། འབག་འབོག་དང་  
 ཉལ་ཉིལ་སྐྱུས་སྐྱུགས་པར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་རྗེག་པ་དང་རྒྱིབ་པ་མཐའ་  
 དག་ཅུང་ནས་གཅོད་པར་འགྱུར་རོ། ཡིད་ལ་སྐྱུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་སྐྱུག་  
 གྱུ་ཚེན་པོ་ལི་རིག་འཛིན་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། ཁའདོན་ཏུ་སྐྱུས་བྱེད་པ་ཐམས་  
 ཅད་ནྣ་ལ་པར་སྐྱོན་པ་ལི་རིག་འཛིན་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། རྣམ་སྐྱུས་བྱེད་པ་

ཐམས་ཅད་ལྟོན་གྱིས་གྲུབ་པའི་རིག་འཛིན་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། ། མཚོད་པ  
 ལྷུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས་ཚོལ་དབང་བའི་རིག་འཛིན་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། །  
 ཞིག་གསོས་ལྷུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཚོལ་དེར་སྲིབ་ལས་ནུམ་པ་བཞི་དང་  
 ཡིད་ལ་ཅི་འདོད་པ་ཐམས་ཅད་འགྲུབ་ཅིང་བྲུན་མེད་པའི་བྱང་ཚུབ་རིན་པོ་ཆེ  
 ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། ། འདམ་འཛིན་ལྷུས་སྐྱུར་བར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས་མ  
 རྩལ་ལེན་དང་མཉམ་པའི་སྟོང་ལ་ཁོར་ལོས་སྐྱུར་བའི་རྒྱལ་པོ་ཐོབ་པར་འགྱུར  
 རོ། ། མདོ་ཁུར་སྐྱེལ་ལྷུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཚོལ་དང་སྲོག་གི་བར་ཚད་ཐམས་  
 ཅད་ཞི་ཞིང་ཚོལ་དེན་མེད་གཞུགས་བཟང་དམ་པ་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། །  
 འདིའི་སྐྱུར་དུ་སྒྲོ་གསུམ་ལྷུས་འབད་པ་བྱས་པ་ཐམས་ཅད་ལྷུས་དག་ཡིད་  
 གསུམ་ལ་སངས་རྒྱལ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས་སྐྱུ་གསུང་ཕྱགས་ཀྱི་བྱིན་རྒྱལ་མ་  
 ལུས་པ་འཇུག་པར་འགྱུར་རོ། ། དགོ་བའི་སྒོ་གསུམ་ལྷུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱི  
 རྒྱུ་བ་དང་ཚོར་བས་ཐམས་ཅད་དུ་དགོ་བ་བརྩའི་ལམ་ཡང་དག་པ་ལ་འཇུག  
 ཅིང་དགོ་བའི་བཞེས་གཉེན་གྱི་སྒོ་གསུམ་དང་མི་འབྲལ་བ་དང་། གང་ལ་  
 གང་འདོད་པའི་དངོས་གྲུབ་མཐོང་དག་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོ། ། ལས་དཔོན་  
 ལྷུས་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་སྐྱོགས་བརྩའི་སངས་རྒྱལ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་སྐྱུས་ཀྱི་བྱུ

བོད་རྒྱལ་པོ་ལྟར་ཞིང་། སྤྱི་ལམ་མཐའ་དག་ཀྱང་བྱེད་པར་འགྱུར་རོ།  
 བཟོ་གནས་སྐྱུ་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་འདི་སྤྱི་ཀུན་ཏུ་རིག་པའི་གནས་ལྗེ་ལ་  
 ལམས་པར་འགྱུར་རོ། འདི་འོག་སྐྱུ་གོ་ལ་པ་བདུན་བོར་བྱ་སྐྱེ་བ་  
 བདུན་དུ་མི་ལུས་ནམ་པར་དག་པ་ཐོབ་ཅིང་སྐྱེ་བ་དྲན་པར་འགྱུར་རོ། ཁ་  
 སྐྱུ་ལོ་དོག་ས་པ་ཐམས་ཅད་ལམས་པ་ཡོན་ཏུ་བྱི་བ་རྒྱུན་པར་འགྱུར་  
 རོ། ཚོག་སྐྱུ་ལོ་དོག་ས་པ་ཐམས་ཅད་སྐྱེ་བ་ཚོར་བས་ཀུན་ཏུ་ཅི་  
 སྐྱུ་པའི་ཚོག་ལ་འགྲོ་བ་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉན་པར་འགྱུར་རོ། སེར་  
 ཁ་ཅོམ་ཅིག་སྐྱུ་བ་སྐྱུ་བ་པར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱང་འགྲོ་བ་ལྟ་དང་མི་  
 ལུས་ཐོབ་ཅིང་དམ་པའི་ཚོས་ལ་སྐྱོད་པར་འགྱུར་རོ། ལུན་རིང་དུ་.....  
 གཞུགས་པར་སྐྱུ་གསོལ་བ་འདེབས་པར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་འཆིབ་....  
 མེད་པའི་རིག་འཛིན་ལ་མངའ་བརྟེན་པར་འགྱུར་རོ། རབ་ཏུ་གནས་པ་  
 སྐྱུ་སྐྱོར་པར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་དུས་གསུམ་དུ་དམག་འབྲུག་ལྟ་གེ་མེད་ཅིང་  
 ཡམས་ནད་ཞི་ས་དང་རྒྱལ་ཁབ་ཐམས་ཅད་བདེ་བར་འགྱུར་རོ།  
 གཞོད་པ་ལས་བསྐྱུང་བར་སྐྱུ་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་དུས་མ་ཡིན་པར་འཆིབ་འི་  
 འཛིགས་པ་ཐམས་ཅད་ལས་ཐར་བར་འགྱུར་རོ། ཡོན་ཏུ་དང་བསྐྱུགས་པ་



གཤམ་ལ་སྐྱུ་བ་རྗེད་པར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས་དུས་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱུ་  
 དང་བྱང་རྒྱུ་ལེན་པ་དཔལ་ཐམས་ཅད་ཡི་ཡོན་ཏེན་ལུས་པ་བརྗེད་པར་  
 འགྱུར་རོཅ། ཉན་བཤད་སྐྱུ་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས་དུས་གསུམ་གྱི་སངས་  
 རྒྱུ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་སྲིབ་ལས་མ་ལུས་པ་བྱེད་པར་འགྱུར་རོཅ། འདི་ལི་  
 བཀོད་པ་རིམ་འཕུགས་སྐྱུ་འབྱུང་དོད་དུ་སྐྱུ་བ་ཞེས་པ་ཐམས་ཅད་  
 སངས་རྒྱུ་བ་མོད་པར་ལུས་པ་དང་དབྱིངས་རིག་གི་དོན་ལ་འདུའབྲལ་  
 མེད་པར་གཤམ་པར་འགྱུར་རོཅ། ལོ་རྒྱུ་དང་ནམ་མཁའ་ལི་གཤམ་སྐྱུ་སྲིབ་པ་  
 ཐམས་ཅད་ཀྱིས་ཕྱོགས་བཅུ་དུས་གསུམ་གྱི་སངས་རྒྱུ་ཐམས་ཅད་ཀྱི་བཀའ་  
 འགྱུར་རོཅེག་ལི་གཤམ་སྲིབ་པར་འགྱུར་རོཅ། རྗེས་སུ་ཡི་རང་སྐྱུ་འབྱུང་པ་  
 ཐམས་ཅད་སངས་རྒྱུ་ཀྱི་ཡོན་ཏེན་ལུས་པ་རྒྱུད་ལ་སྐྱུ་བར་འགྱུར་རོཅ།  
 འདི་ལ་བྱིན་རྒྱུ་ལུས་ལུ་བར་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཕྱོགས་བཅུ་ལི་སངས་རྒྱུ་  
 ཐམས་ཅད་ཀྱི་དབང་བསྐྱུར་ཐོབ་པར་འགྱུར་རོཅ། འདི་ཉིད་ཡིད་ལ་བྱེད་  
 བཞིན་པའི་ངང་འགྲོ་བ་གང་ཞིག་ཚེ་ལི་དུས་བྱུས་པ་ཐམས་ཅད་ལུ་བ་ཕྱོགས་  
 བདེ་བ་ཅན་གྱི་ཞིང་ཁམས་སུ་མེ་ཉོག་པ་དུ་ལི་སྐྱིད་པོ་ལ་རྒྱུ་ཉེ་སྐྱུ་བ་ལེན་པར་  
 འགྱུར་རོཅ། འདི་ལ་གཤོད་པ་སྐྱུ་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཚེ་འདི་ལ་མི་དགོ་བ་སྐྱུ་

ཚོགས་འབྲུང་གིང་། སྤྱི་མཐོན་མེད་པའི་དུམ་པ་ཆེན་པོར་སྐྱེས་ཏེ།  
 འཕྲོན་པའི་སྐྱབས་མེད་ཅིང་བཤགས་པའི་ཐབས་མེད་དོ། མདོར་བཅའ་ཚང་  
 རྟེན་ཆེན་པོ་འདི་ཉིད་། དཔེ་ཡིད་བཞིན་གྱི་ལོར་བྱུ་ལྷོ་པོ་ཆེད་པའང་ཏེ།  
 འགྲོ་བ་གང་གིས་གསོལ་བ་བཏབ་ན། མཚོག་དང་ཐུབ་མོང་གི་དངོས་  
 གུབ་གང་དང་གང་འདོད་པའི་དོན་ཐམས་ཅད་དང་སློབ་ལམ་ཅི་བཏབ་པ་  
 ཐམས་ཅད་འགྲུབ་པར་འགྱུར་རོ། དེས་ན་མཚོད་རྟེན་འདི་ཉིད་ཀྱི་མཚན་  
 ཡང་སློབ་ལམ་ཐམས་ཅད་འགྲུབ་པའི་མཚོད་རྟེན་དུ་གྲངས་སོ། ཞེས་  
 གསུངས་པས། རྒྱལ་པོ་འཁོར་བཅས་ཡེ་མཚན་གྱིང་། དོ་མཚར་དཔག་ཏུ་  
 མེད་པ་སྐྱེས་། དད་པ་ལྷག་པར་སྐྱེས་ནས་མཆི་མ་ལྷག་པར་བཏོན་། ལུས་  
 སལ་བ་དེགས་ཤིང་བརྒྱུད་ཕྱག་ལན་སྟོང་དུ་འཚལ་ལོ། ཨེ་ཨེ་ཨོ། དེ་ལྟ་  
 ལུས་མཚོད་རྟེན་གྱི་སྐབ་ལོན་དང་དོ་མཚར་གི། སངས་རྒྱལ་གྱིས་ཀྱང་  
 བཟོད་པར་མི་རུས་ན། བདག་ཅག་རྣམས་ཀྱིས་ནི་ཡིད་གྱིས་བསམ་ཀྱང་མི་  
 ལུས་ན། དག་གིས་བཟོད་པར་གལ་རུས་། སྤར་ཡང་དེ་ལྟ་ལུས་མཚོད་རྟེན་  
 ཆེན་པོ་དེ་ཉིད་ལ་སྐྱེ་གིང་སྐྱེ་བ་ཐམས་ཅད་དང་ཚོར་བས་ནས་ཚོར་བས་ཐམས་  
 ཅད་དུ་མཚོད་པའི་ཚོགས་དཔག་ཏུ་མེད་པས། མཚོད་པ་རྒྱ་ཆེན་པོ་

བྱེད་པར་ཤོག་ཅིག་ཅེས་སྒྲོབ་ལམ་དང་པག་ཏུ་མེད་པ་བཏང་བོ། མཚོད་རྟེན་  
 ཚེད་པོ་བྱ་རུང་ལ་ཤོར་གྱི་ལོ་རྒྱུ་སལ་ས། བསྐྱོར་བ་དང་མཚོད་པ་བྱས་པའི་  
 སེམ་པོ་འོ་བ་བསྟན་པའི་ལེ་ལུ་སྟོག་སྟུང་པའོ། སམ་ལ། རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ།  
 ཡང་རྒྱལ་པོ་ཁྱིམ་མེད་ལྟུང་བཙུག་གི་སྒྲིལ་གསལ་པ། གྱི་སྒྲོབ་དཔོན་ཚེད་པོ་  
 ལག་ས། ཡིད་བཞིན་འོར་བུ་ལྟ་བུའི་མཚོད་རྟེན་ཚེད་པོ་དེ་ཉིད་ལ། རྩམ་  
 རྟོག་སམ་མའི་དབང་གི་སྒྲིལ་ལམ་འདིར་མི་དགོ་བའི་རྟོག་སམ་  
 རིམ་བུ་ལྟར་བར་འགྱུར། མི་དགོ་བའི་རྟོག་སམ་བྱུང་བ་དེ་ལ་འཚོས་པའི་རྩམ་  
 ཚོད་དང་ཐབས་ཀྱི་རིམ་བུ་བྱ། ཞེས་གསལ་པས། མ་ལྟ་བུ་རྩམ་བཀའ་  
 རྩམ་པ། ཉོན་ཅིག་རྒྱལ་པོ་ཚེད་པོ། མཚོད་རྟེན་ཚེད་པོ་འདི་ཉིད། ཡང་  
 དག་པར་བྱ་སངས་རྒྱུ་ཐམས་ཅད་གྱི་ཚོས་གྱི་སྒྲུ་དང་དབྱེར་མེད་པས།  
 ཞེས་པའི་ཉམས་པའི་སྒྲིལ་ལམ་འདི་ལྟར་བྱུང་། གྲུབ་ཚེད་ལྟར་སྣང་བུ།  
 འབྱུང་བཞིན་འོ་བ་བྱིས་ཞེས་ཅིང་ལམ་བའི་རྒྱལ་ལག་ལ་ཞེས་སྒྲོབ་པར་འགྱུར་  
 ཏེ། རིག་སམ་གསུམ་མཐོན་པོ་དང་། སྒྲིལ་ཉེར་ཅན་དང་རྩེ་བཙུན་མ་སྒྲོལ་མ་  
 བླམ་གྱི་སྒྲུལ་བའི་ལམ་འདི་ཞེས་གསལ་བྱེད་པར་འགྱུར་རོ། དེ་ཡང་

བྱུང་པར་ཚོ་ཚད་ལྡན་བརྟུ་ཁར་ལ་ལ་སྐྱེ་བ་པའི་དུས་སྐུལ། རྒྱལ་པ་ལྟ་  
ཐུབ་པའི་བསྟན་པ་ཉལ་ས་ནས། མྱོང་པོ་ནི་ཐམས་ཅད་ཁྲིམ་པ་སའ་གོངས།  
ལྷ་ཁང་ལ་འཐབ་ར་བྱེད། གཙུག་ལག་ཁང་དུ་བཤམ་ཁང་བྱེད། རི  
ཁྲོད་པ་ཐམས་ཅད་རྒྱུང་ས་སྐུལ་ལ་བས། རྫོམ་ཚེན་པས་སོ་ནམ་བྱེད། ཞིག  
པོས་འོ་ཚོགས་བྱེད། དགོས་པའི་ཁྲིམ་ཐབས་བྱེད། རབ་བྱུང་བཙུན་པས  
ཇག་དང་ཚོམས་རྒྱུན་བྱེད། རྣམ་ལྟན་ལ་རྒྱུང་ལྟ་རྒྱུང་ས། ལྟན་ལ་པ  
དང་མིན་པའི་ག་གི་འགོ་དཔུས་ནས་འཇུག། ལ་འབྲུག་པོས་དམག་དཔོན་བྱེད།  
བཙུན་པས་དམག་ལས་བྱེད། བཙུན་ལས་བྱི་ལྟོག་གསོད། བ་ག་ཞིས་  
ག་འབྲུག་གིས་སྐྱོད། བ་ཁྲིམ་དུས་མི་དབང་། དུལ་དཔོན་ལ་ཐབས་མིས་བྱེད།  
ན་རྒྱུང་དུ་མོ་གྲུ་སའ་ལྲིམ། དབེན་ག་ནས་ནམས་སྐུ་པོ་ནི་ས་བསྐྱོ་རྒྱ  
རྫོགས་ལ་རྟུག་ལག་ཁང་གི་འོ་ལ་ཉལ་ཐོབ་བྱེད། བདེ་བར་ག་ཤེགས་པའི  
གསུང་རབ་དང་། ལ་ཚོད་ཚགས་ཉལ་ལ་འགག། རྒྱ་གསུང་ཐུགས་ཀྱི  
རྒྱལ་ལ་རྒྱ་འོ་བྱེད་ཅིང་། རིན་ཐང་ག་ཅད་ནས་ཉོ་བ་ཚོད་བྱེད། ལྷ་ཁང་གི  
ནད་དུ་འོག་ཉལ་དང་བསྐྱུང་ལ་ཇུག་ཅིང་། ལི་གཙང་བ་བསོག། དའི་དུས་སྐུལ།  
བཙུན་པའི་རྣམ་དུ་རྒྱལ་པོ་འཇུག། རྣམ་ལྟན་པའི་རྣམ་དུ་བདུང་ལ་ཇུག།

བོན་པོའི་སྟོང་དུ་བཅའ་འཇུག་། རྒྱལ་པོའི་སྟོང་དུ་འགོང་པོ་འཇུག་།  
 བྱིས་པོའི་སྟོང་དུ་ཐེའུ་རང་འཇུག་། བུད་མེད་ཀྱི་སྟོང་དུ་བསེན་མོ་འཇུག་།  
 བཅུན་མའི་སྟོང་དུ་དམ་སྲིའཇུག་། བུ་མོའི་སྟོང་དུ་འདྲེ་མོ་འཇུག་། མདོ་རོ་བོ་  
 བོད་མི་འདྲེའི་སྟོང་དུ་འདྲེ་འཇུག་སྟེ། དེ་ནུ་མཁའ་ལུགས་པའི་རྟགས་སྟེ།  
 ལུས་ལ་གོ་ས་ཆས་སྣ་ལྷི་གཅིག་པ་ཡམ་ལུང་དུ་མ་གྲོལ་། བཅུན་པས་སྒྲིག་  
 ཚོས་བྱེད་། བཅུན་མ་མེ་ལོང་ལ་ལྟེ། ལུས་སྤུང་མ་ཚོན་ལ་འེ། ཟས་རན་  
 དུག་ལ་གཏོང་འེས་བྱེད་། སྤོང་བ་པ་ལམ་འབྲུག་པོ་དང་སྤོང་བ་དོན་གྱིས་སྤོང་བ་  
 རྗེད་པོན་དང་དབྱུག་ཚོས་སྤོང་བ་ལྷི་ཐུབ་། རྒྱལ་པོས་ཁྲེལ་དང་དོ་ཚོའི་ཐུབ་།  
 བུད་མེད་ཀྱིས་ལུས་ལྷི་ཐུབ་། བཅུན་པས་འདུལ་བྱིས་ལྷི་ཐུབ་། རྒྱལ་པོ་  
 བསེན་པོ་ཚོའི་གལ་ལྷི་ཐུབ་། གཏོན་དུ་ས་བདག་དང་ཁྲེལ་འཇུག་རྒྱུལ་པོ་དང་  
 འགོང་པོ་ཐེའུ་རང་དང་བསེན་མོ་འཇུག་ལ་འེལ་གཏམ་སྐད་དང་རྒྱལ་ཚོ་གོ་ས་ཆས་སྣ་ལྷི་  
 གཅིག་པ་འེལ་གྲུང་འཇུག་། ཚོས་སྐད་སྤོང་བ་གཏོང་། ལུ་ཉལ་མེ་ལོང་།  
 རྗེད་པོས་རྒྱུན་དབང་བསྐྱུར་། ཁྲེལ་པས་སྤོང་མ་ཚོན་བྱེད་། ཐུང་དེ་དང་པོ་  
 རྒྱུང་ལམ་ལམ་པས་སྤོང་བ་། བོ་སོང་མ་ཉལ་མེ་ལོང་། འབངས་ཀྱིས་རྒྱུལ་པོ་  
 འཇུག་། རྒྱུལ་པོ་དང་མཁའ་སྤུང་འབྲེལ་ས་། ལྷི་མེ་ལོ་ཤོན་པས་བྱེད་། རྗེད་པོ་

ལྷ་ཆེ་ལ་པོ་མོ་དེ་དུ་བྱེད་ཅེས་ གསལ་རྒྱལ་སྐབས་ལོ་སྟོན་པའི་བྲམ་ལྷ་ལས་སྤྱི་  
 ལྷ་རྟུལ་བྲམ་ལས་ དམ་ལེན་པོ་གཤམ་པའི་སྟོན་ལྷ་ལས་སེང་ལྷ་རྟུལ་བྲམ་ལས་  
 བདུད་སྐྱུལ་པོ་གཤམ་པས་བསྐྱབ་པའི་ལྷ་བལ་ལའ་བྲམ་ལས་དུ་བྲམ་ལས་ བྲམ་  
 གསལ་ལྷ་རྟུལ་རང་གི་ཆེ་བ་ཅི་ཐོབ་བྱེད་སྐབས་ཐོབ་དང་ལམ་ལས་པ་སངས་རྒྱལ་གྱི་  
 བཀའ་བཞུགས་བྱེད་པ་དང་སྐྱེས་ཚུལ་དུ་སྐྱེད་པ་ལྷ་ལས་ལས་ འཕྱུར་ལ་སྐྱེ་  
 རྩོགས་པས་སྐྱེད་ཅི་བྱེད་བྱེད་ ལི་ལྷ་གསལ་སྐྱེ་བྱེད་ལྷ་ལས་རས་གསལ་གོ་བོ་  
 ཅིང་ བཅུ་ལྷ་ཆས་སྐྱེ་ལྷ་ལས་ བཅུ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ ལི་  
 གསལ་དཔའི་འབྲམ་པ་ཡང་ཆོས་གསལ་དུ་ལི་གསལ་བྱེད་ སྐྱེ་བོ་སྐྱེ་བྱེད་དང་  
 དེ་ལྷ་ལས་སྐྱེ་བྱེད་ བཅུ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ བསྐྱེས་དང་ཆོང་བྲམ་  
 བསྐྱེས་ ཁོ་གསལ་སྐྱེ་བྱེད་ལྷ་ལས་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ སྐྱེ་དུ་བཞུགས་ལྷ་  
 ལྷ་ལས་པའི་བཀའ་ཚད་ལ་དང་ རྗེ་སྐྱེ་བ་དཔོན་གྱི་ལུང་ཚད་ལ་ལྷ་ལས་  
 འཆལ་དུ་ལྷ་ལྷ་ སྐྱེ་ལེན་པའི་ཆོས་པོ་གསལ་སྐྱེ་བྱེད་ཅིང་སྐྱེད་པོ་གསལ་  
 ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ལྷ་ སྐྱེ་ལི་བྱེད་པའི་ལས་བྱེད་ སྐྱེ་ལི་བྱེད་པའི་དཔེ་  
 ལྷ་ལྷ་ བཟང་པོ་ལི་སྐྱེ་ལའ་ཐམས་ཅད་བཞག་ལྷ་ལྷ་ དེ་ལྷ་ལས་ལས་  
 ཐམས་སྐྱེ་བྱེད་ དཀོན་ལའོ་གསལ་ལི་པོ་ཆེ་ལྷ་ལས་གསལ་གྱི་དཀོན་

དང་། ལའལ་ཉལ་ཐོབ་དང་ཚལ་ཟས་སུ་བྱེད་། དེ་ལྟར་སེལ་མཚན་ཅན་ལས་  
 ལོག་པའི་ལམ་སྣོན་གསལ་པ་ལ་ལུགས་ལས་། དེ་ལོག་པའི་ལས་ཐབས་སྣ  
 ཚོགས་བྱས་པའི་ལུགས་། དཀར་པོའི་ཚོས་སྤྱད་ནམས་ཁག་ཡེལ་ཏེ་སྤྱད་  
 སྤྱོད་མི་ལའང་། དུས་ཚོད་དང་གནས་སྐོར་ནམས་ལ་ཚུགས་ཏེ་། སྤྱར་མེད་ཀྱི་  
 སྐར་ཆེན་པོ་དེ་ཆེན་ལའང་། དུས་ཀྱི་ཆར་པ་མི་ལྟུང་ཞིང་། ཆར་ཆུ་སྐོང་  
 གཤོངས་ཆེ་། ལུག་དང་སྐད་སེལ་པོ་ཉེས་ལང་པོ་བསྤྱད་ལམ་པོང་། ལམ་  
 དང་བསྟན་ལ་སྤོངས་ལས་། མི་བད་དང་སྤྱུགས་ལ་བད་མིང་བཏགས་སུ་མི་  
 བཏུབ་པ་ལང་པོ་ལེམ་ཆེད་པ་ལྟར་དུ་པོང་། སྤྱོད་དུས་གཡོ་བ་དང་། ཚུ་  
 བཏོལ་བ་དང་། ལེམ་བར་བ་དང་། སྤྱད་ཆེན་པོ་ལངས་ཏེ་། གཙུག་ལག  
 ཁང་དང་ལའོད་རྟེན་དང་སྤོང་སྤྱོད་ལ་སོགས་པ་སྐད་ཅིག་ལ་འཛིག་པར་  
 ལྟུང་ཏེ་། དེའི་དུས་སུ་ལའོད་རྟེན་ཆེན་པོ་འདི་ཉིད་ཀྱང་། ཞིག་ཅིང་  
 རལ་བར་ལྟུང་རོ་། དེའི་སྤྱོད་ཀྱིས་རྒྱ་གར་དོན་ཅེ་གདན་དུ་ཚོས་ལའོར་  
 ཉལས་པའི་དུས་། བལ་པོའི་ཡུལ་དུ་དམག་ལ་ལུགས་སུ་དུས་ལངས་ལས་ལས་  
 ལྟུང་ཆད་མེད་པའི་དུས་། ལྟུང་ཀར་པོའི་ཡུལ་དུ་ལུགས་ལེ་ཐོག་སྤྱད་པའི་  
 དུས་། བལ་ཡུལ་ལེ་ཐོག་དུ་འལས་ལ་སྤོངས་ལས་ལེ་ཐོག་སྤྱད་པའི

དུས། མངའ་རིས་རྟོན་དུ་སྐྱོད་ལྟུང་གོ་ལོ་ཤོག་བྱུང་བའི་དུས། དུས་  
བཙའ་མཐིམ་དུ་བྲན་རིམ་ས་དང་ལུ་གོས་ལེ་ཤོག་བྱུང་བའི་དུས། ལྷོ་དོང་  
ཕྱོག་ས་སྒྱུ་ས་དེ་བའི་དུས། མོ་བ་གྱི་ཡུལ་དུ་གཤམ་རི་ཉིལ་བའི་དུས།  
པོད་ཀྱི་རི་བོ་རི་བོ་ཅུ་ལྟུང་བཙའ་རྫོང་གསུམ་མང་བྱུང་བའི་དུས། མོ་བ་དོང་  
ཚང་གི་རོང་ལ་རྒྱབ་སྐྱོད་འཚལ་བའི་དུས། ལམ་ས་གྱི་ཕྱོག་ས་སྒྱུ་ཉིལ་གཉིས་  
འཚལ་བའི་དུས། ཟུ་བ་ག་གི་རྒྱལ་པོ་སྐྱོ་བྱུང་འཚལ་བའི་དུས། མཐའི་དམག་  
བཞི་དུས་སྒྱུ་གཤོ་བའི་དུས། ལུ་དུར་ཉོར་གྱིས་མངའ་རིས་འདོད་མས་པའི་  
དུས། ལྷུང་གི་དམག་གིས་ལམ་ས་སྒྱུ་འཇུག་པའི་དུས། དུར་ལའི་  
དམག་གིས་རྒྱ་གར་འདོད་མས་པའི་དུས། གར་ལོ་ག་གི་དམག་གིས་བསྐྱོན་པ་  
བཞིག་པའི་དུས། ར་སའ་འབྲུལ་རྣམ་ཚབ་གྱིས་ཉིན་པའི་དུས། དཔལ་གྱི་  
བསམ་པ་ས་ཁྱིམ་ཅིང་རལ་བའི་དུས། བྱེད་བྲུག་གི་མཚོན་རྟོག་ཚོས་འཁོར་  
ལོ་བའི་དུས། པོད་ཀྱི་གནས་ཚེབ་རྟོང་བར་ལུས་པའི་དུས། དཔེན་སར་  
པོ་བ་གྱིས་བསྐྱོ་སྐྱོ་གསུམ་པའི་དུས། ཚེ་བཙུན་མཐའ་ས་ཅད་དུག་གིས་  
འཚལ་བའི་དུས། བཤད་རྒྱབ་གྱི་བསྐྱོན་པ་དུལ་བྱུང་རྩོད་པའི་དུས། བསྐྱོན་  
འཚོམ་སྐྱོས་བྱུང་བྱུང་བའི་དུས། དམའ་མཐའ་ཞོག་པོ་ས་ལེ་ལོ་



བསྐྱེད་བའི་དུས་མཉམས་སྐྱེད་ཀྱི་རྒྱུ་ལེན་པའི་དུས་མཉམས་། བདུད་རྒྱུ་སྐྱེད་པའི་དུས་མཉམས་།  
 བསམ་བོད་ཁམས་གདམས་པའི་དུས་མཉམས་། ལྷོ་ཆོས་དར་གྱི་མཐུན་པ་གྲོལ་བའི་དུས་མཉམས་།  
 ལི་ཆོས་སོགས་ལའི་སོན་ཐོག་ཆད་པའི་དུས་མཉམས་། རྒྱལ་བྱིས་མཉམས་གསེར་གྱི་གཉམས་།  
 ཤིང་ཆག་བའི་དུས་མཉམས་། ཡུལ་བྱིས་མཉམས་སྐྱིད་པའི་མཚོ་མོ་སྐྱེད་པའི་དུས་མཉམས་། རང་  
 བྱིས་མཉམས་ལོ་ཆའི་གཡུང་ལུགས་སྐྱེད་པའི་དུས་མཉམས་། ཆོས་བྱེད་རྒྱུ་སྐྱེད་པའི་དུས་མཉམས་།  
 དབང་ཆུང་དུས་མཉམས་། ཆོས་མེད་བྱིས་ཤོར་མགོ་བོ་རྟོན་པའི་དུས་མཉམས་། ལམ་བུ་སྐྱོབ་  
 དགོ་བཤེས་སྤེད་བོན་བྱེད་པའི་དུས་མཉམས་། རྒྱུ་བོ་མཚོ་གསལ་དཔོན་བྱེད་ཅིང་ཆོས་  
 བཤད་དབང་བསྐྱེད་བྱེད་པའི་དུས་མཉམས་། ཆོག་མཉམས་གསོག་ལོ་བསྐྱེད་ལམ་ལུགས་  
 རེ་བའི་དུས་མཉམས་། ཤེད་པ་སྐྱེད་སྐྱོབ་གྱིས་ལོ་མགོ་བྱེད་པའི་དུས་མཉམས་། ལམ་ལུང་ལུང་  
 གསུམ་ཇག་པམ་ཁེངས་པའི་དུས་མཉམས་། བོད་རྒྱུ་མཐུན་མ་སྐྱེད་པའི་དུས་མཉམས་།  
 དམ་མེད་བྱིས་མཉམས་མེད་མགོ་མེད་སྐལ་བུའི་དུས་མཉམས་། རང་གིས་སྐྱོད་པམ་བོད་  
 ཁམས་སྐྱེད་པའི་དུས་མཉམས་། དུས་དན་དེ་རྣམས་ཐམས་ཅད་འཇིག་རྟེན་གྱི་ཁམས་  
 འདིར་འབྱུང་བ་ལོ་། མཚོན་རྟེན་ཆེན་པོ་འདི་ཉིད་ཞིག་ཅིང་རལ་བའི་ཉེས་པ་  
 ལས་བྱུང་གིང་། ཞིག་གསོ་དགོས་པའི་དུས་ལ་བབ་པའི་རྟོགས་ཡིན་པས་།  
 དེའི་དུས་སྐྱེད་པའི་དང་ལས་འཕྲོ་སྐྱོབ་པའི་གདམས་ལྷན་གྱིས་ལོ་ལོ་ལོ་ལོ་སྐྱོབ་



རལ་གྱི་དུས་སྐུ་ མཚོ་དྲེན་ཚེ་བ་པོ་ལི་ཞིག་གསལ་བྱེད་པར་ལུང་བསྟན་  
 གསུངས་ན་ བདག་གི་སློབ་པོ་ལོ་ལོ་སྟོན་པོ་བསྟན་གུང་བཙམ་ལོ་ཉིད་  
 རྒྱུ་བཀའ་དུ་ལེན་ཅིང་མིང་དང་རྟགས་ཇི་ལྟ་བུ་ལྟུང་ དེ་ལ་དག་བའི་  
 བློ་གསལ་བྱེད་པ་དུ་ཚམ་ལྟུང་ ཞིག་གསལ་བྱས་པའི་ཕན་ལོན་ཇི་ལྟ་བུ་  
 ལགས་ ཞེས་གསལ་པས་ མ་དུ་གུ་རུས་བཀའ་སྐུལ་པ་ ཉོན་ཅིག་  
 རྒྱལ་པོ་ཚེ་བ་པོ་ རྒྱེད་གྱིས་དེ་ལྟར་ལུས་པ་འོ་ལགས་སོ་ མའོངས་ཚོ་ཚད་  
 ལྡ་བཅུ་ལ་རལ་ཡང་མཐའི་དུས་སྐུ་ དུས་དན་རྟགས་མཚན་བསྐྱེད་དུ་  
 གཅིག་ལངས་པའི་དུས་དེར་ ལོ་སྟོན་གྱི་ཚོས་སློབ་པོ་བསྟན་གུང་བཙམ་གྱི་སློབ་  
 ལམ་གྱི་སྐུལ་པའི་རྒྱུ་བཀའི་གཅིག་ བཙམ་ཉི་མ་རྟོད་གྱི་ཕྱོགས་སྐུལྟུང་བར་  
 ལྟུང་ཉེ་ ས་མ་སློབ་དཔོན་རྣམས་སྟེགས་པའི་རིགས་སྐུ་ བྱིས་གཤོ་བ་  
 དཔལ་ལམ་བཟང་པོ་ལི་མིང་ཅན་སློབ་སྟོན་ཚེ་ཞིང་བརྟུལ་ལུགས་རིག་པ་དར་  
 དང་ལྡན་པ་གཅིག་ཏུ་སྐྱེས་ཉེ་ རློན་གྱི་སློབ་ལམ་ཡང་དག་པའི་ལས་གྱི་  
 ལཱ་སྟོན་པས་ རྒྱུང་དུ་ཉིད་ལས་དཀོན་མཚོ་ག་རིན་པོ་ཚེ་རྣམ་པ་གསུམ་  
 དང་ གུ་ལྟོག་ལག་ལང་དང་སྐྱུ་གསུང་ཐུགས་གྱི་རྟོན་ལ་དད་པ་དང་ལོ་སྟོན་  
 གུས་ཚེ་བ་ སེམས་ཅན་དང་པོར་སྐྱེད་ལ་སྐྱིད་ཇི་ལྟོས་དང་ལྡན་པ་

ཐལ་པ་ཚེ་ཤེས་ཤིག་མཚན་བྲུ་ཤིག་ཚེ་ཞིང་། ཟུམ་མེད་དོན་ལ་མེས་པམ།  
 སྤྲོ་ལས་དྲག་པོ་ལ་མངའ་བརྟེས་པམ། སྤྲོ་གཏུམ་དྲག་པོ་ལི་དོ་  
 སྤྲོ་གསལ་པམ། ལི་དམ་གྱི་ལྟ་ལི་བསྟེན་སྤྲོ་བམ་མཐར་སྤྲོ་པམ། ཚོས་སྤྲོ་དང་  
 སྤྲོ་མང་བཀའ་ཉམ་ཅིང་དམ་ལའ་དུ་བམ། ལྟ་གཤམ་ལྷ་སྤྲོ་བདག་ལ་ཚུང་དུ་  
 ཉིད་ནམ། མི་སྤྲོ་དང་པའི་ཤུགས་དྲག་པོ་དང་ལྟོ་བམ་གཅིག་ཏུ་སྤྲོ་བར་  
 འགྱུར་ཏེ། སྤྲོ་སྤྲོ་དེ་ཉིད་ལ་དམ་ལེལ་དང་དམ་གྱི་བྱིས་མ་ཕོག་ན།  
 པོ་ཉི་ཤུ་ལྷ་ལ་མཚོད་ཅེན་ཚེ་ཤེས་པོ་འདི་ལི་གི་གསེས་བྱེད་པར་འགྱུར་རོ།  
 དེ་ལས་འགྲུངས་ན་ཕོ་སྤུ་ཅུ་ཅུ་གསུམ་ལ་ཞིག་གསེས་འགོ་གཙུགས་ཏེ་  
 མཐར་སྤྲོ་བམ་བྱེད་པར་འགྱུར་རོ། དུས་དེ་ལས་འགྲུངས་ན་སྤྲོ་བོད་གཉིས་སུ་  
 འགྲུགས་པ་རྒྱུ་ལྟར་དུ་འགྲུང་། སྤྲོ་མི་དགོང་དེ་ལས་སྤུ་ལ་འགྱུར་གྱི་  
 མང་བའི། བད་དང་སྤུ་གིས་འགྲོ་བ་རྣམས་ཁ་དག་ཅིང་ཉལ་ཐག་...  
 གཅོད་པར་འགྱུར་རོ། ལུང་རྟོར་གྱི་མཐའ་དམག་ཡུངས་དཀར་གྲེ་ལྟོ་  
 ཚོད་གྱི་གུངས་སྤོད་ནས་འཇུག་སྤོ། འདིགས་པའི་སྤྲོ་གསལ་ཚག་པ་དང་འད་  
 ཏེ། བར་དུ་ཕོ་འགའ་འགོར། སྤྲོ་བམ་ཉུང་དཀར་བྱེད་གྱི་གུངས་ལྷི་  
 དམག་འཇུག་སྤོ། འདིགས་པའི་སྤྲོ་སྤྲོ་དུ་གྲེ་ལྟོ་བམ་ཕུ་སྤོ་གསལ་གྱིང་།

མཚོགས་པའི་བདེ་གོ་གཤམ་བཟུང་དུ་འོངས་ནས། མངའ་རིས་ལྟོགས་ཀྱི  
 ཡུལ་མན་ཆད་འཛོམས་པར་འགྱུར་རོ། རེ་ནས་སྟོང་གི་དམག་གིས་རྒྱ  
 བཀའ་པོལ་ཕུག་གི་བར་དུ་འཛོམས་པར་འགྱུར་རོ། རེ་འི་དུས་སུ་བོད་ཀྱི་མི  
 སྐྱམ་གཉིས་གྱིར་གསོད། གཙུག་ལག་ཁང་དང་རྟོན་གསུམ་ཐམས་ཅད་  
 འཛོམས་པར་བྱུང་། བོད་ཀྱི་ཡུལ་ནམས་རེ་རུལ་སྟོང་བར་འགྲོ། མི་མ  
 གསོད་པ་ལྟག་མ་ནམས་སྟོལ་མོན་དང་སྐྱམ་པའི་ཡུལ་ནམས་སུ་བྱོམ།  
 ལལ་ཡུལ་དང་འོར་ལ་ཆགས་ནས་བསྐྱོད་པ་ཐམས་ཅད་མཐའ་མི་རྟོར་གྱིས།  
 བོད་ཀྱི་འགྲོ་བ་མེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཁ་དག་པར་བྱེད་དོ། རེ་ལྟ་བུའི་སྐྱམ་  
 བསྐྱལ་ལས་ཐར་བར་འདོད་ན། བའི་བྱིན་གྱིས་བསྐྱབས་པའི་སྐྱེས་བུ་དེ  
 ཉིད་ཀྱིས་འགྲོ་བའི་དོན་དུ་མེམས་བསྐྱེད་ནས་ལུས་སྟོག་སྟོས་བཏང་སྟེ།  
 འབད་རྩལ་དྲག་པོས་རྒྱ་བལ་མོན་དང་བོད་ཀྱི་མེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ལ་  
 དགོ་བའི་བསྐྱལ་མ་རྒྱ་ཆེན་པོ་བྱེད་དགོས་ཏེ། རེ་ལ་བོད་ཀྱི་དགོ་བྱེད་ཐམས་  
 ཅད་བསམ་པ་ཕྱོགས་གཅིག་ཏུ་རྗེས་ནས། སྐྱེས་བུ་དེའི་སྟོགས་པ་  
 བརྩོན་པར་གྱིས་ཤིག། རེ་འི་དུས་སུ་བོད་ཀྱི་མེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ལོག་ལྟའི  
 བདུད་གྱིས་ཟིན་པའི་དུས་ཡིན་པས། སྐྱེས་བུ་དེ་ལ་དད་ཅིང་མོས་པ་བྱེད་པ

སྒྲིབ་ལྟ་ལྟ་རྟེ་ ཉིན་ལོ་འོ་སྐར་མཚམས་ལས་མི་འབྱུང་མེད་ འོན་ཀྱང་རྣམ་  
 དཀར་ལས་ཀྱི་འབྲེལ་བ་ཁྲི་སྒྲིབ་པ་འཇུག་གསུམ་དང་མེད་ ཟེང་ལོ་སྐོབ་ལམ་གྱི་  
 འབྲེལ་བ་སྐྱོད་དང་ཚ་དུག་མེད་ དམ་ཚིག་གཞན་གྱི་གདམས་པས་སྐྱོབ་པ་བརྒྱ  
 དང་ཚ་བརྒྱད་ ལས་ཚན་གྱི་སྐྱོབ་བདག་ལོ་བཅུ་དུག་དང་མོ་བཅུ་ཉེ་ཉི  
 ལྷན་གསུམ་མེད་ བྱང་ཚུབ་སེམས་དཔལ་བརྒྱད་ཀྱི་སྐྱུ་ལ་པ་དག་བའི་བཤེས་  
 བཞེན་བརྒྱད་ དང་ཚན་གྱི་བུ་སྐྱོད་ཉི་ལྷན་ལྷན་ རྒྱ་ཀི་མའི་སྐྱུ་ལ་པ་ལྷན་ རྒྱ་  
 ཀི་ས་འབྲེལ་གྱི་ས་བསྐྱེད་པ་བཅུ་ལྷན་ སྐྱེ་བས་ཐོབ་པ་འདི་རིགས་བཟང་མཉེན་ལྷན་  
 ཚུ་ལྷན་དང་འབྲེལ་དེ་ དེ་དག་གིས་ལོགས་དང་བར་ཚད་སེམས་ཅིང་མེད་  
 བྱུང་བར་ལྷན་བྱུ་བ་དའི་ཐུགས་ཀྱི་སྐྱུ་ལ་པ་འདི་སྐྱེས་(ལྷན་གྱི་རྒྱུ་རྒྱུ་) གཅིག་དང་མེད་  
 (འབྲེལ་གྱི་ལྷན་གྱི་དགའ་འཛིན་ཅེ་) ལམ་ལོ་དང་མེད་ (དཀར་ལོ་ལྷན་གྱི་སྐྱུ་) མེད་  
 ཚོས་སྐྱུ་ལ་འབྲེལ་གྱི་སྐྱུ་ལ་པ་འདི་དང་འབྲེལ་དེ་ དེ་རྣམས་ཀྱིས་འབྲེལ་གྱི་སྐྱུ་  
 བསྐྱེད་ལྟེ་མཚོན་ཉེན་ཅེན་པོ་དེ་ཉིད་ཀྱི་ཞིག་གསུམ་ཚུ་ཅེན་པོ་འབྲེལ་བར་  
 འབྲེལ་རྟེ་ དེ་བཞིན་གྲུབ་ལྷན་ ལྷན་འབྲེལ་ལས་འཛུལ་བུ་འདི་གྱི་རྒྱུ་ ལོ་  
 ལེགས་པ་དང་བདེ་སྐྱིད་ལོ་ལོ་ཉེར་ལྷན་འབྲེལ་བུ་འབྱུང་མེད་ སྐྱུ་བལ་མོན་  
 གསུམ་དུ་ལོ་ལེགས་པ་དང་བདེ་སྐྱིད་ལོ་ལོ་སྐྱེ་མཚུ་ཚུ་གསུམ་གྱི་བར་དུ་

འཕྱུང་། རྒྱུད་པར་བོད་ཁ་བ་ཅན་གྱི་ཡུལ་དུ། ལུ་དུར་ཉོར་གྱི་མཐའ་  
 དམག་མིལ་དུག་ཅུ་ལི་བར་དུ་བརྒྱུག་། ལོ་ལེགས་པ་དང་བདེ་སྐྱིད་མིལ་  
 བཞི་བཅུ་ལི་བར་དུ་འཕྱུང་། བོད་གྱི་ཚོས་བྱེད་ཐམས་ཅད་གྱི་ཅི་བསམ་པ་  
 ཐམས་ཅད་མཐའ་དུ་སྤྱི་ན། རྒྱལ་པོ་དོན་གདན་དང་དཔལ་བསམ་ཡས་ལ་  
 མོགས་པ་ལི། རྒྱ་བོད་གྱི་གཙུག་ལག་ཁང་དང་། ཚོས་ལ་ལོར་ཐམས་ཅད་ལ་  
 འཕྱུང་བཞི་ལི་གོད་པས་མི་ཚུ་གས། བཤད་སྐྱབ་གྱི་བསྟན་པ་ལི་བར་ཚད་  
 ཐམས་ཅད་ཞི་ཞིང་དར་རྒྱས་སྐྱེ་འབྱུང་། བསྟན་པ་ལོན་པ་ལི་སྐྱེས་སུ་དམ་པ་  
 ཐམས་ཅད་སྐྱེ་ཚོ་བརྟན་ཞིང་སྤྱི་བསྐྱེས་སྐྱེས་། བོད་གྱི་སྤྲུགས་པ་ཐམས་  
 ཅད་གྱིས་ལྟ་དང་སྤྲུགས་པ་མོགས་པ་ལི་སྐྱབ་པ་ཅི་བྱས་པ་སྐྱབ་ཐབས་ཉེ་ཞིང་  
 ལྷུ་བརྟགས་ལྷུར་། བོད་གྱི་ལྟ་བཅོམ་པོ་མི་སྤོང་ལྷུ་བཅོམ་གྱི་གཏུང་བརྒྱད་  
 དང་། ལྷུ་བཅོམ་ཚོས་དང་ཁྲིམས་ལ་གནས་པ་ཐམས་ཅད་གྱི་མངའ་ཐང་དང་  
 ལོངས་སྤྱོད་བསོད་ནམས་མཐའ་དག་རྒྱས་པར་འགྱུར་རོ། བོད་སྐྱུང་བར་  
 བྱེད་པ་ལི་གོད་བོད་བདུད་གྱིས་བསྐྱེད་པ་ལི། བཀའ་པོའི་རིགས་ཐམས་  
 ཅད་ཅུ་བཅོས་བསྐྱེད་པར་འགྱུར་རོ། མདོར་བཞིག་གསལ་ལོ་ལའབྱེད་པ་  
 བཞག་པ་ལི་མེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྐྱེ་བ་གསུམ་དུ་ལྟ་དང་མི་ལི་ལུས་ནམ་པར་

དག་པ་ཐོབ་ཅིང་། མཐར་ཐུབ་ཕྱོགས་བདེ་བ་ཅན་གྱི་ཞིང་ཁམས་སྐྱུ་མངས་  
 རྒྱལ་པར་འགྱུར་རོ། ། ཞིག་གསེལ་ཆེན་པོ་འདི་ཉིད་ལ་དད་པ་དང་མོས་པ་དང་  
 བྱུས་པ་དང་རྗེས་སྐྱུ་ཡི་རང་བྱེད་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱང་། རྒྱུ་བ་བདུན་ལ་དཔལ་  
 རི་བདུ་འོད་གྱི་གཞུང་ལ་ལས་ཁང་དུ། རིག་འཛིན་གྱི་གྲུལ་ལ་ལ་འཁོད་པར་  
 འགྱུར་རོ། ། ཞིག་གསེལ་ཆེན་པོ་འདི་ཉིད་སེམས་ཅན་གང་གིས་མིག་གིས་  
 མཐོང་བ་ན་བས་ཐོས་པ་ཡིད་ལ་དྲན་པ་ལུས་གྱིས་རེག་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱང་  
 བསྐྱེད་པ་ཆེན་པོ་དུག་གིས་བསྐྱེད་པ་ལེ་ལས་དན་པ་འཛིན་པ་མཐའ་དག་  
 ཅུང་ནས་བྱུང་བར་འགྱུར་རོ། ། ཞིག་གསེལ་ཆེན་པོ་བྱེད་པའི་རྒྱུས་སུ་དེ་ལ་  
 འབྲེལ་བ་བཞག་པ་ཐམས་ཅད་ཀྱང་། མོས་བྱུས་དད་དད་པ་ཆེ་ཆུང་གིས་  
 མཚོག་དང་ཐུབ་མོང་གི་དངོས་གྲུབ་སྣ་རེ་ཐོབ་ཅིང་། མཐར་ཐུག་མུ་  
 རྒྱལ་པར་འགྱུར་དུ་རིག་འཛིན་གྱི་སེམས་པར་གནས་པར་འགྱུར་རོ། ། མདོར་  
 བ་མཚོད་རྟེན་ཆེན་པོ་འདི་ཉིད་ལ་མཚོད་ཅིང་གསོལ་བ་བཏབ་པའི་ཐབ་ཡོན་  
 བེ། རྒྱལ་པར་གོང་གི་ཐབ་ཡོན་གྱི་ལུ་ལས་ཤེས་པར་འགྱུར་གིང་། བསོད་  
 བཀས་གྱི་ཚད་ཡོངས་སྐྱོ་རྗེས་པ་ལྟེ། ཕྱོགས་བཅུ་དུས་གསུམ་གྱི་སངས་  
 རྒྱལ་ཐམས་ཅད་གྱིས་བསྐྱེད་པ་འབྲུམ་ཐོག་དུ་མར་གཡེལ་བ་མེད་པར་...



གསུང་ཡང་ཟད་པར་མི་འགྱུར་ཏེ། ཚེས་སྐྱུའི་ཡོན་ཏན་འོ་བོ་ལྷོ་དང་པོ་ལྷུ་ལ་  
 ལས་འདས་པའི་སྒྲིབ་པོ། ཞེས་གསུངས་པས། དེར་ཚོགས་པ་ཐམས་ཅད་  
 རོལ་ཚར་མཚོགས་ཏེ། དེ་ལྟ་བུའི་དུས་དཔེ་ཐམས་ཅད་ལུས་སུ། དགོ་བའི་  
 ཅུ་བརྒྱ་ཚེན་པོ་འགྲུབ་པར་བྱིན་གྱིས་བསྐྱབས་ཤིང་། ལུང་བསྟན་པ་འོ་  
 བྱུགས་ཇི་རེ་ཆེ་ཟེར་ཞིང་དེར་ཚོགས་པ་ཐམས་ཅད་ལྷུ་རྒྱུ་ཚེན་པོ་ལི་……  
 གསུངས་པའི་བཀའ་ལམ་མཛོན་པར་བསྟོན་པར་གྱུར་ཏེ། མཚོན་རྟོན་ཚེན་པོ་  
 བྱུང་བའོ་ཤེར་གྱི་ལོ་རྒྱུས་ལས། ཞེས་གསུངས་པའི་གང་ཟེགས་དང་མཐོང་  
 ཡོན་བསྟན་པའི་ལུས་སུ་ལོ་ལོ་སྟོན་པའོ། སམ་ཡུལ། རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ། ཡང་དེའི་དུས་སུ་  
 ལྷུ་རྒྱུ་འོ་དེ་གྱིས་གསུངས་པ་རྣམས། ལམ་ལམ་གྲོ་ལེ་ཤེས་མཚོ་རྒྱལ་གྱི་  
 ཟིན་བྲིས་སུ་ཡི་གེར་བཏབ་ཏེ། ལྷུ་ལང་གསང་བྱུགས་ཀྱི་རྒྱུབ་པའི་ཚོས་  
 རྒྱུ་དང་ལྟན་ཅིག་ཏུ། དངལ་བསམ་ཡས་མི་འགྱུར་ལྟོ་བྱིས་གྲུབ་པའི།  
 གཙུག་ལག་ཁང་ཚེན་པོ་ལྟོན་ཁང་གི། ལྷུ་རྒྱུ་ཚེན་པོ་ལྟོན་ལྟོ་བྱིས་  
 གཏེར་དུ་སྐྱབས་ཏེ། ལམ་ལམ་གྲོ་ལེ་ཤེས་མཚོ་དང་ལྟོན་པར་གྱུར་ཅིག་ཅེས་  
 རྒྱུ་ལམ་བཏབ་པོ། མཚོན་རྟོན་བྱུང་བའོ་ཤེར་གྱི་ལོ་རྒྱུས་ཐོས་གྲོ་ལེ་ཚེན་  
 ལོ་ཞེས་བྱུབ་ཇོགས་སོ། སྐབས་སུ་རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ་ལས་ཅན་ཅན་ལོ་ལོ་ལོ་

བྱུང་ལཱ་ཅམ་རྒྱལ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ སམ་ལུ་ རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ་  
 གཏེ་རྒྱ་ རྒྱ་རྒྱ་ གཏེ་རྒྱ་ བཀའ་རྒྱ་ རྒྱ་བཞི་  
 བཏེ་བཏེ་ མཚན་ཅམ་ལུ་ ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 བཏེ་གཏེ་རྒྱ་ལུ་ ལུ་ལུ་རྒྱ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་རྒྱ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་  
 ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ལུ་ ལུ་ལུ་

ཟབ་པ་སྐྱོར་བ་དུ་བྱ་ལ་སམ།  
 མེ་རྒྱུ་ན་མ་ཐར་དཔག་བསམ་ལྡོ་བ་ཤིང་བཀྲ་གསལ་སོ།

ཨེ་མ་ཏོ། ཐེག་གསུམ་དམ་པའི་ཚེས་ལ་ན་མ་སྐྱེད་ས་ཤིང་། འགྲོ་ལ་པན་  
 བདེ་ལེན་དཔ་རྒྱུ་ལི་འཚད་། ཏུ་གསུམ་ཏུ་ག་པར་ཚེས་འཁོར་བ་སྐྱོར་བ་  
 ཡི། བཏུ་བདག་གི་ན་མ་ཐར་འདིར་བཀོད་བྱེ། དེ་ལ་འགྲོ་བྱ་གསལ་མཚན་  
 ལ་ལུས་པ། ལ་རིག་འབྲུལ་པ་སམ་འཁོར་བར་གཏན་འབྲུམ་ས་ཏེ། རྒྱུད་པར་  
 ཚུད་ཏུ་སྐྱེ་གསལ་མའི་འགྲོ་བ་ན་མ་སམ། ཏུ་ག་ལྔ་རགས་ཤིང་འབྲུལ་ཉེ་ག་  
 རྒྱུད་པའི་ཚེ། ཤིན་ཏུ་གསུམ་དཀའ་དེ་ན་མ་སམ་འདུལ་བའི་སྤྱིར་། ཚེས་སྐྱེ་  
 སངས་རྒྱལ་ན་མ་སམ་གྱིས་དགོངས་པ་གཏད་། ལོངས་སྐྱེ་ལོངས་རྒྱལ་  
 ན་མ་སམ་གྱིས་ལུང་བསྟན་ཅིང་། སྐྱེལ་སྐྱེལ་ལོངས་རྒྱལ་ཐམས་ཅད་བཀའ་  
 བཏོ་ས་ན་སམ། བཏུ་བདག་ཉིད་འཇམ་བུའི་སྤྱིར་དུ་ཤོང་། དེ་ཡང་ཁཅིག་  
 རྣམ་དོར་མེ་རྒྱུ་ལུལ་། ཏུ་བཀོད་པར་པད་སྤོང་ཅེ་ལས་སྐྱེལ་། ཁཅིག་རྣམ་  
 དོར་མེ་རྒྱུ་རྒྱལ་པའི་སྐྱེས་། ཁཅིག་རྣམ་དོར་གཏམ་ལྷགས་ཡོད་པའི་ཅེར་།  
 ཐོག་བབས་ཚུལ་དུ་བྱུང་ཞེས་ཐད་ཀྱང་། ཐུབ་དབང་འདས་ནས་ཉི་ཤུ་ཅེ་

བཞིའི་ཚོམ་ རོད་དཔག་མེད་ནི་བྱང་མེད་སྙམ་ཚུལ་བརྒྱུད་བའི་ འཕགས་པ་  
 བྱུག་མཚེ་ཆེན་པོའི་བྱུག་སྒྲིག་པ་འཇམ་མཚེས་ བཟུང་བའདུ་ཤིང་སྒྲིལ་བའི་  
 སྒྲིབ་པ་ དེ་ཡང་བྱེད་པ་ལ་མངས་མེད་པར་ འཛིག་རྟེན་ཀུན་ཀྱང་རྒྱུ་ཚུལ་ལས་  
 ཚུལ་དུ་འོང་ རྒྱུ་ཚུལ་ལས་མཛད་པ་ལས་མཚུགས་མེད་པའི་རྒྱུ་ཚུལ་ལས་  
 སྐྱབས་ལེན་པར་སྒྲིབ་པའི་ལུས་ཀྱིས་ འོན་ཀྱང་འཛམ་གླིང་འདི་དུ་སྒྲིབ་ཚུལ་གྱི་  
 མོ་རྒྱུ་ཚུལ་པོའི་སྒྲིབ་པའི་རྒྱུ་ཚུལ་ལས་མཛད་པར་ རྒྱུ་ཚུལ་ལས་བརྒྱུད་པ་  
 ཚོམ་ལོ་ཤོ་བར་བརྒྱུད་པར་ གཅིག་ཀྱང་མཚུགས་ཚོམ་ལུས་མཛད་པ་རྒྱུ་ཚུལ་ལས་ དེ་  
 བཟུང་བའདུ་ཤིང་ སྐྱོན་ལས་སྒྲིབ་པའི་ལུས་ཀྱི་རྒྱུ་ཚུལ་ལས་ རྒྱུ་ཚུལ་ལས་  
 ལུས་ཀྱིས་བཟུང་བར་ བཟུང་བའདུ་ཤིང་ རྒྱུ་ཚུལ་ལས་བཟུང་བའདུ་ཤིང་ལས་ལས་  
 འཛིག་རྟེན་དུ་ཕྱོད་ཚུལ་དང་རྒྱུ་ཚུལ་ལས་ལས་སྐྱབས་པའི་ལུས་ཀྱི་དང་པོའི་  
 ཐུགས་སྐྱོམ་ དེ་བཟུང་བའདུ་ཤིང་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་ལས་ རྒྱུ་ཚུལ་ལས་  
 དགའ་བོ་ལ་མཛད་པའི་ལུས་ཀྱི་ བཟུང་བའདུ་ཤིང་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་སྐྱབས་ལས་ ལུས་  
 བཟུང་བའདུ་ཤིང་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་སྐྱབས་ལས་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་  
 བཟུང་བའདུ་ཤིང་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་སྐྱབས་ལས་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་  
 བཟུང་བའདུ་ཤིང་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་སྐྱབས་ལས་ སྐྱོན་ལས་སྐྱབས་ལས་



ཕྱིན་ཏེ། གྲུབ་རྒྱལ་ལ་མ་ལུང་གིས་བདུད་སྡེ་བརྒྱལ། རྒྱུད་པར་རྒྱལ་པར་  
 རོ་རྩེ་གདུག་ལ་འཁོར། ལྷ་སྡེ་གསལ་བཀའ་པོའི་འཛིན་གསལ་བ་བྱུང་བའི་ཚེ། རིག་པས་  
 བརྩུང་ཅིང་བུས་པས་རྒྱལ་བ་བཅོམ། པཎ་ཚེ་བཟུང་བ་རྒྱལ་བ་དག་ལ་མངའ་  
 གསོལ་མཛད། མངས་རྒྱལ་ལ་ཚབ་བསྟན་པ་ལོ་བརྒྱུད་བརྒྱུད་སེ། རྒྱལ་  
 ཚབ་པཎ་ཚེ་བ་ལི་མེ་ཏུ་བཞུགས། མོ་རྒྱུན་དེ་ཉིད་ཟུར་ལྷུ་ལ་དུ་སྡོང་།  
 ཟུར་རྒྱལ་པོས་མ་ཤེས་གསོན་བསྐྱེད་བྱས། མེད་དུང་མཚོ་རུ་བརྒྱུད་བའི་  
 རྒྱལ་སྤུལ་བསྟན། ཟུར་རྒྱལ་ལམས་ཐམས་ཅད་ཚོས་ལ་བཀོད།  
 མངས་རྒྱལ་བསྟན་པ་ཉིས་བརྒྱུད་ལྷུ་ལ་དེར་བརྒྱུད་སེ། ལྷ་རྒྱལ་ལ་འཛིན་མེད་  
 ཚོ་རྒྱལ་བྱས། མཐོན་པོ་ཚོ་དཔག་མེད་པ་དངོས་སུ་བྱོན། ཚོ་ལི་རྒྱལ་བམས་  
 བརྒྱུད་དུ་བརྒྱུད་གཞན། འོག་མེད་སྤྱི་བའི་བཀོད་པའི་ཞིང་ལམས་  
 དང་། རིགས་ལྡེ་ཞིང་ལམས་རྣམས་སུ་བདག་ཕྱིན་ཏེ། བདེ་བར་  
 གཤེགས་པ་རྣམས་ལ་རྒྱུད་ཞུས་ཏེ། རྒྱལ་སྤུལ་མངས་རྒྱལ་རྣམས་དང་འགོ་  
 མེད་བྱས། མཐམས་འདི་མ་གཏོགས་མངས་རྒྱལ་གཞན་མེད་གསུངས།  
 ལྷུ་རྒྱུ་ཚེ་བ་པོའི་དངོས་གྲུབ་བརྒྱུད་པའི་ཕྱིར། ཡང་ལེ་ཤོད་ཀྱི་རྒྱལ་སྤུལ་  
 མོད་མཚུངས། དཔལ་ཚེ་བ་ཡང་དག་ཏེ་རུ་ཀ་དཔལ་བརྒྱུད་སེ། དེ་ལ་བར་



གསུམ་པའོ། བཙུག་ལྷན་ དེ་ནས་སྐོར་གྱི་སྐོར་ལམ་མཐུ་བཙུབ་པམ།  
 ཚོས་གྱི་རྒྱལ་པོ་བྲི་སྲིད་ལྡེ་བཙུབ་ཚུལ་། ཚོས་གྱི་བསམ་པ་བསྐྱེས་ནས་  
 གུ་ལུ་ལག་བཞེངས། སའདུལ་དོན་དུ་ལེགས་ཆེན་ཞིབ་འཛོལ། གདན་  
 དང་ས་ས་གཞི་འདུལ་བར་ཚོགས་མེད་རྒྱུང་། མཐུལ་ཚུལ་མཛད་བདག་  
 ཉིད་ལུང་བསྟན་ཏེ། བཀའ་སྲིད་གསེར་དང་བར་ཆེན་མི་གསུམ་རྒྱུང་། རྒྱ་  
 གར་ཚོས་རྒྱལ་པོ་ལོ་ལོ་མཚོན་ཐམས་ཅད་ལ། བདག་ཉིད་གནད་བཅུ་སའདུག་  
 བཀའ་བཟོས་པམ། རྒྱགར་ཡུལ་འདི་ལུ་སྐྱེ་གསལ་ཉེ་ཆེ་ཡང་། བོད་དུ་  
 བསྟན་པ་འཕེལ་བའི་ལུང་བསྟན་རྟུན་ལམ། དུས་ལ་བབས་པམའ་ཚོ་བར་  
 ཚོས་ཐབས་ཚོད་། བཀའ་འཕྲིན་བྱས་ཤིང་བར་ཆེན་སྐོར་དུ་བཏང་། དེ་ནས་  
 བདག་ཉིད་རྒྱགར་ཡུལ་ནས་ཐེག་། བལ་ཡུལ་མཐིམ་སྐོབ་སའ་བོད་གྱི་ལྷ་  
 སྲིད་རྟུན་ལམ། མེས་མའ་ལའ་བྲུལ་བྲིས་ཐམས་ཅད་ཟིང་དེར་སོང་། ལྷུང་ཡང་  
 ཡང་བསྐྱེད་བར་ཆེན་མི་ལྷ་རྒྱུང་། མང་ཡུལ་དུ་འབྲང་། ཁོ་བོས་རྒྱུ་འབྲུལ་ལ།  
 བོད་གྱི་མི་ལྷ་ཡིད་ཆེས་དད་པ་ཐོབ་། བོད་ཡུལ་ཉི་མའ་བུད་གྱི་མཚོ་འབྲུམ་དུ་  
 གཞོད་སྐྱོབ་སྐྱོབ་པོ་ཐམས་ཅད་དམ་ལ་བཏགས། ཁལ་འའི་ལ་ཐོག་བརྟམ་  
 བཙུག་ཉིས་དང་། གངས་དཀར་འཕེད་བྱུང་གི་ཉིང་སྐྱོབ་དང་། ཉིང་ཕོ་



ལྷོན་དང་བྱུང་འགྲུབ་གཞི་བདག་དང་། གཙང་གི་འཕྲུག་ཤང་གི་གཉན་ལྟ  
 རུ། རྗེ་ལེགས་པ་གཡམ་རུ་གཡོན་རུ་ཡི། འདྲེ་སྲིབ་འོ་ཤམ་ཐང་ལྟ  
 དམལ་བཏགས། ཏི་སེའི་གནས་སུ་རྒྱ་རྒྱུ་དམལ་བཏགས། ལྷོ་སྒོ་  
 གངས་ལ་གཟུང་བདུད་དམལ་བཏགས། གནམ་མཚོ་རྩུག་མོར་སྒྲོན་  
 བཅུན་དམལ་བཏགས། ལྷ་མཚོ་སྲོན་མོར་སྒྲོན་དམལ་བཏགས། དན་  
 ཏིག་བྲག་རྩ་རྒྱ་ལ་དམལ་བཏགས། རྗེ་ལེགས་པ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་  
 བཏགས། ལྷ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས། ལེ་ལུང་བྲག་ལ་དགོ  
 བསྟེན་དམལ་བཏགས། དབང་ལྷ་དམལ་འོ་ཤམ་ཐང་བཅུན་དམལ་བཏགས།  
 ཀུན་གྱི་གངས་ལ་སྒྲུབ་ཅན་དམལ་བཏགས། བཞག་རྩུ་རྩུ་རྩུ་དམལ་  
 བཏགས། ཐོད་དཀར་འགྲུབ་འོ་ཤམ་ཐང་བཅུན་དམལ་བཏགས། བྲི་སྒོ་འགྲུ  
 འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས། ཚོ་བ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས།  
 ལྷོ་བ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས། འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས། འོ་ཤམ་ཐང་  
 དམལ་བཏགས། གནས་རྩུག་རྩུ་རྩུ་བདུད་དམལ་བཏགས། ལྷོ་  
 ལྷོ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས། ལྷོ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་  
 བཏགས། ལྷོ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་དམལ་བཏགས། ལྷོ་རྗེ་འོ་ཤམ་ཐང་

བྲག་ལ་བར་སློབ་དམ་ལ་བཏགས་མཁའ་གངས་ལ་གཉེན་ཚེན་དམ་ལ་  
 བཏགས་སློལི་བྲག་ལ་བདུད་དམ་ལ་བཏགས་སྐྱུང་ཐོན་གཤོང་བདུད་  
 བཙན་དམ་ལ་བཏགས་བདུད་རིན་གཤོང་བདུད་རྒྱལ་དམ་ལ་བཏགས་  
 བུ་ཚུའི་གནས་སྐྱུ་སྐྱུ་སྐྱུ་དམ་ལ་བཏགས་ལྷ་རུ་ཅེ་རུ་ལྷ་བྲན་དམ་ལ་  
 བཏགས་དགས་ཤོའི་གནས་སྐྱུ་མགུར་ལྷ་དམ་ལ་བཏགས་མལ་གྲོའི་  
 གནས་སྐྱུ་རྒྱ་རྒྱ་མཁའ་དམ་ལ་བཏགས་མོན་གྱི་ཡུལ་དུ་ཚུ་བདུད་དམ་ལ་  
 བཏགས་འབྲས་མོ་གཤོང་དུ་ཤོང་བདུད་དམ་ལ་བཏགས་ལ་སྐྱི་གངས་  
 སྐྱབས་བཞི་དམ་ལ་བཏགས་སྐྱི་ཤོང་བྲམ་སྐྱི་བམ་མོ་དམ་ལ་བཏགས་  
 གཙང་གི་ཤོང་དུ་ལྷ་མིའི་སྐྱབས་སྐྱུ་དང་སྐྱོད་ལུང་བདུད་ཐམས་ཅད་བསྐྱབས་  
 བྱུང་དོང་པའི་གཤོང་ནས་སྐྱུ་བུ་བདུད་ཅི་བྱུང་བྲག་དམ་ཤོའི་སྐྱུའི་  
 ཚལ་དུ་རྒྱལ་ཤོའི་མཇལ་འཇམ་དཔལ་སྐྱུལ་པའི་རྒྱལ་ཤོའི་ལོན་ལྷ་ཡང་  
 མཇལ་གྱི་སྐྱིབ་པ་ཤིན་ཏུ་འཕྱུག་བྲག་པས་དམ་ལི་ཡོན་ཏེ་འཕྱུག་ལ་བཞིན་མ་  
 ཏོགས་ཏེ་རྒྱལ་ཤོའི་ལངས་པས་ཤེགས་ཏེ་བྲག་མཇལ་འཇམ་ལ་བདག་གིས་ད་  
 ཚེའི་སྐྱུ་དང་རྒྱུ་འཕྱུལ་བྲམ་རྒྱལ་ཤོའི་དད་པ་སྐྱེས་ནས་བྲག་འཇལ་ནས་  
 རྒྱལ་ཤོའི་གསེར་གྱི་བྲིབ་ཤིངས་སྐྱུ་བྲག་གི་གསེར་པཅས་ཤོད་ཡུལ་ལྷ་མི



དབྱིངས་ཀྱི་དབྱིལ་ལོའི་ལྷ་ཚོགས་འཁྱུག་པ་ལྟར་ལས། འོག་ལང་གཙོ་བོ་བྱང་ཚུབ་  
 ཚེད་པོལ། རྩོགས་འཕུའི་སངས་རྒྱལ་ཉེས་མཁའ་ལུས་འཁྱུག་པ་ལྟར་ལས། གཙུག་  
 ལག་ལང་ལ་རབ་གནས་མེ་རྟོག་འཕྲོའི། ལྷ་ལྷམ་ལྷུག་ལ་ཡེ་ཤེས་མངོན་  
 ལྷམ་མེབས། འོད་ཟེར་འབར་དང་འོལ་མོའི་རང་རྒྱ་བརྒྱགས། ལྷ་ལྷམ་  
 ལྷུག་གྱིས་མེ་རྟོག་ཚར་པ་ཕབས། ལྷུག་ལྷམ་ལྷུག་གྱིས་འོར་བུ་འབྲུལ་བ་  
 དང་། འཛིགས་རྟེན་བཀའ་ཤིས་ལྷུག་གྱིས་གང་བར་བྱས། ལམ་མོན་ལྷུམ་  
 དཔལ་ལྷུག་འབྲོའི་ཕྱོག་ཕྱོག་། རྩོད་རྩོད་ལམ་མེ་འབར་བྱིམ་ལྷུག་། ལམ་རུ་ཡི་  
 ཚར་བ་ལན་གསུམ་ལབས། འོད་ལམ་ལྷུག་ཏུ་དགོ་ཤིང་ཤིས་པར་གྱུར།  
 ལྷ་དང་མི་ལྷམ་སློབ་ཡང་ཡང་སྐྱེས། ལྷུག་པའི་བདེན་ཕྱོགས་ལྷམ་  
 ལྷུག་ཏུ་བྱུང་། དབྱུང་དག་གི་ལྷམ་ཐར་དཔག་བསམ་ལྷོན་ཤིང་ལས།  
 བསམ་ཡས་བཞེངས་ཤིང་རབ་གནས་འཕྲོའི་བའི་ལུ་ལྷུག་པོ། བཅའ་ལྷུག་  
 དེ་ལྷམ་ལམ་སློབ་ལྷམ་གཉིས་སྐྱགས་བཟོས་ཏེ། འོད་ཀྱི་ལྷུལ་འདི་  
 ལྷུག་པོའི་ལྷུལ་ཡིན་འདུག། དགོ་སྤྲི་ལེ་ཤེས་ཚོས་བཤད་གཤམ་ལུས།  
 འོད་ཀྱི་སློབ་དཔོན་སྐྱབ་དོག་ཚེ་བས་ན། རྩོད་ལམ་ལམ་ལྷུག་ཚོར་  
 ལྷུལ་ལོག། དེ་ལྷུག་བཟོས་ཏེ་རྒྱལ་པོའི་སྐྱབ་དུ་གསོལ། རྒྱལ་པོ་སྐྱགས་

ལུག་བལྟམ་པ་དང་བཅས་ཏེ། སྐར་ཡང་གསེར་གྱི་མཚུལ་དཔག་མེད་  
 བཅས། བཀའ་དྲིན་ཅན་གྱི་སློབ་དཔོན་ནམ་གཉིས་གསོན། བྱིས་པོ་ལྟེ་  
 བཅན་བསམ་པ་རྒྱ་ཆེ་ལྟོ། བོད་འདི་ལྷོ་གླིང་གི་བོད་ལོ་ལྟུང་ལོན་པས།  
 འདི་ནམ་གྱི་སྐྱེ་ཡང་མི་གྲགས་པས། སློབ་དཔོན་ལྷོ་གསལ་སྐྱོན་གྱི་  
 བཅུ་བས་དགོངས། བྱང་ཚུབ་སེམས་གྱིས་ལྷོ་གསལ་རྗེས་བཟུང་དུ་གསོལ།  
 དག་མེད་གླིང་དུ་སངས་རྒྱལ་སྐྱེལ་བ་བྱོན། གཞན་དོན་མཛད་པའི་བྱང་  
 ཚུབ་སེམས་དཔལ་ལ། འགྲོ་བའི་དོན་ལས་གཞན་གྱི་མཛད་པ་མེད། བྱི་  
 སློབ་ལྟེ་བཅན་བསམ་པ་བསྐྱབ་དུ་གསོལ། བདག་གི་སྐྱབ་སྐྱུང་ལྷོ་གསལ་  
 རྟེན་བཞེས་ན་ཡང་། བོད་འདིར་མདོ་སྐྱོད་མཚོས་ནམས་གདན་དུ་བསྐྱོད་  
 བས། ཉན་བཤད་སློབ་སྐྱོབ་བསྐྱོན་པ་སྤེལ་མཉམ་པས། སློབ་དཔོན་ནམ་  
 གཉིས་དེ་ལྟར་མཛད་དུ་གསོལ། ལམ་ན་སློབ་མི་བཞུད་བོད་དུ་.....  
 བཞུགས་པར་ལུ། དེ་ནས་ལམ་ན་སློབ་དཀའ་བའི་སྐྱོད་ལྷོ་གསལ་ཐག་བཅད།  
 བོད་སྐྱོད་ལྷོ་གསལ་བཟང་ཐམས་ཅད་ལུང་བསྐྱོན་ཏེ། ཐམས་ཅད་བསྐྱོད་ནས་  
 གྲུབ་ལོ་ལྟོ་བསྐྱབ། སྐྱོད་ལྷོ་གསལ་ལྷོ་གསལ་ལྷོ་གསལ་ལྷོ་གསལ་  
 མང་བོའི་ནང་ནས་ལོ་ལྟོ་བསྐྱབ་ལྷོ་གསལ། བདག་གིས་གསང་སྐྱོད་ལྷོ་གསལ་

ཐམས་ཅད་བསྐྱུར་མཁུ་ལའོ་དང་འདུལ་བ་ཐམས་ཅད་བསྐྱུར་མཁུ་  
 བསྐྱུར་བའི་གཞི་ལ་དགོངས་པའདྲེན་འོ་ཆེན་ཡིན་མོད་ བོད་རྒྱལ་རྒྱུད་དང་བརྒྱུད་  
 རབ་ཏུ་རྒྱུད་མཁུ་གསལ་བའོ་དེ་ཐམས་ཅད་མཚོན་སྒྲོལ་ཞིང་ ལོ་རྒྱུ་བརྒྱ  
 ཅུ་རྒྱལ་ལུ་ལུ་བརྒྱུད་མཁུ་ སེམས་ལེན་མཁུ་སྐྱེས་གསལ་བ་མོ་གསལ་  
 བཀའ་ཆེན་བརྒྱུ་ཅུ་བོད་དུ་རྒྱུ་བརྒྱུད་མཁུ་ ལོ་བཀའ་ལའོ་སྐྱེས་གསལ་བ་  
 ལང་དུ་གཞུགས་མཁུ་ ལའོ་མཚོ་སྐྱེས་བཅུ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་  
 ཞི་ལ་རྒྱུ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ འདུལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ཐམས་ཅད་བསྐྱུར་མཁུ་ ལུ་དག་འདེད་མཚོན་མོ་གསལ་བའི་ རེས་བའི་བཀའ་  
 རྒྱལ་སྐྱེས་ལུ་སྐྱེས་ཐམས་ཅད་བསྐྱུར་མཁུ་ གྱི་ཡལ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་  
 ལུ་གསལ་བའི་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ འདུལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་  
 ལུ་སྐྱེས་བསྐྱུར་བའི་ ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་ལོ་གསལ་བ་

ཚོས་འགྲོ་བ་མེད་པ་ལྟར་། ཉིན་མཚན་གྲུབ་ཏུ་བསྐྱེད་ལོང་བ་ཤད་དང་ཉམས་པ་ལྟར་།  
 བོད་ཡུལ་གྲུབ་ཏུ་བཤད་པའི་ཚོས་སྡེ་གཙུག་། མདོ་སྡེ་གསལ་ཐམས་ཅད་  
 གྲུགས་བམ་གྲངས་མེད་བུ་ལྟར་། གཏུགས་དང་རྒྱལ་མཚན་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་  
 དང་། མཚོན་པའི་ཡོ་བྱེད་དཔག་ཏུ་མེད་པ་དང་། མཛོས་ཤིང་རྒྱལ་པོ་  
 བཟོ་བའི་བོད་པ་བཅས་། རབ་བྱུང་རྒྱལ་སྤྱི་སྐྱེས་རྒྱུ་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་  
 ལུང་། དེད་གཞུག་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་ཐམས་ཅད་ཐོག་སྡེ་། ལོ་བཟོ་ཐམས་ཅད་  
 ཤིང་རྒྱུ་རྒྱུ་རྒྱུ་གཏུགས་། རྒྱུ་རྒྱུ་གཏུགས་སུ་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་།  
 མཚན་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། རོ་ལོ་ལོ་བྱེད་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། རོ་ལོ་ལོ་སྐྱེས་སྐྱེས་  
 དང་སྐྱེས་གཏུགས་ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། དེ་ཉིན་རྒྱལ་མཚན་སྐྱེད་པོ་ལྟར་སྐྱེད་ལྟར་  
 བཟོ་བྱེད་ལྟར་། གྲུགས་བམ་ཐམས་ཅད་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། ཡོ་བོ་ལོ་  
 ཐམས་ཅད་ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། གསལ་བྱེད་ལྟར་གསལ་བྱེད་ལྟར་། བ  
 བཟོ་བཟོ་བྱེད་དང་ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། རྒྱུ་གཏུགས་  
 བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། གསལ་བྱེད་བཟོ་བཟོ་བྱེད་དང་ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་  
 ལྟར་། ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། གསལ་བྱེད་བཟོ་བཟོ་བྱེད་དང་ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་  
 ལྟར་། ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་ལྟར་། གསལ་བྱེད་བཟོ་བཟོ་བྱེད་དང་ལྟར་བཟོ་བཟོ་བྱེད་

བཤད་པ་བཏང་། བིམ་མི་རྒྱལ་མོག་མ་པ་ཆེན་གྱིས་། ཚོད་གྱི་བྱུང་ལྷན་  
 ཚོས་གྱི་ཆེ་བ་བརྗོད་། བེ་རོ་རྩེ་རྒྱལ་མོག་མ་པ་ལོ་རྩེ་ལིས་། པ་ཆེན་ཆེ་བ་  
 ཚོས་གྱི་འགྲུར་ལུགས་བཤད་། འགོ་མ་ལ་མོག་མ་པ་འདི་བོད་གྱི་སྒྲོན་པོ་ལིས་།  
 འབྲུལ་བར་རེ་བྱས་བསམ་པ་འགྲུབ་ལུགས་བཤད་། འབངས་རྣམས་  
 གུལ་གྱིས་ཅི་འདྲོད་ཚོགས་བསམ་གསུམ་། རང་རང་ལོ་རྩེ་འབངས་གྱིས་  
 ཞབས་ཀྱི་བཅུ་ལུ་ཕམ་། པ་ཆེན་ཐམས་ཅད་རང་གི་ཡུལ་དུ་ཚོད་། བོད་གྱི་  
 བསྟན་པ་ཉི་བཞི་བཤད་། བསྟན་པ་དག་གི་རྣམ་ཐར་དཔག་བསམ་ལྟོན་ཤིང་  
 ལས་། ལོ་པ་ཆ་སྐྱེན་དང་ས་ཤིང་མཛོད་སྟོན་གསུམ་གྱི་ཚོས་བསྟར་བའི་ལུ་སྟོན་དུག་  
 པའོ། ཐུག་ཐུག་། དེ་ལྟར་བསམ་པ་ལས་མཚོ་མས་སྤུའི་དབེན་གནས་སུ་  
 བསྟན་པ་ཉི་བཞི་བསྟན་པ་བྱེད་པའི་ཚོད་། བོད་གྱི་རྒྱལ་པོ་འབྲི་སྲོད་ལྟེ་བུ་བཙོན་  
 དང་། བམ་ལུ་འདི་སྟོན་པོ་མངས་རྒྱལ་ལེ་ཤེས་དང་། རྒྱལ་བམ་ཚོགས་  
 དབྱུངས་ལེ་ཤེས་མཚོ་རྒྱལ་མམ་། དཔལ་གྱི་དབང་རྒྱུག་དོན་ལྟེ་བུ་འཛོམས་  
 དང་། བེ་རོ་རྩེ་རྒྱལ་མོག་མ་པ་ལྟེ་འབངས་གྱིས་། གསེར་གྱི་མཚན་ལུ་ལ་རྣམ་  
 ཡང་ཡང་དུ་། བདེ་ག་ཤེགས་འདུས་པའི་དགྱིལ་ལེ་ལོར་ཞལ་བྱེ་གསོལ་།  
 དེ་ལྟར་བདག་གིས་དགྱིལ་ལེ་ལོར་ཞལ་བྱེས་ལྟེ་བུ་། ལྟེ་འབངས་རྣམས་ལ་



འདུམ་པའི་དབང་ཚེན་བསྐྱར་མེད་རྒྱུ་རྩེ་རྒྱུ་ལ་པོ་འཛིན་ཏེ་གཏེ་མཚོ་གཤམ་ལེ་ བཀ  
 ལམ་འཛིན་ཏེ་པོ་འཛིན་ཏེ་གཏེ་ཡང་དགཤམ་ལེ་ མངས་རྒྱུ་མམ་ཡེ་ཤེས་མེ་ཏེ་གཏེ་གཏེ་བེ  
 རྗེ་བམ་མེ་ རྒྱལ་བ་མཚོ་གཏེ་དབྱངས་མེ་ཏེ་གཏེ་རྒྱལ་མེ་ཤིན་ལེ་ ཡེ་ཤེས་མཚོ་  
 རྒྱལ་མེ་ཏེ་གཏེ་སྐྱར་བམ་ལེ་ དཔལ་གྱི་དབང་རྒྱལ་མེ་ཏེ་གཏེ་མཚོ་བམ་ལེ་བམ་ལེ་  
 རྗེ་རྗེ་བམ་དུད་འཛོམས་མེ་ཏེ་གཏེ་མཚོ་དུད་བམ་ལེ་ བེ་རོ་རྩེ་མེ་ཏེ་གཏེ་དུག  
 རྒྱལ་ལེ་ བམ་སེ་ཏེ་ཡི་དགྱི་ལམ་འཛོམས་ལེ་དབང་བསྐྱར་བམ་ལེ་ རྗེ་འབངས་  
 བམ་སེ་གྱི་རྒྱལ་ཏེ་གཏེ་སེ་རེ་ཤོ་ལེ་ བྱི་སྐྱོང་ལྟེ་ལེ་ཅན་གཏེ་གཏེ་སྐྱར་བམ་ལེ་གྱི་སེ  
 གཏེ་ལེ་ བམ་ལམ་འཛིན་ཏེ་པོ་འཛིན་ཏེ་མེ་ལེ་ལེ་ལེ་ལེ་ལེ་ མངས་རྒྱུ་མམ་ཡེ་ཤེས་  
 བམ་ལམ་སྐྱར་བམ་ལེ་ རྒྱལ་བ་མཚོ་གཏེ་དབྱངས་གཏེ་ལེ་ཏེ་སྐྱར་བམ་ལེ་ལེ་  
 ཡེ་ཤེས་མཚོ་རྒྱལ་བ་སེ་དཔལ་འཛོམས་ལེ་ དཔལ་གྱི་དབང་རྒྱལ་སྐྱར་བམ  
 གཏེ་དམ་ཚོ་དུག་ལེ་ རྗེ་རྗེ་བམ་དུད་འཛོམས་རྒྱལ་ཏེ་ཤོ་གཏེ་ལེ་ བེ་རོ་རྩེ་  
 བམ་ལམ་སེ་ལེ་ལེ་ལེ་ གཏེ་གཏེ་ཡང་རྗེ་འབངས་རྒྱལ་ཏེ་གཏེ་མང་དུ་ཤོ་ལེ་  
 གཏེ་གཏེ་ཡང་སྐྱར་དགོངས་ལེ་འདུམ་ལེ་དང་ ཡི་དམ་དགོངས་འདུམ་ལེ་ལེ་  
 འཛོམས་དགོངས་འདུམ་དང་ ཚོ་སྐྱོང་དགོངས་འདུམ་དགྱི་ལམ་འཛོམས་ལེ་  
 འབྲམ་སེ་གྱི་ སྐྱིན་བྱེད་དབང་བསྐྱར་གྱི་ལེ་བྱེད་མེ་དགཤམ་ལེ་ བེ་དུ

སྒྲོལ་གྱི་འབྲུག་པ་དང་འབྲུག་པ་། སྐྱེས་པ་དང་གཤིག་སྐྱེས་པ་དང་གཤིག་བསམ་པ་  
ལྡོག་ཤིང་ལས་། སྐྱེས་པའི་དབང་བསྐྱེད་པ་། རྗེས་འབྲུག་པ་རྒྱུ་ལྡན་གྱི་སྐྱེས་པ་  
རྒྱལ་མོའི་འཕེལ་རྒྱུ་བཟུང་པའོ། བཅས་ལྟར་། དེ་ལྟར་སྐྱེས་པ་དང་གཤིག་  
དགོངས་པ་ལས་། བོད་འདྲིའམ་ཏེ་སྐྱེས་པ་ཚོས་རྒྱལ་མོའི་སྐྱེས་པ་ཅད་དང་།  
གསལ་སྐྱེས་པ་སྐྱེས་པ་དང་འབྲུག་སྐྱེས་པ་རྒྱུ་ལྡན་གྱི་སྐྱེས་པ་། འཆད་ཉམས་སྐྱེས་པ་སྐྱེས་པ་  
རྒྱལ་མོའི་འཕེལ་རྒྱུ་ལས་། གུ་ལྱེས་པ་དང་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོས་། བཀའ་  
འདུལ་ཚོས་སྐྱེས་པ་ཚོའི་འདྲི་ཉེ་བའི་། བཅུ་བས་རྗེས་འབྲུག་པ་ལྱེས་པ་  
སྐྱེས་པ་། དེ་ཚོ་རྒྱལ་པོའི་ལས་སྐྱེས་པ་གསུམ་རྒྱལ་མོའི་སྐྱེས་པ་། ལུ་བའ་ལྟུང་པ་  
ལོ་ལས་སྐྱེས་པ་རྒྱལ་མོའི་སྐྱེས་པ་བསྐྱེད་པ་། སྐྱེས་པ་དང་སྐྱེས་པ་གཏེར་མང་པོ་སྐྱེས་པ་འདི་  
ཚོ་། བོད་སྐྱེས་པ་པོ་འབྲུག་པ་མེད་པའི་ཚོ་དང་། ལྷ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་པོ་  
དང་། ལྷ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་པོ་དང་། ལྷ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་པོ་  
དང་། ལྷ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་པོ་དང་། ལྷ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་པོ་  
ཚོ་ལྷོ་སྐྱེས་པ་ལྷོ་སྐྱེས་པ་དང་། ལྷོ་སྐྱེས་པ་ལྷོ་སྐྱེས་པ་དང་། ལྷོ་  
འཕེལ་བཟུང་པོ་རྗེས་འབྲུག་པ་མེད་པའི་ཚོ་དང་། དཔལ་གྱི་དབང་བསྐྱེད་པོ་  
དབང་བསྐྱེད་པོ་། ལྷོ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་དང་། ལྷོ་སྐྱེས་པ་མེད་པའི་ཚོ་།

མཚོ་རྒྱལ་བྱལ་གསུམ་དང་། ལྷ་སྐྱུ་གསུམ་གྱི་བཙུན་ལོ་ནམ་གསུམ་  
 རོགས་མ། ལེའོ་བཙུན་ལམ་མཁུ་གྱི་ནམ་ལམ་ལྔ་དུ་བྱོན་། བཀའ་འདུས་  
 ཚོས་གྱི་རྒྱལ་ཚོ་ཞལ་བྱེས་ཏེ། རྗེ་བདམ་ནམ་ལམ་སྤྱི་བྱེད་དབང་བསྐྱུར་  
 བམ། རྒྱལ་བྱེད་ལམ་དག་གནད་ནམ་ལམ་གསུམ་དཔར་བཤོལ་། ལེའོ་  
 བཙུན་ལོ་བདུན་བར་དུ་ཅི་གཅིག་བསྐྱུབ་མ། ལམ་འབད་གརྒྱལ་པོ་མ་དེ  
 བྲག་ཟུང་ཐལ་ལའོ་དང་། ལུ་ཤེ་བཙུན་པོ་མཁུ་ཞལ་དཔོན་ལུ་གཞིགས་མ། ལུ་  
 ལུ་བཙུན་པོ་མ་བདེ་ཆེན་ལེ་ཤེས་བརྟེས་མ། ལུ་ཤེ་བཙུན་པོ་མ་རང་མེས་མ  
 དེ་བོ་ལེ་ཐོང་། བེ་ལོ་ལྷ་ནམ་ལམ་བྱུ་ལྷ་ལྔ་ལྔ་དང་། རྒྱལ་བམ་ཚོ་གདུང་བྱུང་ས་  
 རྒྱ་ཤེ་ལོ་དུང་བསྐྱུར་། ལམ་ལོ་དཀོན་མཚོ་གཤོང་གྱི་ལུང་པོ་ལྷུང་།  
 མངས་རྒྱལ་ལེ་ཤེས་ལྷ་ལོ་དེད་སལ་སྐྱེགས་མ། གཞགས་ཆེན་རྒྱ་ལོ་ཚོས་ཉིད་  
 ཟུང་སར་འབྱོལ་། ལམ་ལེ་ཆེན་མཚོ་རྒྱལ་བྲག་ལེ་ཆེ་ལྷོ་ཐོན་། ལྷ་ཙེ་རས་  
 ལེས་བྲག་གིས་བྲག་རི་གཏོར་། འབྲོག་ལི་དཔལ་ལེས་རྒྱུན་གྱིས་ནགས་  
 ཚལ་བཞེགས་། རོ་རྗེ་བདུད་འཛོམས་རྒྱུན་གྱིས་རྒྱལ་ཚོ་སྐྱེལ་། ཉིད་འཛོམས་  
 བཟང་པོ་མ་དེ་བྲག་ཟུང་ཐལ་ལུགས་། ཤེས་ལྷུང་བཟང་ལིས་ལམ་ལོ་བྲལ་ཏུ་  
 ཁོལ་། གཞགས་ལམ་འབད་ས་ནམ་ལམ་གྱིས་ཤེ་སྐྱུ་བརྟེན་གསལ་ལང་། ལུགས་དཔེ

བམས་ཅད་འཇུག་གི་ཡི་གེ་བཏང་བའི་ བཞུགས་མཆོག་འདུག་ཏུ་གཏེར་ཁམས་  
 མོར་སྐྱེས་མེད་པའི་སྐྱེས་སུ་དག་ཀྱང་ལུང་བསྟན་ཏེ་ བཀའ་འཇུག་  
 བཏང་བའི་སྐྱོན་ལམ་དབང་བསྐྱར་བུས་མེད་ ཅུང་དུས་སྟོན་མཁའ་སྐྱེས་ལྟ་བུ་  
 རལ་ལམ་ འདོན་པའི་དུས་སྐབས་ལུང་བསྟན་མཁའ་ལམ་ བསྐྱེད་དག་གི་ནུས་ཐར་  
 དཔག་བསམ་ལྟོན་ཤིང་ལས་ བཀའ་འདུལ་ཆོས་ཀྱི་རྒྱལ་ཆོལ་ལྟེན་ལྟེན་  
 བཏེར་དུ་སྐྱེས་པའི་ལུ་སྟེན་བརྒྱུད་པའི་ བཅའ་བཟུ དེ་ནས་ཟབ་པའི་ཆོས་  
 རྣམས་ལུས་པ་ བཏེར་ཤོག་རིག་སུ་ལྟེན་པའི་གཏེར་ལྟེན་ལྟེན་ རོ  
 མཚར་བྱེད་ཅན་སྐྱོན་སུ་བྱེད་དུ་བཅུག་ ལྟ་ས་བསམ་ལས་གཤམ་སྐྱེས་  
 འཇུག་དང་ མཐའ་འདུལ་ཡང་འདུལ་གཏུག་ལག་ཁང་རྣམས་དང་  
 ཡམ་ལུང་ཤེས་བྱ་སྟོན་སྟོན་ལམ་རྒྱུད་དང་ བསྐྱེད་མཁའ་ལྱེད་ཡི་མཚན་  
 རྒྱབ་སྐྱེས་ བཀའ་འཇུག་དང་གཅིང་གི་ཟབ་སུ་ལུང་ རི་ཤོ་བཀའ་བཟང་  
 བཏེར་གི་རི་ཤོ་ བཏེར་རི་ཤོ་ལྟེན་ལམ་ལོ་གཏེར་རི་དང་ བཏེར་སྐྱེས་  
 ཅན་དང་ལོ་དྲི་གཏེར་བཏེར་དང་ ཅི་རྒྱུ་ལ་མེད་འདུལ་སྐྱེས་ལོ་གཏེར་  
 རྒྱུད་པར་ཅན་གྱི་ཉི་སྐྱོན་བཏེར་དཀའ་ སྐྱེས་གཏེར་ལྟེན་སྐྱེས་ལྟེན་  
 ལུ་ སྐྱེས་ལས་ལྟེན་གཏེར་ཉི་ལུ་ཅན་ལུ་ བཏེར་མཆོག་ལམ་སྐྱེས་ཏེ་





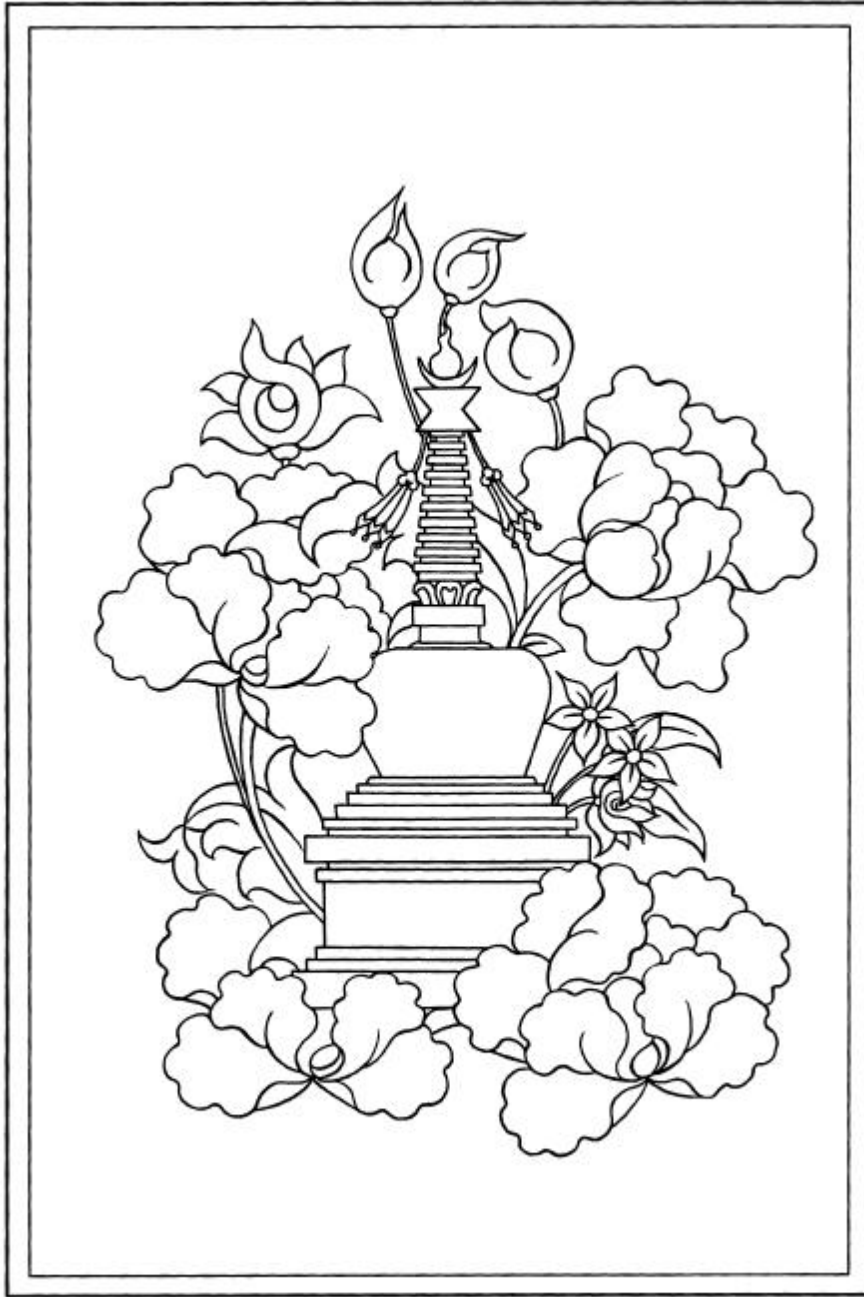
སེམས་ཅན་རྣམས་ཀྱི་དཔལ་ལྷན་པ་དང་། ཚུལ་བཞིན་འཛིན་  
 ཅིང་ཡུན་རྒྱུ་བ་བྱེད་པ་དང་། རྣམ་ཐར་འདི་ཉིད་དུས་དུག་བསྐྱེད་པར་གྱིས་ཀྱིས་ཀྱིས་།  
 དལུ་འཕྲིད་ཅིང་གསོལ་བ་འདི་ལྟར་ཐོབ་པ་། ཨོམ་ཉོ་མོ་མོ་སྐྱུ་ལྷན་བཟང་  
 དུག་པ་དེ་རྗེས་ཆང་། སྐྱོན་པ་དོར་སེམས་བཅོམ་ལྡན་ཤུགས་ལྷན་ལུ་།  
 མཐོན་པོ་ཚོ་དང་ལམ་མེད་དང་སྐྱུ་རྣམས་གཟིགས་ཀྱིས་། དབྱེད་མེད་པ་དེ་ལ་  
 གསོལ་བ་འདེབས་ཀྱིས་། སྐྱུ་ལི་བདག་ཉིད་འཇམ་དཔལ་ག་ཤིན་མེད་ཤིག་ཤིག་ཤིག་ཤིག་།  
 གསུང་གི་བདག་ཉིད་དབང་ཚེ་རྟེན་སྐྱེད་མཚོར་། ལུགས་ཀྱི་བདག་ཉིད་  
 ཡང་དག་ཉེ་རུ་། ལུ་རུ་ལི་དབཞིན་འོར་ལུལ་གསོལ་བ་འདེབས་ཀྱིས་། ཡོན་  
 ཏན་ལམ་གོལ་ཚེ་མཚོ་ག་ཉེ་རུ་། སྐྱེད་ལས་བདག་ཉིད་དེ་རྗེས་མཐོན་ལུ་  
 སྐྱུ་། མཐོན་ལས་འགོ་འཛིན་པོ་འཛིན་པོ་ལྷན་ལུ་། དཔལ་ཚེ་བོད་ལྷན་  
 ལུ་ལམ་གསོལ་བ་འདེབས་ཀྱིས་། སྐྱུ་ལི་དབྱིངས་སྐྱུ་ལུ་སྐྱུ་ལུ་ལི་ལྷན་པ་དང་།  
 གསུང་གི་གདངས་སྐྱེད་ཡན་ལག་བཅུ་གཉིས་ལྡན་ཀྱིས་། ལུགས་ཀྱི་དགོངས་པ་  
 ཟང་ཐུལ་ཡོངས་ལུ་ལྷན་ཀྱིས་། ལུགས་ཀྱི་དགོངས་པ་ལྷན་ཀྱིས་།  
 སྐྱེད་ལུ་དབུང་བསྐྱེད་གསུང་ཚབ་གཏེར་དུ་སྐྱེས་ཀྱིས་། ལུགས་ཀྱི་དགོངས་པ་ལས་  
 ཅན་ལུ་གཏེར་། བཅུ་བཞི་ལུ་ཚེ་ལས་འདེབས་པོ་དཔལ་བཞག་།

དྲིབ་ཚེན་སྐྱུལ་པ་འཁྱུལ་གསེལ་བ་འདེབས་མཆོག་། བཀའ་དྲིབ་དབུ་ལོ་གྲུ་ལུ་  
 དྲིབ་པོ་ཚེ་། ལྷག་ས་དམའ་ལ་བཞེས་དགོངས་པ་ས་བརྒྱུད་དུ་གསེལ་མཆོག་། དུས་  
 དན་འདི་ལ་འཕྲོ་ས་གཞན་ལ་མཚུངས་མཆོག་། ལྷག་ས་རྗེས་གཟིགས་ཤིག་ཚོ་ཚུན་  
 སྐྱུལ་པ་འཁྱུལ་། མཐུ་ཕུལ་ཕུས་པ་ས་དུས་དན་གཡོལ་ལྷག་ས་རྒྱོག་། ལྷན་  
 བྲམ་ས་ཡེ་ཤེས་དབང་ཚེན་བསྐྱུར་དུ་གསེལ་མཆོག་། ཉམས་དང་རྟོགས་པ་འཁྱུལ་  
 ལྷག་ས་རྒྱས་པ་དང་། བསྐྱུར་འགྲོའ་ཕན་པ་འཁྱུལ་པ་བཟུལ་ཅིང་། ཚོ་  
 གཅིག་ས་དམ་རྒྱས་འགྲུབ་པར་མཛད་དུ་གསེལ་མཆོག་། དེ་བཞིན་དུ་གསེལ་བ་  
 ཐོབ་ཅེས་གསུང་སྟེ་རྟོ་མཚོ་གཡུ་ཚེན་ས་ནས་ལམ་འདུག་ས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་  
 ཏེ་བོད་འབངས་རྣམས་ལ་། ཁོ་བོ་རྒྱ་བ་བྱུང་དེ་ཅོག་དང་། ལྷན་པར་སྐྱུལ་  
 ལྷན་ཚོས་བཅུ་ལ་བོད་འབངས་ཀྱི་སྐྱུག་བསྐྱུལ་བསལ་བའི་དོན་དུ་འོང་བ་  
 ཡིན་ལོ་། ལྷན་རྣམས་ལ་བཟུང་དཔར་གསེལ་བ་ཐོབ་ཅེས་གསུང་སྟེ་འཕྲོ་ས་  
 ལེན་ཕྲོ་ལུ་བུ་གཟིགས་ཏེ་བཞུད་དོ་། ལྷན་ས་རྗེས་འབངས་རྣམས་ཀྱང་ཚུར་  
 ལོག་སྟེ་རང་རང་གནས་སུ་བསྐྱུབ་པ་བྱས་སོ་། ཚོ་ཚུན་པདྨ་འབྱུང་གནས་ཀྱི་  
 རྣམ་ཐར་དཔག་བསམ་ལྟོན་ཤིང་ལས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་འཕྲོ་ས་  
 ལེན་ལོ་། ལྷན་པར་བཞུད་པའི་ལུ་སྟེ་བཅུ་པའོ་། ཐུག་སྐྱུ་།



བླ་མཐར་འདྲིན་སྤྱི་མཁོ་མཚོ་རྒྱལ་གྱི་མ་ལི་གེར་གཏུབ་སྟེ  
 བཀྲིས་དུ་སྤྲུལ་པའོ།། རྣམ་ལུན་ལས་མཁུ་ཅན་དང་འཕྲད་པར་ཤོག།  
 འཕྲད་ནས་འཕྲོ་དོན་དཔག་མེད་སྤྱད་པར་ཤོག།  
 སམ་ཡམ། རྒྱ་རྒྱ་རྒྱ། སྤྱི་རྒྱ་བུ།

རྒྱལ་པོའི་བཀྲིས་ཚེན་མོ་རྒྱལ་མཚོ་གསུམ་གྱི་དཔའི  
 ཀམ་འི་དམ་ཅན་བྲག་ནས་གདུག་སྤངས་པའོ།། །།



Nam thar 177



## Chú Giải Thuật Ngữ Tiếng Phạn và Tây Tạng

**Abhidharma** (*Tạng ngữ. mNgon pa*): Luận, một trong ba nhóm chủ đề những giáo huấn trực tiếp của Đức Phật; giáo lý chỉ ra làm thế nào để xác định, phân tích, kỷ luật, và biến đổi các yếu tố của hoạt động tinh thần thông qua việc trưởng dưỡng trí huệ prajna, giác tánh phân biệt. Những luận giảng về những giáo lý này định rõ, tổ chức, xây dựng, và hệ thống hóa các chủ đề Đức Phật tuyên bố một cách rộng rãi, rút ra ý nghĩa mở rộng các giáo lý của Đức Phật, đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết, lãnh hội đầy đủ của chúng.

**Adibuddha** (*Tạng ngữ. Dang po'i sangs rgyas*): Bậc giác ngộ nguyên thủy, Đức Phật nguyên thủy, không có tất cả mọi thuộc tính, được mô tả biểu trưng trần trụi, không có y phục và màu xanh dương, màu sắc của không gian không bị ngăn che và Pháp thân bất khả tư nghị, chân lý và thân trí tuệ của Phật. Được đại diện trong truyền thống Cổ Mật Nyingma như Đức Phổ Hiền Samantabhadra, "Bậc thầy trong đó bao gồm cả sinh tử và niết bàn bất khả phân... Đáng là sự rộng mở của thực tại và hạt nhân trung tâm của Đấng Thiện Thế." - DR 116 . (Xem Nguồn, trang. 190).

**Amitabha** (*Tạng ngữ. "Od dpag med"*): "Đức Phật Vô Lượng Quang", một trong năm vị thiền Phật và là Chúa tể của Liên Hoa Bộ. Hình Ngài được mô tả có màu đỏ, Đức Amitabha chủ tọa ở cõi Tây Phương Cực Lạc, Sukhavati.

**Amitayus** (*Tạng ngữ. "Tshe dpag med"*): Đức Phật Vô Lượng Thọ, biểu hiện Cam lồ mật hoa bất tử của Giáo Pháp. Hình Ngài được biểu trưng với màu đỏ, trong Báo Thân Bồ Tát với vương miện và các trang sức, Ngài và giữ một cành hoa myrobalan, một loại thảo dược chữa bệnh (có họ với hoa hồng, hoa màu trắng, trái nhỏ màu đỏ hoặc vàng như trái anh đào).

**Anuyoga** (*Tạng ngữ. rJes su rna! 'byor*): Một trong ba cách phân loại của các Tantra Nội được ban truyền trong truyền thống Nyingma; các Tantra liên quan đến phần *mDo* của *bKa' rna*.

**Arhat** (*Tạng ngữ. gNas brtan, dGra bcom pa*): A La Hán, một bậc thánh xứng đáng được tôn kính; người đã kết thúc những dòng chảy (asrava) kéo dài của vòng chu kỳ sinh tử luân quần và có thể tự do nhập vào niết bàn theo ý muốn. Bậc đã chứng ngộ đạo quả của con đường Tiểu Thừa.

**Atiyoga** (*Tạng ngữ. shin tu rna! 'byor; rDzogs-chen*): Một trong ba cách phân loại của các Tantra Nội được ban truyền trong truyền thống Nyingma; các Tantra liên quan đến phần *Sems* của *bKa' rna*.

**Avalokiteshvara** (*Tạng ngữ. sPyan ras gzigs, phát âm là Chenrezi*): Đức Quán Thế Âm hay Đức Quán Tự Tại, "*Bậc Chúa Tể Quán Sát Cùng Khắp*". Một trong 8 Đại Bồ Tát; biểu hiện của lòng từ bi giác ngộ.

**Bardo** (*Bar do*): Trạng thái trung gian, trung âm; thường dùng để chỉ khoảng thời gian chuyển tiếp giữa cái chết và sự tái sinh.

**Bhikshu** (*Tạng ngữ. dGe slang*): Tỳ Kheo, tu sĩ Phật giáo.

**Bhikshuni** (*Tạng ngữ. dGe slang rna*): Tỳ Kheo Ni, nữ tu sĩ Phật giáo.

**Bhrikuti**: "*Đáng Bồn Tôn Nữ Thịnh Nộ*", một hóa thân của vị thiên Phật Amitabha Vô Lượng Quang; một trong các thân tướng của Đức Tara, được tôn kính như bà mẹ của lòng nhân từ và nữ hộ pháp bi mẫn; Ngài được mô tả trong thân màu vàng.

**Bodhisattva** (*Tạng ngữ. Byang chub sems dpa'*): Bồ Tát, "Bậc Giác Ngộ", một biểu hiện một phần khía cạnh cho sự hoàn thiện, viên mãn của vị Phật; người đã vượt lên khỏi tất cả những dấu vết của lợi ích cá nhân và hoàn toàn chuyên nhất vào việc khuyến khích, giúp đỡ sự giác ngộ của những người khác; Bậc hành giả đã đạt tới sự nhận biết, thấu suốt chiếu sáng của một người khao khát trưởng thành trên con đường Đại Thừa.

**Bon**: Tôn giáo bản địa pháp thuật của Tây Tạng.

**Bonpo** (*Tạng ngữ. Bon po*): Hành giả đạo Bon.

**Brahma** (*Tạng ngữ. Tshangs*): Phạm Thiên, Chúa tể, Vua Trời Cõi Sắc Cứu Cánh Akanistha, tầng 16 và là tầng cao nhất các cõi trời Sắc Giới Rupadhatu.

**Brahmin** (*Tạng ngữ. Bram ze*): Bà la môn, tầng lớp tu sĩ Ấn Độ cổ xưa; được tôn kính nhất trong bốn tầng lớp chính của xã hội Ấn Độ giáo.

**Buddha** (*Tạng ngữ. Sangs rgyas*): Phật, thức tỉnh, hoàn toàn giác ngộ; nguyên lý không thể diễn tả của sự giác ngộ; một bậc tâm linh đã hoàn toàn hoàn thiện, đáng vì lòng từ bi hóa hiện trong hình thể con người để kích hoạt sức mạnh giác ngộ và minh chứng con đường đi tới sự chứng ngộ của nó.

**Caryatantra** (*Tạng ngữ. sPyod pa'i rgyud*): Các Tantra tương đương mang ý nghĩa nhấn mạnh việc thanh lọc thân và khẩu thông qua nghi lễ và thiền định, thiết lập một mối quan hệ giữa vị bản tôn và hành giả như thể giữa anh em hoặc bạn hữu. Một trong ba cách phân loại Tantra Ngoại.

**Dakini** (*Tạng ngữ. mKha 'gro rna*): người nữ du hành trong bầu trời; hiện thân nữ tính của tánh Không và trí tuệ, cận sự của các bậc đại hành giả và thành tựu giả.

**Dharma** (*Tạng ngữ. Chos*): Pháp, con đường tu tập, dòng chảy của dạng thức tâm, các kinh điển được viết ra, kỷ luật đạo đức, lời của Đức Phật, tôn giáo, và sự sáng tỏ tối hậu và thuần khiết.

**Dharmaraja** (*Tạng ngữ. Chos rgyal*): Một vị vua bảo tồn Phật pháp và mang tới những nhân duyên mà trong đó mỗi cá nhân có quyền tự do để đi vào con đường tâm linh. Mục đích của ngài là trở thành một bậc thầy trong công lý riêng của mình.

**Dharmapala** (*Tạng ngữ. Chos skyong*): Hộ Pháp, bậc bảo vệ, hộ trì Giáo Pháp; Bậc hộ thân tại các công mạn đà la.

**Tám Đại Bồ Tát** (*Tạng ngữ. Byang chub chen po brgyad*): Đức Quán Thế Âm Tự Tại Avalokiteshvara, Đức Văn Thù Manjushri, và Đức Kim Cang Thủ Vajrapani, được gọi chung là Tam Thế Đại Chúa Tể; và các Bồ Tát Phổ Hiền Samantabhadra, Di Lặc Maitreya, Hư Không Tạng Akashagarbha, Địa Tạng Kshitigarbha, và Trừ Cái Chướng Sarvanivarana-vishkambhin.

**Tám Vị Trì Minh Vương Vidyadhara Vĩ Đại** (*Tạng ngữ. Grub chen slob dpon brgyad*): 8 đấng trì giữ giác tánh vĩ đại liên quan đến sự truyền thừa của Các Nghi Quỹ Tám Đấng Heruka gồm các ngài: Manjushrimitra Diệu Đức Hữu, Nagarjuna Long Thọ, Vimalamitra, Hungchenkara (Humkara), Prabhahasti (Voi Rực Rỡ), Dhana-sanskrita, Shantimgarbha Tịch Tạng, và Guhyachandra.

**Mật Điển Công Truyền (Bên Ngoài)** (*Tạng ngữ. Phyi rgyud sde gsum*): Các Tantra được phân loại là Kriya-yoga, Caryya-yoga, Yoga-tantra.

**Guru** (*Tạng ngữ. Bla rna*): Cảnh giới tỏa khắp toàn triệt đồng thời của sự bất sinh và sắc tướng hóa thân bất khả phân từ cảnh giới đó. Hai lớp nghĩa này của từ Guru được nhắc tới trong những Tantra. Guru – Bậc Đạo Sư hóa hiện trong thân người chỉ khi các đệ tử không biết về nguồn gốc của tất cả các tri thức và lòng từ bi tồn tại để vật chất hóa, cụ thể hóa ngài.

**Heruka** (*Tạng ngữ. Khrag 'thung*): Một sự nhân cách hóa các yếu tố chiếu sáng Tâm lại cùng nhau để chỉ dẫn người tu yogin trong bản chất của thực tại. Mặc dù cảm giác âm vận vốn sẵn của ngài là lòng từ bi, nhưng vị Heruka có thể xuất hiện trong hình tướng phần nộ và đe dọa tới những sợ hãi và bạo động.

**Các Nghi Quỹ Sadhana Heruka** (*Tạng ngữ. sGrub pa bka' brgyad*): 8 giáo huấn được ban truyền bởi Đại Sư Padmasambhava tới tám vị đệ tử chính của Ngài bao gồm cả Pháp Vương Tây Tạng Trisong Detsen (*Tạng ngữ. Khri srong lde'u btsan*). Các Nghi Quỹ Sadhana Heruka là một phần của dòng truyền chứng ngộ thiền định, những thực hành tập trung và thực hiện những giáo lý của các Tantra Nội.

**Hinayana** (*Tạng ngữ. Theg pa chung ba*): Tiểu thừa, cỗ xe nhỏ; con đường của những người tập trung vào giải thoát cho chính mình và tìm kiếm sự kìm hãm các lực lượng dẫn đến sự tái sinh trong luân hồi sinh tử. Con đường này an toàn, chắc chắn, và chậm. Liên quan đến kỷ luật liên tục, chánh niệm, và sự từ bỏ những theo đuổi thế tục, nó thường được theo sau bởi việc từ bỏ và cam kết đặt mình vào đời sống tu viện hoặc cuộc sống độc thân, cô tịch.

**Nội (Bên Trong) Tantra** (*Tạng ngữ. Nang rgyud sde gsum*): Trong truyền thống Nyingma, các Tantra được phân loại là Mahayoga, Anuyoga, và Atiyoga.

**Jambudvīpa** (*Tạng ngữ. 'Dzam bugling*): Cõi Nam Diêm Phù Đề, Đảo Táo – Hoa Hồng; một trong bốn đại lục trong đại dương lớn bao quanh Núi Tu Di; nơi cư ngụ của loài người; Ấn Độ.

**Kaliyuga** (*Tạng ngữ. rTsod ldan gyi dus*): "Thời Kỳ Xung Đột", giai đoạn cuối cùng của một đại kiếp, khi sự tăng tốc của thời gian và các sự kiện đã thiết lập lại trật tự vũ trụ, khi kỷ luật và sự kiềm chế không còn giá trị, khi sự mục nát và bóc lột được đặc trưng bởi thương mại và chính trị, và sự tuyệt vọng làm lu mờ ý thức của con người.

**Kriyatantra** (*Tạng ngữ. Bya ba'i rgyud*): Những Tantra nhấn mạnh việc thanh lọc thân và khẩu thông qua các hoạt động nghi lễ và tịnh hóa, thiết lập một mối quan hệ giữa các vị bôn tôn và hành giả theo khuôn mẫu dựa trên mối quan hệ của bậc thầy, chủ nhân và đệ tử, người phụng sự. Một trong ba cách phân loại của các Tantra Ngoại.

**Mahamudra** (*Tạng ngữ. Phyang rgya chen po*): Đại Ấn, biểu hiện cho bản tánh của Phật Quả và các điểm năng lượng liên tục có thể được tiếp nhận của bậc đạo sư thành tựu Tantra (xuất hiện trong bất cứ hình tướng nào cần thiết cho mục đích chỉ dẫn). Mahamudra là biểu tượng tối hậu bao gồm tất cả những cái khác.

**Mahayana** (*Tạng ngữ. Theg pa chen po*): Đại thừa, cỗ xe lớn; Con đường được đi theo những người đã thức tỉnh những ý niệm giác ngộ và khát khao trở thành các bậc Bồ Tát; Con đường của các hành giả mãnh liệt hướng tới việc đạt giác ngộ cho mục đích mang lại lợi ích tới tất cả chúng sinh.

**Mahayoga** (*Tạng ngữ. rGyud rna ha yo ga*): Đại Yoga, một trong ba cách phân loại của Tantra Nội truyền trong truyền thống Nyingma; các Tantra có liên quan đến phần *sGyu* của *bKa' rna*.

**Mandala** (*Tạng ngữ. dKyl 'khor*): Mạn đà la, một sự phóng chiếu tuyên tính về linh ảnh sự hợp nhất trong đó bao gồm tất cả các yếu tố của tâm. Nó cũng là một phương tiện để đem lại sự hợp nhất tương tự nhờ thiền định ý nghĩa về các thành phần và mối quan hệ của chúng.

**Mantradhara** (*Tạng ngữ. sNgags' chang*): Một người nắm giữ truyền thống truyền thừa của Mật Chú Thừa.

**Mantrayana** (*Tạng ngữ. sNgags kyi theg pa*): Mật Chú Thừa, cỗ xe (thừa) sử dụng khoa học về âm thanh thần chú để soi sáng con đường giác ngộ; còn được gọi là Tantrayana Mật Thừa, con đường của những người thực hành các phương tiện thiện xảo nhằm giác ngộ được thể hiện trong các Tantra. Mật Chú Thừa cung cấp một số lượng lớn các hoạt động cụ thể tham gia vào các khả năng khác nhau của loài người, giải quyết thiên hướng cá nhân của họ, và gọi ra khả năng chứng ngộ sâu sắc nhất và sâu rộng nhất. Được thực hành dưới sự hướng dẫn của một bậc thầy đã chứng ngộ, Mật Chú Thừa có thể dẫn đến sự giác ngộ trong một đời.

**Núi Tu Di** (*Tạng ngữ. Ri rab lhun po*): Biểu tượng trung tâm của hệ thống thế giới của chúng ta. Núi Tu Di, được bao quanh bởi vòng tròn đồng tâm những ngọn núi vàng, hồ, bắt nguồn từ đại dương lớn, trong đó nổi bồng bênh xung quanh là bốn đại lục lớn và tám đảo lục địa. Trên đỉnh Tu Di là một vùng không gian bằng phẳng, quê

nhà của ba mươi ba nhóm các chư thiên ngự ở tầng trời đầu tiên của một loạt các cõi trời.

**Padma** (*Tạng ngữ. phát âm là Pema*): Hoa sen, biểu tượng của lòng từ bi và tâm giác ngộ. Mỗi vị Phật được mô tả đều ngồi trên đĩa mặt trời, mặt trăng và ngự trên trung tâm của một bông hoa sen.

**Prajna** (*Tạng ngữ. Shes rab*): Bát Nhã, trí tuệ; giác tánh phân biệt. Một trong Tam Học: Giới, Định và Huệ.

**Prajnaparamita** (*Tạng ngữ. Shes rab kyi pha rol tu phyin pa*): Bát Nhã Ba La Mật, giáo lý đỉnh cao của trí tuệ cao nhất, được tôn kính như là bà mẹ của chư Phật; Kinh Điển, trong đó những giáo lý này được bảo tồn.

**Pratyekabuddha** (*Tạng ngữ. Rang sangs rgyas*): Duyên Giác, "Độc Giác Phật," người đã đạt được chứng ngộ nhờ suy niệm mười hai lý nhân duyên (Duyên khởi - Pratityasamutpada). Có hai loại chính Duyên Giác: Đơn độc, như kỳ lân hay những con tê giác; và những người đi giữa những người khác.

**Purba** (*Phur ba*): Một pháp khí trong nghi lễ đại diện cho năng lực sắc bén, thâm nhập của lòng từ bi khi phải đối mặt với ý nghĩa che giấu của bản ngã. Nó được sử dụng trong các nghi lễ để kiểm soát các thế lực ma quỷ. Purba, có hình một đầu giống như một chày kim cương và đầu kia giống một lưỡi dao găm, là phương tiện cắt đứt thông qua việc coi mình là trung tâm để duy trì vỏ bọc bên ngoài của cái tôi và phơi bày sự bất lực trống rỗng bên trong.

**Rinpoche** (*Rin po che*): "Viên Ngọc Quý Báu", một danh hiệu được sử dụng để gọi các Lama, bậc mà ai đó đã đặt niềm tin vào; một Lama đã thành tựu xứng đáng được tôn kính lớn lao.

**Sadhana** (*Tạng ngữ. sGrub thabs*): Nghi Quỹ, một nghi thức cung cấp hình mẫu cho toàn bộ sự liên quan trong thực hành thiền định, và các bản văn đưa ra các yếu tố và nội dung thực hành. Nó hỗ trợ các nỗ lực cần thiết để đạt được và duy trì một trạng thái chói sáng dọc theo con đường Giáo Pháp.

**Samadhi** (*Tạng ngữ. Ting nge 'dzin*): Đại Định, sự tập trung thiền định sâu thẳm.

**Samsara** (*Tạng ngữ. 'Khor ba*): Vòng luân hồi sinh tử bao gồm các cảnh giới của các loài súc sinh, chư thiên, các atula bán thiên ganh tỵ, các tinh linh đói khát như bị tra tấn – các naga quỷ, các chúng sinh địa ngục, và loài người. Bao gồm tất cả các điều kiện tồn tại, luân hồi sinh tử được đặc trưng bởi sự vô thường, giả tạm, và đau khổ.

**Sangha** (*Tạng ngữ. dGe 'dun, hay Tshogs*): Tăng đoàn, cộng đồng của những người thực hành những lời dạy của Đức Phật, được hợp nhất bởi tầm nhìn chung và cam kết của họ với con đường của Đức Phật. Tám hình thức Tăng đoàn được công nhận là: *Tỳ Kheo* và *Tỳ Kheo Ni* – là các tăng sĩ và ni cô đã được thọ ký trọn vẹn; *Shramana* và *sramani* – những nam và nữ tu mới nhập môn như các chú tiểu; *Shikshamana* - những người có nguyện vọng vào tăng đoàn nhưng còn quá trẻ để tham gia vào cộng đồng dành cho người lớn tuổi hơn nhưng là những người tuân theo các quy tắc đặc biệt; *Upavastha* – những đệ tử nhận những lời thệ nguyện của tu viện trong một thời gian

cụ thể nào đó; và *Upasak* và *apasika*, những nam cư sĩ và nữ cư sĩ tại gia thực hành giáo lý Phật giáo và tuân theo ngũ giới: *Không sát sinh, không trộm cắp, không nói dối, không say nghiện, và không tà dâm.*

**Shila** (*Tạng ngữ. Tshul khrims*): Đạo đức; phẩm chất được đặc trưng bởi sự thanh thản và vẻ đẹp tâm linh, những điều phát triển từ sự thực hành Giới Luật Vinaya; điều thứ hai trong sáu ba la mật.

**Siddha** (*Tạng ngữ. Grub thob*): Thành tựu giả, một hành giả yogin đã thành tựu, bậc đã làm chủ được sức mạnh của tâm và sử dụng nó hoặc cho các mục đích của riêng mình hoặc vì lợi ích chung. Trong số tất cả các thành tựu giả, chỉ có chư Phật mới đạt được thập lực, những năng lực biểu hiện cho sự chứng ngộ tâm linh vô thượng.

**Stupa** (*Tạng ngữ. mChod rten*): Bảo tháp, một biểu tượng đại diện cho Pháp thân, khía cạnh không thể diễn tả và vô hình vô tướng của sự giác ngộ, cũng như con đường dẫn đến sự chứng ngộ nó. Hình thức cơ bản của nó đã được hiển lộ bởi Đức Phật, Ngài đã gấp áo choàng của mình, đặt úp chiếc bát tộ khát thực của mình lên chiếc áo choàng, và đặt cây gậy của mình lên chiếc bát úp.

**Sugatas** (*Tạng ngữ. bDe bar gshegs pa*): Các Đấng Thiện Thế, "Những Đấng Đã Đi Đến An Lạc", chư Phật là những đấng đã phá hủy nguồn gốc của tham dục bên trong mình và đã bước vào hạnh phúc, an lạc của niết bàn.

**Sutra** (Kinh Giáo, Kinh Điển) (*Tạng ngữ. mDo*): Những bài giảng của Đức Phật về bản tánh của nền tảng, con đường và đạo quả, những lời dạy xua tan sự hoài nghi, thức tỉnh đức tin, và truyền cảm hứng thiền định để thể nhập sâu vào đại định. Cơ sở của con đường Đại Thừa được gọi là Kinh Thừa, con đường trưởng dưỡng những sự toàn thiện, viên mãn của bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí huệ đồng thời làm trưởng thành chúng thông qua việc thực hiện các phương tiện thiện xảo, hạnh nguyện Bồ Tát, năng lực tâm linh, và việc đạt được trí tuệ toàn diện.

**Tantra** (*Tạng ngữ. rGyud*): Cả kinh văn được viết ra chỉ dạy con đường và cách thức riêng được các hành giả Mật thừa sau đó xác định. Các Tantra được phân loại khác nhau trong các truyền thống chính của Tây Tạng. Truyền thống Nyingma thừa nhận có Tantra Ngoại (Kriyatantra, Caryatantra và Yogatantra) và 3 Tantra Nội (Mahayoga, Anuyoga, và Atiyoga).

**Tantrika** (*Tạng ngữ. rGyud pa*): Hành giả Mật thừa, một hành giả yoga đi theo các giới luật của Mật Chủ Thừa như được quy định trong các Tantra.

**Terton** (*gTer ston*): một "chủ nhân của Terma", một người phát hiện các bản văn được cất dấu bởi Đức Liên Hoa Sinh và các đệ tử của Ngài để phục hồi sau này.

**Tam Học** (*Tạng ngữ. bslab gsum*): Shila (Giới), Samadhi (Định), và Prajna (Huệ).

**Tirthikas** (*Tạng ngữ. Mu stegs pa*): Các ngoại đạo, các môn đồ và hành giả của các truyền thống Ấn Độ phi Phật giáo, đặc biệt là sáu trường phái cổ điển hoạt động tại thời của Đức Phật, và nói chung là những truyền thống đó được đặc trưng bởi một tình yêu thương của biện chứng, tranh luận. Điều này bao gồm những người theo các giáo lý khẳng định về sự tồn tại của Atman như một bản ngã vĩnh hằng.



**Tripitaka** (*Tạng ngữ. sDe snod gsum*): Tam Tạng Kinh, "Ba Nhóm Lớn" lưu giữ lời dạy của Đức Phật; ba phần chính của Giáo Lý Đức Phật (Buddh-vacana): Kinh, Luật và Luận. Mỗi phần có một mục đích cụ thể và hỗ trợ cho một trong Tam Học.

**Upasaka** (*dGe bsnyen*): Cư sĩ, một trong tám hình thức truyền thống của Giáo hội; các đệ tử Pháp tham gia giữ ngũ giới. Các Upasaka (nam cư sĩ) và upasika (nữ cư sĩ) kết hợp việc thi hành giáo pháp với trách nhiệm của người tại gia.

**Vajra** (*Tạng ngữ. rDo rje*): Kim Cương hoặc chày kim cương, pháp khí dùng trong nghi lễ có hình dạng như một tia sét, giới hạn trên mỗi đầu với năm hoặc chín châu bao quanh một trục trung tâm. Bất hoại và bất biến, nó đại diện cho cả hai nguyên lý nam tính và giác tánh không thể lay chuyển, cái an trụ lại rõ ràng và ổn định qua mọi cách thức của sự xuất hiện và kinh nghiệm.

**Vajrasana** (*Tạng ngữ. rDo rje ldan*): Ngai Kim Cương, tòa ngồi bất động và bất hoại của giác ngộ, nơi chư Bồ Tát trong lần tái sinh cuối cùng của mình minh chứng sự chuyển hóa của một vị Phật và kích hoạt những ân phước, gia trì của sự giác ngộ. Được mô tả trong hình thức một mạn đà la, ngai vàng đại diện cho sự hợp nhất của chủ thể và đối tượng đồng thời là nền tảng sẻ chia của cả hai. Những nền đất và một tu viện chính tại nơi này cũng được biết đến như Vajrasana, trong khi thị trấn đã phát triển ở đây được gọi là Bồ Đề Đạo Tràng, hoặc "Gaya của Sự Khai Ngộ", ở đằng sau gần thành thị Gaya.

**Vidyadhara** (*Tib. Rig ' dzin*): Trì Minh Vương, "những bậc trì giữ tri thức", những liên kết then chốt, quan trọng trong sự truyền thừa các dòng truyền thừa Mật tông; những bậc trì giữ giác tánh tự nhiên, bậc đã loại bỏ mọi dấu vết của tư tưởng nhị nguyên và các khuôn mẫu tập quán quen thuộc của phản ứng, được hợp nhất trọn vẹn với các Đạo Sư; những hành giả yogin đã thành tựu, bậc biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau của Guru Rinpoche. Xem thêm Tám Vị Vidyadhara Trì Minh Vương Vĩ Đại.

**Vinaya** (*Tib. 'Dul ba*): Luật Tạng, cái đầu tiên trong Ba Nhóm Lớn giáo lý trực chỉ của Đức Phật; những hướng dẫn cho đạo hạnh của các tu sĩ nam và nữ cũng như những luận giảng về những giáo lý này; phần khung của các giáo lý nuôi dưỡng sự phát triển của đạo đức, giới hạnh (Shila) và hỗ trợ sự phát triển đại định (Samadhi) (thiền định) và trí huệ (Prajna); kỷ luật cần thiết để cho phép một người hạn chế bản chất bốc đồng, hấp tấp của thân và tâm loài người, đồng thời khiến cho mọi cử chỉ và hành động trở nên có ý nghĩa.

**Yana** (*Tib. theg pa*): Một cỗ xe hay một Thừa mà một người tiến lên dọc theo con đường đi tới sự chứng ngộ tối thượng. Trong các truyền thống Phật giáo, các Thừa được đặt tên và phân loại theo nhiều cách khác nhau, ví dụ, như Hai (Tiểu Thừa Hinayana và Đại Thừa Mahayana); như Ba (Shravakayana Thanh Văn Thừa, Pratyeka-buddhayana Độc Giác Thừa, và Bodhisattvayana Bồ Tát Thừa); như Chín (Ba Thừa trước đó và các Thừa của các Tantra Ngoại và Nội), và cũng như Một (Ekayana Thừa Độc Nhất). Ngoài ra còn có các hệ thống khác và được chia nhỏ ra với mục đích cho các giáo huấn cụ thể, riêng biệt.

**Yogatantra** (Tib. *rNal 'byor gyi gyud*): Một trong những cách phân loại của Tantra Ngoại, thường được chia thành hai phần: Yogatantra Ngoại, hoặc Upayoga, các Tantra nhấn mạnh sự thiên định về tính bất nhị và thực hành bốn loại thủ ấn; và Yogatantra Nội, còn được gọi là Anuttarayoga – Yoga vô thượng. Trong Sarma, hay các truyền thống mới của Phật giáo Tây Tạng, Anuttarayoga được tiếp tục phân chia thành các Tantra Cha, Mẹ và Trung Tính.

### **Tài Nguyên**

*Những định nghĩa và ý nghĩa tương đương trong phần thuật ngữ này có nguồn gốc từ phần xuất bản ban đầu vào năm 1973 được tăng cường bổ sung thêm vào dựa trên các định nghĩa và giải thích trong cuốn Gương Pha Lê VI (Berkeley: NXB Pháp năm 1984), Dudjom Rinpoche, Dòng Nyingma Phật Giáo Tây Tạng: Nguyên Tắc Cơ Bản và Lịch Sử (Boston: NXB Trí Tuệ Wisdom Publications, năm 1991, viết tắt là DR; Sarat Chandra Das, Một Từ Điển Anh Tạng (Delhi: NXB Motilal Banarsidass, phiên bản có chỉnh sửa năm 1991); cùng các phiên bản khác nhau của Mahavyutpatti.*

*Viết dịch phần Tiểu Sử Đạo Sư Liên Hoa Sinh,  
Dharma Dipo, 29/5/2014 (1/4 Âm Lịch)*